VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA
BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM,
SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG
11 NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐINH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 63

NGUYỄN DANH TIÊN (Chủ biên)
NGUYỄN DANH LỢI
NGUYỄN CHÍ THẢO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP

TẬP 63

2004

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 63

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 63 phản ánh hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 2004.

Năm 2004 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và kế hoạch nhà nước 5 năm (2001 - 2005). Đây là năm Trung ương tập trung chỉ đạo việc sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh, quốc phòng tại vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Đây cũng là năm Ban Chấp hành Trung ương tập trung lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, ban hành những quy định cụ thể về quy chế hoạt động của nhiều loại hình tổ chức đảng, trong đó có tổ chức đảng trong lực lượng quân đội và công an. Năm 2004, Ban Chấp hành Trung ương còn tập trung triển khai công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Trong năm này có hai hội nghị quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (tháng 1-2004) về kiểm điểm nửa nhiệm kỳ lãnh đạo của Trung ương, xác định những chủ trương lớn trong nửa nhiệm kỳ còn lại và bàn về những vấn đề chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Hội nghị khẳng định sau gần ba năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Việt Nam đã giành được những thành tựu quan trọng. Kinh tế phát triển khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước; các vấn đề xã hội được quan tâm phát triển, từng bước đồng bộ với phát triển kinh tế; quốc phòng, an ninh được giữ vững; ngoại giao mở rộng; công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực. Hội nghị xác định đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế; tiếp tục xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách nhằm giải phóng sức sản xuất; đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đồng thời phát triển không hạn chế quy mô doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác; tạo lập và phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường vốn, bất động sản, lao động, khoa học và công nghệ; chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn nữa với tăng trưởng kinh tế; tạo cho được bước chuyển biến toàn diện, sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống

chính trị; tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương (tháng 7-2004) ra Kết luận số 30-KL/TW *về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc" trong những năm tới.* Hội nghị cho rằng, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị tạo nên những thành tựu về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... Hội nghị nhấn mạnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) bảo đảm sự gắn kết giữa mục tiêu phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng - chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Các văn kiện được công bố trong tập sách này có 93 tài liệu, gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông báo, quyết định, quy định..., của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các bài phát biểu của Tổng Bí thư; trong đó, có 91 tài liệu sắp xếp ở phần văn kiện chính, 2 tài liệu sắp xếp ở phần phụ lục. Nội dung của tài liệu phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng trong năm 2004, trên tất cả các lĩnh vực xây dựng Đảng, kinh tế - xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa, đối ngoại, an ninh, quốc phòng.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, xuất bản, song khó tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu *Văn kiện Đảng Toàn tập* tập 63, cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX*

Ngày 5 tháng 1 năm 2004

Thưa các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa toàn thể Hội nghị,

Hội nghị lần thứ chín của Trung ương họp đúng vào những ngày đầu năm 2004. Nhân dịp năm mới, tôi xin gửi tới tất cả các đồng chí lời chúc sức khỏe và hạnh phúc, chúc Hội nghị của chúng ta đạt được những kết quả tốt nhất.

Hội nghị lần thứ chín của Trung ương có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là kiểm điểm nửa nhiệm kỳ đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đồng thời nêu lên những nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội trong những năm tiếp theo.

Hơn hai năm rưỡi trước đây, Đại hội IX đã nêu lên phương hướng chính trị cơ bản trong những thập niên đầu thế kỷ mới là: "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục

---

* Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 5 đến ngày 12-1-2004 (*B.T*).

đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; khẳng định mạnh mẽ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực chủ yếu có ý nghĩa quyết định sự phát triển đất nước.

Đại hội đã xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới. Mục tiêu là phấn đấu trong 10 năm đầu của thế kỷ XXI đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội đã xác định rõ nhiệm vụ tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện có hiệu quả bốn công tác quan trọng là giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; tiếp tục đổi mới công tác cán bộ; xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở đảng; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Hơn sáu tháng qua, trong quá trình chuẩn bị cho Hội nghị này, Bộ Chính trị đã chỉ đạo các địa phương và các ngành kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội, đồng thời thành lập các tiểu ban dự thảo các văn kiện. Bộ Chính trị đã gửi các dự thảo xin ý kiến các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn và các đồng chí lão thành cách mạng và đã hoàn chỉnh các báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm: Báo cáo kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Báo cáo kiểm điểm về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Báo cáo tình hình thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Báo cáo kiểm điểm ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư nửa đầu nhiệm kỳ khóa IX.

Thưa các đồng chí,

Sau Đại hội lần thứ IX của Đảng, qua tám kỳ hội nghị vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương về cơ bản đã cụ thể hóa đường lối và các nội dung Nghị quyết của Đại hội trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và công tác vận động quần chúng đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Hằng năm, Ban Chấp hành Trung ương cũng tổ chức kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và xác định chủ trương, giải pháp cho năm sau. Lần này thực hiện việc kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội có khác với việc kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm. Tại Hội nghị lần này, cùng với việc kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chúng ta còn phải kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và các nhiệm vụ khác như Bộ Chính trị đã nêu. Trong kiểm điểm, chúng ta không chỉ đánh giá đúng tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ mà còn phải thông qua đó, phân tích sâu sắc, rút kinh nghiệm cần thiết về những vấn đề thực hiện đường lối, quan điểm do Đại hội nêu lên.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn luôn xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Do đó, cùng với đề cập toàn diện nội dung các báo cáo đã nêu, Hội nghị chúng ta sẽ tập trung xem xét những vấn đề cơ bản nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Về kinh tế - xã hội, thông qua kiểm điểm và đánh giá, chúng ta cần phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường xây dựng quan hệ sản xuất; giữa phát triển kinh tế - xã hội với việc xây dựng cơ sở cho nền kinh tế độc lập tự chủ của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng để bảo đảm sự phát triển bền vững và sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển hài hòa giữa các vùng; mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đồng bộ đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc; các biện pháp phát huy nội lực, nhất là huy động tiềm năng của con người Việt Nam cho sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước...

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt mà toàn Đảng cũng như xã hội rất quan tâm. Thông qua việc kiểm điểm bốn công tác quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, tình hình thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Hội nghị chúng ta sẽ đánh giá những mặt được và

những tồn tại, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, làm rõ hơn nữa các nguyên nhân của thành công và chưa thành công, nêu lên các giải pháp có hiệu quả để nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; gắn cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với cải cách hành chính, làm trong sạch bộ máy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

Để đánh giá đầy đủ, sát đúng hai nhiệm vụ trung tâm và then chốt nói trên, chúng ta không thể không gắn tình hình đất nước với cục diện chính trị thế giới đang có nhiều chuyển biến mới mẻ đã làm đậm nét thêm cả thời cơ và thách thức với nước ta. Việc xác định nhiệm vụ những năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội đang đặt ra cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta những yêu cầu và trách nhiệm mới to lớn.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thúc đẩy hoàn thành toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Trong ba năm qua, đất nước đã có nhiều tiến bộ, nhưng đồng thời cũng còn những mặt tồn tại, có những tồn tại rất bức xúc, đồng thời cũng có nhiều vấn đề mới nảy sinh cần được giải quyết. Trên tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân, trước Đảng, với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, thẳng thắn tự phê bình và phê bình, đề nghị tất cả các đồng chí chúng ta đánh giá một cách khách quan, trung thực,

đúng đắn những việc làm được cũng như chưa làm được, chủ yếu là phân tích sâu sắc nguyên nhân, nêu rõ trách nhiệm, kiến nghị các giải pháp thực thi để nắm vững thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, tiếp tục phấn đấu trong hơn hai năm còn lại của nhiệm kỳ, nói đi đôi với làm, quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Trên tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín của Đảng.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,
2004, tr. 5-11.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 156/TLHN, ngày 5 tháng 1 năm 2004

Kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX

(Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

I- BỐI CẢNH TÌNH HÌNH SAU ĐẠI HỘI IX

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ IX đến nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục phát triển theo những chiều hướng cơ bản mà Đại hội và Hội nghị Trung ương 8 đã nhận định, nổi lên một số vấn đề sau:

Tình hình thế giới biến động rất phức tạp sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ; các hoạt động "khủng bố" và "chống khủng bố" trở thành vấn đề thời sự, nóng bỏng toàn cầu; chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc,

tôn giáo tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi. Thế lực hiếu chiến, cực đoan tăng cường chính sách áp đặt, can thiệp và xâm lược vũ trang. Các nước lớn vừa đấu tranh vừa thỏa hiệp, nhân nhượng nhau. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước chống chiến tranh, chống bất bình đẳng về kinh tế, chống áp đặt và can thiệp, vì hòa bình và độc lập dân tộc có bước phát triển mới nhưng vẫn thiếu sự liên kết, chưa đủ sức ngăn chặn thế lực hiếu chiến. Tuy nhiên, hòa bình và hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn của thế giới, là đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Chịu tác động của môi trường chính trị nói trên, kinh tế thế giới tiếp tục tình trạng trì trệ, phục hồi chậm. Cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa tiếp tục phát triển mạnh mẽ; cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Các nước phát triển gia tăng xu hướng bảo hộ mậu dịch, các nước đang phát triển đẩy mạnh đấu tranh để xây dựng trật tự công bằng hơn trong thương mại quốc tế. Quan hệ tự do thương mại song phương giữa các nước tăng nhanh.

Châu Á và khu vực Đông Nam Á vẫn tiếp tục phát triển năng động về kinh tế, nhưng tiềm ẩn thêm những nhân tố có thể gây mất ổn định. Trong bối cảnh sự tranh giành ảnh hưởng về kinh tế, chính trị giữa các nước lớn ở khu vực có xu hướng tăng lên, các nước ASEAN đang nỗ lực khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997 và bệnh dịch SARS, từng bước phục hồi đà phát triển kinh tế, vừa củng cố sự liên kết, hợp tác trong nội bộ khối, vừa mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài. Đáng lưu ý là tình

hình chính trị ở Campuchia có xu hướng diễn biến xấu, đặc biệt các thế lực phản động ra sức kích động hằn thù dân tộc chống Việt Nam và trắng trợn đẩy mạnh hoạt động phá hoại khối đoàn kết dân tộc của nhân dân ta; ở Lào, gần đây bọn phản động tăng cường hoạt động phá hoại vũ trang ở một số nơi sát biên giới Lào - Việt. Những diễn biến trên đây của tình hình thế giới và khu vực đã và đang tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến nước ta, tạo cả cơ hội lớn đan xen thách thức lớn.

Ở trong nước, Đại hội IX của Đảng thành công tốt đẹp đã tác động tích cực đến tình hình chính trị - kinh tế - xã hội đất nước; thế và lực của nước ta được tăng cường đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới, làm tăng thêm sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội. Đó là những thuận lợi cơ bản để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX. Tuy nhiên, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn còn thấp, nhiều vấn đề xã hội bức xúc, nạn tham nhũng, lãng phí và tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống còn nghiêm trọng; các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình", gây sức ép với ta dưới các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo, tiếp tay cho các thế lực phản động và bọn cơ hội chính trị trong nước hoạt động chống phá ta ngày càng quyết liệt, thâm độc hơn; những nhân tố trên đã cản trở không nhỏ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta. Những nguy cơ tiềm ẩn đe dọa sự ổn định chính trị của đất nước có mặt tăng lên, không thể xem thường.

II- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Từ sau Đại hội IX, Đảng ta đã tích cực cụ thể hóa và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội, từng bước đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo.

1. Việc cụ thể hóa và thể chế hóa Nghị quyết Đại hội trong nhiệm kỳ này được thực hiện sớm và nhanh hơn

Trong nửa đầu nhiệm kỳ, hầu hết các vấn đề quan trọng của Nghị quyết Đại hội IX trên các lĩnh vực đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị cụ thể hóa. Qua đó, nhiều vấn đề liên quan đến những quan điểm, chủ trương lớn lâu nay còn ý kiến khác nhau đã được làm rõ để đi đến thống nhất như: đẩy mạnh sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho phát triển kinh tế tư nhân; xác định cán bộ ở xã, phường là công chức cơ sở; xác định lại chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân; phân công quản lý tòa án địa phương; quan điểm xử lý những trường hợp tồn đọng nhà, đất; quan điểm, chính sách đối với tôn giáo; quan điểm xác định đối tượng, đối tác trong lĩnh vực bảo vệ Tổ quốc... đã tạo cơ sở quan trọng để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

2. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của nhiều cấp ủy được chú ý cải tiến theo hướng ngắn gọn, thiết thực; nêu rõ việc cần làm, phân công rõ trách nhiệm và trong những trường hợp cụ thể được nêu rõ yêu cầu thời gian thực hiện. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt văn kiện Đại hội, các nghị quyết của Trung ương và của cấp ủy địa phương

cũng bước đầu được đổi mới theo hướng đó, chú ý gắn liền với việc xây dựng chương trình hành động của cấp ủy để thực hiện nghị quyết.

3. Nhìn chung các tổ chức đảng, nhà nước, mặt trận và đoàn thể nhân dân đã thể hiện quyết tâm và sự chủ động, năng động trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng

Để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, Quốc hội đã kịp thời sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, ban hành được nhiều luật, pháp lệnh và tăng cường hoạt động giám sát tối cao theo pháp luật. Chính phủ đã kịp thời xây dựng chương trình hành động, đẩy nhanh việc thể chế hóa nghị quyết của Đảng thành những cơ chế, chính sách mới và ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh; tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến trong tổ chức thực hiện. Các bộ, ngành nhìn chung tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra; nhiều nhiệm vụ công tác lớn đề ra đã được thực hiện nghiêm túc. Đặc biệt, nhiều cấp ủy địa phương đã thể hiện ý chí và quyết tâm cao, có nhiều cách làm sáng tạo trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, tập trung cho phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng đảng và thiết lập lại trật tự, kỷ luật, kỷ cương trên một số lĩnh vực, một số địa bàn trọng yếu.

4. Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương ngày càng coi trọng hơn công tác tổng kết thực tiễn và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã

dành thời gian thích đáng để đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đã ban hành; triển khai tổng kết 20 năm đổi mới và phát triển để phục vụ cho việc chuẩn bị xây dựng các văn kiện Đại hội X của Đảng; đã bàn, quyết định và sớm chỉ đạo thực hiện chương trình kiểm tra về một số lĩnh vực quan trọng (thực hiện quy định của Đảng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản...). Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương quan tâm hơn việc chỉ đạo kiểm tra, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị..., gắn việc kiểm tra với xử lý sau kiểm tra, từ đó có thêm căn cứ để bổ sung những chủ trương, giải pháp mới, hạn chế ra nghị quyết mới đối với những vấn đề đã có nghị quyết đề cập.

Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng trong triển khai và tổ chức thực hiên nghị quyết của Đảng *vẫn còn một số hạn chế:*

- Chủ trương hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được cụ thể hóa; một số vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, vấn đề bóc lột... chưa đi đến kết luận thống nhất, chưa đạt được sự đồng thuận.

- Vẫn còn một số cấp ủy và tổ chức đảng ra nghị quyết theo lối cũ, thiếu tính cụ thể, thiết thực; xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết còn nặng về nêu lại nội dung nghị quyết, ít nội dung sáng tạo, sát hợp với tình hình địa phương, đơn vị.

- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã có nhiều cố gắng cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng (nửa đầu nhiệm kỳ Trung ương đã ban hành 21 nghị quyết; Bộ Chính trị ban hành 12 nghị quyết), nhưng việc chỉ đạo triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết chưa được tăng cường tương

xứng, nên có những nghị quyết nội dung tốt, nhưng chậm được thực hiện trong cuộc sống.

III- VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRUNG TÂM LÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Gần ba năm qua, Đảng và Nhà nước đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, đạt được *những kết quả quan trọng:*

1. Nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng, đạt mức tăng trưởng khá cao; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số lĩnh vực và sản phẩm có chuyển biến

Ba năm liền tốc độ tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước (năm 2001 tăng 6,9%, năm 2002 tăng 7,04%, năm 2003 tăng 7,24%); bình quân ba năm tăng 7,1%/năm. Kinh tế các thành phần, các ngành, các vùng, các tỉnh, thành phố đều có bước phát triển khá so với trước.

Chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số lĩnh vực và sản phẩm có chuyển biến. Danh mục các sản phẩm có khả năng cạnh tranh khá trên thị trường ngày càng được mở rộng, một số sản phẩm thương hiệu Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế.

2. Cơ cấu của nền kinh tế tiếp tục có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và từng bước hiện đại hóa, phát huy các lợi thế so sánh

Trong cơ cấu kinh tế chung, xét cả về giá trị sản phẩm (GDP) và về lao động, tỷ trọng công nghiệp tiếp tục tăng lên,

tỷ trọng nông nghiệp giảm dần[1]. Cơ cấu các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ có chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh, gắn với đáp ứng nhu cầu thị trường. Các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại; tốc độ chuyển giao công nghệ tăng; trình độ công nghệ của một số ngành có bước tiến rõ rệt.

Các địa phương có sự chuyển động đều hơn trong phát triển kinh tế; ngày càng có nhiều tỉnh thoát ra khỏi tình trạng lúng túng, trì trệ, có bước chuyển biến đáng kể. Các vùng kinh tế đều đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển mạnh hơn công nghiệp, dịch vụ và các sản phẩm có lợi thế. Hai vùng kinh tế trọng điểm ở phía Nam và phía Bắc tiếp tục phát huy được tiềm năng, lợi thế, ngày càng đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của cả nước (chiếm khoảng 52,3% GDP của cả nước). Các khu công nghiệp, các khu kinh tế cửa khẩu và một số vùng sản xuất chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp tiếp tục có bước phát triển khá hơn.

3. Tiếp tục thực hiện có kết quả chủ trương giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế; có tiến bộ đáng kể trong việc phát huy các nguồn nội lực của đất nước, của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển; đồng thời tiếp tục mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế

Thực hiện chủ trương từng bước xây dựng cơ cấu kinh

---

1. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP năm 2000: 36,7%; năm 2003: 40,5%.

Tỷ trọng nông, lâm, ngư trong GDP năm 2000: 24,5%; năm 2003: 21,7%.

Tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư trong lao động xã hội năm 2000: 68,2%; năm 2002: 66,0%.

tế độc lập tự chủ; trong ba năm qua đã xây dựng và chuẩn bị xây dựng có chọn lọc một số cơ sở quan trọng về công nghiệp cơ bản, như năng lượng, vật liệu, cơ khí; tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế tiếp tục được tăng cường[1], tạo tiền đề cho phát triển mạnh hơn ở giai đoạn tiếp sau.

Đã tiếp tục ban hành nhiều cơ chế, chính sách để tháo gỡ vướng mắc, khơi dậy nguồn lực trong nhân dân đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư trong GDP tăng dần[2]. Trong cơ cấu vốn đầu tư xã hội, tỷ trọng vốn huy động trong nước gia tăng[3], nguồn vốn huy động trong dân tăng mạnh.

Doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ được các vị trí trọng yếu trong kinh tế, tiếp tục đóng góp lớn nhất vào các nguồn thu nội địa của ngân sách. Đã tổng rà soát, xây dựng và bước đầu triển khai chương trình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước. Một số doanh nghiệp nhà nước đã nâng cao được sức cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế tập thể dưới

---

1. Năm 2003 so với năm 2000: sản lượng điện tăng từ 26,6 tỉ kWh lên 41,0 tỉ kWh; than từ 11,6 triệu tấn lên 16,5 triệu tấn; dầu khí từ 16,3 triệu tấn (quy đổi) lên 17,2 triệu tấn; thép cán từ 1,6 triệu tấn lên 2,8 triệu tấn; xi măng từ 13,3 triệu tấn lên 23,5 triệu tấn. Công nghiệp cơ khí mỗi năm tăng bình quân 17,7%.

2. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư trong GDP năm 2001 là 34%, năm 2002 là 34,3%, năm 2003 khoảng 35%.

3. Nguồn vốn trong nước chiếm 70% tổng vốn đầu tư.

nhiều hình thức đa dạng ngày càng được quan tâm củng cố, phát triển; các hợp tác xã cũ được chuyển đổi sang hoạt động theo Luật hợp tác xã, mỗi năm hình thành thêm hàng nghìn hợp tác xã và hàng vạn tổ hợp tác mới, có nhiều hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Khu vực kinh tế tư nhân có bước phát triển vượt bậc so với những năm trước đây, đóng góp nhiều cho tạo việc làm mới[1] tăng thu nhập cho người lao động và cho ngân sách nhà nước. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có đóng góp ngày càng nhiều cho tăng trưởng kinh tế.

Kinh tế nước ta ngày càng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới; quan hệ kinh tế quốc tế tiếp tục được củng cố và mở rộng: bắt đầu thực hiện chương trình giảm thuế nhập khẩu trong AFTA; thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, tăng nhanh xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ; xúc tiến hợp tác toàn diện Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - EU; đang đàm phán gia nhập WTO; tham gia tích cực việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ...

Trong ba năm tiếp tục thu hút thêm các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 4,4 tỷ USD; các dự án đang hoạt động cũng tăng vốn đầu tư hơn 1,8 tỷ USD.

---

1. Từ đầu năm 2000 đến tháng 9-2003, có 72.601 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với số vốn đăng ký trên 9,5 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần về số doanh nghiệp và gấp hơn 4 lần về vốn đăng ký so với giai đoạn 1991 - 1999. Năm 2003, tổng số lao động làm việc trong khu vực tư nhân khoảng 6 triệu người, chiếm 16% lực lượng lao động xã hội.

4. Thể chế kinh tế tiếp tục được đổi mới, đang tiếp tục hình thành và phát triển các loại thị trường

Đã dần bổ sung, hoàn thiện thêm khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của các loại thị trường; xác định cơ chế mới quản lý doanh nghiệp nhà nước; tổ chức triển khai mạnh Luật doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung Luật hợp tác xã, các luật thuế, Luật đất đai...; tiếp tục cải cách chế độ tiền lương và trợ cấp xã hội; phát triển chế độ bảo hiểm...

Thị trường hàng hóa sôi động và phát triển với tốc độ nhanh; thị trường lao động có bước phát triển; thị trường tài chính - tiền tệ đạt được một số kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX về phát triển kinh tế vẫn *còn nhiều yếu kém, khuyết điểm:*

1. Tốc độ tăng trưởng chưa đạt mục tiêu Đại hội IX đã đề ra; chưa tương xứng với mức tăng đầu tư và còn dưới tiềm năng của nền kinh tế. Chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chậm được cải thiện[1]. Kinh tế phát triển chưa bền vững

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong ba năm qua mới đạt 7,1% so với mục tiêu Đại hội đề ra là 7,5%. Tốc độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng là do đầu tư kém hiệu quả, chỉ số hiệu quả đầu tư chung của toàn nền kinh tế, nhất là của khu vực kinh tế nhà nước trong thời gian

1. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2003 thì năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam năm 2001 và năm 2002 đứng thứ 60 trong tổng số 75 nước so sánh.

qua giảm đi đáng kể[1]; chưa phát huy tốt nguồn lực to lớn của doanh nghiệp nhà nước; còn nhiều nguồn lực trong dân chưa được huy động vào phát triển kinh tế, xã hội; quy mô thu hút đầu tư nước ngoài còn thấp so với một số năm trước.

Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các doanh nghiệp còn thấp. Nhiều doanh nghiệp có sức cạnh tranh khá cũng còn phải dựa vào sự bảo hộ của Nhà nước. Giá trị gia tăng của nhiều sản phẩm công nghiệp và mặt hàng xuất khẩu thấp; giá thành của nhiều sản phẩm cao hơn so với các nước trong khu vực[2]. Sức đầu tư ra nước ngoài còn rất hạn chế.

Tài chính quốc gia chưa vững chắc, cơ cấu thu ngân sách nhà nước chậm được cải thiện, thu nội địa chỉ chiếm trên 50% tổng thu ngân sách. Hoạt động của hệ thống ngân hàng còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định, tỷ lệ nợ xấu còn cao, dùng nhiều vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn[3]. Tốc độ tăng xuất khẩu không đạt kế hoạch, nhập siêu còn cao, dự trữ ngoại tệ mỏng.

---

1. Hệ số so sánh giữa mức tăng đầu tư và mức tăng trưởng kinh tế (ICOR) của toàn xã hội những năm 1991 - 1995 là 3,5/1; 2001 - 2003 là xấp xỉ 5/1.

2. Chi phí sản xuất bao gồm chi phí vật chất và chi phí dịch vụ cho một chu trình sản xuất của mỗi một sản phẩm khá cao; chi phí sản xuất trong ngành công nghiệp chiếm 60% giá trị sản xuất toàn ngành, trong ngành nông nghiệp chiếm trên 40%. Giá thành một số sản phẩm như xi măng, thép, giấy, vải, phân bón, hóa chất cơ bản, đường đều cao hơn so với các nước trong khu vực khoảng từ 20 đến 30%.

3. Khoảng 70% vốn huy động của các ngân hàng là vốn ngắn hạn, trong khi đó cho vay trung và dài hạn chiếm 45% tổng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng.

2. Nhìn chung cơ cấu kinh tế còn chậm chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, nhất là theo hướng hiện đại hóa

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn còn chậm và có nhiều lúng túng, mang nặng tính tự phát, thiếu bền vững. Nhiều vấn đề trong nông nghiệp, nông thôn, nông dân chậm được giải quyết. Trong công nghiệp, công nghiệp gia công, lắp ráp còn chiếm tỷ trọng lớn, tốc độ đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế còn chậm. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP giảm, cơ cấu các ngành dịch vụ ít thay đổi, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao phát triển chậm, còn thiếu nhiều dịch vụ chất lượng cao. Cơ cấu lao động chuyển dịch chậm; lao động nông nghiệp chuyển sang các ngành nghề khác còn rất khó khăn, áp lực dư thừa lao động sẽ tiếp tục gay gắt hơn trong những năm tới.

Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đi mạnh vào phát triển công nghệ cao và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa để phát huy lợi thế và có sức tác động thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng. Các chủ trương về phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chậm được thực hiện. Kinh tế nhiều vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn và có sự lúng túng về phương hướng phát triển. Việc đô thị hóa chưa dựa trên nền tảng phát triển kinh tế, thiếu quy hoạch; tình trạng yếu kém, quá tải của hệ thống cơ sở hạ tầng các đô thị lớn chậm được khắc phục,

Cơ cấu đầu tư và cơ cấu kinh tế còn nhiều bất hợp lý, kém hiệu quả do chưa có chính sách chuyển dịch cơ cấu dài hạn, đầu

tư dàn trải, phân tán, công trình dở dang nhiều, một số công trình đầu tư lớn nhưng hiệu quả thấp, sử dụng ít lao động; cơ cấu nhiều khu công nghiệp rập khuôn, trùng lặp, chưa cân nhắc kỹ lợi thế so sánh và thiếu quy hoạch tổng thể trong cả nước.

3. Việc thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế, tuy đã có tiến bộ nhưng vẫn còn thiếu nhất quán và chưa khai thác tốt nguồn nội lực trong dân

Sự chậm trễ trong thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, tình trạng chưa thực sự thống nhất nhận thức và thực hiện thiếu nhất quán ở các ngành, các cấp đã hạn chế khả năng phát triển của các thành phần kinh tế.

Có xu hướng bao cấp trở lại và bảo trợ dưới nhiều hình thức cho doanh nghiệp nhà nước. Một số trường hợp nhà nước giữ độc quyền là cần thiết nhưng đã biến thành độc quyền kinh doanh của tổng công ty lớn. Việc sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 thực hiện chậm so với mục tiêu đề ra. Bên cạnh những doanh nghiệp nhà nước đang giữ vị trí trọng yếu trong nền kinh tế quốc dân vẫn còn giữ nhiều doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, lĩnh vực mà nhà nước không cần nắm, có quy mô nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, làm ăn thua lỗ kéo dài đã làm hạn chế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Tình trạng lao động dôi dư đang là vấn đề nan giải của không ít doanh nghiệp nhà nước. Không ít doanh nghiệp nhà nước đang là gánh nặng cho ngân sách và là nguy cơ tiềm ẩn của các ngân hàng.

Bộ máy quản lý ngành còn bị cuốn hút nhiều vào việc quản lý bộ phận doanh nghiệp nhà nước trực thuộc và còn

lúng túng trong thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước với bộ phận doanh nghiệp này, chưa làm tốt chức năng quản lý nhà nước với toàn nền kinh tế.

Một số chính sách khuyến khích phát triển *các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh* chậm đưa vào cuộc sống. Trên thực tế vẫn còn những biểu hiện phân biệt đối xử, chưa thực sự bình đẳng, cởi mở đối với kinh tế tư nhân. Kinh tế tập thể phát triển chậm, các hợp tác xã chậm đổi mới, vị trí, vai trò còn thấp. Nhà nước tiếp tục dồn đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước; chưa quan tâm, hỗ trợ đúng mức đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ; kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể còn khó tiếp cận với nguồn vốn hỗ trợ ưu đãi của Nhà nước và vốn tín dụng của ngân hàng thương mại nhà nước.

Nguồn vốn tiềm tàng trong dân còn lớn, hằng năm có khoảng 15 - 20% vốn tiết kiệm nội địa chưa được huy động vào đầu tư.

4. Chưa phát huy được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Còn thiếu chủ động chuẩn bị để đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) giảm sút, giai đoạn 1996 - 2000 vốn FDI đăng ký khoảng 4,1 tỷ USD/năm, giai đoạn 2001 - 2003 chỉ còn khoảng 1,92 tỷ USD/năm. Cam kết ODA của các nhà tài trợ cho Việt Nam vẫn ở mức cao, nhưng mới giải ngân được 48,5% vốn vay đã ký kết, chủ yếu do vướng mắc trong quá trình thực hiện, một số trường hợp hiệu quả sử dụng còn thấp, đã tạo tâm lý không thuận trong các nhà tài trợ.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp khó khăn do môi trường đầu tư chưa đủ thông thoáng, thuận lợi, nhất quán

và ổn định; phần nào chưa thực sự được coi là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Giá một số yếu tố đầu vào của nền kinh tế (điện, xăng dầu, cước viễn thông, cước vận tải biển...) nhìn chung còn cao hơn nhiều nước trong khu vực, làm tăng giá thành, hạn chế sức cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam và làm cho Việt Nam giảm sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc xúc tiến các công việc theo lịch trình hội nhập, thực hiện các cam kết song phương, đa phương của nhiều cơ quan nhà nước và doanh nghiệp còn chậm và chưa bảo đảm độ tin cậy. Chưa có cơ chế, chính sách, pháp luật đồng bộ để thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh phù hợp với yêu cầu triển khai các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều doanh nghiệp ít hiểu biết về nội dung, bước đi và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng như luật pháp và thông lệ kinh doanh của các nước có liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình; còn trông chờ nhiều vào sự bảo hộ của Nhà nước; chưa tích cực chuẩn bị, tham gia quá trình hội nhập. Chậm xây dựng chiến lược tổng thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế cũng như chuẩn bị các điều kiện về luật pháp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đào tạo nhân lực để sẵn sàng thích ứng với các cam kết khi trở thành thành viên của WTO.

5. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hình thành đồng bộ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX

Một số nguyên tắc của kinh tế thị trường chưa được tôn trọng; cơ chế, chính sách có lúc còn thay đổi đột ngột dẫn đến môi trường kinh doanh thiếu ổn định, gây khó khăn, thiệt hại

cho người đầu tư, kinh doanh; chậm xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế để định hướng, tạo môi trường cạnh tranh và điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống thị trường chậm được hình thành, thiếu đồng bộ và có nhiều khiếm khuyết. Thị trường vốn còn sơ khai. Còn thiếu khung pháp lý về cạnh tranh và chống độc quyền, chống bán phá giá trong kinh doanh. Thị trường chứng khoán quy mô nhỏ bé, phát triển không đáng kể, thiếu sôi động, chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp lớn. Thị trường "ngầm" về nhà, đất phát triển mạnh, mang nặng tính tự phát và yếu tố đầu cơ. Thị trường lao động còn nhiều khiếm khuyết, mất cân đối. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, còn nhỏ bé.

6. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nền kinh tế còn thấp

Chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được xác định rõ. Cải cách hành chính chậm, hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Chất lượng của các chiến lược và quy hoạch được xây dựng còn thấp, lại chậm được bổ sung, điều chỉnh kịp thời. Còn thiếu sự phối hợp đồng bộ, hài hòa giữa chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, với quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng và địa phương. Quy hoạch, kế hoạch còn nặng về chỉ định các dự án, công trình cho khu vực doanh nghiệp nhà nước,

chưa có tác dụng tích cực trong việc định hướng và thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư. Quản lý quy hoạch còn lỏng lẻo, yếu kém dẫn đến cơ cấu trùng lắp, rập khuôn tại các vùng. Việc quy hoạch xây dựng đô thị còn thiếu kiến thức, kinh nghiệm, triển khai chậm, quản lý đô thị còn rất nhiều yếu kém và tiêu cực.

Còn để kéo dài tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, chưa tính toán kỹ hiệu quả, nhất là trong đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và tín dụng ưu đãi của Nhà nước. Lãng phí và thất thoát lớn trong đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và trong tài chính doanh nghiệp nhà nước vẫn là vấn đề nhức nhối trong rất nhiều năm, chưa có biện pháp kiên quyết để khắc phục. Nợ xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách rất lớn[1].

IV- VỀ THỰC HIỆN QUỐC SÁCH HÀNG ĐẦU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ GIẢI QUYẾT CÁC NHIỆM VỤ XÃ HỘI

Trong những năm qua, sự nghiệp giáo dục, đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự nghiệp khoa học, công nghệ được tăng cường đầu tư đáng kể, có bước phát triển mới; tăng trưởng kinh tế tiếp tục được quan tâm gắn kết với phát triển văn hóa, xã hội

1. Tổng số nợ xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách khoảng 11.000 tỉ đồng, chiếm 18% tổng vốn đầu tư từ ngân sách và 37% vốn xây dựng cơ bản tập trung.

và phát triển con người[1]. Việc phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện các mục tiêu xã hội *đã đạt được những kết quả nhất định,* thể hiện trên một số mặt chủ yếu sau:

1. Giáo dục, đào tạo và khoa học - công nghệ có bước phát triển mới

Sự quan tâm chăm sóc và đầu tư của xã hội, nhất là của Nhà nước cho hai lĩnh vực này được tăng cường đáng kể[2].

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục tăng ở tất cả các cấp, bậc học, trình độ đào tạo và ở các vùng, miền. Giáo dục mầm non được quan tâm phát triển, kể cả ở các vùng sâu, vùng xa; công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở được triển khai tích cực[3]. Chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông có chuyển biến; cơ sở vật chất - kỹ thuật của các trường học trên cả nước được tăng cường đáng kể, nhất là đối với các trường trọng điểm. Dân trí tiếp tục được nâng cao. Đã bước đầu triển khai chiến lược giáo dục và quy hoạch phát triển mạng lưới các trường đào tạo; điều chỉnh cơ cấu đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội về cơ cấu ngành, nghề và cơ cấu nhân lực. Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng đào tạo các cấp.

---

1. Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2001 của Việt Nam được xếp vào nhóm nước có HDI trung bình trên thế giới, xếp hạng 109 trong 175 nước. Xem UNDP: *Báo cáo phát triển con người năm 2003*.

2. Đầu tư cho giáo dục trong tổng đầu tư ngân sách: năm 2000 là 15%, năm 2003 là trên 16%.

3. Đến hết năm 2003, có khả năng 19 tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

Khoa học và công nghệ đã có bước phát triển phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Khoa học xã hội và nhân văn đã tập trung nghiên cứu góp phần xây dựng các luận cứ khoa học của các chủ trương; đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy thực hiện Nghị quyết Đại hội IX. Khoa học tự nhiên và công nghệ đã tập trung hơn vào nghiên cứu ứng dụng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Đã xuất hiện những nhân tố mới trong quá trình hình thành và phát triển thị trường khoa học - công nghệ ở nước ta. Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường, đang triển khai xây dựng 14 phòng thí nghiệm trọng điểm. Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ tiếp tục đổi mới.

2. Phát triển văn hóa, xây dựng đời sống, văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước

Văn hóa quần chúng, các câu lạc bộ văn hóa, nhà văn hóa, các hoạt động giao lưu, lễ hội văn hóa đã có bước phát triển khá. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được phát động sâu rộng, có tác động thiết thực; việc xây dựng nếp sống văn minh, trật tự kỷ cương đô thị, giữ gìn di tích văn hóa lịch sử bước đầu có chuyển biến. Sản phẩm văn hóa, nghệ thuật khá phong phú, mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên. Hệ thống thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình, internet...) phát triển mạnh, kể cả ở nhiều vùng sâu, vùng xa, và địa bàn khó khăn. Thông tin đối ngoại được quan tâm và có bước phát triển tốt hơn.

3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã được chú trọng hơn. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tốt; phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao được đẩy mạnh

Hệ thống khám chữa bệnh tiếp tục phát triển, hệ thống cung cấp dịch vụ y tế đã được mở rộng tới tất cả các xã, phường trong cả nước, tỷ lệ người dân được chăm sóc về y tế tăng lên; các tỉnh, thành phố đều đã thành lập quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Chương trình y tế quốc gia đạt hiệu quả cao, đã chỉ đạo sát sao, kịp thời khống chế thành công bệnh dịch SARS, không để xảy ra dịch bệnh lớn; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình trong nhiều năm qua thành công lớn, tốc độ tăng dân số tiếp tục chậm lại (năm 2002 là 1,32%); phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao được đẩy mạnh hơn; chất lượng dân số được cải thiện nhiều. Nhà nước đã tập trung đầu tư, chuẩn bị tốt và tổ chức rất thành công SEA Games 22 và ASEAN PARA Games 2, nâng cao đáng kể trình độ thể thao nước nhà.

4. Công tác xóa đói, giảm nghèo tiếp tục đạt kết quả quan trọng; giải quyết việc làm có tiến bộ, mức sống của các tầng lớp dân cư ở các vùng, miền trong cả nước tiếp tục được cải thiện. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tiêu cực, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh kiên quyết hơn, có kết quả hơn

Sau gần ba năm thực hiện, với sự chỉ đạo sát sao và khá đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, có nhiều khả năng đạt mục tiêu xóa đói, giảm nghèo do Đại hội IX đề ra sớm trước một năm. Cả nước đã không còn hộ đói kinh niên, số hộ nghèo giảm rõ rệt, số hộ khá, hộ giàu ngày một tăng; đến nay cả nước đã

có 75% hộ gia đình chính sách, người có công có mức sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình của cộng đồng nơi cư trú; thu nhập và đời sống ở các vùng nông thôn, vùng nghèo đã tăng lên nhanh hơn tốc độ tăng thu nhập bình quân. Chương trình 135 được triển khai tích cực, có tác dụng thiết thực nâng cao cơ sở hạ tầng và đời sống mọi mặt của các xã đặc biệt khó khăn. Giải quyết việc làm cả ở thành thị, nông thôn và xuất khẩu lao động được chú trọng hơn. Số lao động được giải quyết việc làm trong ba năm đạt khoảng 4,3 triệu người (nông nghiệp 2,6 triệu, công nghiệp trên 90 vạn, dịch vụ khoảng 76 vạn).

Đã bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách và chỉ đạo kiên quyết việc lập lại trật tự, kỷ cương giao thông, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, tạo được chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, trong phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội vẫn *còn nhiều yếu kém, bất cập:*

1. Sự phát triển của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế chưa tương xứng với vị trí quốc sách hàng đầu của các lĩnh vực này trong giai đoạn mới

Chất lượng giáo dục và đào tạo nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao về nguồn nhân lực trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Những bất hợp lý trong cơ cấu giáo dục chậm được khắc phục; sự phân luồng trong đào tạo chưa được thúc đẩy mạnh mẽ; nội dung chương trình vẫn còn bất hợp lý, phương pháp dạy và học đổi mới chậm; giáo dục ở vùng sâu,

vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn; các hiện tượng tiêu cực, "thương mại hóa" trong giáo dục và đào tạo chưa được kiên quyết xóa bỏ. Đào tạo nguồn nhân lực vẫn còn nhiều bất hợp lý về cơ cấu ngành, nghề. Nguồn nhân lực chất lượng thấp, ý thức và tác phong công nghiệp yếu. Chưa có giải pháp tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ chuyên gia đầu đàn, nhất là ở các lĩnh vực công nghệ cao; công tác thanh tra giáo dục còn yếu kém, trì trệ. Việc thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo còn chậm.

Hoạt động khoa học và công nghệ chưa có bước đột phá và chưa gắn bó hữu cơ với thị trường và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trình độ công nghệ của nhiều ngành còn lạc hậu so với các nước trong khu vực; thị trường khoa học và công nghệ chậm hình thành, việc đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao chưa trở thành đòi hỏi sống còn của nhiều doanh nghiệp nhà nước; đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ còn ít về số lượng, hạn chế về trình độ và bất hợp lý về cơ cấu; đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả chưa cao; cơ chế quản lý khoa học và công nghệ còn mang tính bao cấp, quản lý hành chính.

2. Nhân tố văn hóa và con người trong phát triển chưa được nhận thức đầy đủ và chưa được coi trọng đúng mức ở nhiều cấp, nhiều ngành. Chất lượng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật chưa cao, còn nhiều biểu hiện sai trái, tiêu cực

Việc đầu tư cho phát triển văn hóa và con người cả về nhân lực, vật lực, tài lực còn bị xem nhẹ. Kết quả thực hiện

chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thu hút các nguồn lực để đầu tư cho văn hóa còn rất hạn chế. Cơ chế chính sách quản lý hoạt động văn hóa quần chúng và chuyên nghiệp còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp thực tiễn, chưa khuyến khích, thúc đẩy mạnh mẽ sự sáng tạo. Việc xây dựng các thiết chế văn hóa còn hạn chế, chưa đồng bộ, chất lượng thấp và sử dụng kém hiệu quả. Tình trạng "thương mại hóa", xa rời bản sắc dân tộc, chiều theo thị hiếu tầm thường trong một số hoạt động văn hóa chưa được ngăn chặn có hiệu quả; chưa có các biện pháp ngăn ngừa hữu hiệu và chưa xử lý kiên quyết văn hóa phẩm độc hại, lai căng, mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu..., những biểu hiện của lối sống không lành mạnh, thoái hóa về đạo đức xã hội chưa được đấu tranh quyết liệt nên có xu hướng gia tăng; những nhân tố mới, tích cực chưa được kịp thời tổng kết, nhân rộng. Những mâu thuẫn trong đời sống văn hóa, tinh thần chưa được nhận thức đầy đủ và xử lý hài hòa. Công tác quản lý báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, internet vẫn còn nhiều lơi lỏng, kém hiệu lực.

3. Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, phòng, chống các tệ nạn xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức

Công tác xóa đói, giảm nghèo ở nhiều địa phương vẫn còn nhiều khó khăn, chưa vững chắc, ở các xã đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao (34,1%); tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại; tình trạng tái nghèo còn nhiều. Giải quyết việc làm vẫn còn là vấn đề bức xúc, sức ép lớn; đào tạo nghề còn nhiều bất cập; đời sống của nhân dân nhìn chung vẫn

còn thấp; tình trạng di dân tự do còn phức tạp; nhà ở cho người nghèo là vấn đề bức bách. Một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực xã hội đã tạo ra tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự cứu trợ của Nhà nước, thiếu quyết tâm vươn lên.

Quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế chậm đổi mới, những tiêu cực, vi phạm y đức chậm được khắc phục; cơ chế, chính sách khám, chữa bệnh còn nhiều bất hợp lý, nhất là đối với người nghèo. Nguồn lực đầu tư cho y tế, thể dục thể thao quần chúng, chăm sóc trẻ em còn hạn hẹp. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, thể dục, thể thao... còn hạn chế. Vị trí và nội dung vấn đề xây dựng gia đình trong sự phát triển xã hội chưa được nhận thức đúng và đầy đủ. Vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ bùng nổ dân số. Tội phạm và tệ nạn xã hội vẫn còn rất nghiêm trọng; ma túy, mại dâm, trộm cướp có chiều hướng tăng ở một số địa phương.

V- ĐÁNH GIÁ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, thực hiện cải cách hành chính

Trong gần ba năm qua, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các cơ quan tư pháp và Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân và thực hiện cải cách hành chính nhà nước đạt được một số kết quả sau:

- Tổ chức và hoạt động của Quốc hội tiếp tục được đổi mới, chất lượng và hiệu quả thực hiện các chức năng, nhiệm vụ ngày càng được tăng cường và thực chất hơn. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có một số tiến bộ.

Đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, tăng cường chất lượng và số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách; sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, ban hành mới Luật tổ chức Quốc hội, Luật giám sát của Quốc hội, trong đó đã xác định rõ hơn về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các kỳ họp của Quốc hội, đổi mới quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã góp phần thực hiện tốt hơn chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước. Tổ chức của Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường về số lượng và chất lượng đại biểu qua việc bầu cử bổ sung. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có tiến bộ hơn trong việc thực hiện chức năng giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương.

- Cải cách hành chính nhà nước đã có chuyển biến bước đầu.

Từ khi Chính phủ tiến hành triển khai chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010, cải cách thể chế đã có bước tiến bộ; đã phân định rõ ràng hơn giữa quản lý hành chính nhà nước với quản lý sự nghiệp, kinh doanh. Thủ tục hành chính tiếp tục được cải cách theo hướng "một cửa". Mối quan hệ pháp lý giữa Nhà nước với công dân, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư có sự đổi mới. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ khóa XI đã được

kiện toàn một bước, các đầu mối trực thuộc Chính phủ được tinh giản. Chính quyền địa phương đã được sắp xếp thu gọn đầu mối; chức năng, nhiệm vụ được xác định và phân cấp rõ hơn. Các tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước được kiện toàn một bước. Chuẩn bị và triển khai thực hiện Đề án cải cách tiền lương và các chính sách xã hội; đã có sự phân loại rõ cán bộ, công chức hành chính với cán bộ, viên chức sự nghiệp và cán bộ, công chức cơ sở; từng bước thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp.

- *Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp được đổi mới một bước, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể và công dân.*

Các nghị quyết của Đảng về công tác tư pháp đã định hướng và chỉ đạo việc cải cách tư pháp khẩn trương hơn. Việc phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa theo hướng bảo đảm quyền công dân và phục vụ nhân dân đang được triển khai có kết quả. Cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức; đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi quan liêu, tham nhũng, lãng phí đang được chú trọng; ý thức chấp hành pháp luật, kỷ cương trong các cơ quan nhà nước và trong đời sống xã hội đang từng bước được chấn chỉnh. Đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan tư pháp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp đang từng bước được kiện toàn. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp được xác định rõ hơn.

Tuy nhiên, thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế *vẫn còn những yếu kém, khuyết điểm:*

- Tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp vẫn còn nhiều hạn chế so với quy định của pháp luật.

Hiệu quả hoạt động của Quốc hội trên một số mặt, nhất là việc thực hiện chức năng giám sát tối cao còn hạn chế. Hội đồng nhân dân các cấp ở nhiều nơi hoạt động còn hình thức, nhiều đại biểu còn ít đóng góp vào công việc chung của hội đồng; một số vấn đề về tổ chức của Hội đồng nhân dân vẫn chưa được làm rõ và chưa có định hướng đổi mới một cách lâu dài, căn bản, nhất là cấp huyện và mô hình tổ chức quản lý đô thị.

- Cải cách hành chính hiệu quả thấp, chưa đạt yêu cầu.

Còn thiếu quyết tâm trong cơ cấu lại bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Có nơi số đầu mối trực thuộc còn nhiều. Vẫn chậm thực hiện đồng bộ chủ trương phân cấp quản lý hành chính giữa Trung ương và địa phương trên từng ngành, từng lĩnh vực. Tình trạng phân tán, cục bộ "xin - cho", thủ tục hành chính phức tạp, phiền hà, chậm được khắc phục; chế độ thủ trưởng, trách nhiệm người đứng đầu chậm được xác định. Còn một bộ phận cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất, tham ô, buôn lậu, nhũng nhiễu, phiền hà, kỷ luật hành chính lỏng lẻo, thiếu trách nhiệm đối với công việc được giao, gây bất bình trong nhân dân, làm nản lòng các nhà đầu tư. Đổi mới về quản lý tài chính công vẫn chưa theo kịp với cải cách thể chế và tổ chức bộ máy. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân còn nhiều

vướng mắc, chồng chéo, ách tắc do quyền hạn, trách nhiệm không rõ.

- *Chậm ban hành chủ trương về cải cách tư pháp và thực hiện những giải pháp có tính đột phá.*

Thiếu giải pháp đồng bộ triển khai tổ chức tòa án theo hai cấp xét xử, nhất là tăng thẩm quyền cho tòa án cấp huyện; đội ngũ cán bộ chức danh tư pháp bất cập cả về số lượng và chất lượng. Công tác thi hành án và xử lý tội phạm còn nhiều trường hợp thiếu kiên quyết, kịp thời; một số vụ án tồn đọng còn lớn.

2. Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Thời gian qua, đã đạt được một số kết quả sau:

- *Chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh được tuyên truyền và triển khai rộng rãi; đặc biệt là chính sách dân tộc, tôn giáo ngày càng được chỉ đạo sâu sát và có hiệu quả hơn.*

Đã tập trung chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 7 ở tất cả các bộ, ngành và địa phương, trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tạo được sự thống nhất về chủ trương, quan điểm trong hệ thống chính trị, làm cơ sở thể chế hóa thành chính sách, pháp luật của Nhà nước để động viên cổ vũ các tầng lớp nhân dân, tăng thêm đồng thuận xã hội. Công tác dân tộc đã hướng vào tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, động viên ý thức tự lực, tự cường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn

hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Đảng và Nhà nước luôn bảo đảm các hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật; vận động đồng bào theo tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo; đấu tranh ngăn chặn việc lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, nhất là hoạt động chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hoạt động mê tín, dị đoan.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, bước đầu đã tạo ra không khí dân chủ trong toàn xã hội, tạo cơ hội cho mọi người dân được tham gia rộng rãi hơn vào cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giám sát, góp ý cho cán bộ, đảng viên, công chức, củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Thực hiện rộng rãi ở cơ sở phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", tạo nhiều chuyển biến về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới hoạt động; chăm lo xây dựng tổ chức, cơ sở, bồi dưỡng cán bộ; phong trào thi đua yêu nước được khơi dậy, lĩnh vực xã hội xuất hiện nhiều nhân tố mới.

Thông qua các hoạt động của tổ chức mình, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã tích cực xây dựng cơ sở, đẩy mạnh các hoạt động thiết thực, đa dạng; chăm lo lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên, kết nạp thêm đoàn viên, hội viên; thu hẹp các cơ sở yếu, cơ sở "trắng" về tổ chức, tích cực bồi dưỡng cán bộ.

Nhà nước đã thể chế hóa và tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia sâu rộng hơn vào các chương trình kinh tế - xã hội, thực hiện quy chế

dân chủ, tham gia xây dựng chính quyền và các hoạt động của đời sống xã hội. Vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng được khẳng định đúng mức trong hệ thống chính trị và trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Nghị quyết IX *vẫn còn nhiều yếu kém, thiếu sót:*

- Chưa có cơ chế, chính sách hữu hiệu và chưa tạo được cơ sở kinh tế cần thiết bảo đảm phát huy đầy đủ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, động lực chủ yếu để phát triển đất nước.

Nhiều chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, dân vận, dân tộc, tôn giáo chưa được thể chế hóa đồng bộ thành cơ chế, chính sách, pháp luật và cách thức tổ chức thực hiện. Chưa tạo được sự bình đẳng thật sự giữa các thành phần kinh tế, thiếu chính sách khuyến khích, động viên và phát huy sáng tạo cống hiến và khuyến khích mạnh người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng quê hương, đất nước, ở không ít nơi, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở còn hình thức, trên thực tế vẫn còn nhiều hành vi vi phạm quyền làm chủ của dân, gây phiền hà, nhũng nhiễu nhân dân. Trong xử lý cụ thể các vấn đề dân vận, dân tộc, tôn giáo có trường hợp bị động, chưa chủ động làm tốt công tác vận động với đông đảo bà con có đạo, trong đó có các vị chức sắc tôn giáo, vẫn còn những sơ hở để kẻ địch lợi dụng thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" làm phức tạp tình hình.

- Công tác dân vận chậm được đổi mới, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu mới.

Nhận thức về công tác dân vận trong tình hình mới còn đơn giản, chậm được đổi mới, thiếu nghiên cứu, dự báo và phát hiện những vấn đề phức tạp nảy sinh trong nội bộ nhân dân; nhiều việc bức xúc giải quyết lúng túng, để tồn đọng, kéo dài. Sự phối hợp giữa Nhà nước với Mặt trận, đoàn thể, nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng chậm được thể chế hóa và trên thực tế sự phối hợp hoạt động còn nhiều hạn chế và mang tính hình thức, trùng chéo, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi vẫn có xu hướng hành chính hóa, chưa nắm bắt và phản ánh kịp thời cho Đảng, Nhà nước tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Năng lực, trình độ của lực lượng cán bộ làm công tác Mặt trận, đoàn thể nhân dân chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Đảng và Nhà nước chưa đầu tư đúng mức cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận.

VI- VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Về quốc phòng và an ninh

Từ sau Đại hội IX đến nay, quốc phòng và an ninh tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ: "bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước,

nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc", *thể hiện trên các kết quả sau:*

- Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; tạo cơ sở pháp lý cho thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

Các cấp bộ đảng, từ Trung ương đến cơ sở đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị chỉ đạo trực tiếp nhiệm vụ quốc phòng và an ninh. Nhà nước đã chú trọng xây dựng cơ sở pháp lý cho nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

Giáo dục quốc phòng và an ninh đã được chú trọng hơn. Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến xã, phường, tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh, đạt kết quả thiết thực trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Trong hệ thống các nhà trường đại học, chuyên nghiệp và phổ thông, chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh từng bước được nâng lên.

- Tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững vàng về chính trị, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng vẫn cố gắng bảo đảm ngân sách quốc phòng và an ninh cho các hoạt động của lực lượng vũ trang. Đã chú trọng hơn công tác nghiên cứu khoa học để từng bước tiếp cận với các phương thức tác chiến mới. Sức mạnh tổng hợp, khả năng chiến đấu của các lực lượng vũ trang được xây dựng và từng bước nâng cao.

- Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đặc biệt là ở những vùng trọng điểm.

Đã quan tâm hơn việc chỉ đạo kết hợp nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng và an ninh với xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, nhất là ở một số vùng kinh tế trọng điểm và những khu vực trọng yếu về quốc phòng và an ninh. Lực lượng vũ trang luôn chủ động và làm nòng cốt trong phòng chống thiên tai, bão lụt, cháy rừng; làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng, củng cố "thế trận lòng dân" trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Ngăn chặn và làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch; giải quyết có hiệu quả các vụ việc đột xuất, phức tạp; đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đã tiến hành nhiều biện pháp làm thất bại âm mưu của bọn phản động lưu vong xâm nhập từ bên ngoài nhằm tiến hành hoạt động khủng bố, phá hoại, về cơ bản đã ngăn chặn, vô hiệu hóa được hoạt động của các đối tượng phản động đội lốt tôn giáo, dân tộc, các phần tử cơ hội chính trị và âm mưu hình thành các tổ chức đối lập. Giải quyết ổn định tình hình phức tạp ở một số địa phương, giảm dần tình trạng khiếu kiện đông người. Triển khai đồng bộ chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, triệt phá nhiều băng, ổ, nhóm tội phạm nguy hiểm có tổ chức; giảm thiểu được tai nạn giao thông...

Tuy nhiên, về quốc phòng, an ninh cũng còn *những yếu kém:*

- Công tác giáo dục về quốc phòng và an ninh chất lượng chưa cao, nhận thức về tình hình và nhiệm vụ chưa thật

thống nhất nên sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quốc phòng và an ninh chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang còn hạn chế. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh hiệu quả chưa cao; công nghiệp quốc phòng còn nhiều khó khăn. Công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn chưa kịp thời; các hoạt động bảo vệ biên giới, biển đảo còn nhiều khó khăn, hạn chế.

- Biên chế tổ chức của lực lượng vũ trang, sự phân công, phân nhiệm của một số bộ phận còn chưa hợp lý; phối hợp hiệp đồng có lúc còn thiếu chặt chẽ.

2. Về đối ngoại

Trong gần ba năm qua, trên cơ sở kiên định đường lối độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa công tác đối ngoại đã đạt được những kết quả như sau:

- Đã củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác và hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng có chung biên giới; góp phần tích cực củng cố sự gắn kết, giữ vững những nguyên tắc cơ bản của ASEAN, thúc đẩy quan hệ hợp tác nội khối và với bên ngoài.

Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc theo phương châm 16 chữ, tăng cường tin cậy lẫn nhau, tiến hành phân giới, cắm mốc trên đất liền, thúc đẩy đàm phán nghị định thư về nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ. Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả quan hệ hữu nghị, đoàn kết

đặc biệt và hợp tác toàn diện với Lào, đẩy mạnh quan hệ hợp tác, phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau giữa các ngành, các cấp, các địa phương của hai nước. Tăng cường quan hệ hữu nghị, láng giềng thân thiện với Campuchia, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, tăng cường giao lưu giữa các địa phương giáp biên của hai bên, thúc đẩy đàm phán giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền. Thúc đẩy hợp tác trong tam giác phát triển giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia và các chương trình hợp tác "tiểu vùng sông Mê Công". Tiếp tục đoàn kết, ủng hộ Cuba trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống bao vây, cấm vận; duy trì quan hệ hữu nghị, hợp tác với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Tăng cường quan hệ song phương với các nước thành viên và tổ chức ASEAN, góp phần tích cực vào việc phục hồi kinh tế, củng cố và tăng cường liên kết nội bộ và giữ vững những nguyên tắc cơ bản của ASEAN; mở rộng quan hệ với các đối tác khác, nhất là các nước lớn; đóng góp tích cực vào việc xây dựng cộng đồng ASEAN theo Tầm nhìn 2020; thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển ở Đông Nam Á.

- Tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác phát triển ổn định, lâu dài với nhiều nước khác trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống: thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược với Nga, sự hợp tác với các nước SNG và Đông Âu; mở rộng thêm một bước quan hệ hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh; tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác phát triển, ổn định lâu dài

với các nước lớn khác: Mỹ, EU, Nhật Bản. Tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế.

- *Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu* như xóa đói, giảm nghèo, phòng, chống các bệnh dịch hiểm nghèo (HIV/AIDS, SARS), chống khủng bố, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường; ủng hộ và tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chiến tranh, chạy đua vũ trang, áp đặt và can thiệp, bảo vệ hòa bình, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước.

- *Quan hệ đối ngoại của Đảng được mở rộng, hoạt động đối ngoại nhân dân sống động hơn.*

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cầm quyền, các chính đảng, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới; duy trì và mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục phát triển, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các tổ chức nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của ta.

- *Xử lý kịp thời và có hiệu quả các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quan hệ với các nước,* đấu tranh kiên quyết và khôn khéo với những âm mưu và hành động của các thế lực bên ngoài xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh của đất nước.

Tuy nhiên, công tác đối ngoại *vẫn còn một số hạn chế, yếu kém sau:*

- Công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn yếu; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức, nhất là chủ trương trong quan hệ với một số nước lớn; trong một số trường hợp còn bị động đối phó với tình hình; sự phối hợp giữa hai mặt "hợp tác" và "đấu tranh" chưa thật nhuần nhuyễn; việc xử lý mối quan hệ giữa yêu cầu giữ vững ổn định trong nước và mở rộng quan hệ đối ngoại còn có lúc lúng túng.

- Quan hệ hợp tác với các nước chưa sâu và vững chắc, quan hệ kinh tế và chính trị nhiều khi chưa gắn kết với nhau; trong một số trường hợp cụ thể còn có sơ hở.

- Việc xây dựng cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại còn chậm.

VII - VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Trong thời gian từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đến nay, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những thắng lợi quan trọng về nhiều mặt. Công tác xây dựng Đảng đã *đạt được một số kết quả sau:*

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân được quan tâm hơn

Đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đề ra để triển khai nhiều mặt hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng; bước đầu có cải tiến về nội dung và hình thức nghiên cứu, học tập Nghị quyết Đại hội, các nghị quyết Trung ương và tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao một bước nhận thức, tính tự giác,

tích cực, chủ động của cán bộ, đảng viên. Đã chú trọng đề cao gương người tốt, việc tốt, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Bước đầu chủ động hơn, kịp thời, nhạy bén hơn trong đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, góp phần chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Qua thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng cho thấy, phần lớn cán bộ, đảng viên hiện nay tin tưởng vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng.

Cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã tạo được một số chuyển biến theo hướng tích cực, mà rõ nhất là: việc xây dựng thể chế kinh tế, chính trị theo hướng dân chủ công khai tiếp tục được đẩy mạnh; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường; việc xét xử các vụ án và việc xem xét thực hiện kỷ luật trong Đảng nghiêm minh hơn, đặc biệt đã đưa ra truy tố, xét xử đúng người, đúng tội một số vụ án lớn; tình trạng mất đoàn kết trong Đảng được khắc phục đáng kể; việc xử lý các vụ việc nổi cộm, các vụ khiếu nại, tố cáo được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và đã đem lại những kết quả bước đầu, các điểm nóng trong xã hội có chiều hướng giảm bớt; cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có tác dụng nhất định cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, làm lành mạnh hơn quan hệ trong nội bộ Đảng, Nhà nước và trong xã hội.

2. Công tác cán bộ tiếp tục có nhiều đổi mới, nhất là làm rõ hơn nội dung và phương thức thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ

Công tác cán bộ đã có chuyển biến cả về nhận thức và

cách làm. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của tập thể thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ, chấp hành đúng và đầy đủ hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định trong công tác cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ được triển khai rộng rãi với cách làm dân chủ hơn. Công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý đã sớm được triển khai thực hiện tương đối sâu rộng, bước đầu đem lại kết quả tích cực. Đã khắc phục một bước tình trạng đào tạo tại chức tràn lan, không theo quy hoạch, chất lượng không bảo đảm.

Thực tiễn đã khẳng định, chỉ có thực hiện đổi mới đúng đắn, đồng bộ các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ mới tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ.

3. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng được đẩy mạnh hơn trước

Sau tình hình mất ổn định ở một số địa phương, càng thấy rõ hơn những yếu kém của tổ chức cơ sở đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương, giải pháp nhằm xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở; các cấp ủy đảng đã bước đầu tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, mối quan hệ dân - Đảng, hoàn thiện các cơ chế dân chủ trực tiếp và gián tiếp của dân, nhất là thực hiện Quy chế dân

chủ ở cơ sở, dựa vào dân để xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chỉ đạo, đạt được một số kết quả tốt. Chất lượng sinh hoạt cấp ủy; thực hiện tự phê bình và phê bình; quản lý và phân công đảng viên bước đầu có tiến bộ; đã tập trung chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cốt cán cơ sở; nội dung và phong cách lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở cấp xã, phường từng bước được đổi mới, gắn với dân hơn.

4. Việc kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cấp ủy địa phương đạt được nhiều kết quả

Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị cơ bản đã được sắp xếp đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII. Chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ được xác định rõ hơn và bắt đầu phát huy tác dụng.

Đã sớm ban hành quy định, hướng dẫn việc thi hành Điều lệ Đảng đồng thời với việc tổ chức quán triệt sâu rộng Điều lệ và hướng dẫn thi hành Điều lệ trong các tổ chức đảng và cấp ủy; tạo được sự thống nhất về nhận thức và chấp hành nghiêm túc hơn.

Các cấp ủy đảng ở Trung ương và địa phương đã quan tâm cụ thể hóa nghị quyết Đại hội, tập trung vào những vấn đề quan trọng, cơ bản; đồng thời chỉ đạo nhạy bén, kịp thời những vấn đề đột xuất, mới phát sinh trong thực tiễn. Làm việc có chương trình, kế hoạch được xây dựng từ đầu khóa, được bổ sung và điều chỉnh hợp lý; thực hành dân chủ trong quá trình chuẩn bị và ra quyết định. Làm việc theo quy chế,

bảo đảm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nên đã bảo đảm tốt hơn sự đoàn kết, nhất trí trong các cấp ủy đảng, nhất là trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đã coi trọng tổng kết, rút kinh nghiệm, phát hiện nhân tố mới. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã làm việc với tập thể ban thường vụ một số tỉnh, thành phố; Thường trực Ban Bí thư, thường trực cấp ủy ở nhiều nơi thực hiện chế độ giao ban định kỳ với các ban đảng, với Mặt trận, đoàn thể để nắm tình hình và kịp thời chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

Tuy nhiên, với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, công tác xây dựng Đảng thời gian qua *vẫn còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm là:*

1. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị vẫn chưa tạo nên chuyển biến rõ rệt, một số mặt yếu tồn tại từ lâu chậm được khắc phục

Chất lượng, hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh chưa cao. Chưa thường xuyên coi trọng và chưa có những hình thức thích hợp để giáo dục nâng cao ý chí cách mạng, tinh thần tự giác rèn luyện, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Qua tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, càng thấy rõ tự phê bình và phê bình vẫn là khâu yếu, chuyển biến chậm; tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn và đẩy lùi, chủ nghĩa cá nhân có chiều hướng phát triển; ở nhiều đảng viên và tổ chức cơ sở đảng tính chiến đấu, tinh thần bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng,

bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân yếu. Tình hình tham nhũng, tiêu cực vẫn rất nghiêm trọng trong các lĩnh vực quản lý xây dựng cơ bản, nhà đất, tài chính doanh nghiệp nhà nước, chi tiêu ngân sách và thi hành pháp luật. Tình trạng trên đây hiện vẫn là nỗi băn khoăn lớn của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức không đầy đủ, có biểu hiện thờ ơ, giảm lòng tin, phai nhạt lý tưởng; số ít người có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin; thậm chí có người chống đối, nói và hành động trái với đường lối và quan điểm của Đảng.

2. Công tác cán bộ còn nhiều yếu kém, khuyết điểm

Chậm cụ thể hóa và triển khai chiến lược cán bộ; cơ cấu cán bộ ở nhiều cấp còn nhiều bất hợp lý. Chưa xây dựng được quy chế về quyền và trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu các cấp trong công tác cán bộ. Thủ tục hành chính trong công tác cán bộ chậm đổi mới, còn nặng nề. Cấp có thẩm quyền và chi bộ chưa làm tốt việc quản lý và giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo; chưa khắc phục được biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ.

Đánh giá cán bộ là khâu rất yếu, do chưa xây dựng được phương pháp đánh giá cán bộ thật sự công tâm, khách quan và đáng tin cậy làm căn cứ để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài, kịp thời loại bỏ những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất, kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo kém năng lực, để công tác trì trệ, kém hiệu quả. Công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ tuy đạt kết quả bước đầu nhưng chưa vững chắc, chưa đều, lãnh đạo một số bộ, ngành chưa thực sự quan tâm chỉ đạo.

Chậm hướng dẫn thực hiện chính sách cán bộ cơ sở, chậm xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5. Còn nhiều hạn chế trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, quy chế công tác cán bộ; chưa quy định rõ mối quan hệ trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác nhân sự thuộc diện quản lý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Ban Cán sự Đảng Chính phủ với ban cán sự đảng các bộ, ngành, các tổng công ty), quan hệ về quyền hạn và trách nhiệm giữa tập thể lãnh đạo và người đứng đầu tổ chức trong công tác cán bộ.

3. Công tác xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng chuyển biến chậm so với yêu cầu

Nhìn chung, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng còn nhiều hạn chế, yếu nhất là vai trò của chi bộ đảng, trong sinh hoạt không rõ nội dung; kém tính chiến đấu trong việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về đạo đức, lối sống. Cơ sở đảng trong doanh nghiệp (các loại hình sở hữu), trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp nhìn chung hoạt động còn lúng túng, vai trò lãnh đạo chưa rõ, nhiều nơi chỉ là hình thức. Việc đánh giá phân loại tổ chức đảng và đảng viên chưa phản ánh đúng thực chất tình hình. Tình trạng kỷ luật lỏng lẻo, chấp hành nghị quyết không nghiêm... chậm được khắc phục; việc lựa chọn, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở chưa được chăm lo đúng mức; việc kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách và kỷ luật đảng kém hiệu quả.

4. Việc kiện toàn, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn nhiều vướng mắc chưa đáp ứng được đòi hỏi trong thời kỳ mới

Việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế chưa đạt yêu cầu; bộ máy đảng, đoàn thể vẫn cồng kềnh, biên chế vẫn

tăng. Chưa kịp thời xây dựng và hoàn thiện quy chế cụ thể hóa một số vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị như: quan hệ và lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội trong công tác lập pháp và quyết định những vấn đề quan trọng; với Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong lãnh đạo một số mặt về nhiệm vụ kinh tế, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, công tác tổ chức, cán bộ; quan hệ và lề lối làm việc giữa Ban Cán sự Đảng Chính phủ với ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương và các tổng công ty lớn của Nhà nước; quan hệ và lề lối làm việc giữa ban thường vụ cấp ủy với ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, với các sở, ban, ngành... còn nhiều vướng mắc cả về hệ thống tổ chức cũng như về chức năng, nhiệm vụ, quan hệ, lề lối làm việc đối với tổ chức đảng trong khu vực sản xuất, kinh doanh.

VIII- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT NỬA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

1. Hai năm rưỡi qua, trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, kinh tế khu vực và thế giới hồi phục chậm và dịch bệnh SARS... tác động tiêu cực nhất định đến nước ta, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng:

Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa. Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng tăng đáng kể. Các ngành,

các vùng kinh tế đều phát triển, các vùng kinh tế trọng điểm phát triển mạnh mẽ hơn; vừa xây dựng cơ cấu kinh tế độc lập tự chủ, vừa hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới; tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tiếp tục hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các lĩnh vực xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của đông đảo nhân dân, nhất là xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, phát triển các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được quan tâm phát triển để từng bước đồng bộ với phát triển kinh tế.

Việc xây dựng luật pháp và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được chăm lo; dân chủ trong xã hội được mở rộng. Lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới, đối với chế độ và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được củng cố.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng và quyết tâm chỉ đạo, tuy chưa chặn đứng được những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cán bộ, đảng viên, nhưng đã có tác dụng cảnh báo, hạn chế nhất định.

Quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Những thành tựu trên đây là kết quả phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, trong đó có vai trò quan trọng của sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương; sự đổi mới trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp; sự đổi mới và chủ động phối hợp hoạt động của hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc động viên khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tất cả đã góp phần phát huy tinh thần lao động năng động, sáng tạo, quyết khắc phục đói nghèo vươn lên xây dựng đời sống tốt đẹp hơn của các tầng lớp nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Những thành tựu này chứng tỏ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng theo đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đã đề ra, tiếp tục làm tăng thêm thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta tiếp tục tiến lên phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

2. Bên cạnh thành tựu và tiến bộ, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội còn những yếu kém, khuyết điểm, chủ yếu nhất là trên mấy mặt sau đây:

Kinh tế tuy tăng khá, song vẫn chưa đạt nhịp độ tăng trưởng Đại hội IX đề ra. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước để phát triển kinh tế chưa được huy động và sử dụng tốt. Chất lượng, hiệu quả của sự phát triển kinh tế - xã hội còn thấp và chưa có chuyển biến rõ rệt. Thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong quản lý đất

đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn rất nghiêm trọng. Những nhược điểm trong chính sách kinh tế và cơ chế quản lý cũng khiến chúng ta chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài.

Còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết, như thiếu việc làm, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là nhân dân ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục thấp; tệ nạn xã hội và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều... Điều làm cho nhân dân còn bất bình và lo lắng nhiều là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu dân, suy thoái về tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng và khá phổ biến. Thực trạng trên đây cùng với tình trạng buông lỏng quản lý theo pháp luật của Nhà nước đang là những điều xã hội bức xúc nhất hiện nay và đang hạn chế việc phát huy những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính trong hệ thống chính quyền chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được chuyển biến cơ bản, vẫn còn sự chồng chéo, lúng túng giữa vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng và chức năng quản lý, điều hành nhà nước của chính quyền. Hệ thống chính trị chưa đủ mạnh. Đặc biệt, nhiều tổ chức đảng

cơ sở sinh hoạt lỏng lẻo, sức chiến đấu rất yếu, vai trò lãnh đạo giảm sút, mờ nhạt.

3. Về nguyên nhân chủ quan của những khuyết điểm, yếu kém nói trên, cần đặc biệt nhấn mạnh những điểm chủ yếu sau đây:

- Nhận thức trong Đảng về một số vấn đề quan trọng trong đường lối đổi mới chưa thống nhất cao nên đổi mới chưa đủ mạnh mẽ, kiên quyết, nhất quán. Điều đó thể hiện rõ nhất trong việc chậm sắp xếp, đổi mới quản lý, nhất là đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, có xu hướng mở rộng bảo hộ, bao cấp trở lại đối với doanh nghiệp nhà nước, thiếu quyết tâm xóa bỏ chế độ chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc; còn đối xử không bình đẳng với các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước và chưa thực hiện tốt quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế. Đây là nguyên nhân quan trọng gây trở ngại cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong tay Nhà nước, huy động rộng rãi các nguồn lực trong xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Chúng ta chưa làm rõ nội dung xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, còn chậm phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường sản phẩm khoa học - công nghệ, thị trường các loại dịch vụ... Có phần thiếu chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế, chậm cải thiện tốt môi trường đầu tư để thu hút đầu tư nước ngoài.

- Chúng ta chưa đánh giá hết tác động phức tạp của những biến động chính trị trên thế giới, cũng như những tác động phức tạp của mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập và của sự phát triển thông tin... đối với cán bộ, đảng viên và đối với toàn xã hội; từ đó chưa có những biện pháp đủ mạnh mẽ, đồng bộ để tăng cường có hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân, để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh và xây dựng xã hội lành mạnh.

- Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức và đồng bộ so với đổi mới về kinh tế. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng hạn chế hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hoạt động của Nhà nước và của cả hệ thống chính trị.

- Chúng ta coi trọng và nhấn mạnh đến việc mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội là đúng đắn, cần thiết và còn phải tiếp tục phấn đấu nhiều để thực hiện tốt nhiệm vụ này. Nhưng còn có phần coi nhẹ việc quản lý theo pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của Đảng, nhất là còn thiếu chế độ trách nhiệm rõ ràng, trước hết là chế độ trách nhiệm đối với những người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, các ngành và địa phương.

Khắc phục những khuyết điểm và yếu kém trên đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để có thể tiến lên hoàn thành thắng lợi toàn bộ Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo đà phát triển nhanh và bền vững hơn của đất nước ở những năm sau.

Việc giải quyết một cách cơ bản, thấu triệt những vấn đề trên đây đòi hỏi tiếp tục phát triển mạnh mẽ tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Phần thứ hai

MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP LỚN TRONG NỬA CUỐI NHIỆM KỲ KHÓA IX

A- BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU

Trong hơn hai năm còn lại của nhiệm kỳ khóa IX, dự kiến tình hình chính trị thế giới và khu vực sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp. Đối với nước ta, các thế lực phản động quốc tế sẽ tiếp tục kích động các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo, tăng cường hỗ trợ các thế lực phản động và cực đoan trong nước hòng gây mất ổn định chính trị - xã hội và tạo cớ can thiệp. Tuy nhiên như Hội nghị Trung ương 8 đã nhận định, chúng ta có thể và cần phải phát huy mọi điều kiện, giữ vững môi trường hòa bình ổn định để tập trung sức xây dựng và phát triển đất nước.

Về kinh tế, kinh tế thế giới và khu vực có khả năng từng bước phục hồi đà phát triển. Xu thế toàn cầu hóa sẽ tiếp tục mở rộng. Với việc Trung Quốc, Campuchia đã gia nhập WTO, các quan hệ thương mại tự do song phương và đa phương ở khu vực có xu hướng được đẩy nhanh, nước ta đã đến thời hạn phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong AFTA,

đang đứng trước sức ép phải chủ động và khẩn trương hơn nữa trong hội nhập kinh tế quốc tế, nếu không muốn lâm vào thế bất lợi trong cạnh tranh với các nước trên thị trường thế giới.

Để thực hiện thắng lợi toàn diện những nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội IX đã đề ra, hoàn thành mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực, tạo thuận lợi cho kế hoạch 5 năm sau, phải đẩy nhanh hơn nữa công cuộc đổi mới, tăng nhanh nhịp độ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, phải tạo được một bước chuyển biến mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, đấu tranh có hiệu quả chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương phép nước.

Với tinh thần đó, trong hai năm rưỡi còn lại của nhiệm kỳ khóa IX, trong khi tiếp tục thực hiện toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, *cần quyết tâm thực hiện cho được một số phương hướng, mục tiêu chủ yếu sau đây:*

- Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004 - 2005 đạt bình quân mỗi năm 8,2% trở lên. Đồng thời, tạo cho được một bước chuyển biến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của từng sản phẩm chủ lực, của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đào tạo nguồn nhân lực và phát triển khoa học, công nghệ.

- Phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn nữa với tăng trưởng kinh tế; tập trung giải quyết một bước quan trọng

một số vấn đề xã hội bức xúc nhất, như xóa đói, giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn (các vùng sâu, vùng xa, một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số), chăm lo điều kiện chữa bệnh, học tập của người nghèo. Nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy lùi một bước các tệ nạn xã hội, tình trạng phạm tội, việc khiếu kiện đông người, giảm mạnh tai nạn giao thông.

- Đẩy mạnh xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, phát triển đi đôi với nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước, bảo đảm kinh tế nhà nước phát huy tốt trên thực tế vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể ngày càng thực sự là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, hình thành đồng bộ hơn các loại thị trường, nhất là các thị trường vốn, bất động sản, lao động, khoa học - công nghệ. Tiếp tục tháo gỡ các trở ngại về cơ chế, chính sách để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất và từng bước xây dựng, phát triển quan hệ sản xuất mới.

- Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương và song phương, nước ta đã ký và sớm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tăng tính cạnh tranh của môi trường đầu tư so với khu vực và thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

- Tạo cho được bước chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu dân trong cán bộ, công chức, đảng viên. Đổi mới và tăng cường công tác cán bộ, đặc biệt là

công tác đánh giá và đào tạo cán bộ; tích cực chủ động bố trí, luân chuyển cán bộ các cấp trong thời gian tới, chuẩn bị tốt phương án bố trí nhân sự trong dịp đại hội đảng bộ các cấp vào năm 2005 và Đại hội X của Đảng vào năm 2006. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

B- NHỮNG CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP LỚN CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục thực hiện đồng bộ bảy nhóm chủ trương, chính sách, giải pháp lớn Đại hội IX đã đề ra. Đồng thời, trong hai năm còn lại tập trung thực hiện quyết liệt hơn các chủ trương, chính sách, giải pháp quan trọng trên từng lĩnh vực như sau:

I- VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh hơn kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam

Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương phát triển mạnh các thành phần kinh tế; xóa bỏ phân biệt đối xử;

tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định chính sách, thông thoáng và thuận lợi hơn, bảo đảm quyền của mọi người dân được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của khu vực *doanh nghiệp nhà nước* để chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế. Rà soát, thu hẹp hơn nữa diện các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt thực sự cần có vai trò của kinh tế nhà nước.

Kiên quyết đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa và mở rộng diện các doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa, kể cả những doanh nghiệp lớn và một số tổng công ty kinh doanh có hiệu quả, gắn với việc phát hành cổ phiếu và tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất, về nguyên tắc phải do thị trường quyết định. Việc mua bán cổ phiếu phải công khai trên thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp. Đồng thời, triển khai mạnh việc bán, khoán, cho thuê những doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ ở những ngành, lĩnh vực không then chốt.

Khẩn trương chuyển doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo chế độ công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước hoặc công ty cổ phần. Tiếp tục mở rộng quyền tự chủ, quy định rõ về tài sản và quyền tài sản, đồng thời có cơ chế để tạo đủ vốn cho hoạt động và đổi mới nhanh công nghệ của doanh nghiệp nhà nước;

bảo đảm doanh nghiệp nhà nước có đầy đủ quyền của một pháp nhân; hội đồng quản trị có quyền quyết định trực tiếp đối với sản xuất, kinh doanh. Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm và lợi ích cao hơn đối với các thành viên hội đồng quản trị và cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước về đầu tư và kết quả kinh doanh.

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước; tổng kết thí điểm việc chuyển các tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; tích cực chuẩn bị để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư của nước ngoài.

Thực hiện đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước. Nhanh chóng xóa bỏ các loại bảo hộ bất hợp lý, sớm khắc phục tình trạng bao cấp, như khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ, bù lỗ, cấp vốn tín dụng ưu đãi tràn lan đối với các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện ngay việc lành mạnh hóa, minh bạch hóa và công khai hóa tình hình tài chính của doanh nghiệp. Hoàn chỉnh chính sách và hệ thống an sinh xã hội để giải quyết lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện phá sản theo luật những doanh nghiệp nhà nước đã mất khả năng thanh toán.

Thí điểm thành lập cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện chức năng chủ sở hữu vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp ở 1 - 2 tỉnh, thành phố; xác định rõ lộ trình xóa bỏ chế độ chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước, các bộ, ngành thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Xóa bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Sớm ban hành Luật cạnh tranh và chống độc quyền kinh doanh, Luật chống bán phá giá. Nhà nước kiểm soát, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp có thị phần lớn, có thể khống chế thị trường; Nhà nước chỉ giữ độc quyền trong những trường hợp thực sự cần thiết, những doanh nghiệp nhà nước thực hiện độc quyền của Nhà nước hoạt động theo chế độ công ích, không gắn vào các tổng công ty để khắc phục tình trạng biến độc quyền nhà nước thành độc quyền kinh doanh của tổng công ty. Thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm công ích. Thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư mạnh vào hoạt động công ích và dịch vụ công, vào nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất và dịch vụ của nền kinh tế mà khu vực doanh nghiệp nhà nước đang chiếm tỷ trọng lớn và tham gia nhiều hơn trong đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội và các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

Hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển có hiệu quả hơn *kinh tế tập thể*; tổng kết nhân tố mới, các mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả để phổ biến nhân rộng phù hợp với điều kiện của từng ngành nghề, từng địa phương; hỗ trợ tốt hơn việc đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ tài chính, kế toán hợp tác xã; giải quyết dứt điểm việc xóa nợ cũ; tạo điều kiện để các hợp tác xã tiếp cận các nguồn cho vay của các tổ chức tín dụng.

Phát huy cao độ các nguồn lực trong nhân dân, phát triển mạnh và có hiệu quả hơn nữa *kinh tế tư nhân,* không hạn chế về quy mô. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi

hơn nữa cho sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn.

Tạo chuyển biến cơ bản trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, hướng mạnh hơn vào những ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là những ngành, lĩnh vực chúng ta tự làm chưa có hiệu quả, kể cả trong lĩnh vực bất động sản, phát triển công nghệ cao và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Thực sự coi *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* là một bộ phận hữu cơ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện đột phá, nâng cao sức cạnh tranh của mọi loại hình doanh nghiệp, hướng doanh nghiệp vào sản xuất những sản phẩm có lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh, tiếp thu công nghệ hiện đại, công nghệ nguồn, đào tạo và nâng cao năng lực quản lý điều hành của giám đốc doanh nghiệp và tay nghề của công nhân. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu công nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đăng ký, bảo vệ thương hiệu hàng hóa, dịch vụ. Có cơ chế, chính sách gắn kết các hoạt động nghiên cứu với sản xuất, kinh doanh.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách phân phối và phân phối lại, nhất là tiếp tục đổi mới và cải cách chính sách tiền lương, tiền công và chính sách thuế nhằm tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, khuyến khích người lao động, tăng tích luỹ để đầu tư phát triển, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội. Thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động là hiệu quả kinh tế, đồng thời phân

phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh, thực hiện các chính sách phúc lợi và an sinh xã hội.

2. Tạo lập và phát triển đồng bộ các thị trường

Phát triển *thị trường vốn* và các kênh đa dạng huy động vốn cho đầu tư là một nhân tố có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển trong những năm tới. Hoàn thiện và mở rộng nhanh hoạt động của *thị trường chứng khoán* để sớm trở thành một kênh huy động vốn có hiệu quả cho đầu tư phát triển. Các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước lớn, hoạt động có hiệu quả phải phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tham gia thị trường chứng khoán.

Sớm lành mạnh tài chính của các tổ chức tín dụng thương mại nhà nước. Có chính sách để tăng tỷ lệ tiền gửi trung, dài hạn. Tăng tính cạnh tranh trên thị trường tiền tệ - tín dụng, tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận vốn vay ngân hàng trên cơ sở có dự án hiệu quả. Nhà nước tiếp tục tăng vốn điều lệ và tạo môi trường cho các ngân hàng thương mại nhà nước được phát hành cổ phiếu để thu hút vốn trong dân.

Phân định rõ ràng giữa tín dụng chính sách với tín dụng thương mại, ngân hàng chính sách với ngân hàng thương mại; sớm chấm dứt sự can thiệp hành chính đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại nhà nước phải thực sự hoạt động theo nguyên tắc thương mại, được tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước có vay vốn của ngân hàng.

Nâng cao chất lượng hoạt động của ngân hàng chính sách xã hội. Thực hiện có hiệu quả hơn sự hỗ trợ phát triển của Nhà nước vào chương trình, dự án trọng điểm của đất nước; giảm mạnh danh mục đầu tư thuộc các đối tượng ưu tiên, ưu đãi. Tiếp tục khuyến khích phát triển và sử dụng có hiệu quả các quỹ đầu tư ở địa phương. Chấm dứt tình trạng bao cấp qua tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Khẩn trương thể chế hóa Luật đất đai (sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan khác để hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách phát triển để quản lý có hiệu quả *thị trường bất động sản,* trong đó có quyền sử dụng đất để sử dụng có hiệu quả đất đai, phát huy nguồn lực đất đai tạo vốn cho đầu tư phát triển của cả Nhà nước và nhân dân. Áp dụng những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ để chống đầu cơ trục lợi, kích cầu ảo, gây "sốt" đất giả tạo, tham nhũng, chiếm dụng trái phép đất đai. Thực hiện chính sách điều tiết để bảo đảm lợi ích của Nhà nước với tư cách là người đại diện chủ sở hữu và nhà đầu tư lớn nhất để phát triển hạ tầng, làm tăng giá trị của đất.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh thị trường lao động. Đa dạng hóa các hình thức tìm việc làm, giới thiệu việc làm và tuyển chọn lao động.

Phát triển mạnh *thị trường khoa học, công nghệ* để nhanh chóng nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp. Đổi mới cơ chế tài chính để đầu tư có hiệu quả cho khoa học và công nghệ; có cơ chế để sản phẩm khoa học thực sự trở thành hàng hóa.

3. Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

Khẩn trương xây dựng chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế ở tất cả các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương. Triển khai khẩn trương và đồng bộ việc chuẩn bị điều kiện các mặt để giành thế chủ động trong hội nhập. Giảm dần theo lộ trình việc bảo hộ bằng thuế nhập khẩu; xây dựng hệ thống các biện pháp bảo hộ phi thuế phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế. Kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của lợi ích cục bộ làm kìm hãm tiến trình hội nhập. Chú trọng cung cấp kịp thời, đa dạng các thông tin về hội nhập và kinh tế thương mại, luật pháp quốc tế cho doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước và nhân dân. Tăng tính chuyên nghiệp và ổn định, nâng cao năng lực, phẩm chất và bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập ở các cấp, các ngành và lĩnh vực. Củng cố, tăng quyền hạn cho cơ quan phối hợp và điều phối công tác hội nhập. Xây dựng cơ chế phối hợp và điều phối tập trung thống nhất và có hiệu quả mọi hoạt động hội nhập kinh tế ở tầm quốc gia.

4. Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế

Đổi mới công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các ngành, các vùng, các tỉnh theo hướng tăng cường dự báo các quan hệ cung - cầu và

điều kiện cạnh tranh phù hợp với quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, định hướng lựa chọn và đổi mới công nghệ; phân tích và dự báo thị trường trong, ngoài nước và tình hình giá cả, trên cơ sở đó xây dựng các dự án để kêu gọi đầu tư. Công bố rộng rãi các dự báo chiến lược và quy hoạch để các doanh nghiệp tự quyết định lựa chọn đầu tư kinh doanh. Quy định rõ trách nhiệm và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch và triển khai lập các quy hoạch mới đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng và các vùng, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm theo yêu cầu điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển của đất nước.

Gắn quy hoạch phát triển của từng vùng với quy hoạch chung của cả nước, gắn phát triển của từng tỉnh với quy hoạch chung của vùng thành một tổng thể hài hòa, đồng bộ, có sự phân công và hợp tác rõ ràng, phát huy được lợi thế so sánh của từng vùng và từng tỉnh trong vùng, hình thành rõ rệt các sản phẩm chủ lực trên từng vùng, từng tỉnh. Xây dựng mô hình tổ chức và cơ chế phù hợp để phân công, hợp tác có hiệu quả giữa các tỉnh trong từng vùng. Tăng cường đầu tư cho công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, để công tác quy hoạch xây dựng đi trước một bước. Tăng cường quản lý thực hiện tốt các quy hoạch. Bảo đảm xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự, kỷ cương. Chấm dứt việc quy hoạch và xây dựng tràn lan các khu công nghiệp kém hiệu quả.

Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, có chính sách *điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu trong từng ngành, từng vùng*

theo hướng phát huy lợi thế so sánh, gắn với thị trường trong nước và thế giới.

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, thâm canh, có năng suất, chất lượng cao, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, gắn với chế biến, tiêu thụ; phát triển mạnh các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ nhỏ và vừa, sử dụng nhiều lao động ở nông thôn để thúc đẩy việc chuyển lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác. Tạo điều kiện cho những người sản xuất giỏi ở nông thôn mở rộng quy mô sản xuất, mở mang ngành nghề để thu hút thêm nhiều lao động.

Tập trung phát triển những sản phẩm công nghiệp có thị trường, có khả năng cạnh tranh cao, các sản phẩm sử dụng công nghệ cao, các ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến có chất lượng cao và cơ khí. Phát triển có chọn lọc một số sản phẩm công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng trên cơ sở công nghệ hiện đại, có điều kiện về vốn, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu làm cơ sở để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Mở rộng nhanh và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt là dịch vụ chất lượng cao, bảo đảm tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế chung. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ kinh doanh thương mại. Nâng cao chất lượng và độ an toàn

trong dịch vụ vận tải; phát triển mạnh vận tải hành khách công cộng ở các đô thị, nhất là các đô thị lớn. Đẩy mạnh phát triển bưu chính - viễn thông; tăng cường các phương tiện thông tin liên lạc hiện đại để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Khuyến khích mạnh các hoạt động xuất khẩu; khắc phục dần tình trạng nhập siêu, tiến tới cân bằng xuất nhập khẩu.

II- VỀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

Tiếp tục triển khai mạnh trong thực tiễn quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; quán triệt sâu sắc hơn nữa ở tất cả các cấp, các ngành và trong toàn xã hội về vai trò động lực của các yếu tố văn hóa, xã hội đối với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Đồng thời, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển đối với từng lĩnh vực văn hóa, xã hội trên cơ sở gắn bó chặt chẽ với cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, tăng cường cải cách hành chính và xây dựng Đảng. Tập trung chỉ đạo làm thật tốt các công việc sau:

1. Tập trung chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực

Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại cùng với đổi mới cơ chế quản lý. Khẩn trương

triển khai đề án phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; cơ cấu lại hệ thống đào tạo, hoàn thiện hệ thống đào tạo thực hành định hướng nghề nghiệp. Tạo cơ chế và điều kiện để các trường đại học và các trường dạy nghề chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp. Tăng cường hợp tác với nước ngoài và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực đào tạo đại học và đào tạo nghề. Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh; kiên quyết đấu tranh khắc phục các tiêu cực trong dạy và học. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập.

2. Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy chất lượng sản phẩm, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế để khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước tích cực đổi mới công nghệ và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ để có cơ sở thúc đẩy quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ, tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để tạo bước bứt phá về một số công nghệ cao tác động tích cực đến việc nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Cần đặc biệt coi trọng việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Có chính sách khuyến khích và có hình

thức thu hút các nhà khoa học, công nghệ ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng đất nước. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ bản quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng hỗ trợ thị trường khoa học, công nghệ, khuyến khích, tôn vinh các nhà khoa học thực sự có tài, có đóng góp cho đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn cần tập trung tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới để tiếp tục làm rõ những luận cứ khoa học về mô hình con đường, cơ chế tạo động lực và chính sách phát triển đất nước đến năm 2020 theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; hình thành các giá trị con người mới, giá trị xã hội mới làm cơ sở và động lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững

Bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ, hài hòa giữa văn hóa với phát triển kinh tế và phát triển xã hội; bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa. Tăng đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống các thiết chế văn hóa làm cơ sở cho việc xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh từ thành thị đến nông thôn với sự tham gia và phối hợp đồng bộ của gia đình, họ tộc đến các tổ chức, đoàn thể, cơ quan, công sở, trường học và các tổ chức

sinh hoạt xã hội khác...; có cơ chế để tạo dư luận mạnh mẽ đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống trái với bản sắc tốt đẹp của dân tộc, lối sống không lành mạnh, suy thoái đạo đức. Tập trung làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch phát triển và công tác quản lý đối với các lĩnh vực thông tin, báo chí.

4. Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân

Nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo hiểm y tế, hệ thống khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân (các cơ sở y tế của Nhà nước và ngoài Nhà nước); hoàn thiện cơ chế, chính sách khám, chữa bệnh cho các đối tượng, đặc biệt là đối tượng chính sách và bệnh nhân nghèo. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao; tiếp tục nâng cao trình độ thể thao nước nhà. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, chính sách chăm sóc trẻ em để giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng; coi trọng nâng cao chất lượng dân số.

5. Về các lĩnh vực xã hội khác

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chống tái nghèo và giảm nghèo bền vững trên cơ sở tổ chức phối hợp lồng ghép chương trình xóa đói, giảm nghèo với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Sớm ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp để khuyến khích các tỉnh nghèo, huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo, người nghèo, trên cơ sở

đầu tư hỗ trợ của Nhà nước tự lực phấn đấu vươn lên thoát khỏi đói, nghèo.

Đẩy mạnh giải quyết việc làm phải đi đôi với việc tăng cường năng lực quản lý nguồn lao động, thiết lập hệ thống thông tin, dự báo thị trường lao động; gắn kết chương trình giải quyết việc làm và dạy nghề; tập trung đào tạo có trọng điểm ở các trình độ đối với các lĩnh vực công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu học nghề, tìm việc làm đa dạng trên từng địa bàn. Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động gắn liền với tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho xuất khẩu. Từng bước đẩy mạnh xuất khẩu lao động có chất lượng cao.

Tập trung chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt chính sách đối với người có công và các đối tượng chính sách; có chương trình hỗ trợ phù hợp với điều kiện sinh hoạt của từng vùng để cải thiện đời sống cho các đối tượng người có công có hoàn cảnh đặc biệt như Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình thương binh nặng...

Phòng, chống tệ nạn xã hội phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể xã hội, là một trong các chỉ tiêu quan trọng đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, đơn vị và đánh giá năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng và hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát của cộng đồng và kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm để đưa ra các mô hình, giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội có hiệu quả hơn.

III- VỀ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội và cơ quan dân cử các cấp

Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp trong tất cả các khâu và công đoạn của quy trình lập pháp để nâng cao chất lượng của các luật, pháp lệnh, nhằm sớm hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật phục vụ công cuộc đổi mới. Cùng với việc thi hành Luật giám sát của Quốc hội, cần tổ chức hoạt động giám sát có trọng tâm, trọng điểm và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác giám sát tối cao.

Đổi mới tổ chức để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; kiện toàn Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ba cấp thông qua việc tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân vào năm 2004.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; hoàn thiện quy chế để làm rõ và phát huy vai trò, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội chuyên trách, nâng cao năng lực, bản lĩnh của mỗi đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Về cải cách hành chính nhà nước

Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính nhà nước với trọng tâm trong hai năm tới là điều chỉnh chức năng của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan quản lý

nhà nước trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ nhiệm kỳ khóa XII theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm mạnh hơn nữa các đầu mối trực thuộc. Đi sâu cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và thực hiện tốt cơ chế "một cửa". Khẩn trương hoàn thành việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương với địa phương trên từng ngành, từng lĩnh vực một cách đồng bộ, bảo đảm hiệu lực quản lý thống nhất, xuyên suốt của Trung ương đối với địa phương và khuyến khích tính sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các địa phương. Hoàn thành việc phân loại đơn vị hành chính các cấp ở địa phương và cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân theo các tiêu chí cơ bản; thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền địa bàn nông thôn.

Tạo lập đồng bộ cơ chế, chính sách, thực hiện triệt để việc tách quản lý hành chính nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh và hoạt động của tổ chức sự nghiệp dịch vụ công. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế. Các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, nhất là các bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu triển khai được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về công việc, tổ chức, biên chế và tài chính.

Xác lập cơ chế quản lý cán bộ, công chức phù hợp với hệ thống phân loại cán bộ, công chức và phân cấp quản lý cán bộ, công chức lãnh đạo; cơ cấu lại cán bộ, công chức theo yêu cầu nâng cao chất lượng về phẩm chất và năng lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc có

liên quan đến xét duyệt, triển khai các dự án, xây dựng cơ bản, quản lý tiền tệ và thi hành pháp luật; xây dựng cơ chế phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các trường hợp cán bộ, công chức lợi dụng việc công để nhũng nhiễu, phiền hà gây bất bình cho nhân dân. Đồng thời, tập trung xây dựng, đào tạo một cách cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức hành chính công tâm, thạo việc, trong sạch. Kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy công quyền những cán bộ thoái hóa, biến chất và điều chuyển những người không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Xác lập chế độ kỷ luật, kỷ cương hành chính và trật tự kỷ cương xã hội trong bộ máy công quyền; kiện toàn hệ thống thanh tra, kiểm tra; tiếp tục thực hiện đạt kết quả tốt chủ trương tinh giản biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước. Thực hiện có kết quả chương trình hiện đại hóa nền hành chính, hiện đại hóa công sở, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học và khởi động xây dựng "Chính phủ điện tử".

3. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy nhằm thực hiện tốt Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.

Đổi mới nhằm nâng cao chất lượng của công tác điều tra và xét xử của tòa án, cả về án hình sự, án dân sự, kinh tế, hành chính và lao động theo hướng mở rộng tranh tụng tại phiên tòa nhằm nâng cao chất lượng các bản án, bảo đảm sự

bình đẳng, dân chủ, đúng pháp luật, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Tập trung thực hiện tốt công tác thi hành án, nhất là thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng tồn đọng kéo dài. Tập trung xây dựng các cơ quan tư pháp cấp huyện về mọi mặt, nhất là đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp để có thể sớm thực hiện chủ trương tăng thẩm quyền xét xử ở cấp này.

Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện với quyết tâm cao, có hiệu quả cuộc đấu tranh chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức, các tội phạm tham nhũng.

Tổ chức nghiên cứu xây dựng "Chiến lược cải cách tư pháp cho giai đoạn 2005 - 2020" để xây dựng nền tư pháp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Về thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

Cần tạo sự chuyển biến đồng bộ của các ngành, các cấp, trước hết là các cấp ủy và tổ chức đảng, bắt đầu từ nhận thức đến tổ chức thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc là tiền đề để phát huy tốt nội lực của đất nước, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất; sử dụng tốt các nguồn lực xã hội cho phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững đất nước.

Xây dựng cơ chế, chính sách và cơ sở kinh tế bảo đảm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong tình hình mới.

Đổi mới công tác tuyên truyền và vận động quần chúng tạo sự thống nhất cao với các chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội; chỉ đạo

xây dựng chiến lược xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam. Xây dựng chiến lược thanh niên, giáo dục lý tưởng, đạo đức, đào tạo nghề nghiệp và tạo nhiều việc làm cho thế hệ trẻ; đa dạng hóa hình thức, phương pháp tập hợp sinh viên; mở rộng phong trào tình nguyện của thanh niên, sinh viên. Tăng cường vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài hướng về xây dựng Tổ quốc.

Làm tốt công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo và từng bước ổn định cơ sở vùng xung yếu; xử lý kịp thời, linh hoạt các vấn đề đặt ra trên quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng. Ban hành pháp luật, cơ chế, chính sách có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo, các hội quần chúng, nghề nghiệp, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

5. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm những điều kiện cần thiết và thuận lợi nhất để Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức này. Kiện toàn đội ngũ cán bộ dân vận, Mặt trận, đoàn thể; đồng thời tập trung bồi dưỡng cán bộ làm công tác quần chúng ngang tầm nhiệm vụ mới. Đổi mới tác phong dân vận cho cán bộ của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX: trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

Ưu tiên cho chương trình đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở vùng đồng bào tín đồ tôn giáo; chăm lo phát triển Đảng, xây dựng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò tích cực người có uy tín trong cộng đồng dân tộc, tôn giáo.

IV- VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

1. Về quốc phòng và an ninh

Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Tiến hành xây dựng, bổ sung ngay các phương án, kế hoạch phòng ngừa, nhằm chủ động ngăn chặn và đối phó thắng lợi với mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù trong mọi tình huống; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ địa phương, tập trung vào các địa bàn trọng điểm; kết hợp có hiệu quả hơn kinh tế - xã hội với quốc phòng và an ninh; tập trung xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở các vùng trọng yếu; triển khai thực hiện tốt nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp quốc phòng.

Tiến hành điều chỉnh một bước về tổ chức biên chế, trang bị, chức năng, nhiệm vụ của một số lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; tiếp tục xây dựng nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang; duy trì chặt chẽ chế độ sẵn

sàng chiến đấu, thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với Bộ Công an. Hoàn chỉnh một bước hệ thống pháp luật, xây dựng cơ chế lãnh đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, xử lý kịp thời, chính xác có hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh phù hợp với yêu cầu mới.

Tổ chức tốt hệ thống nắm tình hình, dự báo, phát hiện sớm các tình huống. Có các biện pháp thích hợp giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, đấu tranh ngăn chặn và đánh bại các hoạt động phá hoại an ninh chính trị, xâm phạm độc lập chủ quyền; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phòng chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội...

2. Về đối ngoại

Cần quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nội dung về công tác đối ngoại đã ghi trong Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới".

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam và các nước láng giềng có chung biên giới, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước trong khu vực. Tích cực chủ động góp phần giữ vững các nguyên tắc cơ bản của ASEAN, tăng cường gắn kết trong Hiệp hội, hạn chế tác động phân hóa từ bên ngoài, đẩy mạnh hợp tác kinh tế.

Tiếp tục thúc đẩy quan hệ với các nước lớn trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, xử lý khôn khéo trong quan hệ, hết sức tránh bị rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc.

Thúc đẩy quan hệ với các nước đang phát triển, nâng cao vị thế nước ta trong phong trào Không liên kết, Nhóm 77,

tích cực triển khai kết quả Hội thảo về châu Phi để mở rộng quan hệ với châu Phi.

Tích cực tham gia các hoạt động ngoại giao đa phương; tổ chức tốt Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ năm (ASEM-5), cấp cao APEC. Nâng cao vị thế nước ta trong các tổ chức quốc tế.

Tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác với các đảng cộng sản, công nhân, duy trì quan hệ với các đảng cầm quyền, các chính đảng khác, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tăng cường công tác đối ngoại nhân dân.

V- VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác xây dựng Đảng do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra tuy đã đạt được một số kết quả, nhưng nhiệm vụ còn rất nặng nề. Thời gian tới cần tập trung chỉ đạo quyết liệt hơn nhiệm vụ xây dựng Đảng, tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt nhằm khắc phục suy thoái, đổi mới nhận thức mà mấu chốt là nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, xứng đáng với vai trò lãnh đạo mà nhân dân giao phó. Tập trung làm tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Nâng cao chất lượng và tăng cường hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên

Triển khai sâu rộng việc giáo dục rèn luyện đạo đức, lối sống trong toàn Đảng, trong cán bộ và nhân dân, mà

nội dung cơ bản là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Tập trung tạo cho được dư luận, ý thức xã hội phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân; đồng thời, tăng cường nêu gương người tốt, việc tốt.

Yêu cầu và đề cao tác dụng tính gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp, trong tự tu dưỡng, học tập, giữ gìn đạo đức, phẩm chất, lối sống, phong cách của người đảng viên là lãnh đạo. Đề cao cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và kiên quyết chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ địa phương trong cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng: từng ngành, từng lĩnh vực công tác đề ra những tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống, tác phong công tác cần xây dựng và những loại việc làm sai trái thường gặp cần đấu tranh ngăn chặn, khắc phục, lấy đó làm cơ sở để cán bộ, đảng viên đối chiếu, tự phê bình, tu dưỡng và để quần chúng giám sát, phê bình. Có những biện pháp thiết thực khuyến khích tự phê bình, tự giác sửa chữa khuyết điểm (có thể giảm nhẹ hoặc không xử lý kỷ luật nếu tự giác nhận và sửa chữa khuyết điểm...). Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh, tố cáo những vi phạm.

Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy và của ủy ban kiểm tra các cấp để xử lý nghiêm vi phạm, nhất là tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, gây thiệt hại nghiêm trọng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mất đoàn kết trong cấp ủy, trong cơ quan lãnh đạo, giữa những người lãnh đạo chủ chốt.

Thực hiện nhất quán chủ trương xử lý nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật Đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, dù người đó là ai, ở bất cứ cương vị nào; xử lý cả những người bao che hành vi tham nhũng. Kiên quyết không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với người đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội.

Kiểm tra xác minh tình hình nhà, đất của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kết luận rõ đúng sai, xử lý kịp thời, thông báo công khai.

Tổ chức thực hiện tốt chủ trương đổi thẻ đảng viên.

2. Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, Mặt trận các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng

Mạnh dạn thực hiện những giải pháp thực sự phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của quần chúng đối với tổ chức đảng, đảng viên, coi đây là tiền đề bảo đảm vững chắc cơ sở quần chúng của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở. Khẩn trương xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng.

Sớm xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định mới về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Khẩn trương tổ chức thực hiện các chính sách và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở; đặc biệt là ở những khu

vực có vị trí quan trọng và nhạy cảm về kinh tế, chính trị, vùng sâu, vùng xa.

Người đứng đầu và cấp ủy cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

3. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ, tạo một bước chuyển biến rõ rệt trong việc đánh giá và quản lý cán bộ

Chuẩn bị tốt công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội lần thứ X của Đảng, trước mắt là nhân sự trong bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp khóa tới theo quy hoạch.

Tiếp tục thực hiện trên diện rộng và đi vào chiều sâu, thành nền nếp công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Giai đoạn trước mắt, cần tập trung đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ thông qua việc xây dựng và thực hiện hệ thống các quy chế đánh giá cán bộ. Bảo đảm công tác cán bộ được chuẩn bị chu đáo, quyết định tập thể, dân chủ, công khai, chủ động; loại trừ mọi biểu hiện chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, thiếu minh bạch và trục lợi trong công tác cán bộ; bảo đảm chặt chẽ quy trình đánh giá của tổ chức đảng với sự giám sát của nhân dân. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong việc chuẩn bị và trình cấp ủy phương án nhân sự trong tổ chức mình phụ trách.

Cấp ủy trước khi giới thiệu một người ứng cử đủ tiêu chuẩn cho một chức danh phải chuẩn bị nhiều phương án nhân sự để có điều kiện so sánh, phản biện, đánh giá và chọn lựa đúng. Đồng thời, thực hiện việc cán bộ, đảng viên có quyền đề cử và nhiều người ứng cử để bầu một chức danh, bảo đảm quyền chọn lựa của người bỏ phiếu. Kiên quyết không bố trí vào chức vụ lãnh đạo và không giới thiệu tái cử những cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở những nơi phong trào kém, kinh tế phát triển chậm, trì trệ, mất ổn định, mất đoàn kết, tín nhiệm thấp.

4. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, từng bước làm rõ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội Việt Nam trong điều kiện mới.

Tập trung nghiên cứu một cách hệ thống, cơ bản và đồng bộ về sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để làm cơ sở cho việc kiện toàn tổ chức và đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế về sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ; Quy chế về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước và đoàn thể xã hội ở Trung ương và các cấp, nhất là trong các

lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tổ chức, cán bộ, tư pháp, thông tin, tuyên truyền. Ban Bí thư ra quy chế về trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu tổ chức về công tác cán bộ; Chính phủ ra nghị định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí lớn. Tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết, đề cao kỷ luật, kỷ cương.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,
Sđd, tr. 12-112.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 157/TLHN, ngày 5 tháng 1 năm 2004

Kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

(Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX)

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đến nay, tình hình thế giới có những biến động phức tạp, bên cạnh xu thế chung hòa bình, hợp tác, các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá cách mạng nước ta. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được thắng lợi về nhiều mặt, có những chuyển biến quan trọng. Tuy vậy, khuyết điểm, yếu kém vẫn còn nhiều. Đất nước đang đứng trước cơ hội lớn nhưng đồng thời cũng đối mặt với những thách thức lớn, đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Những thắng lợi và yếu kém trong thời gian qua gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng.

Báo cáo chung đã kiểm điểm tình hình toàn diện, trong đó có công tác xây dựng Đảng. Báo cáo này kiểm điểm sâu

việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm đã đặt ra trong Nghị quyết Đại hội IX trên bốn mặt công tác: giáo dục tư tưởng chính trị; đổi mới công tác cán bộ; xây dựng cơ sở; kiện toàn tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; trên cơ sở đó đề ra một số chủ trương, biện pháp cần thực hiện từ nay đến cuối nhiệm kỳ để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX và chuẩn bị Đại hội lần thứ X của Đảng.

Dự thảo Báo cáo đã được lấy ý kiến trực tiếp của các tỉnh, thành ủy xung quanh Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Lào Cai và các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương. Sau năm lần tu chỉnh, Dự thảo Báo cáo đã được gửi lấy ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, các cấp ủy và tổ chức đảng ở Trung ương và địa phương. Đến nay đã có 76 báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia (trong đó có 42 báo cáo của địa phương; 34 báo cáo của các ban, bộ, ngành, đoàn thể và ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương). Bộ Chính trị đã tổng hợp, tiếp thu các ý kiến đóng góp vào Dự thảo Báo cáo.

Phần thứ nhất

KIỂM ĐIỂM VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

I- CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Hơn hai năm qua, trên cơ sở kiên định và phát huy thành quả của công cuộc đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương,

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã cụ thể hóa nhanh và tập trung chỉ đạo đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; quyết định đúng đắn, xử lý kịp thời nhiều vấn đề quan trọng, những tình huống nhạy cảm, phức tạp phát sinh đột xuất. Đến nay, hầu hết các vấn đề quan trọng do Nghị quyết Đại hội IX đề ra đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị cụ thể hóa và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Bám sát Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng đã triển khai đồng bộ các mặt công tác giáo dục tư tưởng chính trị: học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết Trung ương; đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết đã ban hành; đấu tranh chống những quan điểm sai trái; hướng dẫn dư luận, lắng nghe tiếng nói của nhân dân, cán bộ, đảng viên. Đã có những cố gắng đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị. Việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng có kết quả tích cực bước đầu. Cùng với thắng lợi của đường lối phát triển kinh tế, công tác giáo dục tư tưởng chính trị thời gian qua đã góp phần nâng cao nhận thức, sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội về mục tiêu lý tưởng, về đường lối, chính sách đổi mới, quan điểm đối ngoại, về vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao lòng tin của nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng, tính tích cực chủ động về tư tưởng của cán bộ, đảng viên trước những diễn biến phức tạp của tình hình, đấu tranh chống những

quan điểm chính trị phản động, cơ hội và những thông tin sai trái, góp phần làm thất bại một bước chiến lược "diễn biến hòa bình", phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị.

Mặt yếu của công tác giáo dục tư tưởng chính trị là: vẫn còn một số cấp ủy và tổ chức đảng triển khai các nghị quyết Trung ương chưa sâu sắc, chưa xây dựng được chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết. Nhiều nơi việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa gắn với liên hệ và áp dụng vào ngành, địa phương, đơn vị. Một số tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận rõ âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị vẫn chậm đổi mới về nội dung, hình thức; tính thuyết phục, tính chiến đấu và hiệu quả chưa cao, còn né tránh, hữu khuynh, chưa phê phán mạnh mẽ, đấu tranh kiên quyết chống lại những quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, nhằm bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, bảo vệ thuần phong mỹ tục của dân tộc. Công tác lý luận chưa giải đáp một cách thuyết phục những yêu cầu của cuộc sống và những băn khoăn, trăn trở trên một số vấn đề kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống chưa thường xuyên, liên tục, có mặt bị buông lỏng, xem nhẹ; tự phê bình và phê bình vẫn là khâu yếu, ít chuyển biến. Công tác tuyên truyền đường lối, chính sách đến dân chưa được quan tâm đúng mức, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa. Có nơi, có lúc còn thiếu chủ động trong đấu tranh chống âm

mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, còn lúng túng trong việc xử lý một số vấn đề về tôn giáo, dân tộc, nhân quyền. Công tác giáo dục tư tưởng chính trị chưa đủ sức khắc phục những mặt yếu kém kéo dài nhiều năm, chưa tạo được chuyển biến rõ rệt trong Đảng và xã hội, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Những quan điểm sai trái, nhận thức mơ hồ về mục tiêu lý tưởng, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân vẫn tồn tại. Tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, cục bộ địa phương, những biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội có chiều hướng gia tăng.

Các cơ quan báo chí, xuất bản đã có nhiều cố gắng đổi mới nội dung và hình thức, kịp thời đưa tin, phản ánh về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, đấu tranh chống tham nhũng... Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, quản lý báo chí vẫn còn bị buông lỏng và nhiều thiếu sót, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Về đội ngũ cán bộ, đảng viên: phần lớn cán bộ, đảng viên nhất trí, tin tưởng, quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, có sự đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Không ít cán bộ, đảng viên còn băn khoăn về cơ sở lý luận của một số vấn đề về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Một bộ phận nhận thức chưa đầy đủ, có biểu hiện thờ ơ, phai nhạt lý tưởng, làm việc cầm chừng, đóng góp

hạn chế cho công việc chung. Số ít thể hiện sự bất mãn, không tin, suy thoái, thậm chí có hành động chống đối, nói và làm trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

Nguyên nhân chính của những yếu kém trong công tác giáo dục tư tưởng chính trị là chậm đổi mới về nội dung, phương pháp; công tác lý luận và tổng kết thực tiễn chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng, chưa giải đáp được những băn khoăn, trăn trở trên một số vấn đề mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm. Một số cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy chưa có nhiều biện pháp hiệu quả, chưa dành nhiều thời gian công sức đi sâu chỉ đạo công tác giáo dục tư tưởng chính trị, chưa xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa chưa được kiện toàn đầy đủ về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, kỹ thuật và điều kiện làm việc của các cơ quan làm công tác tư tưởng, lý luận còn nhiều khó khăn.

II- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ

Hơn hai năm qua, công tác cán bộ đã bám sát nhiệm vụ chính trị, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có một số đổi mới về nội dung và cách làm, mang lại kết quả bước đầu trên một số mặt. Đội ngũ cán bộ tiếp tục có bước trưởng thành và tiến bộ, là lực lượng nòng cốt cùng với nhân dân thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, chỉnh đốn Đảng do Đại hội IX đề ra.

Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, được các địa phương, ngành thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả bước đầu. Việc luân chuyển cán bộ vừa giúp cán bộ có triển vọng được rèn luyện, trưởng thành, vừa tạo điều kiện để cán bộ tại chỗ phát triển. Bước đầu việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đã thúc đẩy công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, góp phần khắc phục một bước những biểu hiện trì trệ, cục bộ, khép kín.

Quy hoạch cán bộ là một khâu quan trọng trong công tác cán bộ. Những năm gần đây các cấp ủy và tổ chức đảng đã chú ý hơn đến việc chỉ đạo thực hiện, quan tâm đổi mới nội dung và cách làm quy hoạch cán bộ theo phương châm "động" và "mở", thực hiện dân chủ, công khai, phát huy vai trò của tập thể cấp ủy và thường vụ cấp ủy, khắc phục những biểu hiện thiếu tin, ngại khó, làm quy hoạch một cách hình thức, đối phó. Đến nay 61/61 tỉnh, thành phố trực thuộc và một số bộ, ngành trung ương đã làm xong quy hoạch cán bộ bước một. Kết quả đó đã tạo sự chuyển biến về nhận thức và cách làm quy hoạch, thúc đẩy việc đánh giá, phát hiện, tạo nguồn cán bộ, góp phần từng bước khắc phục tình trạng hẫng hụt, bị động trong công tác cán bộ, tạo thế chủ động chuẩn bị nhân sự cấp ủy và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp khóa tới.

Các cấp ủy và tổ chức đảng đã cố gắng chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị, khắc phục một phần tình trạng đào tạo tràn lan, không theo quy hoạch. Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng đào tạo tại chức; tăng cường

các lớp đào tạo tập trung, các lớp đào tạo cán bộ nguồn, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân từ công nhân, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng - an ninh, các lớp đào tạo sau đại học đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Việc thực hiện chính sách đối với các đối tượng cán bộ lão thành cách mạng, người có công với nước, cán bộ cơ sở có một số mặt tiến bộ. Ban Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ trung ương và cấp tỉnh đã được lập lại với chức năng, nhiệm vụ được xác định rõ, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, bước đầu hoạt động có hiệu quả góp phần chăm lo sức khỏe cán bộ.

Công tác đánh giá cán bộ có những mặt tiến bộ.

Một số cấp ủy và tổ chức đảng đã thực hiện đánh giá cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của đảng viên, cán bộ và nhân dân làm thước đo chủ yếu. Do quản lý và đánh giá sát hơn, chấp hành quy trình và thủ tục đầy đủ hơn, nhất là coi trọng phát huy, mở rộng dân chủ và quyết định tập thể nên hạn chế sai sót.

Từ Đại hội đến nay đã bố trí và bố trí lại hàng ngàn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có 255 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, qua đó đã đổi mới một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý theo hướng tích cực, thay thế số cán bộ mất đoàn kết, phẩm chất, năng lực yếu kém bằng những đồng chí có tín nhiệm hơn; xử lý kỷ luật đảng hoặc truy tố trước pháp luật một số cán bộ hư hỏng. Đa số cán bộ nhận nhiệm vụ mới được đào tạo cơ bản, có phẩm chất và năng lực, bước đầu phát huy tác dụng, góp phần tăng cường năng lực và đổi mới phong cách lãnh đạo của cấp ủy đảng. Phần lớn

cán bộ lãnh đạo, quản lý đã nhận thức rõ hơn về trách nhiệm, có ý thức phấn đấu giữ gìn tư cách, đạo đức, đoàn kết nội bộ; năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực tổ chức thực hiện được nâng lên, tiếp cận và giải quyết tốt hơn những vấn đề mới của thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế, trong đó có những cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở các cấp, các ngành thể hiện rõ tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, có phong cách làm việc dân chủ, mang lại hiệu quả thiết thực.

Việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã phát huy tác dụng tích cực trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đã sửa đổi, bổ sung một số chính sách, cơ chế, pháp luật về quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước; phát hiện và đưa ra xét xử một số vụ án kinh tế, xã hội nghiêm trọng; đặc biệt, đã nghiêm khắc xử lý một số cán bộ, đảng viên có sai phạm, kể cả cán bộ cao cấp; nhiều địa phương đã xử lý dứt điểm vụ việc nổi cộm; các vụ khiếu nại, tố cáo được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và đã đem lại một số kết quả, các "điểm nóng" lớn trong xã hội có chiều hướng giảm bớt; tình trạng mất đoàn kết trong một số cấp ủy và tổ chức đảng giảm đáng kể; cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa tiêu cực.

Nhìn chung, công tác cán bộ đã có chuyển biến cả nhận thức và cách làm, đi sát thực tiễn hơn, chú ý phát hiện những nhân tố mới, đã đề ra và thực hiện một số cơ chế, giải pháp tiếp tục cụ thể hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, phát huy

trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật và điều lệ của các tổ chức quần chúng; chấp hành đúng và đầy đủ hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định trong công tác cán bộ. Thực tiễn đã khẳng định, để tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ cần phải thực hiện đồng bộ các khâu: đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ.

Tuy nhiên, công tác cán bộ vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập; đánh giá và quản lý cán bộ vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục, còn nể nang, "dĩ hòa vi quý" thiếu thẳng thắn, chất lượng đánh giá cán bộ còn hạn chế, nhiều nơi chưa thực hiện việc công khai đánh giá cán bộ. Công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ tuy có chuyển biến bước đầu nhưng chưa đồng đều ở các cấp, các ngành; các bộ, ngành làm chậm hơn các địa phương. Quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ, kết nạp đảng viên... có thành phần xuất thân là công nhân chưa được quan tâm đúng mức. Đào tạo, bồi dưỡng còn nặng về bằng cấp, học vị, chất lượng không cao. Chậm xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài. Không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các ngành, các cấp còn yếu về kiến thức, năng lực. Chưa kịp thời thay thế một số người đứng đầu tổ chức trì trệ, năng lực hạn chế, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chưa xây dựng được hệ thống các biện pháp khuyến khích đảng viên, cán bộ và nhân dân tham gia, giám sát công tác cán bộ. Chưa xây dựng được quy chế vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo tập thể của cấp ủy vừa phát huy trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức,

của cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ. Chưa nghiêm túc thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế, quy định về công tác cán bộ. Việc cụ thể hóa phân cấp trong công tác cán bộ còn hạn chế. Chưa quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức về mọi mặt. Chưa kết hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ với cải cách hành chính.

Quy định 75-QĐ/TW về công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã được các cấp, các ngành quán triệt, kịp thời hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện đã tạo sự thống nhất nhận thức về yêu cầu và giải pháp xử lý những vấn đề cụ thể. Đã phối hợp các cơ quan có liên quan làm rõ và kết luận nhiều trường hợp về mặt lịch sử chính trị của người vào Đảng, người tham gia cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp; thẩm tra, thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ chính trị nội bộ chậm giải đáp và kết luận một số vấn đề tồn tại cũ và mới phát sinh; chậm bổ sung, sửa đổi một số điểm không còn phù hợp trong Quy định 75-QĐ/TW. Còn lúng túng trong việc phát hiện và giải quyết những trường hợp có dấu hiệu vi phạm về chính trị theo quy định hiện hành. Quy chế phối hợp giữa Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương với các ban đảng và các cơ quan nhà nước gần đây mới được xây dựng, chưa được triển khai sâu rộng. Một số nơi cấp ủy và người đứng đầu tổ chức đảng chưa quan tâm đúng mức chỉ đạo công tác này.

Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) chưa đạt được yêu cầu, chưa tạo được những chuyển biến cơ bản, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tệ tham ô, bòn rút tài sản công, sách nhiễu, lãng phí vẫn tồn tại khá phổ biến ở mức độ và hình thức khác nhau trong đội ngũ cán bộ, bộ máy lãnh đạo và quản lý, nhất là trong lĩnh vực quản lý nhà đất, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách; đáng lo ngại là có một số người có chức, có quyền hư hỏng; nơi này, nơi khác vẫn còn có hiện tượng chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy bằng cấp. Việc kê khai tài sản và nguồn thu nhập thực hiện hiệu quả thấp; kiểm tra ngăn ngừa, uốn nắn, xử lý sai phạm còn chậm, chưa nghiêm, còn để lọt nhiều vụ việc, chưa kiên quyết xử lý kỷ luật đối với những người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí ở ngành, địa phương, đơn vị.

Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn đoàn kết nội bộ tuy có chuyển biến, tiến bộ, nhưng vẫn còn những biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc không theo quy chế, độc đoán, chuyên quyền; một số nơi còn tiềm ẩn nguy cơ mất đoàn kết, không thể xem thường; bên cạnh đó không ít tổ chức đảng có biểu hiện đoàn kết xuôi chiều. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm tròn trách nhiệm, chưa nêu gương trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Tình trạng suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn liền với tình trạng kỷ cương, phép nước không nghiêm là vấn đề lớn làm nhân dân bất bình, lo lắng và giảm niềm tin; là nhân tố tiêu cực lớn đang

hạn chế, kìm hãm bước tiến của công cuộc đổi mới; là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và Nhà nước ta.

Về nguyên nhân khách quan, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước ta chưa lường hết mặt trái của nó nên chưa có những giải pháp kịp thời về tư tưởng và khả năng ứng phó cho cán bộ, đảng viên. Về chủ quan, không ít cấp ủy đảng, trước hết là người đứng đầu tổ chức chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa quyết định của công tác cán bộ, thiếu quyết tâm chỉ đạo, chậm cụ thể hóa những chủ trương, giải pháp đồng bộ có hiệu quả về pháp luật, cơ chế, chính sách, những biện pháp xử lý kỷ luật khi cán bộ vi phạm. Việc triển khai chiến lược cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII còn chậm và không đồng bộ; chậm tăng cường, xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật và tổ chức, cán bộ thật sự trong sạch, vững mạnh. Sự tu dưỡng, rèn luyện của một bộ phận cán bộ trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp chưa tự giác, chưa thường xuyên và nghiêm túc. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa thu hút cả hệ thống chính trị và cả xã hội vào cuộc đấu tranh thường xuyên chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

III- CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CỦNG CỐ CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương, nghị quyết, chỉ thị về xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở xã,

phường, thị trấn đã tích cực triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, hình thành hệ thống quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền, với dân; tăng cường lãnh đạo đổi mới cơ cấu kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống nhân dân; tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ ở những địa bàn trọng yếu, những nơi có biểu hiện mất ổn định, vùng sâu, vùng xa... đạt kết quả.

Đã bổ sung, sửa đổi các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với cơ chế và tổ chức mới; điều chỉnh, sắp xếp một bước về tổ chức cơ sở đảng trong các tổng công ty lớn; cải tiến việc đánh giá, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm, giới thiệu đảng viên đang công tác ở cơ quan Đảng, Nhà nước giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả, nhất là ở những vùng trọng yếu, những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên. Số lượng đảng viên mới được kết nạp hằng năm đều tăng; tỷ lệ đảng viên là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, người dân tộc thiểu số, số giáo viên, trí thức được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng, đã góp phần làm cho cơ cấu đội ngũ đảng viên thay đổi theo hướng tích cực và thu hẹp dần số thôn, bản, trường học... chưa có tổ chức đảng hoặc đảng viên. Từ năm 2001 đến tháng 6-2003, đã kết nạp được 343.334 đảng viên mới, bình quân mỗi năm kết nạp trên 137.300 đảng viên (tăng 37% so với bình quân 5 năm trước).

Nhìn chung, từ sau Hội nghị Trung ương 5 khóa IX công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đã tạo nên một số chuyển biến tích cực, nhiều đảng bộ xã đã có chuyển biến khá rõ. Các tổ chức cơ sở đảng đã nhận thức và thực hiện đầy đủ hơn chức năng hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở; khắc phục dần biểu hiện ỷ lại, thiếu chủ động, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, củng cố đảng bộ, chi bộ yếu kém có chuyển biến bước đầu.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi vẫn còn yếu, một số nơi chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở. Nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ còn lúng túng, chậm cải tiến, hiệu quả thấp. Vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên còn nhiều mặt hạn chế. Công tác quản lý nhà nước, vận động quần chúng của chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở còn yếu, chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa thật nghiêm túc. Tổ chức đảng và chính quyền ở xã, phường, thị trấn tuy có những tiến bộ, nhưng không ít nơi vẫn chưa khắc phục được bệnh quan liêu, chưa giải quyết kịp thời những quyền lợi chính đáng, hợp pháp của nhân dân, thậm chí còn hách dịch, gây phiền hà cho dân; ở miền núi địa bàn rộng, dân cư phân tán, đảng viên ít, cán bộ ít được đào tạo, bồi dưỡng làm hạn chế kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong khu vực doanh nghiệp nhà nước,

mặc dù Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX đã xác định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng nhưng thực tế vẫn còn có những vấn đề cần được làm rõ hơn về nội dung và phương thức hoạt động. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng có nhiều vấn đề mới nảy sinh nhưng Ban Tổ chức Trung ương, các cấp ủy và tổ chức đảng chậm sơ kết, đánh giá để bổ sung, sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn xây dựng tổ chức đảng trong các loại hình cơ sở, nhất là trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp cổ phần, tư nhân cho phù hợp với tình hình mới. Tổ chức cơ sở đảng trong khu vực cơ quan hành chính, sự nghiệp hoạt động còn lúng túng, vai trò mờ nhạt, nhiều nơi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị là đảng viên nhưng chưa thực sự tôn trọng và phát huy vai trò của tổ chức đảng. Chưa có cơ chế, thiết chế cụ thể bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng được phát huy trong thực tế. Công tác đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên tuy có cải tiến nhưng tổ chức thực hiện chưa nghiêm, vẫn chưa bảo đảm chính xác, chưa phản ánh đúng thực chất. Chậm cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện một số chủ trương về đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách chế độ đối với đội ngũ cán bộ cơ sở. Chưa thực sự quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ bí thư, chi ủy viên của mỗi chi bộ. Không ít cấp ủy cơ sở, chi ủy chưa thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Nguyên nhân của những hạn chế và yếu kém trên là: không ít cấp ủy các cấp chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí quan trọng của cơ sở, còn quan liêu, xa dân, không sát

cơ sở; chưa quan tâm chỉ đạo quyết liệt công tác xây dựng, củng cố cơ sở, chậm bổ sung, hoàn thiện những quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, mối quan hệ và giải pháp để củng cố tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở; mặt khác, bản thân cấp ủy cơ sở cũng thiếu chủ động, năng động tự đổi mới, tự chỉnh đốn, còn trông chờ, ỷ lại vào cấp trên.

IV- KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Sau Đại hội IX của Đảng, công tác tổ chức đã tập trung vào nhiệm vụ kiện toàn tổ chức, bổ sung, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và lề lối làm việc của bộ máy Đảng, của các tổ chức trong hệ thống chính trị, cơ bản theo đúng định hướng Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, bước đầu phát huy tác dụng, phục vụ việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước. Đã hướng dẫn kịp thời việc thi hành Điều lệ Đảng, nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản như chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, thi hành kỷ luật trong Đảng. Đã sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các bộ, cơ quan nhà nước, của các ban đảng, Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, đảng bộ khối cấp tỉnh, tổ chức đảng trong đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trong các doanh nghiệp lớn, bộ máy tổ chức đảng, các đoàn thể ở Trung ương và địa phương.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tích cực tự đổi mới phương thức lãnh đạo và chỉ đạo đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở các cấp, tạo chuyển biến bước đầu trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở đã cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội, xây dựng và làm việc theo chương trình, kế hoạch; vừa chú ý lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, vừa tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm. Coi trọng việc đề ra giải pháp, phân công tổ chức thực hiện; quan tâm kiểm tra thực hiện quyết định, tổng kết, sơ kết, rút kinh nghiệm. Đã coi trọng cụ thể hóa và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành dân chủ trong tập thể lãnh đạo khi thảo luận và ra quyết định; xây dựng và thực hiện các quy chế theo hướng mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch. Đã quan tâm nghiên cứu và thực hiện một số cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước như: lãnh đạo Đảng đoàn Quốc hội trong việc chỉ đạo công tác lập pháp, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, trong việc chuẩn bị nhân sự cấp cao của Nhà nước; lãnh đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ và ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp trong công tác nhân sự, công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Tăng cường các cuộc làm việc của tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ với lãnh đạo chủ chốt các địa phương, ngành, kịp thời giải quyết được nhiều kiến nghị và vướng mắc của các cấp, các ngành, các địa phương. Nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp đã coi trọng việc đi cơ sở, phát huy dân chủ, giữ gìn đạo đức, lối sống.

Trung ương và các cấp ủy đã quan tâm hơn công tác kiểm tra, coi đây là một khâu quan trọng trong đổi mới phương thức lãnh đạo. Đã xây dựng chương trình kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo chương trình, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, trên những lĩnh vực, địa bàn có vấn đề phức tạp, coi trọng kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kiểm tra công tác cán bộ. Qua kiểm tra đã chỉ ra sai sót, đề ra biện pháp khắc phục, đã có tác dụng giáo dục chung và ngăn ngừa vi phạm. Đã tập trung chỉ đạo kiểm tra một số vụ vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước, xử lý nghiêm hơn cán bộ có sai lầm, khuyết điểm, kể cả cán bộ cao cấp, được dư luận cán bộ và nhân dân đồng tình. Từ Đại hội IX đến nay đã thi hành kỷ luật hơn 45.000 đảng viên vi phạm, trong đó 27,4% là cấp ủy viên các cấp, có 69 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Kỷ luật khai trừ 13,9%, cách chức 5,4%, phạt giam 925 trường hợp trong tổng số đảng viên vi phạm. Đáng chú ý là số bị xử lý vì vi phạm nghị quyết, chính sách, luật pháp chiếm 42% (nhiệm kỳ trước là 28%), vi phạm Quy định 19 điều đảng viên không được làm. Số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật là 650, trong đó phải giải tán hai tổ chức.

Thiếu sót và hạn chế là: công tác kiện toàn tổ chức bộ máy còn nhiều yếu kém, bất cập. Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế còn hạn chế, thực hiện chưa nghiêm. Nhìn chung bộ máy tổ chức của nhiều cơ quan nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể vẫn cồng kềnh, chất lượng hoạt động thấp. Chức năng, nhiệm vụ của không ít tổ chức còn chồng chéo, chưa được làm rõ.

Một số quy định về quan hệ và lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong lãnh đạo công tác an ninh, quốc phòng, đối ngoại và công tác tổ chức cán bộ... chưa được cụ thể hóa và hoàn thiện. Một số vấn đề vướng mắc về quan hệ giữa ngành với lãnh thổ trong hệ thống tổ chức đảng về công tác cán bộ chưa được xử lý thỏa đáng. Sự đổi mới phương thức lãnh đạo chưa mạnh, chưa thực sự góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện mới. Đổi mới chưa đồng bộ, còn nhiều nơi, nhiều việc chưa thực chất, chưa sát dân, dân chủ nội bộ chưa được phát huy đầy đủ, nói chưa đi đôi với làm. Bệnh thành tích, hình thức, phô trương, lãng phí còn khá phổ biến ở các cấp, các ngành. Cụ thể hóa chưa đầy đủ một số vấn đề về Đảng lãnh đạo kinh tế; Đảng lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ; Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với công tác quốc phòng - an ninh; về trách nhiệm pháp lý của người đứng đầu tổ chức trong chế độ lãnh đạo tập thể... vẫn còn tình trạng ra nhiều nghị quyết, hiệu quả thực hiện một số nghị quyết không cao. Phương thức lãnh đạo, điều hành vẫn chủ yếu là bằng văn bản (nghị quyết, chỉ thị), thông qua hội họp, ít kiểm tra cấp dưới thực hiện. Việc trả lời, xem xét, giải quyết các đề nghị của cấp dưới của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể có lúc, có nơi không kịp thời.

Chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao, chưa kịp thời phát hiện vi phạm, còn nể nang, né tránh, chưa chỉ rõ khuyết điểm và trách nhiệm cụ thể, nhất là đối với những vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm nguyên tắc, quy chế công tác;

số vụ việc được kiểm tra còn ít so với thực trạng vi phạm. Chưa kiểm tra chặt chẽ việc sửa chữa khuyết điểm. Chưa có chủ trương và giải pháp cụ thể động viên cán bộ, đảng viên tự giác nhận, sửa chữa, khắc phục hậu quả khuyết điểm, sai phạm; chưa có biện pháp bảo vệ cán bộ, đảng viên tốt, dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực. Một số nơi, cấp ủy và tổ chức đảng chưa thật quan tâm tự kiểm tra, kiểm tra cấp dưới và chỉ đạo cơ quan kiểm tra. Việc phối hợp giữa kiểm tra của Đảng với Thanh tra Nhà nước chưa chặt chẽ.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là chưa coi trọng đúng mức công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về phương thức lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện mới. Do vậy, trên một số mặt chưa thật sự làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và mô hình tổ chức, cơ chế vận hành của các bộ phận trong hệ thống chính trị. Sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về phân định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, về phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp còn chậm, thiếu cụ thể.

V- ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

Từ Đại hội IX của Đảng đến nay, công tác xây dựng Đảng đã được triển khai tương đối đồng bộ, bước đầu có chuyển biến, mang lại kết quả trên một số mặt. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng lên một bước; nhiều

chính sách của Đảng đi vào cuộc sống, mang lại kết quả thực tế; Đảng quyết tâm chỉ đạo khắc phục sự suy thoái, giữ vững bản chất cách mạng, gắn bó với nhân dân, với dân tộc. Sinh hoạt trong Đảng, trong xã hội ngày càng dân chủ, cởi mở, công khai. Nhiều cán bộ, đảng viên đã phát huy được vai trò gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; có phong cách làm việc, dân chủ, nói đi đôi với làm. Kết quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã góp phần quan trọng tạo nên những thành tựu: giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Những chuyển biến nói trên là kết quả nhiều năm của công tác xây dựng Đảng, cũng là kết quả trực tiếp thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy và tổ chức đảng đã bám sát và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội, có các nghị quyết, quyết định sát thực tiễn, chọn đúng và tập trung chỉ đạo thực hiện những vấn đề có tính chất cơ bản, tạo sự nhất trí về nhận thức và hành động trong Đảng, trong dân.

Khuyết điểm là công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập, chậm được khắc phục, nhất là chưa ngăn chặn, đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng ở các cấp còn yếu kém, bất cập, nhất là tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, của chi bộ đảng.

Những thiếu sót, khuyết điểm trên có nguyên nhân khách quan: do bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến

động phức tạp; mặt trái của cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng; nhưng nguyên nhân chủ quan là chính: do chậm đổi mới và chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng; nhiều tổ chức đảng, cấp ủy và bí thư cấp ủy chưa dành đúng mức thời gian, trí tuệ, công sức chỉ đạo; thiếu các biện pháp hiệu quả thực hiện các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng. Một số nơi thực hiện chưa nghiêm các nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chưa quan tâm đúng mức công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng.

Công tác xây dựng Đảng từ sau Đại hội IX của Đảng đến nay đã tiếp tục khẳng định những bài học 15 năm đổi mới được Đại hội IX tổng kết, những kinh nghiệm được nêu lên trong Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa IX kiểm điểm việc thực hiện ba nghị quyết Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ. Thực tiễn mấy năm qua cho thấy, cần phải nhấn mạnh và làm rõ thêm một số kinh nghiệm sau đây:

Một là, Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền, bối cảnh phức tạp của tình hình quốc tế, trong nước và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay đòi hỏi Đảng ta phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn; phải thường xuyên chăm lo công tác chính trị, tư tưởng bảo đảm sự thống nhất trong Đảng về nhận thức và hành động, sự đồng thuận trong xã hội về mục tiêu, lý tưởng, về đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Hai là, coi trọng việc cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng bằng các

chính sách, pháp luật, giải pháp cụ thể, với bước đi thích hợp nhằm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Một chủ trương đúng thường không thể tự nó đi vào cuộc sống mà cần phải có nhiều biện pháp đồng bộ, khả thi, nhất là cần có đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực tổ chức thực hiện có kết quả, đặc biệt là năng lực tổng kết thực tiễn và cụ thể hóa đường lối, biết chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách chủ động, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mang lại hiệu quả thiết thực.

Ba là, phải giữ vững và cụ thể hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật và điều lệ của các tổ chức quần chúng. Đảng chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên và giới thiệu các đảng viên ưu tú của mình để nhân dân lựa chọn vào các chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thực hiện phân công, phân cấp hợp lý trong công tác cán bộ; đồng thời thường xuyên kiểm tra công tác cán bộ của các ngành, các cấp.

Bốn là, mở rộng, phát huy dân chủ thực sự đi đôi với giữ vững kỷ cương, kỷ luật là vấn đề cốt lõi, là động lực to lớn trong công tác xây dựng Đảng, cần xây dựng và thực hiện thiết chế bảo đảm dân chủ thực sự trong tổ chức đảng, trong cơ quan lãnh đạo, giữa tổ chức đảng với các bộ phận của hệ thống chính trị, giữa tổ chức đảng, chính quyền với nhân dân; bảo đảm cho đảng viên, cán bộ và mỗi công dân đều có

thể tham gia, giám sát công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và các đoàn thể nhân dân một cách thiết thực. Phải coi trọng công tác tự phê bình, phê bình nhằm nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên.

Năm là, tăng cường vai trò lãnh đạo tập thể của cấp ủy và tổ chức đảng, đồng thời làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, của cơ quan tham mưu là nhân tố có ý nghĩa quyết định trong công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt coi trọng việc bố trí đúng người đứng đầu tổ chức có đức, có tài, có tính đảng cao, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống, đấu tranh chống tham nhũng, nói đi đôi với làm. Cần kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu về xây dựng Đảng ở các cấp.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

Tình hình thế giới vẫn còn đang diễn biến phức tạp, tác động nhiều mặt đến tình hình nước ta; trong nước, bên cạnh những thành tựu, những chuyển biến tiến bộ vẫn còn những khó khăn, thử thách, những khuyết điểm, yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn, bảo đảm cho công tác xây dựng, chỉnh đốn

Đảng thực sự là nhiệm vụ then chốt của Đảng, tạo sự chuyển biến đồng bộ trên các lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, tổ chức. Tiếp tục thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng do Đại hội IX đề ra, làm tốt công tác chuẩn bị Đại hội X của Đảng.

Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ cần tập trung trong thời gian tới là:

- Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn góp phần hoàn thiện đường lối Đại hội X của Đảng, bổ sung Cương lĩnh, Điều lệ Đảng làm cơ sở cho công tác chính trị tư tưởng trong Đảng.

- Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở và hướng về cơ sở, tạo sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giáo dục, rèn luyện đạo đức, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đây cũng là yếu tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi cải cách hành chính.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình triển khai đồng bộ các mặt công tác đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ, tạo

sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có chất lượng, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Trước mắt chuẩn bị tốt nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội X của Đảng.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, góp phần nâng cao năng lực, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, điều hành, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

I- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, nâng cao tính chiến đấu và hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị làm cho cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào đường lối đổi mới, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chủ động đấu tranh chống những quan điểm sai trái, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, thắt chặt mối quan hệ với quần chúng, nâng cao trình độ năng lực, rèn luyện đạo đức cách mạng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

Thực hiện tốt Chỉ thị của Ban Bí thư về "đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh

trong giai đoạn mới". Đưa việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh thành một trong các nội dung sinh hoạt của mỗi chi bộ, thành chương trình rèn luyện tu dưỡng của mỗi cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên không chỉ phải học tập, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn phải vận dụng nhuần nhuyễn vào thực tiễn công tác, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, đấu tranh chống suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Đặc biệt, phải coi trọng việc nghiên cứu vận dụng một cách toàn diện và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cần làm rõ các vấn đề thực tiễn bức xúc đang đặt ra về mô hình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về Đảng và công tác xây dựng Đảng; về tính chất và bản chất giai cấp của Đảng; tiêu chuẩn đảng viên và điều kiện kết nạp đảng viên trong điều kiện mới; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền, mối quan hệ giữa Đảng với dân... Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu những vấn đề thiết thực, bổ sung, hoàn thiện Cương lĩnh và Điều lệ tại Đại hội X của Đảng.

Thường xuyên chỉ đạo uốn nắn những nhận thức lệch lạc, mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng; đấu tranh

không khoan nhượng, chống chủ nghĩa cá nhân, những biểu hiện cơ hội, thực dụng, bè phái, cục bộ; phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc và nhân quyền chống phá cách mạng nước ta. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, điều kiện làm việc của các cơ quan, đơn vị làm công tác tư tưởng chính trị. Bảo đảm định hướng và cơ chế lãnh đạo, quản lý đối với các cơ quan báo chí, xuất bản và cán bộ lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực này. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, chống mọi khuynh hướng "thương mại hóa" hoạt động của báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ.

II- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ, CHUẨN BỊ TỐT CÔNG TÁC NHÂN SỰ ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP VÀ ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG, TRƯỚC MẮT LÀ NHÂN SỰ BẦU CỬ CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP KHÓA TỚI

Tiếp tục đổi mới về nội dung, phương pháp công tác cán bộ; nghiêm túc thực hiện các quy chế, quy định về công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của đảng viên, cán bộ và nhân dân làm thước đo chủ yếu; xây dựng thiết chế để nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ một cách thiết thực. Chuẩn bị chu

đáo, quyết định tập thể, dân chủ, công khai; loại trừ mọi biểu hiện chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, thiếu minh bạch, nể nang trong công tác cán bộ. Tổng kết việc xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ là con em các gia đình có công với nước, cán bộ xuất thân từ công nhân trong các cấp ủy, trên cơ sở đó có các giải pháp bảo đảm cơ cấu hợp lý trong đội ngũ cán bộ.

Bộ Chính trị ra Nghị quyết về công tác quy hoạch cán bộ, trong đó cần nhấn mạnh việc phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài; Nghị quyết về kiện toàn tổ chức, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị đáp ứng yêu cầu phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cấp ủy các cấp và người đứng đầu tổ chức cần tập trung chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, tạo sự chủ động trong công tác cán bộ. Chú ý nâng cao chất lượng và bảo đảm cơ cấu hợp lý trong quy hoạch cán bộ; trong cơ cấu phải bảo đảm ba độ tuổi, tăng tỷ lệ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ xây dựng kế hoạch nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp khóa tới; kế hoạch đào tạo, luân chuyển cán bộ chuẩn bị nhân sự đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ tới và các nhiệm kỳ sau. Triển khai Dự án nhà nước "Thí điểm đào tạo nguồn nhân lực tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Triển khai thực hiện chế độ dự bị công chức; có chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác ở cơ sở nhằm tạo nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, bí thư cấp ủy; vấn đề kiêm nhiệm một số chức danh lãnh đạo đảng và chính quyền.

Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả rút kinh nghiệm hai năm thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, trên cơ sở đó tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Chú trọng luân chuyển cán bộ từ cơ sở lên huyện và ngược lại. Kết hợp luân chuyển cán bộ theo quy hoạch với sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ theo yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện luân chuyển một số chức danh công chức ngạch chuyên môn ở các lĩnh vực cần thiết (hải quan, thuế, quản lý thị trường, kho bạc, công an, tòa án, kiểm sát...), sắp xếp, bố trí lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Thực hiện nghiêm chế độ nghỉ hưu, nghỉ quản lý theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy, học tập. Chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí cho hệ thống các trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể. Kết hợp giữa đào tạo cơ bản, chính quy với việc tăng cường định kỳ mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức mới đối với đội ngũ cán bộ

lãnh đạo, quản lý các cấp; khuyến khích, tạo điều kiện cho mỗi cán bộ, đảng viên tự học tập. Có kế hoạch cử cán bộ đi nghiên cứu, học tập trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài. Tạo sự chuyển biến rõ rệt về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức - coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu để cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Kết hợp công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ với cải cách hành chính; đánh giá, bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ được bổ nhiệm có thời hạn; tiêu chuẩn hóa các chức danh cán bộ, công chức và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo các tiêu chuẩn chức danh.

Mở rộng dân chủ, thực hiện bầu cử có số dư ở các cấp. Xây dựng, bổ sung quy định về đề bạt, bổ nhiệm, quyền hạn, trách nhiệm người đứng đầu và quan hệ giữa người đứng đầu với tập thể lãnh đạo. Xây dựng, bổ sung quy định, điều kiện cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm nói chung phải trong diện quy hoạch; phải được đào tạo về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh; đề bạt lên cấp trên nói chung phải kinh qua cán bộ chủ chốt cấp dưới, nhất là kinh qua cán bộ chủ chốt cấp cơ sở trong một thời gian nhất định. Kiên quyết thay thế kịp thời những cán bộ lãnh đạo, quản lý không hoàn thành nhiệm vụ, tín nhiệm thấp; không giới thiệu ra ứng cử lại những cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở những nơi phong trào kém, kinh tế phát triển chậm, trì trệ, mất ổn định, mất đoàn kết... Củng cố, nâng cao chất lượng bộ máy và cán bộ làm công tác tham mưu cho cấp ủy các cấp, nhất là bộ máy làm công tác tổ chức - cán bộ; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ,

công tác kiểm tra của Đảng, công tác nội chính; điều động một số lượng cần thiết cán bộ lãnh đạo, quản lý ưu tú, có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sang lĩnh vực công tác này.

Thực hiện tốt 10 biện pháp đã nêu trong Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX, tiến hành tổng kết nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Khơi dậy và phát huy tinh thần tự giác rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của từng cán bộ, đảng viên. Tổ chức tốt đợt kiểm điểm giữa nhiệm kỳ đối với các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Khuyến khích, động viên cán bộ, đảng viên tự giác nhận và quyết tâm sửa chữa khuyết điểm; có quy định đối với những cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm pháp luật mà tự giác khai báo, khắc phục hậu quả được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước; kiên quyết xử lý nghiêm đối với những người cố tình vi phạm, che giấu khuyết điểm; động viên, khen thưởng, bảo vệ những người dám đấu tranh, tố cáo những khuyết điểm và sai phạm ngay trong tổ chức của mình. Nghiêm cấm trù dập những người đấu tranh, phê bình thẳng thắn, có ý thức xây dựng. Đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí phải được tiến hành bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ, trong đó chú trọng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là luật pháp trong việc quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước và quản lý ngân sách. Xây dựng các quy định về việc nhận quà, việc vợ, con cán bộ lợi dụng làm kinh tế tư nhân; việc kê khai tài sản trước và sau khi nhậm chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Xây dựng các thiết

chế xóa bỏ cơ chế "xin - cho", tạo điều kiện để người lao động, nhân dân kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị tham nhũng, tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực quản lý nhà, đất, xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách. Tiếp tục kiểm tra uốn nắn việc thực hiện Pháp lệnh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở tất cả các cấp, các ngành. Đòi hỏi cao đối với cán bộ lãnh đạo, nhất là các đồng chí giữ cương vị trọng trách trong bộ máy của Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương, các đồng chí Ủy viên Trung ương, bí thư tỉnh, thành ủy, bộ trưởng, người đứng đầu các ngành, địa phương, đơn vị và các cán bộ lãnh đạo khác phải tự giác rèn luyện, nêu gương cho cấp dưới về sự giác ngộ chính trị, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, sự hy sinh phấn đấu vì lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân. Các đồng chí đó phải chịu trách nhiệm trước những khuyết điểm tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Những cơ quan, đơn vị có sai phạm gây hậu quả nghiêm trọng, thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó dù không trực tiếp vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm và chịu hình thức kỷ luật thích hợp. Thẩm tra, kết luận, xử lý và thông báo công khai những vi phạm về nhà, đất của cán bộ, đảng viên.

Tổng kết việc thực hiện Quy định 75-QĐ/TW và các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương về bảo vệ chính trị nội bộ để có những bổ sung, sửa đổi phù hợp; làm tốt việc thẩm tra, kết luận, xử lý những trường hợp đang có dấu hiệu vi phạm về chính trị hiện nay, nhất là đối với cán bộ diện quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đề bạt. Trước mắt tập trung làm

tốt công tác thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác nhân sự bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, nhân sự đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội X của Đảng. Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, biên chế, quy chế làm việc của cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở các ngành, các cấp.

III- NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, NHẤT LÀ CHI BỘ

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Trung ương, các cấp ủy và tổ chức đảng hướng về cơ sở, tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố cơ sở, coi đây là công tác trọng tâm từ nay đến cuối nhiệm kỳ nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đặc biệt là chi bộ. Trách nhiệm trực tiếp và trước hết trong việc chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng thuộc về cấp ủy cấp trên trực tiếp của cơ sở. Thực hiện đồng bộ những biện pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội IX và các Nghị quyết Trung ương về xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, đoàn thể cơ sở; gắn xây dựng và củng cố các loại hình tổ chức cơ sở đảng với nâng cao chất lượng đảng viên. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ đảng. Có cơ chế, thiết chế để tổ chức cơ sở đảng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ;

bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng được phát huy trong thực tế. Làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ bí thư, chi ủy viên của mỗi chi bộ. Bổ sung, sửa đổi hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị của các tổ chức cơ sở đảng. Sớm bổ sung quy định và hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, những loại hình tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp cổ phần và tư nhân...

Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ trong phát triển sản xuất, tổ chức đời sống, tham gia xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên, phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Thực hiện hệ thống các quy định, quy chế về các mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trên cơ sở thực sự phát huy dân chủ rộng rãi trong sinh hoạt của cấp ủy, tổ chức đảng, trong chi bộ, nhất là phát huy quyền và nghĩa vụ của đảng viên tham gia công việc của Đảng, tự phê bình và phê bình. Đẩy mạnh công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên mới gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở, công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở theo tiêu chuẩn chức danh, trang bị, bổ sung những kiến thức về lý luận chính trị, về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý, điều hành. Thực hiện tốt chính sách chế độ, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 29-CT/TW của Ban Bí thư về việc đổi thẻ đảng viên nhằm nâng cao ý thức đảng cho đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, thúc đẩy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên để đổi thẻ cho đảng viên có đủ tư cách đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, đảng viên vi phạm tư cách phải có thời gian phấn đấu khắc phục khuyết điểm mới được đổi thẻ đảng viên. Thực hiện tốt Dự án xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên.

Xây dựng và thực hiện hệ thống quy chế hoạt động của tổ chức đảng; làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, chăm lo đời sống của nhân dân; thực hành dân chủ rộng rãi, nghiêm túc duy trì kỷ luật, kỷ cương của Đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong từng chi bộ, từng tổ chức cơ sở đảng và trong toàn Đảng.

IV- TIẾP TỤC KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO

Tiếp tục thực hiện nghiêm việc kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII; tổng kết mô hình tổ chức đảng trong hệ thống cơ quan hành chính, các doanh nghiệp lớn, mô hình đảng ủy khối, ban cán sự đảng, làm rõ mối quan hệ giữa mỗi loại hình tổ chức này với đảng ủy và lãnh đạo cơ quan.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm tránh cả hai khuynh hướng: hoặc buông lỏng sự lãnh đạo, hoặc bao biện, làm thay, nhất là phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Quốc hội, Chính phủ, sự lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng đối với cơ quan chính quyền cùng cấp; cụ thể hóa thêm một số vấn đề về sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng và thực thi vai trò quản lý của Nhà nước đối với công tác quốc phòng, an ninh. Tích cực đổi mới phong cách lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hoàn thiện quy trình xây dựng, ra nghị quyết và triển khai việc thực hiện nghị quyết. Tổng kết thực tiễn, cải tiến công tác chỉ đạo, thực hiện chế độ làm việc theo chương trình, kế hoạch, quy chế; cán bộ lãnh đạo, bám sát cơ sở, lắng nghe, tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia tích cực và rộng rãi vào kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục đổi mới việc ban hành các văn bản của Đảng theo hướng ngắn gọn, sát thực. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, các cuộc thi, sơ kết, tổng kết, hội thảo một cách gọn nhẹ, tiết kiệm, thiết thực; giảm tối đa các cuộc họp, hội nghị không thực sự cần thiết, hiệu quả thấp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hoạt động của các ban tham mưu của

Đảng ở các cấp là một trong những nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

Công tác kiểm tra của các cấp ủy cần tập trung vào các nội dung chủ yếu: kiểm tra thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc và công tác cán bộ; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Chú trọng thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là kiểm tra cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các ngành, các cấp. Tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm các vụ án lớn nhằm đề xuất những chủ trương, giải pháp trong việc thi hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước bảo đảm công bằng, nghiêm minh.

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đến nay, công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng tuy đã tạo ra những chuyển biến, kết quả tích cực, nhưng vẫn còn nhiều mặt thiếu sót, khuyết điểm. Trên cơ sở kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đánh giá đúng tình hình, nhận thức sâu sắc hơn vị trí then chốt và tính chất cấp bách của nhiệm vụ xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay, xác định rõ trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy, tổ chức đảng và bí thư cấp ủy trong việc đề ra những giải pháp đồng bộ, khả thi, khắc phục

có hiệu quả những khuyết điểm, yếu kém; tiếp tục đổi mới cách nghĩ, cách làm và quyết tâm làm, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX, tiến tới Đại hội X của Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,
Sđd, tr. 113-161.

GIẢI TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 167/TLHN, ngày 12 tháng 1 năm 2004

Tiếp thu ý kiến Trung ương về kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng

Trong ba ngày 6 - 8-1-2004, Trung ương đã thảo luận các báo cáo của Bộ Chính trị về kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đã có 120 ý kiến phát biểu (101 ý kiến tại tổ và 19 ý kiến tại hội trường), nhìn chung Trung ương nhất trí cao với những nội dung của các báo cáo về đánh giá và nhận định tình hình nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cũng như những phương hướng, mục tiêu chủ yếu cần phấn đấu đạt cho được trong nửa nhiệm kỳ còn lại và những chủ trương, biện pháp lớn cần tập trung thực hiện tốt trong thời gian tới; ít có những ý kiến khác nhau rõ rệt về đánh giá, nhận định tình hình cũng như về những chủ trương, giải pháp cụ thể. Đồng thời có một số ý kiến đề nghị nhấn mạnh, bổ sung hoặc làm rõ thêm một số nội dung trong các báo cáo.

Bộ Chính trị xin tiếp thu nhiều ý kiến của Trung ương để bổ sung vào các báo cáo và dự thảo Nghị quyết; dưới đây xin giải trình một số vấn đề sau:

1. Về đánh giá tình hình

Trong quá trình thảo luận cũng còn có những cách hiểu chưa hoàn toàn thống nhất về vấn đề này hoặc vấn đề khác, nhất là về mức độ đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, yếu kém trong thời gian qua.

Vấn đề này, trong các báo cáo Bộ Chính trị trình trước Trung ương đã thể hiện tương đối rõ, nhưng để thống nhất nhận thức trong đánh giá tình hình, Bộ Chính trị xin trình bày thêm như sau:

Từ sau Đại hội lần thứ IX của Đảng đến nay, mặc dù tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp đã tác động tiêu cực đến nước ta; những khó khăn, yếu kém vốn có của nền kinh tế đang đặt ra những thách thức rất lớn; nhưng với quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chúng ta đã đứng vững và giành được những thắng lợi quan trọng. Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là chưa có tiền lệ, lại diễn ra trong bối cảnh trong nước và quốc tế phức tạp nên những thành tựu và khuyết điểm, yếu kém luôn đan xen và chế ước lẫn nhau, khó phân tách rạch ròi, đó là thực tế có thể hiểu được. Chúng ta đạt nhịp độ tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa; các vùng kinh tế đều phát triển, các vùng kinh tế trọng điểm phát triển mạnh mẽ hơn. Đó là những thành tựu rất quan trọng, nhưng nếu so với mục tiêu Đại hội đề ra (7,5%) thì chưa đạt, nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động, sử dụng tốt và vẫn

chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài để phát triển đất nước. Chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp và chưa có chuyển biến rõ rệt. Thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn rất nghiêm trọng, phổ biến.

Tuy còn những thiếu sót, lúng túng, nhìn chung chúng ta tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa giữ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vừa phát huy mạnh hơn tiềm năng của kinh tế tư nhân; tiếp tục xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, vừa hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới.

Thời gian qua các lĩnh vực xã hội đã được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm và tích cực đầu tư, chăm lo giải quyết nên đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, được bạn bè quốc tế đánh giá cao, như nâng cao thu nhập và đời sống của đông đảo nhân dân, nhất là xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, phát triển các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... Nhưng còn để nhiều vấn đề xã hội bức xúc kéo dài, như tình trạng thiếu việc làm, đời sống ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có nơi gay gắt; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục thấp; tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều, nhất là

chưa chặn đứng được những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu dân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, thậm chí có chỗ, có nơi để những tệ nạn này phát triển thêm làm nhân dân lo lắng, không an tâm, nhưng chúng ta tiếp tục coi trọng và kiên trì quyết tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị và cuộc vận động đã có tác dụng cảnh báo, hạn chế nhất định những biểu hiện suy thoái, tiêu cực. Việc xây dựng luật pháp và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được chăm lo; dân chủ trong xã hội được mở rộng. Lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới, đối với chế độ và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được củng cố. Quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Từ những phân tích trên, Bộ Chính trị cho rằng tuy còn nhiều khuyết điểm, yếu kém không thể coi thường, đòi hỏi chúng ta sắp tới phải tập trung mọi nỗ lực để tiếp tục khắc phục, hạn chế; nhưng những thành tựu đạt được trong thời gian qua là cơ bản và đáng khích lệ; xét trên tổng thể, có thể khẳng định công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng theo đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đã đề ra, tiếp tục làm tăng thêm thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta phát triển đất nước nhanh hơn, bền vững hơn, tiếp tục tiến lên phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

2. Về khả năng thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm 2004 - 2005

Trong quá trình thảo luận ở tổ và ở hội trường, nhiều đồng chí Trung ương còn băn khoăn về mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm tới, có ý kiến cho là cần phải nói rõ hơn về khả năng thực hiện các mục tiêu đó, nhất là mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 8% mỗi năm.

Bộ Chính trị xin giải trình như sau:

Ba năm qua, chúng ta đã có những bước tiến cơ bản trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội IX đề ra. Tuy nhiên những gì đạt được còn thấp so với yêu cầu và so với tiềm năng có thể huy động của nền kinh tế. Nhiệm vụ còn lại trong hai năm tới (2004 - 2005) là rất nặng nề, đặt ra yêu cầu rất cao cả về phát triển chiều rộng, lẫn chiều sâu nhằm tạo ra bước đột phá mới để hoàn thành toàn diện mục tiêu của kế hoạch 5 năm và tiếp theo là những mục tiêu của chiến lược 10 năm (2001 - 2010). Theo tính toán, để đạt mức tăng trưởng bình quân 7,5% trong 5 năm, thì tốc độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm tới phải đạt được mức tăng bình quân khoảng 8,2%/năm; đồng thời chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế phải được cải thiện đáng kể, có như thế mới tăng được hiệu quả trong hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao mức sống các tầng lớp dân cư. Đây là đòi hỏi khá cao, nhưng có căn cứ để tin rằng nếu quyết tâm, chúng ta vẫn hoàn toàn có khả năng phấn đấu đạt được mục tiêu này. Những căn cứ đó là:

Một là, thời kỳ 1991 - 1996, với những điều kiện cơ sở vật chất còn nghèo, nhưng nhờ biết đổi mới đúng đắn, có hiệu quả về cơ chế, chính sách, về quản lý... nên đã có nhiều năm chúng ta đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao: Năm 1994 đạt 8,8%, năm 1995 đạt 9,5%, năm 1996 đạt 9,3%. Hiện nay, tình hình chính trị và xã hội của nước ta tiếp tục ổn định; thế và lực nước ta đã tăng lên nhiều so với những năm trước đây, kết cấu hạ tầng, năng lực và trình độ sản xuất của nhiều ngành kinh tế đến nay đã tăng lên đáng kể; cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực, cho phép phát huy được tốt hơn thế mạnh của nhiều ngành, nhiều vùng; chất lượng tăng trưởng đã bước đầu có những cải thiện; nền kinh tế nước ta đang ngày càng thích nghi với môi trường kinh tế quốc tế đầy biến động. Quan hệ kinh tế quốc tế tiếp tục được củng cố và phát triển, hàng xuất khẩu của Việt Nam đã đứng vững trên nhiều thị trường và có triển vọng được mở rộng. Thu hút đầu tư nước ngoài đang có dấu hiệu phục hồi. Nếu sắp tới, chúng ta thực hiện một cách đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp đột phá trong một số lĩnh vực như cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, coi trọng hơn chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ cấu công nghệ, thì chắc chắn có thể đẩy nhanh hơn nhịp độ phát triển kinh tế. Với nguồn lực kinh tế ngày càng lớn hơn, chúng ta cũng sẽ có nhiều khả năng hơn để giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội bức xúc..., hoàn thành tốt các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội IX đã đề ra.

Hai là, nhiều dự báo cho rằng kinh tế thế giới trong những năm tới sẽ phát triển khá hơn; tốc độ tăng trưởng

kinh tế và thương mại thế giới đang có dấu hiệu tăng lên sau một thời gian trì trệ, trong đó các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, các nước EU đều có mức phát triển khá; kinh tế các nước trong khu vực dự báo sẽ có mức phát triển cao so với những năm trước đây; trong đó Thái Lan năm 2003 tăng 6,4%, nay dự kiến năm 2004 tăng 8% và năm 2005 tăng 10%. Nước ta hiện nay doanh số xuất nhập khẩu xấp xỉ với GDP, là nước có độ mở nền kinh tế khá lớn, nhiều nước đang bày tỏ muốn mở rộng quan hệ thương mại và tăng đầu tư vào Việt Nam, nên những chuyển biến tích cực của kinh tế thế giới sẽ tác động tích cực đến kinh tế Việt Nam. Chúng ta cũng đứng trước những thách thức tăng lên về cạnh tranh trên thị trường quốc tế, nhất là do ta gia nhập WTO chậm so với nhiều nước, nhưng theo những dự báo thì vẫn có nhiều điều kiện để đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm và thị trường, đưa kim ngạch xuất khẩu năm 2004 lên trên 21 tỉ USD, tăng 11,3% so với năm 2003 và năm 2005 khoảng trên 23 tỉ USD, đạt xấp xỉ với mục tiêu Đại hội IX đề ra.

Ba là, dư địa khai thác các nguồn lực để phát triển kinh tế còn rất tiềm tàng, đặc biệt là về tiềm năng huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Theo tính toán sơ bộ, để đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm tới như dự kiến, năm 2004 cần huy động khoảng trên 255 nghìn tỉ đồng, chiếm khoảng 36% GDP và năm 2005 cần huy động khoảng 300 - 320 nghìn tỉ đồng, chiếm khoảng 38 - 40% GDP để đưa vào đầu tư phát triển. Chúng ta có điều kiện để đạt được mục tiêu đó. Về ngân sách, đã sáu năm liền chúng ta vượt dự toán thu, đặc biệt thu từ kinh tế

ngoài quốc doanh và thu từ doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài đang tăng nhanh và còn tiếp tục tăng; nếu có biện pháp tốt ta còn có thể huy động khá hơn các nguồn vốn trong xã hội, nhất là nguồn vốn của khu vực dân doanh vì tỷ lệ huy động tiết kiệm cho đầu tư của ta mới ở mức 75%, còn thấp hơn nhiều so với các nước (Trung Quốc 95%). Chúng ta đã có nhiều địa phương biết phát huy khá tốt nguồn vốn từ đất đai và từ phong trào "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; mở rộng những cách làm đó sẽ đem lại cho nền kinh tế nguồn vốn và nguồn lực lớn cho đầu tư phát triển. Nguồn kiều hối gửi về từ nước ngoài, trong đó có thu về xuất khẩu lao động, hiện nay đã đạt trên 5 tỉ USD/năm, sắp tới sẽ tiếp tục tăng. Chúng ta cũng còn nhiều tiềm năng để thu hút đầu tư nước ngoài (tăng vốn FDI và tăng giải ngân ODA...). Đi đôi với khả năng tăng huy động vốn đầu tư, việc đổi mới cơ cấu đầu tư và cơ chế quản lý vốn đầu tư sẽ tạo khả năng đạt hiệu quả cao trong sử dụng nguồn vốn đầu tư, giảm thấp bớt hệ số ICOR, cũng sẽ là nhân tố rất quan trọng để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế.

Bốn là, để khai thác tiềm năng to lớn của con người Việt Nam, cần tiếp tục triển khai mạnh trong thực tiễn quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, mà khâu then chốt là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Để làm điều này, chúng ta đã có chủ trương trong hai năm tới phải tập trung khắc phục cho được những yếu kém trong

giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học, đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong giáo dục - đào tạo; khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ chế và điều kiện để các trường đại học và các trường dạy nghề chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp, tăng cường hợp tác và thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo đại học và dạy nghề.

Hiện nay, hoạt động của nhiều tổ chức khoa học, công nghệ còn đang bị hành chính hóa và dựa chủ yếu vào bao cấp của Nhà nước; trên thực tế chúng ta đang bỏ phí nhiều tiềm năng, thế mạnh của lực lượng lớn cán bộ khoa học, công nghệ của đất nước. Vì vậy cần đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý của Nhà nước và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng chống bao cấp và hành chính hóa trong các tổ chức này. Chuyển mạnh các tổ chức khoa học - công nghệ nghiên cứu triển khai sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, thực chất là để các tổ chức này thông qua việc cung cấp kết quả nghiên cứu cho xã hội mà tự trang trải và phát triển. Đồng thời, Nhà nước cần có đầu tư thích đáng, có trọng tâm, trọng điểm để tạo bước bứt phá về một số công nghệ cao tác động tích cực đến việc nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

Thực hiện tốt chủ trương trên đây sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững hơn.

3. Về phát huy vai trò của các thành phần kinh tế

Nhiều ý kiến đề nghị cần xác định cho rõ hơn, chính xác hơn một số chủ trương, biện pháp sắp tới về kinh tế như:

đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; nhấn mạnh chủ trương khuyến khích phát triển mọi thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân, để khai thác, phát huy tốt mọi nguồn nội lực trong dân nhưng không phủ định vị trí chủ đạo của kinh tế nhà nước, vai trò nòng cốt của các doanh nghiệp nhà nước, nhất là của các tổng công ty lớn.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin tiếp thu và trình bày thêm như sau:

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội IX đã xác định, trong khi tiếp tục thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, giải pháp lớn Đại hội IX đã đề ra và đã được các Nghị quyết Trung ương khóa IX cụ thể hóa, trong những năm còn lại của nhiệm kỳ khóa IX phải tập trung chỉ đạo thực hiện một số chủ trương, giải pháp về kinh tế có khả năng giải phóng, phát huy mạnh mẽ các nguồn nội lực và thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh hơn và có hiệu quả hơn. Để thực hiện yêu cầu này, nhiệm vụ quan trọng là phát huy mạnh mẽ hơn nữa nguồn lực của mọi thành phần kinh tế.

Trước hết, doanh nghiệp nhà nước hiện đang nắm giữ nguồn lực hết sức quan trọng của đất nước. Thời gian qua, nhiều doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tổng công ty mạnh, đã từng bước khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao được hiệu quả và sức cạnh tranh, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, góp phần chủ yếu vào nguồn thu ngân sách và là lực lượng chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều doanh nghiệp nhà nước kinh doanh kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ kéo dài, đứng trước

thách thức lớn khi đất nước đi sâu vào tiến trình mở cửa, hội nhập, đồng thời đe dọa sự ổn định của hệ thống tài chính, tiền tệ. Vì vậy đẩy mạnh đổi mới và cải cách doanh nghiệp nhà nước đang trở thành một nội dung quan trọng của toàn bộ công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế. Đây là điều đã được kinh nghiệm của Trung Quốc và các nước có nền kinh tế chuyển đổi xác nhận. Thực tế những năm qua cho thấy, đúng như Đại hội IX đã khẳng định, cổ phần hóa là một hướng quan trọng đúng đắn để đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Nhìn chung tuyệt đại bộ phận các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nguồn vốn của doanh nghiệp, đóng góp của doanh nghiệp cho ngân sách nhà nước và thu nhập của người lao động đều tăng. Nhưng đến nay tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 rất chậm, gặp nhiều vướng mắc, trở ngại, doanh nghiệp nhà nước còn hoạt động quá dàn trải trên nhiều lĩnh vực, kể cả những lĩnh vực không cần thiết; số doanh nghiệp vừa và nhỏ còn nhiều (trên 80% số lượng doanh nghiệp). Ngay trong kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ cũng mới quy định đến năm 2005 sẽ có 40% số lượng doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa, nhưng vốn của số doanh nghiệp này chỉ chiếm 16% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp nhà nước. Điều này cho thấy đến lúc đó việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cũng chưa thể tạo được chuyển biến cơ bản trong đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước xét trên tổng thể.

Vì vậy, Hội nghị Trung ương lần này cần tỏ rõ quyết tâm đẩy mạnh việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Chúng ta hiểu rằng đây là một việc mới, phức tạp, nhạy cảm trên nhiều mặt, vì vậy cần có quyết tâm lớn, tổ chức chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, vừa làm, vừa coi trọng tổng kết rút kinh nghiệm để uốn nắn những lệch lạc, bổ sung, hoàn thiện chính sách, tạo điều kiện thực hiện ngày càng tốt hơn việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo tinh thần đó, cần rà soát lại danh mục ngành nghề, lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động, mở rộng thêm diện các doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa; đẩy nhanh tiến độ, thực hiện cho được chương trình cổ phần hóa và giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước đã được Chính phủ phê duyệt; đồng thời cần mạnh dạn mở thêm diện các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, với bước đi chắc chắn; kể cả một số doanh nghiệp lớn thuộc các ngành điện lực, luyện kim, cơ khí, xi măng, vận tải, hàng không, hàng hải, viễn thông, ngân hàng, thương mại, bảo hiểm... Đồng thời tích cực chuẩn bị để sớm hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh do tổng công ty nhà nước làm nòng cốt, với sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư của nước ngoài.

Về vấn đề chế độ chủ quản, thời gian qua, sự can thiệp, chi phối trực tiếp của bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh

nghiệp nhà nước trực thuộc theo kiểu "cơ quan hành chính chủ quản" trước đây đã giảm nhiều. Tuy vậy, trên thực tế, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố vẫn dành thời gian và sức lực chủ yếu cho việc quản lý, nhất là tìm việc làm, tìm dự án, chạy vốn cho bộ phận doanh nghiệp nhà nước trực thuộc, mà quyền hạn và trách nhiệm chưa được xác định rõ ràng. Do đó không còn đủ sức làm tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế khác. Để khắc phục tình trạng trên phải xúc tiến phân định rõ quyền của các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3; xúc tiến thành lập công ty đầu tư tài chính của Nhà nước và nghiên cứu việc thành lập cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp thuộc mọi ngành và mọi thành phần trong nền kinh tế quốc dân, gắn với việc ban hành luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Trước mắt, có thể thí điểm việc hình thành cơ quan này ở một, hai tỉnh, thành phố.

Đồng thời, phải tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách và đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường kinh doanh thực sự thuận lợi để phát triển mạnh mẽ hơn doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, nhất là kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; khuyến khích các doanh nghiệp này đầu tư vào các ngành nghề, lĩnh vực mà lâu nay chủ yếu chỉ có doanh nghiệp nhà nước hoạt động.

4. Về mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

Trong thảo luận vẫn còn có những cách tiếp cận khác nhau về mối quan hệ giữa đẩy mạnh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế với vấn đề xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Nghị quyết Đại hội IX đã khẳng định rõ: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý; có sức cạnh tranh... Chúng ta đã và sẽ tiếp tục kiên trì thực hiện chủ trương này. Phải nhận thức rõ rằng, để có tiềm lực kinh tế đủ mạnh thì phải phát triển lực lượng sản xuất trong nước, trong đó có việc xây dựng kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và một số ngành công nghiệp nặng có tính nền tảng, đặc biệt là ngành cơ khí chế tạo. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để bảo đảm độc lập tự chủ trong hội nhập. Để làm được việc này, Nhà nước ta phải quan tâm và có sự bảo hộ, hỗ trợ cần thiết. Nhưng không phải vì thế mà phát triển các cơ sở này bằng mọi giá, bất chấp hiệu quả.

Chúng ta khẳng định quyết tâm hội nhập kinh tế quốc tế, gia nhập WTO năm 2005, tuy nhiên phải có sự chuẩn bị khẩn trương, tích cực về nhiều mặt, với bước đi phù hợp và cách làm khôn khéo, theo một lộ trình hợp lý thì mới có thể đạt được kết quả mong muốn; tránh khuynh hướng nóng vội muốn mở tung cửa nền kinh tế để hội nhập, vào WTO bằng bất cứ giá nào. Cần thấy rằng, hội nhập kinh tế quốc tế vừa

mở ra những cơ hội thuận lợi, đồng thời cũng đặt đất nước trước những thách thức gay gắt. Điều này cần được toàn Đảng, toàn dân nhận rõ, thống nhất trong nhận thức, tránh cả hai khuynh hướng nóng vội và chần chừ; có như vậy chúng ta mới vững vàng tham gia hội nhập có kết quả trong thời gian tới.

5. Về một số vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Trong thảo luận của Trung ương về nội dung công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhiều ý kiến cho rằng, các báo cáo được chuẩn bị công phu, có chất lượng tốt, phản ánh đúng thực trạng tình hình. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; tình hình tham nhũng, lãng phí, tiêu cực không những không giảm mà có phần nghiêm trọng hơn. Ngược lại một số ý kiến cho rằng đánh giá về tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; tình hình tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là quá nặng nề.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau:

Trước hết, cần khẳng định cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị vừa qua tiếp tục được các cấp ủy đảng coi trọng, quan tâm chỉ đạo, đã đem lại một số kết quả tích cực, có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa tiêu cực. Đặc biệt là việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, cơ chế, pháp luật; phát hiện và đưa ra xét xử một số vụ án kinh tế, xã hội nghiêm trọng; nghiêm khắc xử lý một số cán bộ, đảng viên có sai phạm, kể cả cán bộ cao cấp; xử lý dứt điểm nhiều vụ việc nổi cộm, các vụ khiếu

nại, tố cáo kéo dài ở các địa phương, đơn vị đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới, đối với sự lãnh đạo của Đảng và tạo sự đồng thuận hơn trong xã hội. Tuy nhiên, cũng cần thẳng thắn nhận rõ, điều mà nhân dân đặc biệt bất bình và lo lắng là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu dân, suy thoái về tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng. Thực trạng trên đây cùng với tình trạng buông lỏng quản lý theo pháp luật của Nhà nước là những điều xã hội bức xúc nhất hiện nay và đang ảnh hưởng xấu đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta, hạn chế việc phát huy những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được. Vì vậy, cần nhận thức rằng: cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa tạo được chuyển biến cơ bản, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Vấn đề đặt ra là trong hơn hai năm còn lại của nhiệm kỳ này, toàn Đảng, toàn dân phải tiến hành quyết liệt hơn cuộc đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ, trong đó chú trọng triển khai sâu rộng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước các cấp; xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là luật pháp về đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và ngân sách nhà nước; xây dựng cơ chế để phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong Đảng và trong xã hội.

Trên cơ sở nhận dạng tiêu cực từng ngành, từng lĩnh vực công tác đề ra những tiêu chuẩn đạo đức, lối sống, tác phong công tác cần xây dựng và những việc cần làm, những sai trái cần đấu tranh, ngăn chặn, khắc phục. Có những biện pháp thiết thực khuyến khích tự phê bình và phê bình, tự giác nhận và sửa chữa khuyết điểm. Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh, tố cáo những vi phạm, đồng thời đấu tranh, xử lý những người lợi dụng dân chủ để có hành vi vu cáo, gây rối nội bộ. Kiểm tra xác minh tình hình nhà, đất của đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kết luận rõ đúng sai, xử lý kịp thời, thông báo công khai. Thực hiện nhất quán chủ trương xử lý nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, dù người đó là ai, ở bất cứ cương vị nào; xử lý cả những người bao che hành vi tham nhũng.

Bài học kinh nghiệm của những việc đã làm thời gian qua cho thấy, nếu chúng ta quyết tâm, tập trung chỉ đạo quyết liệt, tìm ra được những giải pháp đồng bộ, sát hợp, khả thi. Phát huy dân chủ, công khai dựa vào dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng thì nhất định chúng ta sẽ từng bước ngăn chặn, đẩy lùi được suy thoái, tham nhũng, lãng phí làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị. Tư tưởng bi quan cho rằng tình trạng tiêu cực hiện nay là vô phương cứu chữa, là hoàn toàn không đúng.

6. Về việc ban hành Nghị quyết

Đề nghị Trung ương ban hành Nghị quyết Hội nghị lần

thứ chín Ban Chấp hành Trung ương về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX, đồng thời giao Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương, tu chỉnh lại bản Tờ trình của Bộ Chính trị trước Trung ương thành một bản báo cáo kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng (rút gọn) và cho công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,
Sđd, tr. 162-183.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 34-NQ/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2004

Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI TRONG NỬA ĐẦU NHIỆM KỲ KHÓA IX

Từ sau Đại hội IX của Đảng, tình hình chính trị thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp; kinh tế khu vực và thế giới hồi phục chậm và dịch bệnh SARS... tác động tiêu cực nhất định đến nước ta. Trong nước, mặc dù công cuộc đổi mới đã đạt nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, yếu kém. Trong bối cảnh đó, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng.

Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa. Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng tăng đáng kể. Các ngành, vùng,

địa phương đều phát triển; các vùng kinh tế trọng điểm phát triển mạnh hơn. Nền kinh tế nước ta vừa giữ vững độc lập tự chủ, vừa hội nhập sâu hơn vào khu vực và thế giới. Kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tiếp tục phát triển. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng. Các lĩnh vực xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, phát triển các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được quan tâm phát triển để từng bước đồng bộ với phát triển kinh tế.

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được chăm lo; dân chủ trong xã hội được mở rộng. Lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới, đối với chế độ, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được củng cố. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có bước chuyển biến tích cực. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng và quan tâm chỉ đạo, đã đạt một số kết quả nhất định. Quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Những thành tựu trên đây là kết quả phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có vai trò quan trọng của sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ Trung ương

đến địa phương; sự đổi mới trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp; sự đổi mới và chủ động phối hợp hoạt động của hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Tất cả đã góp phần phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần lao động năng động, sáng tạo, quyết khắc phục đói nghèo vươn lên xây dựng đời sống tốt đẹp hơn của các tầng lớp nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Những thành tựu đã đạt được chứng tỏ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đã đề ra, tiếp tục làm tăng thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Bên cạnh những thành tựu và tiến bộ, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cũng còn một số yếu kém, khuyết điểm. Kinh tế tăng khá nhưng chưa đạt nhịp độ tăng trưởng mà Đại hội đề ra, chưa tương xứng với mức tăng đầu tư và tiềm năng của nền kinh tế. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và sử dụng tốt để phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển còn thấp. Thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn rất nghiêm trọng. Chúng ta chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài.

Còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết như thiếu việc làm, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là nhân dân ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục thấp; tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện cải cách hành chính trong hệ thống chính quyền chưa tạo được chuyển biến cơ bản. Hệ thống chính trị chưa đủ mạnh. Nhiều tổ chức cơ sở đảng sinh hoạt lỏng lẻo, sức chiến đấu yếu, vai trò lãnh đạo giảm sút, mờ nhạt.

Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng; kỷ cương phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm.

Khắc phục những yếu kém và khuyết điểm trên đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo đà phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong những năm sau.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRONG NỬA NHIỆM KỲ CÒN LẠI CỦA ĐẠI HỘI IX

Để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005,

tạo thuận lợi cho bước phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo, trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX, toàn Đảng, toàn dân ta phải có quyết tâm chính trị cao để thực hiện thật tốt *những mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu* sau:

- Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004 - 2005 mỗi năm đạt trên 8%. Tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; nâng cao vai trò của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đóng góp cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

- Thúc đẩy việc xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kiên quyết tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tiếp tục giải phóng sức sản xuất. Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa mạnh hơn nữa doanh nghiệp nhà nước, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, đồng thời phát triển mạnh, không hạn chế quy mô các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Hình thành đồng bộ các loại thị trường, nhất là các thị trường vốn, bất động sản, lao động, khoa học và công nghệ.

- Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương nước ta đã ký kết và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng, có tính cạnh tranh cao so với khu vực; tăng nhanh xuất khẩu và thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

- Phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn với tăng trưởng kinh tế; tập trung giải quyết tốt hơn nữa một số vấn đề xã hội bức xúc, như tạo nhiều việc làm, tiếp tục xóa đói, giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa; ngăn chặn và đẩy lùi một bước các tệ nạn xã hội, tình trạng phạm tội, tai nạn giao thông, việc khiếu kiện đông người.

- Tạo cho được sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và trong hệ thống chính trị, thực hiện khẩn trương cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu dân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

III- CÁC CHỦ TRƯƠNG, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục thực hiện đồng bộ bảy nhóm chủ trương, chính sách, giải pháp lớn đã được Đại hội IX của Đảng đề ra và được các nghị quyết Trung ương (khóa IX) cụ thể hóa. Tập trung thực hiện tốt *các chủ trương, giải pháp chủ yếu* sau đây:

1. Về phát triển kinh tế

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần

hóa mạnh hơn nữa; khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế cổ phần; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện đột phá, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, hướng doanh nghiệp vào sản xuất những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, tiếp thu công nghệ hiện đại, công nghệ nguồn, đào tạo và nâng cao năng lực quản lý điều hành của giám đốc doanh nghiệp và tay nghề của công nhân.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3 về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa và mở rộng diện các doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa, kể cả một số tổng công ty và doanh nghiệp lớn trong các ngành như điện lực, luyện kim, cơ khí, hóa chất, phân bón, xi măng, xây dựng, vận tải đường bộ, đường sông, hàng không, hàng hải, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm... Giá trị tài sản doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất, về nguyên tắc phải do thị trường quyết định. Việc mua bán cổ phiếu phải công khai trên thị trường khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, tổng kết công tác cổ phần hóa; kịp thời rút kinh nghiệm, uốn nắn những lệch lạc, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện ngày càng tốt hơn. Khẩn trương chuyển các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn sang hoạt

động theo chế độ công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước. Tổng kết thí điểm việc chuyển các tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; tích cực chuẩn bị để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh do tổng công ty nhà nước làm nòng cốt, có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư của nước ngoài.

Kiên quyết xóa bỏ các loại bảo hộ bất hợp lý; sớm khắc phục tình trạng bao cấp, như khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ, bù lỗ, cấp vốn tín dụng ưu đãi tràn lan đối với các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước. Xúc tiến việc phân định rõ quyền của cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3. Nghiên cứu việc thành lập công ty đầu tư tài chính của nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện thống nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp thuộc mọi ngành trong nền kinh tế quốc dân. Trước mắt, chuẩn bị tốt điều kiện để có thể thí điểm việc hình thành các tổ chức nói trên tại một số tỉnh, thành phố. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Khẩn trương xóa bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước kiểm soát, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp có thị phần lớn, có thể khống chế thị trường, trước hết là thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu đối với an sinh xã hội. Sớm ban hành Luật cạnh tranh và kiểm soát độc quyền kinh doanh, Luật chống bán phá giá. Nhà nước thực hiện phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm công ích. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế khác đầu tư vào các hoạt động công ích và dịch vụ công, tham gia nhiều hơn trong đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, thể dục thể thao...

Tạo môi trường, điều kiện để phát triển có hiệu quả hơn *kinh tế tập thể*; tổng kết nhân tố mới, các mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả để phổ biến, nhân rộng phù hợp với điều kiện của từng ngành nghề; hỗ trợ tốt hơn việc đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ tài chính, kế toán cho hợp tác xã.

Tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc và có chính sách hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh, tiếp cận nguồn vốn tín dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiếp cận và mở rộng thị trường, đào tạo nguồn nhân lực... để phát triển mạnh và có hiệu quả hơn nữa *kinh tế tư nhân,* kể cả doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn; chú trọng trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tạo chuyển biến cơ bản trong thu hút *vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài*, nhất là của các tập đoàn xuyên quốc gia, hướng mạnh hơn vào những ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ cao,

công nghệ nguồn. Mở rộng các lĩnh vực đầu tư và đa dạng hóa các hình thức đầu tư nước ngoài phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy nhanh việc giải ngân và sử dụng có hiệu quả vốn ODA.

Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn ngân sách. Xác định đầy đủ trách nhiệm và thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, vai trò chủ đầu tư và chỉ đạo thực hiện nghiêm ngặt quy chế đầu tư và xây dựng, đặc biệt là quy chế đấu thầu, quy chế giám sát đầu tư. Chấm dứt tình trạng đơn vị thi công và tổ chức giám sát thi công đều thuộc một cơ quan quản lý. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách phải được công bố rộng rãi để nhân dân biết và tham gia giám sát việc thực hiện; tạo điều kiện cho các cơ quan dân cử làm tốt chức năng giám sát việc thực hiện đầu tư.

- Tạo lập và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

Hoàn thiện và mở rộng nhanh hoạt động của *thị trường chứng khoán* để sớm trở thành một kênh huy động vốn có hiệu quả cho đầu tư phát triển. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn của Nhà nước, hoạt động có hiệu quả chuyển thành công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tham gia thị trường chứng khoán.

Tiếp tục đổi mới nhằm tăng tính cạnh tranh và lành mạnh hóa *thị trường tài chính - tín dụng*, tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận các nguồn vốn vay trên cơ sở có dự án hiệu quả. Các ngân hàng thương mại nhà nước được phát hành trái phiếu, cổ phiếu để thu hút vốn trong dân; được tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước

có vay vốn của ngân hàng. Đổi mới cơ chế tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Trong từng thời kỳ, xác định rõ những lĩnh vực, chương trình, dự án, sản phẩm quan trọng có ý nghĩa nền tảng của nền kinh tế và có hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, để có chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp thông qua tín dụng đầu tư của Nhà nước; khắc phục tình trạng ưu đãi tín dụng tràn lan hiện nay; hạn chế cho vay ưu đãi trước đầu tư, mở rộng việc áp dụng các hình thức bảo lãnh tín dụng và mở rộng hình thức ưu đãi sau đầu tư. Đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ quan, doanh nghiệp và dân cư. Thực hiện việc hình thành tỷ giá và lãi suất phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Khẩn trương hướng dẫn thi hành Luật đất đai (sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan khác để phát triển và quản lý có hiệu quả *thị trường bất động sản*; áp dụng những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ để xóa bao cấp về đất, chống đầu cơ trục lợi, kích cầu ảo, gây khan hiếm "sốt" nhà đất giả tạo, tham nhũng, chiếm dụng trái phép và lãng phí đất đai. Thực hiện chính sách điều tiết để bảo đảm lợi ích của Nhà nước với tư cách là người đại diện chủ sở hữu và là nhà đầu tư lớn nhất phát triển hạ tầng, làm tăng giá trị của đất.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh *thị trường lao động*. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề, tìm việc làm, giới thiệu việc làm và tuyển chọn lao động.

Phát triển mạnh *thị trường khoa học và công nghệ* để góp phần nhanh chóng nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp;

có cơ chế, chính sách để sản phẩm khoa học thực sự trở thành hàng hóa.

- Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Xây dựng chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế ở các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương; vừa đẩy nhanh hợp tác đa phương, vừa phát triển mạnh quan hệ song phương với các đối tác có vị thế quan trọng và lâu dài. Khẩn trương mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đàm phán gia nhập WTO. Triển khai khẩn trương và đồng bộ việc chuẩn bị đầy đủ điều kiện để giành thế chủ động trong hội nhập, nhất là: sửa đổi và xây dựng mới các văn bản pháp luật phù hợp với yêu cầu hội nhập; tăng nhanh năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam, giảm dần theo lộ trình việc bảo hộ bằng thuế nhập khẩu; xây dựng hệ thống các biện pháp bảo hộ phi thuế phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế. Kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện của lợi ích cục bộ làm kìm hãm tiến trình hội nhập. Xây dựng cơ chế phối hợp và điều phối tập trung thống nhất, có hiệu quả các hoạt động hội nhập kinh tế ở tầm quốc gia.

- Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế.

Nâng cao chất lượng quy hoạch; sớm ban hành Nghị định về công tác quy hoạch, khắc phục tình trạng thiếu thống nhất giữa quy hoạch chung của cả nước, quy hoạch vùng và quy hoạch của tỉnh, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng.

Rà soát việc quy hoạch và xây dựng các khu công nghiệp; chú trọng xây dựng các khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn gắn với bảo vệ môi trường.

Công bố rộng rãi các chiến lược và quy hoạch để các doanh nghiệp tự quyết định lựa chọn đầu tư kinh doanh. Quy định rõ trách nhiệm thực hiện quy hoạch và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch và triển khai lập các quy hoạch mới theo yêu cầu điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển của đất nước.

Tăng cường đầu tư cho công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn. Chú trọng quản lý kiến trúc bảo đảm xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự, kỷ cương.

Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, có chính sách *điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và cơ cấu lao động trong từng ngành, từng vùng* theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát huy lợi thế so sánh, gắn với thị trường trong nước và thế giới. Chuyển mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, thâm canh, có năng suất, chất lượng cao; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, gắn với chế biến và tiêu thụ. Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, phụ trợ cần thiết. Mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt là dịch vụ chất lượng cao, phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Khuyến khích mạnh

các hoạt động xuất khẩu; khắc phục dần tình trạng nhập siêu, tiến tới cân bằng xuất nhập khẩu.

2. Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; phát triển văn hóa, xã hội

Tiếp tục triển khai mạnh trong thực tiễn quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; quán triệt sâu sắc hơn nữa ở các cấp, các ngành và trong toàn xã hội về vai trò động lực của các yếu tố văn hóa, xã hội đối với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Tập trung chỉ đạo để làm tốt các việc sau:

- Nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo.

Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam cùng với đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Kiên quyết giảm hợp lý nội dung chương trình học cho phù hợp với tâm sinh lý của học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở. Khẩn trương triển khai đề án phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; cơ cấu lại hệ thống đào tạo, hoàn thiện hệ thống đào tạo thực hành định hướng nghề nghiệp. Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ chế và điều kiện để các trường đại học và các trường dạy nghề chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đổi mới cơ chế, chính sách tạo kinh phí cho giáo dục và đào tạo; xác định công khai và phù hợp phần đóng góp của người học, kiên quyết đấu tranh khắc phục các tiêu cực trong dạy và học; đồng thời có chính sách bảo đảm

cho con các gia đình nghèo cũng có điều kiện được học tập. Tăng cường hợp tác với nước ngoài và thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo đại học, sau đại học và đào tạo nghề; khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên ra nước ngoài học tập, đi đôi với tăng cường quản lý công tác lưu học sinh. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập.

- Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ.

Có cơ chế, chính sách kinh tế để khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước tích cực đổi mới công nghệ và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Khẩn trương khắc phục tình trạng bao cấp, hành chính hóa hoạt động khoa học và công nghệ. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để tạo bước bứt phá về một số công nghệ cao có tác động tích cực đến việc nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Khẩn trương chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu triển khai sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ bản quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ, khuyến khích, tôn vinh các nhà khoa học trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài thực sự có tài, có đóng góp cho đất nước.

- Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống

văn hóa, văn minh; giữ gìn và phát triển các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa thế giới. Tăng cường quản lý và đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc. Có cơ chế khuyến khích lối sống văn hóa lành mạnh, văn minh và tạo dư luận mạnh mẽ đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống không lành mạnh, suy thoái đạo đức, trái với bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Chú trọng công tác quy hoạch phát triển và tăng cường lãnh đạo, quản lý đối với các lĩnh vực thông tin, báo chí.

- Làm tốt hơn nữa việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh việc phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là các dịch bệnh mới phát sinh; tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân (các cơ sở y tế của Nhà nước và ngoài Nhà nước), hệ thống bảo hiểm y tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách khám, chữa bệnh cho các đối tượng, đặc biệt là đối tượng chính sách và bệnh nhân nghèo. Tăng cường đầu tư để bảo đảm tự sản xuất được thuốc thiết yếu cho phòng, chữa bệnh. Nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ sở khám, chữa bệnh và y đức của các y, bác sĩ và nhân viên y tế. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động y tế. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, nâng cao trình độ thể thao nước nhà. Giảm gia tăng dân số, nâng cao chất lượng dân số, giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giảm mạnh tai nạn giao thông và tích cực phòng chống tệ nạn xã hội.

Sớm ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích các địa phương và người nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, tự lực phấn đấu vươn lên thoát khỏi đói, nghèo một cách bền vững; có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng nghèo, xã nghèo. Phát triển đào tạo nghề, chú trọng đào tạo có trọng điểm các lĩnh vực công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu học nghề, tìm việc làm đa dạng trên từng địa bàn; từng bước đẩy mạnh xuất khẩu lao động có chất lượng cao.

Chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Hạn chế tai nạn và thương tích trong cộng đồng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát và kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm của cộng đồng về công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, coi đây là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên để có giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội hiệu quả hơn.

3. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội và cơ quan dân cử các cấp.

Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp của Quốc hội để

nâng cao chất lượng của các luật, pháp lệnh; hoàn thiện quy chế về vai trò, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội chuyên trách; tổ chức chặt chẽ và hiệu quả công tác giám sát tối cao. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan của Quốc hội; kiện toàn tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ba cấp thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân năm 2004. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

- *Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính nhà nước,* trọng tâm trong hai năm tới là điều chỉnh để làm rõ và thực hiện đúng chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đi sâu cải cách thể chế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và thực hiện tốt cơ chế "một cửa", đẩy mạnh việc phân cấp quản lý để nâng cao tính chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của từng ngành, từng cấp; xóa bỏ bao cấp. Đề cao trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thạo việc, chí công vô tư. Áp dụng các cơ chế, biện pháp để ngăn chặn và xử lý, khắc phục các trường hợp cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ để nhũng nhiễu, phiền hà gây bất bình cho nhân dân. Kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy công quyền những cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất, sách nhiễu dân và thay thế kịp thời những người không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Triển khai thực hiện chế độ dự bị công chức; có chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác ở cơ sở nhằm tạo nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Thực hiện triệt để việc tách quản lý hành chính nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh và quản lý hoạt động của tổ chức sự nghiệp dịch vụ công. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế. Các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, nhất là các bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu triển khai được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về công việc, tổ chức, biên chế và tài chính.

- Đẩy mạnh đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tiếp tục củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra các cấp. Đổi mới công tác xét xử của tòa án, cả về án hình sự, án dân sự, kinh tế, hành chính và lao động theo hướng mở rộng tranh tụng tại phiên tòa, coi trọng xem xét kết quả tranh tụng ở tòa khi kết án, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Sớm thực hiện chủ trương tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện. Tập trung thực hiện tốt công tác thi hành án, nhất là thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng tồn đọng kéo dài. Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện với quyết tâm cao, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức, các tội phạm tham nhũng.

- Thực hiện tốt hơn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

Xây dựng cơ chế, chính sách và cơ sở kinh tế bảo đảm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong tình hình mới. Tập trung chỉ đạo các xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp... thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp.

Bổ sung và hoàn chỉnh chủ trương, biện pháp xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đa dạng hóa hình thức, phương pháp tập hợp thanh niên, mở rộng phong trào tình nguyện của thanh niên, sinh viên. Làm tốt công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo và từng bước ổn định cơ sở vùng xung yếu; xử lý kịp thời, linh hoạt các vấn đề đặt ra trên quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Ban hành pháp luật, cơ chế, chính sách có liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo, các hội quần chúng, hội nghề nghiệp, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- *Đổi mới tổ chức* và *hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.*

Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm những điều kiện cần thiết và thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định, đề cao vai trò giám sát, hướng mạnh về cơ sở, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong tổ chức và hoạt động. Bồi dưỡng, đào tạo và kiện toàn đội ngũ cán bộ Mặt trận, đoàn thể. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở vùng đồng bào tín đồ tôn giáo.

4. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đồng thời, xây dựng, bổ sung ngay các phương án, kế hoạch phòng

ngừa, nhằm chủ động ngăn chặn và đối phó thắng lợi mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch trong mọi tình huống; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Xúc tiến việc chuẩn bị tổ chức chu đáo Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ 5 (ASEM-5) do nước ta đăng cai lần đầu vào cuối năm 2004.

5. Về công tác xây dựng Đảng

Chỉ đạo quyết liệt hơn cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt, tập trung vào một số việc trọng tâm sau:

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Triển khai sâu rộng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống trong toàn Đảng, trong cán bộ và nhân dân, mà nội dung cơ bản là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh. Tạo dư luận, ý thức xã hội phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân; đề cao cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và kiên quyết chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bảo thủ trong cán bộ, đảng viên, nêu gương người tốt, việc tốt; đề cao tính gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp.

Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xác định rõ tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống, tác phong công tác cần xây dựng và những biểu hiện tiêu cực, việc làm sai trái thường gặp trong từng ngành, từng lĩnh vực cần đấu tranh ngăn chặn, khắc phục. Có biện pháp thiết thực

khuyến khích tự phê bình, tự giác sửa chữa khuyết điểm. Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh, tố cáo những vi phạm.

Kiểm tra, xác minh nhà đất của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kết luận rõ đúng sai, xử lý kịp thời, thông báo công khai. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật Đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, bất cứ người đó là ai, ở cương vị nào; xử lý cả những người bao che hành vi tham nhũng. Không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với người đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội đến mức phải xử lý hình sự.

Đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí phải được tiến hành bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ. Trong đó, chú trọng đổi mới thể chế, thực hiện công khai, dân chủ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, nhất là quản lý về đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và ngân sách nhà nước. Quy định việc tặng quà, nhận quà; việc kê khai tài sản trước và sau khi nhận chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Tổ chức thực hiện tốt chủ trương đổi thẻ đảng viên.

- Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng.

Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện những giải pháp đồng bộ, nhất là xây dựng cơ chế để phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của quần chúng đối với tổ chức đảng, đảng viên. Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng.

Sớm xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng bảo đảm vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Tổ chức thực hiện các chính sách và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đặc biệt là ở những khu vực có vị trí quan trọng và nhạy cảm về kinh tế, chính trị, vùng sâu, vùng xa. Cán bộ lãnh đạo chủ trì và cấp ủy cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

- Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ, triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ.

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 31-CT/TW, ngày 26-11-2003 của Bộ Chính trị để làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tháng 4 năm 2004, nhân sự đại hội đảng bộ các cấp năm 2005 và Đại hội lần thứ X của Đảng.

Đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ thông qua việc xây dựng và thực hiện hệ thống các quy chế đánh giá cán bộ. Sớm ban hành quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo chủ trì các tổ chức đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể trong công tác cán bộ. Bộ Chính trị ra nghị quyết về công tác quy hoạch cán bộ, nghị quyết về kiện toàn tổ chức, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; tổng kết

Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Triển khai dự án nhà nước thí điểm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, từng bước làm rõ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mới. Tập trung nghiên cứu một cách hệ thống, cơ bản và đồng bộ về sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực nhằm vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng vừa phát huy quyền lực và hiệu lực quản lý nhà nước của các cơ quan chính quyền, phát huy vị trí và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chính phủ ra nghị định về xử lý trách nhiệm cá nhân của cán bộ lãnh đạo chủ trì cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đề cao kỷ luật, kỷ cương.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, trong nhân dân và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ

thể, thiết thực phù hợp với cấp mình, bảo đảm Nghị quyết đi nhanh vào cuộc sống.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới những văn bản pháp luật cần thiết. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện.

- Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

- Các ban của Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện Nghị quyết; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và sáu tháng một lần báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả thực hiện Nghị quyết.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao tinh thần dân tộc, ý thức tự lực tự cường, truyền thống đoàn kết, ra sức thi đua yêu nước, huy động tối đa sức người, sức của, tài năng và trí tuệ quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,
Sđd, tr. 184-215.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Ngày 12 tháng 1 năm 2004

Thưa các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Sau tám ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra.

Như tôi đã trình bày trong buổi khai mạc, Hội nghị Trung ương lần này có nhiệm vụ quan trọng đặc biệt là kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đây là dịp chúng ta nhìn lại quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, nhìn lại sự nghiệp phát triển đất nước và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời gian ba năm đầu thế kỷ XXI, vạch ra phương hướng, biện pháp tiếp tục đẩy mạnh các mặt công tác trong nửa nhiệm kỳ còn lại để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Hơn hai năm rưỡi qua, trong bối cảnh tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp mới; kinh tế thế giới và khu vực phục hồi chậm; dịch bệnh SARS xảy ra và thiên tai liên tiếp... đã tác động tiêu cực đến tình hình nước ta, nhưng do quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, với sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế; vừa thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, vừa xây dựng một bước cơ cấu kinh tế độc lập tự chủ trong quá trình hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới. Nhiều lĩnh vực xã hội được quan tâm phát triển hòa nhịp với phát triển kinh tế. Phong trào xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ những người cơ nhỡ, khó khăn phát triển rộng khắp. Quốc phòng, an ninh và ổn định xã hội được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng; vị thế và uy tín của nước ta tiếp tục được nâng cao. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng và quyết tâm chỉ đạo thực hiện, đã có những tiến bộ đáng ghi nhận; tuy chưa chặn đứng được những biểu hiện tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên nhưng đã có tác dụng răn đe, hạn chế nhất định.

Trong khi khẳng định những thành tựu quan trọng đó, trên tinh thần tự phê bình và phê bình, Trung ương đã thẳng thắn chỉ rõ những yếu kém và khuyết điểm. Kinh tế tuy có tốc độ tăng trưởng khá nhưng chưa đạt được mục tiêu do

Đại hội IX đề ra, chất lượng và hiệu quả còn thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp, của hàng hóa còn kém. Tình trạng thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, nhất là trong quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trong chi tiêu tài chính công còn lớn. Một số vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, nhũng nhiễu dân, sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức còn nghiêm trọng, gây lo lắng, bất bình trong nhân dân và hạn chế sự phát triển có thể còn cao hơn nữa của đất nước.

Hội nghị Trung ương đã đề ra những chủ trương, giải pháp quan trọng trong những năm còn lại của nhiệm kỳ để thúc đẩy thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Quyết tâm lớn của chúng ta là đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới, tăng nhanh nhịp độ phát triển và tính bền vững về kinh tế - xã hội, tạo cho được một bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, đấu tranh có hiệu quả với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương phép nước.

Các bản giải trình của Bộ Chính trị sau khi Trung ương thảo luận đã đề cập toàn diện các vấn đề. Tôi xin phát biểu thêm để nhấn mạnh một số nội dung có quan hệ tới việc rút kinh nghiệm quá trình quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội trong hơn hai năm rưỡi qua, để tổ chức thực hiện tốt hơn trong nửa nhiệm kỳ còn lại,

bảo đảm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Thứ nhất là mối quan hệ giữa ổn định và phát triển.

Trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu phát huy cao độ nội lực, đi đôi với hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu văn hóa, vấn đề mà Đảng ta đặc biệt quan tâm là xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa ổn định và phát triển. Với những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới trong những năm gần đây, Hội nghị Trung ương lần thứ hai, thứ tư và thứ tám khóa IX đã khẳng định và phát triển quan điểm cơ bản đó, coi ổn định là điều kiện quan trọng để phát triển, phát triển là cơ sở, là tiền đề thúc đẩy ổn định xã hội.

Phát huy và tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhân dân được hưởng thụ nhiều hơn những thành quả công cuộc đổi mới, củng cố và hoàn thiện chế độ xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế không tách rời với phát triển.

Thực tế cho thấy, trong hơn hai năm rưỡi qua, đất nước đã phát triển theo tinh thần chỉ đạo đó.

Mặc dù có những biến động phức tạp, phải xử lý kịp thời những vấn đề nhạy cảm, đất nước vẫn tiếp tục ổn định chính trị - xã hội. Các tổ chức quốc tế đã đánh giá nước ta là một nước ổn định của khu vực, người dân tin ở tương lai; điều đó thật sự là một thời cơ để phát huy các nguồn nội lực và thu

hút đầu tư nước ngoài cho phát triển. Mặt khác, nhờ phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, đã tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân càng tin tưởng hơn vào đường lối đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, góp phần ổn định chính trị - xã hội.

Mối quan hệ giữa ổn định và phát triển trở thành một kinh nghiệm lớn, cần được quán triệt trong lãnh đạo và chỉ đạo phát triển đất nước, từ xử lý các việc cụ thể tới việc hoạch định các chính sách vĩ mô. Quyết tâm giữ vững môi trường hòa bình, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm những cân đối quan trọng trong kinh tế vĩ mô... phải trở thành nhận thức sâu sắc và hành động thiết thực của các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Đó là bài học lớn rút ra từ thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh thế giới đầy biến động phức tạp trong những năm qua, là một trong những phương châm phát triển đất nước trong những năm tới.

Thứ hai là mối quan hệ giữa tăng trưởng tốc độ cao với chất lượng, hiệu quả và sự bền vững của tăng trưởng.

Trong những năm qua, nhờ nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phát huy cao độ nội lực gắn liền với thu hút các nguồn ngoại lực trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đất nước đã vượt qua thời kỳ suy giảm tốc độ tăng trưởng do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực, đã tăng trưởng liên tục với tốc độ khá cao; đó là một thành tựu rất quan trọng. Trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa nhịp độ tăng trưởng để có thể thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng do Đại hội đề ra, góp phần từng bước khắc phục tình trạng

tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước xung quanh. Tuy nhiên, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IX đã chỉ rõ: phải "tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững", "nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế". Một nền kinh tế tăng trưởng có chất lượng, hiệu quả cao mới có thể coi là tăng trưởng bền vững. Mặt khác, chất lượng và hiệu quả chính là cơ sở để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm sức tăng trưởng lâu dài kể cả trong những tình huống khó khăn. Do đó, từ năm 2004 và các năm sau, phải có chuyển biến rõ rệt về mặt này.

Chất lượng tăng trưởng thể hiện ở hiệu quả đầu tư, năng suất lao động, chất lượng và giá thành sản phẩm, sức cạnh tranh của hàng hóa. Đó phải là mục tiêu phấn đấu của mọi người lao động, các doanh nghiệp và các cấp, các ngành. Nâng cao trình độ quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp, của các hoạt động khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, tích cực chống tham ô, lãng phí là những lĩnh vực, những việc phải tập trung sức làm tốt trong những năm tới.

Chúng ta có thể vừa giữ vững tốc độ tăng trưởng cao, vừa nâng cao chất lượng tăng trưởng nếu biết tập trung sức phát huy nội lực gắn liền với thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Tạo môi trường thuận lợi để phát triển có hiệu quả các thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, đồng thời phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế khác, phát huy các khả năng tiềm tàng trong dân. Đặc biệt coi trọng việc phát huy tiềm năng con người Việt Nam, bao gồm tiềm năng về trí tuệ, sức lao động sáng tạo

cũng như tiền vốn, trọng dụng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Thứ ba là phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hóa, xã hội.

Đường lối của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới đã chỉ rõ phải phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đó cũng là một nội dung quan trọng của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Gắn liền tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội là để thực hiện sự phát triển bền vững, bảo đảm "nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân" như Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nêu.

Trong thời gian tới, chúng ta phải coi trọng hơn nữa phát triển giáo dục - đào tạo, đặc biệt về mặt chất lượng, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; coi trọng phát triển khoa học, công nghệ hướng vào việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách để tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực sự coi giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Quan tâm sâu sắc việc phát triển văn hóa, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, xây dựng nếp sống, lối sống văn minh, đấu tranh với lối sống sa đọa, dối trá, phô trương hình thức.

Cần xử lý tốt các vấn đề xã hội bức xúc, như giải quyết việc làm, ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội, xóa đói, giảm nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách. Cùng với việc tạo điều kiện cho các vùng kinh tế trọng điểm phát triển nhanh, phải quan tâm hơn nữa tới sự phát triển của các vùng sâu,

vùng xa, vùng có khó khăn, không để xảy ra tình trạng chênh lệch quá xa về đời sống giữa nhân dân các vùng... từ đó, tạo niềm vui trong toàn dân, giữ vững sự đồng thuận xã hội và ổn định chính trị đất nước.

Thứ tư là xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc củng cố hệ thống chính trị, vấn đề rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định.

Ngay từ những ngày đầu của sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Qua những năm đổi mới, đặc biệt trong hơn hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, chúng ta càng thấy vị trí quan trọng, có ý nghĩa quyết định của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, công tác xây dựng Đảng luôn luôn gắn liền với xây dựng và củng cố hệ thống chính trị bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, để phát huy sức mạnh toàn dân tộc là động lực to lớn và quyết định sự phát triển đất nước. Công tác xây dựng Đảng bao gồm nhiều mặt: xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng và về tổ chức. Trong tình hình hiện nay, về mặt chính trị, tư tưởng, cần tập trung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện nói và làm theo gương Bác Hồ, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, giữ gìn đạo đức cách mạng, đấu tranh có hiệu quả chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, các biểu hiện bè phái, cục bộ. Trên cơ sở đó, đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tập trung vào những nơi còn nhiều sơ hở như quản lý đất đai, quản lý xây dựng cơ bản, quản lý kinh tế doanh nghiệp nhà nước, chi tiêu ngân sách.

Đây không chỉ là vấn đề đạo đức mà còn là vấn đề kinh tế và chính trị lớn. Cùng với việc giáo dục, phải rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách không để sơ hở; hình thành cơ chế nhân dân giám sát hoạt động của cán bộ, công chức; đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, ý thức trách nhiệm tập thể và cá nhân, trước hết của người đứng đầu; kiên quyết xử lý những người sai phạm và những người bao che bất kể họ là ai, không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với những người đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội; bảo vệ và khen thưởng những người có công phát hiện tội phạm.

Một vấn đề có ý nghĩa quyết định là vai trò gương mẫu của cá nhân và gia đình cán bộ, công chức, trước hết của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, từ các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, đến các đồng chí lãnh đạo các cấp ủy, các ngành, các đoàn thể, các địa phương cần tự giác rèn luyện, nêu gương trước cấp dưới về sự giác ngộ chính trị, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, tinh thần hy sinh phấn đấu vì lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân, chủ động đấu tranh có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, làm trong sạch bộ máy trong ngành, trong địa phương mình phụ trách. Các đồng chí đứng đầu các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước những khuyết điểm, tham nhũng, lãng phí trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Đề cao sự giám sát của các tổ chức đảng, Mặt trận, các đoàn thể và toàn thể nhân dân đối với cán bộ để thực hiện thật nghiêm túc và hiệu quả nhiệm vụ này.

Đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí là một công việc có ý nghĩa quan trọng để củng cố niềm tin trong nhân dân, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần thứ chín họp vào những ngày đầu năm 2004 và Tết cổ truyền Giáp Thân sắp tới. Chúng ta đã bước sang một năm mới với nhiều triển vọng về sự phát triển của đất nước trong thập kỷ đầu của thế kỷ mới, với lòng tin sâu sắc ở sức mạnh to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sẵn sàng nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, vững bước tiến lên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nhân dịp năm mới, xin chúc các đồng chí và gia đình khỏe mạnh, thành đạt và hạnh phúc. Cho tôi gửi tới các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình liệt sĩ, anh chị em thương binh, bệnh binh, gia đình có công với nước, cùng toàn thể đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc mừng an khang, thịnh vượng.

Xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ chín.

Xin chân thành cảm ơn các đồng chí.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,
Sđd, tr.216-227.

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 12 tháng 1 năm 2004

Từ ngày 5 đến ngày 12-1-2004, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX). Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

I- Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, phát huy trí tuệ tập thể, Hội nghị đã dân chủ thảo luận, kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX trong nửa nhiệm kỳ vừa qua và thông qua Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội Đảng.

1. Với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, thẳng thắn tự phê bình và phê bình, Hội nghị đánh giá một cách khách quan, sâu sắc những việc làm được cũng như chưa làm được, phân tích rõ nguyên nhân.

a) Hội nghị chỉ rõ hai năm rưỡi qua, trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp,

kinh tế khu vực và thế giới phục hồi chậm và dịch bệnh SARS... tác động không nhỏ đến nước ta, song với sự phấn đấu nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng.

Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa; các vùng kinh tế đều phát triển, trong đó các vùng kinh tế trọng điểm phát triển mạnh mẽ hơn. Nước ta vừa xây dựng cơ cấu kinh tế độc lập tự chủ, vừa hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới; tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tiếp tục hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các lĩnh vực xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của đông đảo nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, phát triển các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao..., xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được quan tâm thực hiện, nhờ đó cải thiện một bước đời sống nhân dân, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Việc xây dựng pháp luật, củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được tăng cường; dân chủ xã hội được mở rộng. Lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới, đối với chế độ và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được nâng cao.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng và quyết tâm chỉ đạo, đã đạt được một số kết quả tích cực, có tác dụng răn đe, cảnh báo, hạn chế nhất định những mặt tiêu cực.

Quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị, xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Hội nghị khẳng định những thành tựu trên đây là kết quả phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, trong đó có vai trò quan trọng của sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương; sự đổi mới trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp; vai trò chủ động phối hợp hoạt động của hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, cổ vũ tinh thần lao động năng động, sáng tạo, tương thân tương ái của các tầng lớp nhân dân... Những thành tựu này chứng tỏ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng theo đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đã đề ra, tiếp tục làm tăng thêm thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để tiếp tục tiến lên phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

b) Hội nghị chỉ rõ bên cạnh thành tựu và tiến bộ, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX còn những yếu kém, khuyết điểm, thể hiện chủ yếu trên một số mặt sau đây:

Kinh tế tuy tăng khá song vẫn chưa đạt nhịp độ tăng trưởng mà Đại hội đề ra. Nhiều nguồn lực và tiềm năng

trong nước để phát triển kinh tế chưa được huy động và sử dụng tốt. Chất lượng, hiệu quả của sự phát triển kinh tế - xã hội còn thấp và chưa có chuyển biến rõ rệt. Thất thoát lãng phí trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn rất nghiêm trọng; chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài.

Còn để nhiều vấn đề xã hội bức xúc kéo dài, chậm được giải quyết làm nhân dân lo lắng, không an tâm: tình trạng nghèo đói, đời sống khó khăn ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gay gắt; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục toàn diện thấp; tệ nạn xã hội và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều... Điều mà nhân dân bất bình và lo lắng là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng. Thực trạng trên đây cùng với những yếu kém trong quản lý nhà nước theo pháp luật đang ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta, hạn chế việc phát huy những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính trong hệ thống chính quyền chưa tạo được chuyển biến cơ bản. Hệ thống chính trị chưa đủ mạnh. Nhiều tổ chức đảng cơ sở sinh hoạt lỏng lẻo, sức chiến đấu yếu.

2. Về phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp lớn trong nửa nhiệm kỳ còn lại, Hội nghị khẳng định: để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX, hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001-2005, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực, tạo thuận lợi cho kế hoạch 5 năm sau, cần thực hiện thật tốt **phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trọng yếu sau:**

Một là, tập trung đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004 - 2005 đạt bình quân mỗi năm trên 8%. Tạo một bước chuyển biến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực, của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; tăng đóng góp của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục tháo gỡ các trở ngại về cơ chế, chính sách để sắp xếp, đổi mới, đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác; hình thành đồng bộ hơn các loại thị trường, nhất là các thị trường vốn, bất động sản, lao động, khoa học, công nghệ.

Ba là, phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn nữa với tăng trưởng kinh tế, tập trung giải quyết một bước quan trọng một số vấn đề xã hội bức xúc nhất, như xóa đói, giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy lùi một bước các tệ nạn xã hội, tình trạng phạm tội, việc khiếu kiện đông người, tai nạn giao thông.

Bốn là, chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương và sớm gia nhập WTO, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng, có tính cạnh tranh cao so với khu vực; thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

Năm là, tạo cho được chuyển biến toàn diện, sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị; thực hiện khẩn trương cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nhũng nhiễu dân. Quan tâm đặc biệt đến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sáu là, tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

3. Trên tinh thần đó, cùng với việc tiếp tục thực hiện đồng bộ bảy nhóm chủ trương, chính sách, giải pháp lớn đã được Đại hội đề ra và được cụ thể hóa ở các nghị quyết Trung ương khóa IX, Hội nghị đã xác định trong hơn hai năm còn lại, cần tập trung thực hiện quyết liệt hơn **các chủ trương, chính sách, giải pháp quan trọng** trên từng lĩnh vực như sau:

a) Về phát triển kinh tế

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa mạnh hơn nữa doanh nghiệp nhà nước; phát triển mạnh

kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và loại hình tổ chức kinh tế cổ phần; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tạo lập và phát triển đồng bộ các thị trường.

- Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập WTO.

- Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế.

b) Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội

Hội nghị khẳng định tiếp tục quán triệt quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, vai trò động lực của các yếu tố văn hóa, xã hội đối với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Tập trung chỉ đạo nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy chất lượng sản phẩm, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu triển khai sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; giữ gìn và phát triển các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam. Tổ chức tốt hơn nữa việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết

việc làm, giảm tai nạn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, chăm lo các đối tượng chính sách.

c) Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, thực hiện cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong hai năm tới cần tập trung:

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội và cơ quan dân cử các cấp.
- Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính nhà nước.
- Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.
- Thực hiện tốt hơn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

d) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Hội nghị chỉ rõ cần quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Có phương án, kế hoạch phòng ngừa, nhằm chủ động ngăn chặn và đối phó thắng lợi với mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù trong mọi tình huống; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

đ) Về công tác xây dựng Đảng

Hội nghị chỉ rõ trong thời gian tới cần tập trung chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng Đảng tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt.

Nâng cao chất lượng và tăng cường hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy

thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Triển khai sâu rộng việc giáo dục rèn luyện đạo đức, lối sống trong cán bộ, nhân dân theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng cường sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng. Xây dựng cơ chế để phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng, đảng viên. Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ; triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

II- Hội nghị đã xem xét thi hành kỷ luật một số cán bộ

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Lê Huy Ngọ bằng hình thức cảnh cáo vì có phần trách nhiệm trong việc để Công ty Tiếp thị đầu tư nông nghiệp và phát triển nông thôn và Lã Thị Kim Oanh hoạt động vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng. Đề nghị Nhà nước xem xét xử lý kỷ luật đúng mức đồng chí Lê Huy Ngọ về mặt chính quyền.

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Vũ Trọng Kim bằng hình thức khiển trách vì có phần trách nhiệm trong việc để tình trạng mất đoàn kết nội bộ của lãnh đạo tỉnh Quảng Trị kéo dài.

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Nguyễn Tuấn Minh bằng hình thức khiển trách vì trong thời kỳ làm Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm trong việc xử lý không đúng số xe ôtô nhập lậu của Công ty liên doanh Vicarent. Đề nghị Nhà nước xem xét xử lý kỷ luật đúng mức đồng chí Nguyễn Tuấn Minh về mặt chính quyền.

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Ksor Phước bằng hình thức khiển trách vì có phần trách nhiệm trong việc chưa ngăn chặn, xử lý tốt vụ việc gây mất trật tự an ninh tại tỉnh Gia Lai tháng 2-2001, khi đồng chí đang là Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức tự lực tự cường, truyền thống đoàn kết, ý chí phấn đấu, thi đua yêu nước, động viên tối đa sức người, sức của, tài năng và trí tuệ của mọi tầng lớp nhân dân thành sức mạnh tổng hợp để tiến lên hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 36-CT/TW, ngày 16 tháng 2 năm 2004

Về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX là hội nghị thường kỳ, nhưng có nhiệm vụ quan trọng đặc biệt là kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, đồng thời thảo luận những nhiệm vụ và giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX trong những năm tiếp theo. Để quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 9, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng nắm vững mục đích, yêu cầu và thực hiện tốt các nội dung sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. *Tạo sự thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân* về đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX

---

* Tài liệu này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc thuận tiện theo dõi (*B.T*).

của Đảng trong nửa đầu nhiệm kỳ qua; về mục tiêu, nhiệm vụ và chủ trương, giải pháp lớn cần tập trung thực hiện tốt trong nửa nhiệm kỳ còn lại nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

2. *Quán triệt để nắm vững tinh thần của Nghị quyết Trung ương và thiết thực bàn biện pháp tổ chức thực hiện Nghị quyết một cách đồng bộ, khẩn trương, có hiệu quả.* Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức thực hiện Nghị quyết, gắn việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và các Nghị quyết Trung ương khóa IX, luôn nắm vững nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế và nhiệm vụ then chốt là công tác xây dựng Đảng; phấn đấu để trong những năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội IX đưa đất nước phát triển nhanh hơn, bền vững hơn, đồng thời tạo một bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và củng cố hệ thống chính trị. Muốn vậy, đồng thời với việc nghiên cứu quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 9, phải làm tốt việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, đơn vị, lựa chọn, xác định rõ thứ tự ưu tiên những việc cần làm, những vấn đề bức xúc cần giải quyết sớm, thời hạn giải quyết, phân công rõ đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện; thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

3. *Phát huy lòng yêu nước, truyền thống đoàn kết, nâng cao ý chí tự lực, tự cường*, thi đua lao động sáng tạo, động viên tối đa sức người, sức của, tài năng và trí tuệ của mọi tầng lớp nhân dân, kiên quyết khắc phục những yếu kém,

khuyết điểm, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy tốt mọi nguồn lực của đất nước để phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo.

II- TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG

Đến nay, hầu hết các cấp ủy trực thuộc đã tổ chức thông báo nhanh nội dung Nghị quyết Trung ương 9, sắp đến cần tổ chức các lớp nghiên cứu sâu Nghị quyết Trung ương.

1. Lớp cán bộ chủ chốt của tỉnh ủy, thành ủy

a) Đối tượng: Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố; trưởng, phó ban, ngành, đoàn thể trực thuộc tỉnh, thành phố; ban thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh, thành phố; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh, thành phố; lãnh đạo các khoa của trường chính trị tỉnh, thành phố, cán bộ cao cấp nghỉ hưu trên địa bàn.

b) Nội dung:

- Những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 9.
- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy.

c) Tài liệu:

- Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

- Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên), do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn.

- Dự thảo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy.

d) Thời gian: 2 ngày, phân bổ như sau:

- Giới thiệu Nghị quyết Trung ương 9; phổ biến dự thảo chương trình hành động của tỉnh ủy, thành ủy: 1 ngày.

- Thảo luận, giải đáp, chỉ đạo thực hiện chương trình hành động: 1 ngày.

Hoàn thành trước ngày 30-3-2004.

2. Lớp cán bộ chủ chốt ở cấp huyện (quận, thị xã trực thuộc tỉnh, thành phố)

a) Đối tượng: Các đồng chí huyện ủy viên, trưởng, phó ban, ngành, đoàn thể trực thuộc huyện; bí thư, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; lãnh đạo trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, các đồng chí cán bộ chủ chốt của huyện và tương đương nghỉ hưu trên địa bàn.

b) Nội dung, thời gian, tài liệu như lớp cấp tỉnh.

Hoàn thành trước ngày 20-4-2004.

3. Lớp ở cơ sở (xã, phường, thị trấn...)

Tùy theo đặc điểm của từng địa phương, cơ sở, các huyện ủy, thị ủy, quận ủy quy định hình thức tổ chức lớp học cho phù hợp.

a) Đối tượng: Toàn thể đảng viên trong đảng bộ. Mời lãnh đạo chủ chốt của các đoàn thể cấp xã, phường, thị trấn không phải là đảng viên tham dự.

b) Nội dung:

- Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 9;

- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của đảng ủy xã, phường, thị trấn...

c) Thời gian: 1,5 ngày.

- Giới thiệu Nghị quyết Trung ương 9: 0,5 ngày;

- Phổ biến dự thảo chương trình hành động của đảng bộ xã, phường, thị trấn; thảo luận, giải đáp, chỉ đạo thực hiện chương trình hành động: 1 ngày.

d) Tài liệu:

- Tài liệu học tập Nghị quyết Trung ương 9 (dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở) do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn;

- Dự thảo chương trình hành động của đảng bộ xã, phường, thị trấn...

Hoàn thành trước ngày 10-5-2004.

4. Lớp của các đảng bộ trực thuộc Trung ương

a) Đối tượng: Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ, đảng ủy viên các đảng ủy trực thuộc của đảng bộ, cán bộ cấp cục, vụ, viện; chuyên viên cao cấp (trừ các đồng chí học ở các lớp do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương mở được quy định tại điểm 5 Chỉ thị này).

b) Nội dung, thời gian, tài liệu như lớp của cấp tỉnh.

Hoàn thành trước ngày 30-3-2004.

5. Các lớp do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức

a) Đối tượng:

+ Lớp 1: Trưởng ban, phó trưởng ban tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối, các đoàn thể chính trị trực thuộc Trung ương;

+ Lớp 2: Thứ trưởng, phó trưởng ban và tương đương của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương;

+ Lớp 3: Lãnh đạo các hội văn nghệ, khoa học kỹ thuật, báo chí trực thuộc Trung ương.

b) Nội dung:

- Những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 9;

- Nội dung cơ bản của Báo cáo kiểm điểm ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005);

- Nội dung cơ bản của Báo cáo kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng (có lồng nội dung báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)).

c) Thời gian: 2 ngày, phân bổ như sau:

- Báo cáo chung về Nghị quyết Trung ương 9: 0,5 ngày;

- Báo cáo về kinh tế; báo cáo về xây dựng, chỉnh đốn Đảng: 0,5 ngày;

- Thảo luận, giải đáp: 1 ngày.

Hoàn thành trước ngày 20-4-2004 (đối với lớp 1 dành cho các trưởng ban, phó trưởng ban tuyên giáo các tỉnh, thành phố, đảng ủy trực thuộc Trung ương... hoàn thành xong trước

ngày 10-3-2004 để về giúp các đảng bộ mở các lớp nghiên cứu học tập nghị quyết).

d) Tài liệu:

- Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX;

- Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên) do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn.

6. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, mở các lớp nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 9 cho cán bộ, lãnh đạo cấp trường, cấp khoa và giáo viên giảng dạy môn chủ nghĩa Mác - Lênin trong các trường đại học và cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung, thời gian như lớp do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức. Hoàn thành trước ngày 30-4-2004.

7. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh mở các lớp nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 9 cho đội ngũ cán bộ cấp khoa, giáo viên thuộc Học viện và bốn Phân viện và giám đốc trường chính trị các tỉnh, thành phố. Nội dung, thời gian như lớp do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức và những vấn đề trong nội dung Nghị quyết Trung ương 9 cần chỉ đạo bổ sung vào giáo trình giảng dạy của trường. Hoàn thành trước ngày 30-4-2004.

8. Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân

Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy, lãnh đạo các đoàn thể xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, giáo dục về Nghị quyết Trung ương 9 trong đoàn thể của mình. Sử dụng tài liệu Hỏi - Đáp về Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX (phổ biến rộng rãi trong nhân dân) do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn. Các tỉnh, thành phố có đông đồng bào dân tộc thiểu số cần tổ chức biên soạn những tài liệu bằng tiếng dân tộc để phổ biến.

9. Các phương tiện thông tin đại chúng có kế hoạch tuyên truyền cụ thể thông qua các chuyên trang, chuyên mục về Nghị quyết Trung ương 9 và tiếp tục tuyên truyền việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị khoá IX. Phát hiện và cổ vũ những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với việc phê phán các việc làm sai trái, các tệ nạn xã hội, tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng chí bí thư cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo, truyền đạt Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của cấp mình. Phân công các cơ quan, đơn vị chuẩn bị dự thảo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách

cụ thể, thiết thực phù hợp với thực tiễn địa phương, đơn vị, bảo đảm nghị quyết đi nhanh vào cuộc sống.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động: bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ, chủ trương, giải pháp nêu trong Nghị quyết Trung ương 9 và căn cứ vào nhiệm vụ và tình hình thực tế của ngành, địa phương, đơn vị để tiến hành rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ công tác của đơn vị; xây dựng dự thảo chương trình hành động của đảng bộ, chi bộ, xác định những việc, những biện pháp quan trọng cần tập trung thực hiện, nhất là những việc cần làm ngay, những vấn đề bức xúc cần giải quyết sớm, nêu rõ cách tổ chức thực hiện, phân công rõ đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm, thời gian hoàn thành. Thảo luận kỹ trong cấp ủy sau đó trình ra hội nghị cán bộ thảo luận, góp ý bổ sung, hoàn chỉnh chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, rút kinh nghiệm kịp thời từ việc xây dựng chương trình hành động đến tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 9 chỉ đạo sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới những văn bản pháp luật cần thiết. Ban Cán sự Đảng Chính phủ khẩn trương chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực.

3. Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, sát với nhiệm vụ, đối tượng của đoàn thể, tổ chức mình để tổ chức thực hiện.

4. Các ban của Trung ương Đảng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và sáu tháng một lần báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả thực hiện Nghị quyết.

Chỉ thị này quán triệt đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ chín
Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,
Sđd, tr. 228-239.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 34-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 2004
Về Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật Trung ương

Trong hai năm 2004 - 2005, các Hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương sẽ tiến hành đại hội nhiệm kỳ. Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật được tiến hành trong bối cảnh nhân dân ta sau 17 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thu được những thành tựu rất quan trọng, tạo điều kiện cho đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Năm năm qua, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII bước đầu đi vào cuộc sống, văn học, nghệ thuật nước ta phát triển mới cả về sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu lý luận, phê bình, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần xã hội, bồi dưỡng, giáo dục con người, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong nhiệm kỳ qua, các Hội văn học, nghệ thuật đã thực hiện tốt hơn nhiệm vụ tập hợp văn nghệ sĩ, hướng dẫn và động viên, khen thưởng kịp thời văn nghệ sĩ đi sâu

vào thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới, mở được nhiều trại sáng tác, đã góp phần tạo nên các thành tựu văn học, nghệ thuật.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn ít những tác phẩm có giá trị cao, có ý nghĩa lâu bền, phản ánh sâu sắc hiện thực cuộc sống của nhân dân, của đất nước trong những giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc, nhất là trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh hiện nay, dưới tác động của nhiều nhân tố đã nảy sinh những vấn đề mới trong hoạt động văn hóa, văn nghệ cần được nhận thức đúng và giải quyết tốt để đẩy mạnh sự nghiệp văn học, nghệ thuật phát triển.

Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật nhiệm kỳ này cần phấn đấu đạt được những mục đích, yêu cầu sau:

1. Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị và nghề nghiệp quan trọng của giới văn nghệ nhằm đánh giá đúng tình hình hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ và hoạt động của các cấp hội. Phân tích sâu sắc hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật hiện nay, khẳng định những khuynh hướng sáng tác lành mạnh chủ đạo, khuyến khích tìm tòi sáng tạo hướng tới những giá trị chân - thiện - mỹ trong văn học, nghệ thuật. Đánh giá đúng thực trạng của công tác nghiên cứu lý luận, phê bình. Kiểm điểm toàn diện hoạt động của tổ chức hội và trách nhiệm các ban chấp hành.

Các Hội cần quán triệt sâu sắc phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa của nước ta trong thời kỳ mới là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã

hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở đó cần xác định nhiệm vụ trung tâm của công tác văn học, nghệ thuật trong thời gian tới là: tiếp tục phấn đấu tạo ra nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ. Tiếp thu truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, có tác dụng sâu sắc giáo dục con người. Thực hiện tốt phương châm lấy tác phẩm tốt cổ vũ, giáo dục con người và xã hội, tạo nguồn giải trí lành mạnh, đẩy lùi những hoạt động văn nghệ phản động, đồi trụy, phi nhân tính, phi dân tộc.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 18-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về công tác văn học, nghệ thuật và các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ, các đại hội cần phát huy trí tuệ tập thể hội viên, xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp để đẩy mạnh các hoạt động sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu lý luận, phê bình, đưa sự nghiệp văn học, nghệ thuật phát triển mạnh mẽ.

2. Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật cần cụ thể hóa

mô hình tổ chức, đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của các Hội phù hợp với tình hình thực tiễn, thực hiện tốt nhiệm vụ đoàn kết, bồi dưỡng, động viên đội ngũ văn nghệ sĩ phát huy trách nhiệm chính trị và mọi tiềm năng sáng tác, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Với tinh thần đoàn kết, dân chủ, xây dựng và sáng tạo, Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật bầu ra được Ban Chấp hành mới đủ phẩm chất, năng lực, có khả năng đoàn kết, tập hợp văn nghệ sĩ hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới.

Để Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật đạt được mục đích, yêu cầu trên, Đảng đoàn, Ban Chấp hành các Hội cần chuẩn bị tốt báo cáo của Ban Chấp hành, báo cáo sửa đổi điều lệ, báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành cũ và làm tốt công tác nhân sự Ban Chấp hành mới theo hướng giới thiệu từ cơ sở.

Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật lần này là đại hội đại biểu. Đảng đoàn và Ban Chấp hành các Hội cần chỉ đạo chặt chẽ việc bầu chọn đại biểu, kể cả đại biểu chỉ định dự Đại hội, bảo đảm các đại biểu là những văn nghệ sĩ tiêu biểu cho các thế hệ, các vùng, miền, các dân tộc, các lứa tuổi.

Căn cứ số lượng hội viên, các Hội cần xác định số lượng đại biểu đại hội toàn quốc thích hợp, với mức tối đa không quá 500 đại biểu.

Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật nhiệm kỳ này là một sự kiện chính trị quan trọng. Ban Bí thư Trung ương Đảng ủy nhiệm đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị,

Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật, trực tiếp chỉ đạo chặt chẽ các Đảng đoàn các Hội văn học, nghệ thuật chuẩn bị tốt nội dung kế hoạch tiến hành Đại hội, phương án nhân sự Ban Chấp hành mới. Chuẩn bị phương án nhân sự Tổng thư ký Hội và những vấn đề quan trọng nhất để trình Ban Bí thư xem xét.

Căn cứ phương án kế hoạch Đại hội đã được phê duyệt, các Hội lập dự toán tài chính trình Chính phủ xem xét, giải quyết.

Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan căn cứ tinh thần Chỉ thị này để chỉ đạo tổ chức tốt đại hội các Hội văn học, nghệ thuật địa phương; chỉ đạo các chi hội chuyên ngành Trung ương hoạt động tại địa phương bầu các đại biểu đi dự Đại hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các đại biểu được bầu tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc.

Ban Bí thư giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương căn cứ nội dung Chỉ thị này xây dựng văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 35-CT/TW, ngày 6 tháng 2 năm 2004

Về triển khai các biện pháp cấp bách ngăn chặn dịch cúm gia cầm và viêm phổi ở người do vi rút

Dịch cúm gia cầm đang xảy ra trên diện rộng ở các nước châu Á, tính đến cuối tháng 1-2004 đã có 10 nước và lãnh thổ thông báo có dịch là Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Campuchia, Lào, Inđônêxia, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Việt Nam. Ở nước ta, từ cuối tháng 12-2003 đến nay, dịch cúm đã lan rộng và lan nhanh ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tính đến ngày 5-2-2004, dịch bệnh đã xảy ra ở 1.562 xã, phường (chiếm 15% tổng số xã, phường trong cả nước), 328 huyện, thị (chiếm 51% tổng số huyện, thị) thuộc 56 tỉnh, thành phố. Tổng số gia cầm phải tiêu hủy đã tới trên 17 triệu con, trị giá gần 500 tỉ đồng.

Dịch cúm gia cầm xảy ra gây thiệt hại nghiêm trọng đến ngành chăn nuôi nước ta, nhiều cơ sở chăn nuôi công nghiệp quy mô lớn, nhiều trang trại và hộ gia đình lâm vào cảnh mất trắng. Nguy cơ lây lan bệnh đang đe dọa các trung tâm giống gia cầm của quốc gia và các tỉnh, thành phố.

Nguy hiểm hơn, dịch cúm gia cầm đã và đang là mối đe dọa đối với môi trường sống, sức khỏe và tính mạng của con người. Vi rút cúm gà và vi rút gây bệnh cúm ở một số người cùng thuộc chủng H5N1. Tỷ lệ tử vong ở số người bệnh nhiễm vi rút này rất cao. Tổ chức Y tế Thế giới cảnh báo, nếu bệnh cúm gà xảy ra trên diện rộng và kéo dài, vi rút cúm gà có thể sẽ có sự biến đổi gien tạo nên chủng vi rút mới rất nguy hiểm đối với con người.

Trước tình hình trên, Chính phủ, các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố đã có nhiều biện pháp tích cực, khẩn trương chống dịch cúm gia cầm và viêm phổi ở người do vi rút. Tuy nhiên, đến nay dịch bệnh vẫn phát triển và chưa được ngăn chặn, nguy cơ đe dọa đến sức khỏe của cộng đồng, môi trường sinh thái và thu nhập của nhân dân vẫn rất nghiêm trọng. Vì vậy, dập tắt dịch cúm gia cầm, ngăn chặn dịch viêm phổi ở người do vi rút là công việc cấp bách nhất hiện nay đòi hỏi phải huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để thực hiện cho được. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương làm tốt các công việc sau:

1. Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền đến từng khu dân cư, từng cán bộ, đảng viên và nhân dân để mọi người đều nhận rõ tính chất nguy hiểm và tác hại nghiêm trọng của dịch cúm gia cầm đang xảy ra đối với các hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân, từ đó động viên toàn dân tích cực tham gia vào công tác phòng, chống dịch và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

2. Tập trung tổ chức thực hiện một cách khẩn trương, kiên quyết và đồng bộ các biện pháp do Chính phủ và các bộ, ngành liên quan đã chỉ đạo, hướng dẫn về phòng, chống dịch cúm gia cầm và viêm phổi ở người do vi rút; phấn đấu khống chế và dập tắt dịch cúm gia cầm trong thời gian nhanh nhất, tốt nhất là trong tháng 2-2004. Coi nhiệm vụ dập tắt dịch cúm gia cầm và viêm phổi ở người do vi rút là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách nhất trước mắt để bảo đảm điều kiện tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX, thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2004.

3. Cùng với việc chỉ đạo các biện pháp để dập dịch, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần chỉ đạo việc chuẩn bị tốt các điều kiện để khôi phục chăn nuôi gia cầm ngay sau khi dịch bệnh được dập tắt, tiếp tục ổn định và phát triển sản xuất; chủ động phát hiện sớm, thông tin kịp thời và có biện pháp sẵn sàng phòng, chống các loại dịch bệnh khác có thể xảy ra đối với vật nuôi, cây trồng và con người.

4. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến địa phương có trách nhiệm tham gia phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về dịch cúm gia cầm và viêm phổi ở người do vi rút; động viên các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị chủ động tham gia tích cực vào công tác phòng, chống dịch bệnh; kiểm tra giám sát việc tổ chức chỉ đạo phòng, chống dịch ở từng cấp; vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ kinh phí, phương tiện vật chất kỹ thuật, chia sẻ

kinh nghiệm trong việc phòng, chống dịch bệnh, giúp đỡ các gia đình chính sách, các hội viên bị thiệt hại nặng nề trong đợt dịch bệnh này.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 35-NQ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2004
Về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005

Trong hai năm 2004 - 2005, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ tiến hành kỷ niệm trọng thể những sự kiện lịch sử trọng đại sau đây:

NĂM 2004:

1. Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954 – 7-5-2004) và ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (20-7-1954 – 20-7-2004).

2. Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10-10-1954 – 10-10-2004).

3. Kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 – 22-12-2004) và 15 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22-12-1989 – 22-12-2004).

NĂM 2005:

1. Kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-2005).

2. Kỷ niệm 30 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30-4-1975 – 30-4-2005).

3. Kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 – 19-5-2005).

4. Kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám (19-8-1945 – 19-8-2005) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945 – 2-9-2005).

5. Giỗ Tổ Hùng Vương (mồng 10 tháng Ba âm lịch).

Và một số ngày lễ kỷ niệm quan trọng khác:

- *Trong nước*: 100 năm Ngày sinh đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng (1-5-1904 - 1-5-2004); 35 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2-9-1969 - 2-9-2004); 90 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Linh, cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (1-7-1915 - l-7-2005); 75 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 - 18-11-2005); 75 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28-7-1929 - 28-7-2004); 75 năm Xôviết Nghệ - Tĩnh (12-9-1930 - 12-9-2005); 75 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14-10-1930 - 14-10-2005); 75 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20-10-1930 - 20-10-2005); 65 năm Ngày Nam Kỳ khởi nghĩa (23-11-1940 - 23-11-2005).

- *Quốc tế:* 185 năm Ngày sinh Ph. Ăngghen (28-11-1820 - 28-11-2005); 135 năm Ngày sinh V.I. Lênin (22-4-1870 - 22-4-2005).

Năm 2004 và 2005 cũng là hai năm cuối phấn đấu thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đề ra, đồng thời chuẩn bị và tổ chức Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Với ý nghĩa trọng đại đó, *Bộ Chính trị quyết định:*

1. Tổ chức trọng thể các hoạt động kỷ niệm nhân dịp các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005 nhằm đạt các mục đích, yêu cầu sau đây

- Biểu dương những thành tựu to lớn của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới. Qua đó giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng của Đảng và nhân dân ta, xây dựng lòng tự hào và tự tôn dân tộc, ý chí và quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Tổ chức các phong trào hành động cách mạng, thi đua lao động, sản xuất, công tác và học tập, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Tiếp tục khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Bác Hồ; khẳng định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, nhất là đường lối đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; nâng cao nhận thức lý tưởng và tình cảm cách mạng, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

Thông qua các hoạt động kỷ niệm, củng cố hệ thống chính trị các cấp, trước hết là ở cấp cơ sở. Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên về tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức và lối sống; nâng cao bản lĩnh chính trị của từng tổ chức đảng và đảng viên; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và xã hội - nghề nghiệp; cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, biểu dương, khen thưởng kịp thời nhằm phát huy tối đa các nguồn lực của đất nước, tạo thêm những động lực mới cho phong trào cách mạng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Thông qua các hoạt động kỷ niệm làm cho nhân dân ta thêm tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, về các giá trị cao đẹp của nền văn hiến Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử, về tính thống nhất dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, về chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta; trên cơ sở đó củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại, làm cho đồng bào ta ở nước ngoài, bạn bè của Việt Nam và nhân dân thế giới hiểu rõ hơn về những quan điểm, đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta; những thành tựu to lớn mà nhân dân ta đạt được; những đóng góp xứng đáng của

cách mạng Việt Nam cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, phát triển và tiến bộ xã hội trên thế giới; tạo sự đồng tình và tích cực ủng hộ, giúp đỡ của chính phủ và nhân dân các nước đối với Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Về nội dung tuyên truyền, giáo dục

- Khẳng định những thành tựu to lớn và ý nghĩa thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã đạt được trong sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay; rút ra những bài học kinh nghiệm có ý nghĩa thực tiễn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn mới.

- Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các giai đoạn cách mạng và mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn; khẳng định sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về Đảng, về tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối và chính sách đổi mới, về sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng và Nhà nước ta.

- Giáo dục chủ nghĩa yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, xây dựng ý chí cách mạng tiến công, ra sức phát huy nội lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng ý chí và

quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Giáo dục đạo đức cách mạng, xây dựng nếp sống lành mạnh, văn minh, tôn trọng kỷ cương, pháp luật, xóa bỏ hủ tục, mê tín dị đoan, chống xa hoa, lãng phí.

- Giới thiệu chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta và những thành tựu của cách mạng Việt Nam ra nước ngoài, biểu thị lòng biết ơn của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đối với sự ủng hộ và giúp đỡ trước đây và hiện nay của bạn bè trên thế giới, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa theo tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".

- Tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, phong trào chăm sóc người có công và thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công, đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", phong trào thi đua làm kinh tế giỏi trong các tầng lớp nhân dân, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, nêu gương "người tốt, việc tốt", các điển hình, nhân tố mới; đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, các hoạt động tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch.

3. Về tổ chức thực hiện

- Các hoạt động kỷ niệm cần được tổ chức trọng thể, quy mô tương xứng với ý nghĩa lịch sử của từng sự kiện cách mạng, trong đó kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ,

75 năm Ngày thành lập Đảng, 30 năm Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc, 60 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh được coi là trọng tâm, trọng điểm; đặc biệt kỷ niệm 60 năm Ngày Quốc khánh là cao điểm của các hoạt động kỷ niệm lớn trong hai năm 2004 - 2005. Việc tổ chức các ngày lễ kỷ niệm cần được tiến hành chu đáo, vui tươi, lành mạnh, có tính giáo dục cao, an toàn, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; chú ý hướng về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

- Chính phủ căn cứ vào mục đích, yêu cầu và nội dung trên đây để:

+ Có chỉ thị và đề án cụ thể triển khai thực hiện, bố trí kinh phí cho các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ nói trên.

+ Xem xét để sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách đối với người có công với cách mạng qua các thời kỳ; các chính sách đối với những cá nhân, tổ chức nước ngoài có công giúp đỡ Việt Nam trong các giai đoạn cách mạng.

+ Thành lập Ban Tổ chức kỷ niệm cấp nhà nước do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm. Các thành viên gồm đại diện lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số bộ, ban, ngành, địa phương có

liên quan. Cơ quan thường trực giúp việc đặt tại Bộ Văn hóa - Thông tin.

- Trong quý I-2004, căn cứ tinh thần nội dung Nghị quyết này và Nghị định số 82/2001/NĐ-CP của Chính phủ về nghi lễ nhà nước và đón tiếp khách nước ngoài, các địa phương, các ngành, các cấp tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005 của địa phương, ngành, cấp mình. Thành lập ban tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn ở từng cấp do đồng chí thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân làm trưởng ban để sớm triển khai công tác chuẩn bị các hoạt động kỷ niệm.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương giúp Ban Tổ chức kỷ niệm cấp nhà nước hướng dẫn các địa phương, các ngành, các cấp tổ chức từng ngày lễ kỷ niệm; chỉ đạo nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục hoặc tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân phù hợp.

- Các đoàn thể chính trị - xã hội chỉ đạo các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và các phong trào quần chúng tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, về nguồn... cho hội viên và đoàn viên trong đoàn thể, tổ chức mình tạo không khí hào hứng, phấn khởi trong toàn xã hội thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã đề ra trong từng tháng, từng quý, từng năm.

- Các địa phương, các ngành liên quan trực tiếp đến ngày kỷ niệm nào thì chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng đề án, có kế hoạch phối hợp thực hiện với các bộ, ban, ngành khác theo sự chỉ đạo chung của Ban Tổ chức kỷ niệm cấp nhà nước.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo xây dựng văn bản quy định chung việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lịch sử, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, tránh phô trương hình thức, lãng phí, tốn kém.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 134-TB/TW, ngày 11 tháng 2 năm 2004

Sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW về "Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới"

Ngày 16-12-2003, sau khi nghe báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, ý kiến của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương về sơ kết việc thực hiện Chỉ thị Ban Bí thư số 23, ngày 27-3-2003 về "Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới", Ban Bí thư đã kết luận:

1. Trong năm 2003, các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị đã quán triệt nghiêm túc Chỉ thị 23-CT/TW tổ chức đợt giáo dục, tuyên truyền sâu rộng, có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Đợt giáo dục tuyên truyền này đã đạt kết quả bước đầu quan trọng, góp phần thống nhất nhận thức, củng cố niềm tin và sự kiên định đối với nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của

Đảng trong công cuộc đổi mới hiện nay và sự thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Nhiều ngành, nhiều địa phương, đoàn thể đã phát động được phong trào hành động cách mạng "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo tư tưởng Hồ Chí Minh". Thông qua việc tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tuy nhiên, đợt sinh hoạt chính trị này còn một số hạn chế chủ yếu sau:

Cách làm chưa được đổi mới, còn dừng lại ở mức tuyên truyền bề rộng, học lý luận chưa gắn với việc liên hệ tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị và tình hình tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, chưa tạo được sự chuyển biến thực sự trong hành động. Hoạt động nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh chưa tập trung triển khai có hệ thống. Chất lượng đội ngũ báo cáo viên còn hạn chế... Việc tổ chức học tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên và các tầng lớp nhân dân ở một số đơn vị, địa phương còn lúng túng về phương thức tiến hành, nên chất lượng chưa cao.

2. Để tiếp tục thực hiện nghiêm túc và có kết quả cao Chỉ thị 23-CT/TW, trong năm 2004, 2005 các cấp ủy, địa phương, đơn vị cần làm tốt một số nhiệm vụ sau:

- Tiến hành rà soát để bổ sung xây dựng chương trình kế hoạch nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh bảo đảm việc nghiên cứu, học tập nghiêm túc, thiết thực, phù hợp với thực tế của địa phương, đơn vị; nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

và chú ý học tập những lời dạy của Người đối với ngành, đoàn thể, địa phương mình. Coi trọng việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, học đi đôi với hành. Gắn việc học tập với rèn luyện, làm theo tư tưởng, đạo đức, lối sống cao đẹp của Người, nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên; khắc phục những biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân; liên hệ, vận dụng đúng đắn, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu tổng kết thực tiễn làm cơ sở cho việc bổ sung Cương lĩnh và phương hướng nhiệm vụ của Đại hội X của Đảng. Đấu tranh phê phán, bác bỏ có hiệu quả các quan điểm sai trái phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh sớm nghiên cứu, biên soạn hệ thống giáo trình, tài liệu giáo dục, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường của hệ thống giáo dục quốc dân và cho đoàn viên, thanh niên. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, phương thức giáo dục, tuyên truyền nói chung và giáo dục, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên báo chí, xuất bản, đội ngũ văn nghệ sĩ về tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan hướng dẫn thực hiện tốt kết luận trên đây. Hằng năm có kiểm tra, sơ kết việc thực hiện, báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 91-QĐ/TW, ngày 16 tháng 2 năm 2004

Bổ sung thẩm quyền ban hành văn bản trong một số điều của "Quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng"

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền ban hành văn bản trong một số điều của "Quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng" (ban hành kèm theo Quyết định số 31-QĐ/TW, ngày 1-10-1997 của Bộ Chính trị) như sau:

1. Điều 6: Sửa đổi khoản 1 và khoản 4.

Khoản 1 sửa lại như sau:

"1. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng ban hành:

a) Đại hội:

- Cương lĩnh chính trị,

- Điều lệ Đảng,
- Chiến lược,
- Nghị quyết,
- Quy chế,
- Thông báo,
- Thông cáo,
- Tuyên bố,
- Lời kêu gọi.

b) Đoàn Chủ tịch:

- Thông báo,
- Báo cáo.

c) Đoàn Thư ký:

- Báo cáo.

d) Ban Thẩm tra tư cách đại biểu:

- Báo cáo.

e) Ban Kiểm phiếu:

- Báo cáo".

Khoản 4 sửa lại như sau:

"**4. Ban Bí thư ban hành:**

- Quyết định,
- Chỉ thị,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông tri,
- Thông báo,
- Báo cáo".

2. Điều 7, khoản 1 sửa lại như sau:

"1. Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh, thành phố ban hành:

a) Đại hội:

- Nghị quyết,
- Quy chế,
- Thông báo.

b) Đoàn Chủ tịch:

- Thông báo,
- Báo cáo.

c) Đoàn Thư ký:

- Báo cáo.

d) Ban Thẩm tra tư cách đại biểu:

- Báo cáo.

e) Ban Kiểm phiếu:

- Báo cáo".

3. Điều 8, khoản 1 sửa lại như sau:

"1. Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện ban hành:

a) Đại hội:

- Nghị quyết,
- Quy chế,
- Thông báo.

b) Đoàn Chủ tịch:

- Thông báo,
- Báo cáo.

c) Đoàn Thư ký:

- Báo cáo.

d) Ban Thẩm tra tư cách đại biểu:

- Báo cáo.

e) Ban Kiểm phiếu:

- Báo cáo".

4. Điều 9: sửa đổi tên Điều 9; sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3; bổ sung khoản 4 mới.

Tên Điều 9 sửa lại như sau:

"Các cơ quan lãnh đạo đảng cấp cơ sở và chi bộ".

Khoản 1 sửa lại như sau:

"1. Đại hội đảng bộ cơ sở ban hành:

a) Đại hội:

- Nghị quyết.

b) Đoàn Chủ tịch:

- Thông báo,

- Báo cáo.

c) Đoàn Thư ký:

- Báo cáo.

d) Ban Thẩm tra tư cách đại biểu (đối với đại hội đại biểu):

- Báo cáo.

e) Ban Kiểm phiếu:

- Báo cáo".

Khoản 3 sửa lại tên như sau:

"3. Ban thường vụ đảng ủy cơ sở ban hành:".

Bổ sung khoản 4 mới:

"4. Chi bộ cơ sở và chi bộ, đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở ban hành:

a) Đại hội:

- Nghị quyết.

b) Chi bộ, đảng ủy bộ phận:

- Nghị quyết,

- Báo cáo.

5. Điều 11 sửa lại như sau:

"**Điều 11.** Các cơ quan tham mưu giúp việc và các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng... hoạt động có thời hạn của cấp ủy ban hành:

- Quyết định,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Hướng dẫn,
- Thông báo,
- Báo cáo.

Ban Cán sự đảng Ngoài nước khi thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy cấp trên đối với các đảng bộ hoạt động ở nước ngoài được ban hành văn bản như một cấp ủy cấp trên cơ sở".

6. Điều 12 sửa lại như sau:

"**Điều 12.** Các đảng đoàn, ban cán sự đảng các cấp ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Chỉ thị,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Hướng dẫn,
- Thông báo,
- Báo cáo".

7. Điều 13 sửa lại như sau:

"**Điều 13.** Ngoài thẩm quyền ban hành các thể loại văn bản được quy định trên, đại hội đảng bộ các cấp (đại hội,

đoàn chủ tịch, đoàn thư ký) được ban hành các thể loại văn bản như: chương trình, công văn, biên bản; các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng tùy tình hình được ban hành các thể loại văn bản như: kế hoạch, quy hoạch, chương trình, đề án, tờ trình, công văn, biên bản và các giấy tờ hành chính được nêu tại Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31-QĐ/TW, ngày 1-10-1997 của Bộ Chính trị".

Điều 2. Giao Văn phòng Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện thống nhất Quyết định này trong hệ thống các cơ quan đảng.

Điều 3. Các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 135-TB/TW, ngày 16 tháng 2 năm 2004
Về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ X Hội Luật gia Việt Nam

Tại phiên họp ngày 4-2-2004, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam và Ban Nội chính Trung ương báo cáo và các cơ quan có liên quan phát biểu ý kiến về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ X Hội Luật gia Việt Nam, Ban Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý để Hội Luật gia Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ X vào trung tuần tháng 3-2004.

2. Tán thành với đánh giá của Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam về hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ vừa qua. Cần nhấn mạnh vai trò của Hội ngày càng thể hiện rõ hơn. Hội Luật gia Việt Nam là thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; mở rộng quan hệ đối ngoại của Nhà nước và

nhân dân ta với các nhà nước, các tổ chức quốc tế và nhân dân các nước trên thế giới.

3. Hội Luật gia Việt Nam là một tổ chức tập hợp rộng rãi các luật gia trong cả nước, đã và đang công tác trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hoạt động của Hội không chỉ mang tính nghề nghiệp mà còn có tính chính trị - xã hội rất sâu sắc. Vì vậy, Ban Bí thư tán thành với đề nghị của Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam, xác định: Hội Luật gia Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp.

4. Về tổ chức của Hội Luật gia Việt Nam, vẫn giữ như hiện nay và hoạt động theo điều lệ thống nhất.

- Về nhân sự chủ chốt của Hội, đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam để các đồng chí tuổi cao không tham gia tái cử vào Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa X. Cần lựa chọn đồng chí tiêu biểu, có khả năng làm việc, quy tụ, đoàn kết để giới thiệu bầu giữ chức vụ chủ chốt của Hội.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam và Ban Nội chính Trung ương chuẩn bị nhân sự chủ chốt của Hội trình Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 92-QĐ/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2004

Về việc bổ sung, sửa đổi Điều 7 trong Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm

Để phục vụ cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, Bộ Chính trị quyết định bổ sung, sửa đổi Điều 7 của Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm như sau:

Điều 7 cũ trong Quy định ghi: "Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ý ứng cử, hoặc tự nhận đề cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép đối với những chức danh phải do cấp ủy giới thiệu người ra ứng cử".

Nay sửa lại là: "Không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức đảng; tự ứng cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội các cấp khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền giới thiệu hoặc cho phép

đối với những chức danh phải do cấp ủy giới thiệu người ra ứng cử.

Những đảng viên không tham gia cấp ủy cùng cấp với các tổ chức nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp đó thì có thể đề cử giới thiệu thêm người ra ứng cử (ngoài danh sách cấp ủy cùng cấp đã giới thiệu) để bầu vào các chức danh của các tổ chức này".

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 94-QĐ/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn

Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ tình hình, đặc điểm của phường, thị trấn;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước và quản lý đô thị trên địa bàn; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, phường, thị trấn giàu đẹp, văn minh; không ngừng

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

1- Lãnh đạo chính quyền thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo nghị quyết của đại hội đảng bộ, chi bộ phường, thị trấn và của cấp trên; tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế và hộ gia đình phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng phường, thị trấn giàu đẹp, văn minh.

2- Lãnh đạo chính quyền thực hiện đúng chức năng quản lý hành chính nhà nước và công tác quản lý đô thị trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch; chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các chính sách xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

3- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; giám sát mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; kịp thời

giải quyết những vướng mắc phát sinh trong cộng đồng dân cư ở cơ sở theo đúng luật pháp, không để tích tụ mâu thuẫn trở thành điểm nóng, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, vượt cấp hoặc lợi dụng dân chủ để làm mất ổn định chính trị trên địa bàn.

4- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và chính sách hậu phương quân đội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, tính mạng và tài sản của nhân dân; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên; xây dựng tình đoàn kết, gắn bó, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở tổ dân phố, khu dân cư và trong từng gia đình, chú trọng tuyên truyền và nhân rộng gương người tốt, việc tốt, các nhân tố tích cực trên mọi lĩnh vực.

2- Tuyên truyền, vận động làm cho nhân dân hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân đấu tranh chống các quan điểm sai trái, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bè phái, gia trưởng, bảo thủ và các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp ở cơ sở vững mạnh; xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tích cực tạo nguồn cán bộ tại chỗ, từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức phường, thị trấn.

2- Cấp ủy xây dựng quy chế về công tác tổ chức, cán bộ; nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ đối với cán bộ thuộc quyền; quản lý và kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với cán bộ ở cơ sở theo phân cấp; giới thiệu người đủ tiêu chuẩn, có tín nhiệm trong tổ chức đảng và nhân dân để bầu vào các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân theo luật định và điều lệ của mỗi tổ chức.

3- Cấp ủy đề xuất ý kiến trong việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân ở cấp trên và cán bộ chủ chốt ở cơ sở do cấp trên quản lý.

Điều 5. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

1- Lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở phường, thị trấn vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thi đua thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2- Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương, trước hết là những chủ trương, chính sách về xây dựng và quản lý đô thị, giải quyết việc làm và các chính sách xã hội khác.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác; chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng lãnh đạo của các chi bộ, tổ đảng ở tổ dân phố, khu dân cư. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao

chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, phấn đấu trở thành người lao động giỏi, công dân mẫu mực; nghiêm chỉnh chấp hành và vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành nghị quyết của tổ chức đảng, quyết định của chính quyền và chương trình hành động của các đoàn thể nhân dân. Cấp ủy xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những người lao động giỏi, có uy tín trong quần chúng.

5- Xây dựng cấp ủy và bí thư cấp ủy bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, thực sự là trung tâm đoàn kết, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và nhân dân tín nhiệm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia, góp ý xây dựng Đảng; bí thư cấp ủy cơ sở, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tự phê bình trước đại diện của nhân dân và chịu trách nhiệm khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở địa phương.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Phối hợp với các tổ chức, cơ sở đảng trên địa bàn và các tổ chức, cơ sở đảng có đảng viên, cán bộ, công chức đang cư trú trên địa bàn thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân.

1- Cấp ủy lãnh đạo Hội đồng nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, công tác cán bộ, công tác kiểm tra và thông qua các đảng viên là đại biểu Hội đồng nhân dân.

2- Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, chủ tịch Hội đồng nhân dân phải báo cáo với cấp ủy về thời gian, chương trình, nội dung kỳ họp để cấp ủy cho ý kiến chỉ đạo, bảo đảm cho kỳ họp đạt kết quả, đúng luật, đúng định hướng của tổ chức đảng.

Điều 8. Đối với Ủy ban nhân dân.

1- Cấp ủy lãnh đạo Ủy ban nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, bằng công tác cán bộ và công tác kiểm tra. Thường xuyên kiểm tra Ủy ban nhân dân trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện, khắc phục những

việc chưa đúng, nếu có sai phạm nghiêm trọng, cấp ủy yêu cầu tạm dừng thực hiện và kiến nghị với cấp ủy, chính quyền cấp trên giải quyết.

2- Định kỳ (hằng tháng, quý, sáu tháng, năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo với cấp ủy đảng về tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng hoặc những chuyên đề công tác được phân công.

Điều 9. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

1- Cấp ủy lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bằng nghị quyết, chương trình hành động, bằng công tác cán bộ, công tác kiểm tra và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đó. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo về tình hình hoạt động và đề xuất, kiến nghị về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

2- Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy cấp trên trực tiếp của

tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, các đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Quy định này thay thế Quy định số 52-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư khóa VII, có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 95-QĐ/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã

Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ tình hình, đặc điểm của xã;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở xã là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ở xã vững mạnh, nông thôn giàu đẹp, văn minh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

1- Lãnh đạo chính quyền thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo nghị quyết đại hội của đảng bộ, chi bộ xã và của cấp trên; phát triển nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tạo thêm việc làm mới cho người lao động; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng nông thôn giàu đẹp, văn minh.

2- Lãnh đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, quản lý và sử dụng đất hợp lý, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích; thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm...) theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm; quản lý và sử dụng tốt các nguồn vốn vay, vốn nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác; phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các chính sách xã hội, xoá đói, giảm nghèo.

3- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; giám sát mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong cộng đồng dân cư ở cơ sở theo đúng luật pháp, không để tích tụ mâu thuẫn trở thành những điểm nóng, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, vượt cấp hoặc lợi dụng dân chủ để làm mất ổn định chính trị ở nông thôn.

4- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và chính sách hậu phương quân đội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, tính mạng và tài sản của nhân dân; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên; xây dựng tình đoàn kết, gắn bó tình làng, nghĩa xóm, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở thôn (ấp, bản...) và trong từng gia đình, chú trọng tuyên truyền và nhân rộng gương người tốt, việc tốt, các nhân tố tích cực trên mọi lĩnh vực.

2- Tuyên truyền, vận động làm cho nhân dân hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân đấu tranh chống các quan điểm sai trái, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bè phái, gia trưởng, bảo thủ và các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp ở cơ sở vững mạnh; xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tích cực tạo nguồn cán bộ tại chỗ, từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức xã.

2- Cấp ủy xây dựng quy chế về công tác tổ chức, cán bộ; nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ đối với cán bộ thuộc quyền; quản lý và kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với cán bộ ở cơ sở theo phân cấp; giới thiệu người đủ tiêu chuẩn, có tín nhiệm trong tổ chức đảng và nhân dân để bầu vào các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân theo luật định và điều lệ của mỗi tổ chức.

3- Cấp ủy đề xuất ý kiến trong việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân ở cấp trên và cán bộ chủ chốt ở cơ sở do cấp trên quản lý.

Điều 5. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

1- Lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở xã vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thi đua thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2- Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương, trước hết là những chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác; chú trọng củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng lãnh đạo của các chi bộ, tổ đảng ở thôn (ấp, bản...). Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, phấn đấu trở thành người lao động giỏi, công dân mẫu mực; nghiêm chỉnh chấp hành và vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành nghị quyết của tổ chức đảng, quyết định của chính quyền và chương trình hành động của các đoàn thể nhân dân. Cấp ủy xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những người lao động giỏi, có uy tín trong quần chúng.

5- Xây dựng cấp ủy và bí thư cấp ủy bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, thực sự là trung tâm đoàn kết, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và nhân dân tín nhiệm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia, góp ý xây dựng Đảng; bí thư cấp ủy cơ sở, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tự phê bình trước đại diện của nhân dân và chịu trách nhiệm khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở địa phương.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những

điều đảng viên không được làm. Phối hợp với các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn và các tổ chức cơ sở đảng có đảng viên, cán bộ, công chức đang cư trú trên địa bàn thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của địa phương.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân.

1- Cấp ủy lãnh đạo Hội đồng nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, công tác cán bộ, công tác kiểm tra và thông qua các đảng viên là đại biểu Hội đồng nhân dân.

2- Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, chủ tịch Hội đồng nhân dân phải báo cáo với cấp ủy về thời gian, chương trình, nội dung kỳ họp để cấp ủy cho ý kiến chỉ đạo bảo đảm cho kỳ họp đạt kết quả, đúng luật, đúng định hướng của tổ chức đảng.

Điều 8. Đối với Ủy ban nhân dân.

1- Cấp ủy lãnh đạo Ủy ban nhân dân bằng chủ trương, nghị quyết, bằng công tác cán bộ và công tác kiểm tra. Thường xuyên kiểm tra Ủy ban nhân dân trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện, khắc phục những việc chưa đúng, nếu có sai phạm nghiêm trọng, cấp ủy yêu cầu tạm dừng thực hiện và kiến nghị với cấp ủy, chính quyền cấp trên giải quyết.

2- Định kỳ (hằng tháng, quý, sáu tháng, năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo với cấp ủy về tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng hoặc những chuyên đề công tác được phân công.

Điều 9. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

1- Cấp ủy lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bằng nghị quyết, chương trình hành động, bằng công tác cán bộ, công tác kiểm tra và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong các tổ chức đó. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo về tình hình hoạt động và đề xuất, kiến nghị về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

2- Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đảng bộ, chi bộ cơ sở xã thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, các đảng bộ, chi bộ cơ sở xã xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Quy định này thay thế Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư khóa VII, có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 37-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 2004

Về tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Hội Nhà báo Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào việc tổ chức, động viên, cổ vũ các nhà báo - hội viên thực hiện tốt những nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của báo chí Việt Nam, xây dựng và phát triển đội ngũ những người làm báo; góp phần tích cực vào công tác chỉ đạo, quản lý báo chí, từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về báo chí; có nhiều hoạt động đối ngoại phong phú, không ngừng phát huy và nâng cao vị thế của Hội Nhà báo Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng trong hơn nửa thế kỷ qua. Hội Nhà báo Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở đã từng bước củng cố, kiện toàn về tổ chức, đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, để xứng đáng với lời khen tặng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhân kỷ niệm 50 năm Ngày thành

lập Hội (6-1950 - 6-2000): "***Báo chí cách mạng Việt Nam trung thành, đoàn kết, trí tuệ, đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước***".

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cơ bản nêu trên, hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam cũng như sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đối với Hội trong thời gian qua còn một số thiếu sót, khuyết điểm sau đây:

- Nội dung, phương thức hoạt động của Hội chưa đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn, sức cuốn hút và tập hợp của Hội chưa cao. Ý thức xây dựng Hội của một số hội viên còn mờ nhạt. Chất lượng hoạt động của một số cơ sở hội và hội viên chưa cao. Những năm gần đây, một số ít cán bộ lãnh đạo và nhà báo - hội viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước làm ảnh hưởng đến uy tín của Hội.

- Sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan báo chí và tổ chức Hội chưa chặt chẽ, chưa có những quy định cụ thể để tạo điều kiện cần thiết cho các cấp Hội và hội viên phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình.

- Cấp ủy, chính quyền một số ban, ngành ở Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác báo chí cũng như hoạt động của Hội Nhà báo. Do đó, thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ và chưa tạo những điều kiện cần thiết về biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất để Hội hoạt động và phát triển.

Nhằm thực hiện tốt trách nhiệm lớn lao và vẻ vang của báo chí là phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu, có vai trò

to lớn trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, định hướng đúng đắn dư luận xã hội, góp phần nâng cao dân trí, đóng góp tích cực, có hiệu quả vào mọi thắng lợi của cách mạng, Hội Nhà báo Việt Nam cần tiếp tục thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

I- TIẾP TỤC NÂNG CAO VAI TRÒ, CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người làm báo Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước. Hội cần được tiếp tục đổi mới, kiện toàn về tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các nhà báo trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, chủ động tham gia công tác chỉ đạo, quản lý báo chí; xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về báo chí để góp phần xây dựng và phát triển nền báo chí cách mạng và đội ngũ những người làm báo Việt Nam trong thời kỳ mới.

2. Hội Nhà báo các cấp cần thường xuyên tổ chức cho các nhà báo - hội viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực, chủ động bằng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, kỹ năng làm báo cho các hội

viên, xây dựng đội ngũ những người làm báo Việt Nam ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng.

Tiến hành xây dựng, triển khai thực hiện đề án về Giải báo chí quốc gia, thu hút đông đảo những người làm báo cả nước tham gia nhằm phát hiện, cổ vũ những tài năng báo chí, động viên ý thức lao động sáng tạo của những người làm báo Việt Nam.

3. Coi trọng việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho các nhà báo. Xúc tiến việc xây dựng quy định về đạo đức người làm báo Việt Nam nhằm xây dựng Hội Nhà báo các cấp trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao chất lượng nhà báo - hội viên.

4. Hội Nhà báo Việt Nam và tổ chức Hội các cấp cần quan tâm làm tốt hơn nữa việc bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của nhà báo. Xây dựng cơ chế, chính sách và có hình thức động viên, khen thưởng xứng đáng, kịp thời đối với các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động báo chí, nhất là các đơn vị, cá nhân trực tiếp hoạt động ở những địa bàn có nhiều khó khăn, gian khổ.

5. Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Hội Nhà báo Việt Nam theo đúng đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, với nhiều hình thức thích hợp để góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Hội Nhà báo Việt Nam và của đất nước trong khu vực và trên thế giới.

6. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan chủ quản cùng các cơ quan báo chí cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động và có quy định cụ thể tạo điều kiện cần thiết về cán bộ

chuyên trách, kinh phí, điều kiện, phương tiện làm việc để Hội Nhà báo các cấp hoạt động đạt hiệu quả thiết thực.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan báo chí có trách nhiệm chỉ đạo việc quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng các quy chế, quy định cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp Hội Nhà báo tham gia công tác chỉ đạo, quản lý báo chí; xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về báo chí, về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí; quy chế bổ nhiệm, khen thưởng và kỷ luật nhà báo; bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của các cơ quan báo chí, của các nhà báo. Tạo điều kiện để Hội Nhà báo Việt Nam thực hiện tốt vai trò tư vấn, phản biện, giám định của một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp về các vấn đề liên quan đến hoạt động báo chí, đến đội ngũ các nhà báo.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành hữu quan, các tỉnh, thành phố tổ chức hướng dẫn và thực hiện cụ thể Chỉ thị 33/98/CP-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm xây dựng, củng cố tổ chức, đảm bảo các điều kiện và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo các cấp.

4. Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan hữu quan xây dựng để trình Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

5. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi việc triển khai và thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 96-QĐ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nhà nước,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia đề ra và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; không ngừng

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng đảng bộ, chi bộ và doanh nghiệp vững mạnh, góp phần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, an ninh, quốc phòng.

1- Tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong doanh nghiệp.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp, phát huy quyền làm chủ của người lao động, thực hiện công khai về tài chính và phân phối, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực, nhất là trong hợp đồng liên doanh, liên kết, xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư...

3- Lãnh đạo đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của doanh nghiệp theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng tự vệ vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của doanh nghiệp.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và người lao động trong doanh nghiệp; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần làm chủ, ý thức cần kiệm và tình đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong công nhân, viên chức; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Tuyên truyền, vận động làm cho cán bộ, đảng viên và người lao động hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của doanh nghiệp; động viên cán bộ và người lao động trong doanh nghiệp tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường giai cấp công nhân, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

3- Lãnh đạo đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, thiếu ý

thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Đề ra chủ trương, nghị quyết và lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy trình và thẩm quyền trong việc sắp xếp bộ máy quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

2- Cấp ủy xây dựng quy hoạch, quy chế, quy định về công tác cán bộ của doanh nghiệp; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định đó, bảo đảm đúng chủ trương, nghị quyết của tổ chức đảng.

3- Cấp ủy đề nghị cấp trên xem xét, quyết định đối với các vấn đề về tổ chức và cán bộ của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội.

1- Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ, tạo điều kiện cho người lao động tham gia quản lý doanh nghiệp, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2- Cấp ủy lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác trong doanh nghiệp và trong xã hội. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn

viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Nói chung, bí thư cấp ủy phải là cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị, giám đốc.

1- Đảng bộ, chi bộ bảo đảm và tạo điều kiện để hội đồng quản trị, giám đốc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Cấp ủy định kỳ thông báo với hội đồng quản trị, giám đốc ý kiến của cán bộ, đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp. Hội đồng quản trị, giám đốc có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này.

2- Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm, vào dịp đại hội đảng) và đột xuất khi có yêu cầu, hội đồng quản trị, giám đốc báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của doanh nghiệp. Cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong doanh nghiệp thực hiện.

3- Bí thư cấp ủy, chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác trong doanh nghiệp. Khi cấp ủy và hội đồng quản trị, giám đốc có ý kiến khác nhau thì hội đồng quản trị, giám đốc quyết định theo quyền hạn và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời phải báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội.

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với tổ chức đảng có liên quan.

1- Cấp ủy đảng ở doanh nghiệp trực thuộc cấp ủy địa phương phải giữ quan hệ chặt chẽ với tổ chức đảng ngành dọc cấp trên trong việc lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công tác tổ chức, cán bộ.

2- Cấp ủy đảng ở doanh nghiệp trực thuộc cấp ủy ngành dọc cấp trên phải giữ quan hệ chặt chẽ với cấp ủy địa phương

(nơi doanh nghiệp đóng) để phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, công tác cán bộ, an ninh, quốc phòng và các hoạt động xã hội.

3- Cấp ủy đảng các doanh nghiệp cần giữ quan hệ với cấp ủy địa phương nơi có cán bộ, đảng viên của doanh nghiệp cư trú để phối hợp công tác và quản lý cán bộ, đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Quy định này thay thế Quy định số 49-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư khóa VII, có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 97-QĐ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp (trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu...)

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ đặc điểm của đơn vị sự nghiệp;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của đơn vị; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao

đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng; xây dựng đảng bộ, chi bộ và đơn vị vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng.

1- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác chuyên môn của đơn vị theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nghĩa vụ của đơn vị đối với Nhà nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng.

2- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của đơn vị theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính chủ động sáng tạo, không ngừng cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở đơn vị, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, trù dập, ức hiếp quần chúng và các hiện tượng tiêu cực khác, nhất là những tiêu cực trong tuyển sinh, cấp văn bằng, chứng chỉ, khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học và trong các hoạt động văn hóa, thể thao...

4- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong

đơn vị. Đoàn kết nội bộ, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; giữ gìn bí mật quốc gia, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của đơn vị.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong công nhân, viên chức; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị, thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy và quy chế hoạt động của đơn vị.

2- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy. Lãnh đạo việc thực hiện các quyết định đó. Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng.

3- Cấp ủy đề xuất ý kiến để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của đơn vị thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân.

1- Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân trong đơn vị xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2- Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân và cán bộ, đảng viên, quần chúng trong đơn vị tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực

lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Nói chung, bí thư cấp ủy phải là cán bộ lãnh đạo của đơn vị, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng đơn vị.

1- Đảng bộ, chi bộ, cấp ủy bảo đảm và tạo điều kiện để thủ trưởng đơn vị thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao; thủ trưởng đơn vị bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này. Cấp ủy thường xuyên thông báo với thủ trưởng đơn vị ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện các nhiệm vụ và chính sách, chế độ trong đơn vị.

2- Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm, vào dịp đại hội đảng) và đột xuất khi có yêu cầu, thủ trưởng đơn vị báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của đơn vị; cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về

những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong đơn vị thực hiện.

3- Bí thư, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong đơn vị. Khi đảng ủy, chi ủy cơ sở và thủ trưởng đơn vị có ý kiến khác nhau thì thủ trưởng đơn vị quyết định theo quyền hạn và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời cấp ủy và thủ trưởng đơn vị cùng báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các đoàn thể nhân dân.

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với cấp ủy và chính quyền địa phương.

Cấp ủy xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở đơn vị đóng và nơi có cán bộ, đảng viên của đơn vị cư trú, để phối hợp công tác và quản lý cán bộ, đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách

nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Quy định này thay thế Quy định số 51-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư khóa VII, có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 98-QĐ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức và đặc điểm của cơ quan;

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ công tác

của cơ quan; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công chức và người lao động; xây dựng đảng bộ, chi bộ và cơ quan vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng.

1- Lãnh đạo cán bộ, công chức và người lao động đề cao tinh thần trách nhiệm, tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2- Lãnh đạo cán bộ, công chức và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, làm tốt chức năng tham mưu, nghiên cứu, đề xuất và kiến nghị với lãnh đạo cơ quan về những vấn đề cần thiết; không ngừng cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả công tác, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở cơ quan, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức và người lao động, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu và các biểu hiện tiêu cực khác. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc của cán bộ, công chức và người lao động.

4- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong cơ quan. Đoàn kết nội bộ, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng,

đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ gìn bí mật quốc gia, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của cơ quan.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, công chức và người lao động; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ, xây dựng tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, công chức và người lao động nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện chủ

trương về kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan.

2- Cấp ủy tham gia ý kiến với ban cán sự đảng, đảng đoàn và lãnh đạo cơ quan về quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan. Lãnh đạo việc thực hiện các quyết định đó. Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng.

3- Cấp ủy đề xuất ý kiến để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội.

1- Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội trong cơ quan xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi đoàn thể; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức và người lao động, đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2- Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội và cán bộ, đảng viên, quần chúng tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực

lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong cơ quan. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Nói chung,

bí thư cấp ủy phải là cán bộ lãnh đạo của cơ quan, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng cơ quan.

1- Đảng bộ, chi bộ, cấp ủy bảo đảm và tạo điều kiện để thủ trưởng cơ quan thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao; thủ trưởng cơ quan bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này. Cấp ủy cơ quan thường xuyên phản ánh với ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện các nhiệm vụ và chính sách, chế độ trong cơ quan.

2- Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm, vào dịp đại hội đảng) và đột xuất khi có yêu cầu, thủ trưởng cơ quan báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của cơ quan; cấp ủy hoặc đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về

những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong cơ quan thực hiện.

3- Bí thư, thủ trưởng cơ quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức đảng khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong cơ quan. Khi đảng ủy, chi ủy cơ sở và thủ trưởng cơ quan có ý kiến khác nhau thì thủ trưởng cơ quan quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời cấp ủy và thủ trưởng cơ quan cùng báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội.

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với cấp ủy và chính quyền địa phương.

Cấp ủy xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở cơ quan và nơi có cán bộ, đảng viên của cơ quan cư trú, để phối hợp công tác và quản lý cán bộ, đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách

nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Quy định này thay thế Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư khóa VII, có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 36-NQ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2004
Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

I- TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỜI GIAN QUA

1. Hiện nay có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang sinh sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, trong đó hơn 80% ở các nước công nghiệp phát triển, phần đông bà con ngày càng ổn định cuộc sống và hòa nhập vào xã hội nơi cư trú, có vị trí nhất định trong đời sống kinh tế, chính trị - xã hội ở nước sở tại, có tác động ở mức độ khác nhau tới mối quan hệ giữa các nước đó với Việt Nam. Bên cạnh đó, trong những năm qua, hàng trăm nghìn người Việt Nam đã ra nước ngoài lao động, học tập, tu nghiệp, đoàn tụ gia đình, hình thành các cộng đồng người Việt Nam tại một số địa bàn mới.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có tiềm lực kinh tế nhất định, có mối quan hệ với nhiều doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài và quốc tế, có khả năng tìm kiếm đối tác và làm cầu nối với các doanh nghiệp, tổ chức trong nước.

Nhiều trí thức có trình độ học vấn và chuyên môn cao; một số người giữ vị trí quan trọng trong các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các công ty và tổ chức quốc tế, có khả năng tạo dựng quan hệ với các cơ sở kinh tế, khoa học ở nước sở tại.

Mặc dù sống xa Tổ quốc, đồng bào luôn nuôi dưỡng, phát huy tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống văn hóa và hướng về cội nguồn, dòng tộc, gắn bó với gia đình, quê hương. Nhiều người đã có những đóng góp về tinh thần, vật chất và cả xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Thành tựu to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội và không ngừng nâng cao vị thế quốc tế của đất nước càng củng cố thêm niềm tự hào dân tộc và tinh thần yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Đông đảo bà con hoan nghênh công cuộc đổi mới và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước, mong muốn đất nước cường thịnh, sánh vai với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; nhiều người đã về thăm gia đình, quê hương, tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học, công nghệ, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, nhân đạo, từ thiện... Tình hình trên là xu thế chủ yếu trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Tuy nhiên, người Việt Nam ở một số nước còn khó khăn trong việc ổn định cuộc sống, chưa được hưởng quy chế rõ ràng, thậm chí ở một số nơi còn bị kỳ thị. Một bộ phận đồng bào do chưa có dịp về thăm đất nước để tận mắt thấy được những thành tựu của công cuộc đổi mới hoặc do thành kiến, mặc cảm, nên chưa hiểu đúng về tình hình đất nước. Một số

ít người đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc, ra sức chống phá đất nước, phá hoại mối quan hệ hợp tác giữa nước sở tại với Việt Nam. Tính liên kết cộng đồng, sự gắn bó giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng chưa cao. Còn thiếu các biện pháp duy trì, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; việc giữ gìn tiếng Việt và bản sắc dân tộc trong thế hệ trẻ còn khó khăn. Nhu cầu giao lưu văn hóa giữa cộng đồng với đất nước, giữ gìn và phát triển tiếng Việt trong cộng đồng là rất lớn và trở nên bức thiết song chưa được đáp ứng. Sự đóng góp của bà con vào công cuộc xây dựng đất nước, nhất là về tri thức, chưa tương xứng với tiềm năng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách rộng mở và biện pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho đồng bào về thăm đất nước, người thân, đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học - công nghệ, hoạt động văn hóa - nghệ thuật. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã được đổi mới và đạt được những kết quả đáng kể cả ở trong và ngoài nước. Công tác thông tin, văn hóa phục vụ cộng đồng từng bước được tăng cường, nhất là trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và qua mạng internet. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chính quyền địa phương và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài chưa được

quán triệt sâu sắc, thực hiện đầy đủ. Công tác nghiên cứu, tham mưu về chính sách chưa theo kịp những chuyển biến mới. Công tác bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quan tâm đúng mức. Các chính sách đã ban hành chưa đồng bộ và chưa thể hiện đầy đủ tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc; chưa khuyến khích mạnh mẽ người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, đóng góp cho công cuộc phát triển đất nước. Chưa có hình thức thỏa đáng để cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin cho đồng bào về tình hình đất nước và chính sách của Đảng và Nhà nước. Hình thức vận động cộng đồng còn chưa thực sự đổi mới, đa dạng và linh hoạt để có thể quy tụ, động viên đông đảo bà con tham gia các hoạt động có ích cho cộng đồng và quê hương. Việc phát hiện, bồi dưỡng những nhân tố tích cực, việc khen thưởng, động viên những người có thành tích ít được chú trọng.

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân chưa nhận thức thật sự đầy đủ và sâu sắc các quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhiều cấp ủy đảng và lãnh đạo chính quyền các cấp chưa quan tâm đúng mức và chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác này. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan, giữa Trung ương và địa phương, giữa trong và ngoài nước còn thiếu chặt chẽ, các cơ quan trực tiếp làm công tác về người Việt Nam ở nước ngoài chưa được kiện toàn đủ mạnh, kinh phí còn hạn chế.

II- CHỦ TRƯƠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần thể hiện đầy đủ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc. Cơ sở của sự đoàn kết là ý thức dân tộc và lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và mục tiêu chung của mọi người Việt Nam là giữ vững nền độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ hay thành phần giai cấp; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước có trách nhiệm thỏa thuận với các nước hữu quan về khuôn khổ pháp lý để đồng bào ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

Đảng và Nhà nước mong muốn, khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập và thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp nước sở tại, chăm lo xây dựng cuộc sống, làm ăn

thành đạt, nêu cao tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc Việt Nam, đoàn kết đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, giữ mối quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước bà con sinh sống với nước nhà, tùy theo khả năng và điều kiện của mỗi người góp phần xây dựng quê hương, đất nước, chủ động đấu tranh với các biểu hiện cố tình đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc.

3. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần mang tính đồng bộ, kết hợp việc xây dựng cơ chế, chính sách với công tác vận động, kết hợp các hoạt động trong nước với các hoạt động ở nước ngoài và phải được tiến hành thông qua nhiều loại hình hoạt động và biện pháp phù hợp với các đối tượng và địa bàn khác nhau, trên cơ sở tự nguyện và không trái với pháp luật, phong tục, tập quán của nước sở tại.

4. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân. Các tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, ở trong nước và ngoài nước và toàn dân ta cần coi đây là một nhiệm vụ quan trọng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn sinh sống, hội nhập

vào đời sống xã hội nước sở tại, đồng thời duy trì quan hệ gắn bó với quê hương, đất nước.

Thông qua các hoạt động ngoại giao tích cực vận động chính quyền nước sở tại tạo thuận lợi cho kiều bào có điều kiện làm ăn sinh sống bình thường; chủ động tiến hành đàm phán và ký kết các thỏa thuận cần thiết với các nước, trong đó có các hiệp định lãnh sự, hiệp định tư pháp, bảo vệ lợi ích chính đáng của bà con, chống các biểu hiện kỳ thị, các hành động chống lại người Việt Nam ở nước ngoài. Giải quyết nhanh chóng, thỏa đáng yêu cầu của người Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến vấn đề quốc tịch.

Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương, thân nhân, thờ cúng tổ tiên. Cụ thể hóa và hoàn thiện hơn nữa các quy định về xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại ở trong nước của người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng thông thoáng, thuận tiện và đơn giản thủ tục. Giải quyết thuận lợi, nhanh chóng thủ tục cho người Việt Nam ở nước ngoài hồi hương hoặc về làm ăn, sinh sống có thời hạn ở trong nước; tiếp tục giải quyết những vấn đề tồn tại về mua nhà ở trong nước, thừa kế, hôn nhân gia đình, nhận con nuôi... liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài. Dành cho người Việt Nam ở nước ngoài giá dịch vụ như công dân trong nước.

Có hình thức thích hợp tổ chức thu thập ý kiến của đồng bào ở nước ngoài trước khi ban hành các văn bản pháp quy, chính sách có liên quan nhiều tới người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Hoàn chỉnh và xây dựng mới hệ thống chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, phát huy sự đóng góp của trí thức kiều bào vào công cuộc phát triển đất nước. Xây dựng chế độ

đãi ngộ thỏa đáng đối với những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn về quản lý, điều hành, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cao cho đất nước, góp phần phát triển nền văn hóa, nghệ thuật của nước nhà.

Xây dựng và hoàn thiện các chính sách tạo thuận lợi và khuyến khích các ngành, các trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao, các cơ sở sản xuất, dịch vụ... ở trong nước mở rộng hợp tác, thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia công việc ở trong nước, làm việc cho các chương trình, dự án hợp tác đa phương và song phương của Việt Nam với nước ngoài hoặc trong các tổ chức quốc tế có chỉ tiêu dành cho người Việt Nam và tư vấn trong các quan hệ giữa Việt Nam với đối tác nước ngoài.

Tranh thủ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tiến hành hoạt động vận động, tư vấn về pháp lý trong quan hệ với nước bà con làm ăn sinh sống.

3. Hoàn chỉnh và xây dựng mới các chính sách thu hút người Việt Nam ở nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh ở trong nước. Coi trọng các hình thức đầu tư, kinh doanh quy mô vừa và nhỏ do người Việt Nam ở nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc thông qua người thân trong nước thực hiện. Mở rộng và tạo thuận lợi hơn nữa chính sách kiều hối. Phát huy khả năng của người Việt Nam ở nước ngoài làm dịch vụ, thiết lập và mở rộng kênh tiêu thụ hàng hóa Việt Nam, các quan hệ hợp tác và đầu tư với các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến doanh nghiệp do người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào trong nước, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của các doanh nghiệp, xử lý các vi phạm theo đúng pháp luật, góp phần tạo môi trường pháp lý ổn định, làm cho người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, hợp tác với trong nước yên tâm, tin tưởng.

4. Đổi mới và đa dạng hóa các phương thức vận động, các hình thức tập hợp với mục đích đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, khuyến khích những hoạt động hướng về Tổ quốc của bà con, nhất là của thế hệ trẻ trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật và phong tục tập quán nước sở tại. Hỗ trợ các dự án của người Việt Nam ở nước ngoài nhằm mục tiêu trên. Chủ động mở rộng tiếp xúc với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, kể cả với những người còn có định kiến, mặc cảm với Nhà nước và chế độ ta.

5. Tích cực đầu tư cho chương trình dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là cho thế hệ trẻ. Xây dựng và hoàn chỉnh sách giáo khoa tiếng Việt cho kiều bào, cải tiến các chương trình dạy tiếng Việt trên vô tuyến truyền hình, đài phát thanh và qua mạng internet. Cử giáo viên dạy tiếng Việt tới những nơi có thể để giúp bà con học tiếng Việt. Tổ chức trại hè nói tiếng Việt cho thanh, thiếu niên người Việt Nam ở nước ngoài.

Tổ chức cho các đoàn nghệ thuật, nhất là các đoàn nghệ thuật dân tộc ra nước ngoài biểu diễn phục vụ cộng đồng. Tạo điều kiện cho các nghệ sĩ, vận động viên là người Việt Nam ở nước ngoài về nước biểu diễn, thi đấu, tham gia các đoàn

Việt Nam đi biểu diễn và thi đấu quốc tế. Thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn học, nghệ thuật, triển lãm, hội thảo, du lịch về cội nguồn.

6. Đổi mới mạnh mẽ và toàn diện công tác thông tin, tuyên truyền, giúp cho người Việt Nam ở nước ngoài hiểu đúng tình hình đất nước và chính sách của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho các chương trình dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của đài phát thanh, truyền hình và internet; chú trọng đổi mới nội dung, hình thức và kỹ thuật của các chương trình này. Hỗ trợ việc ra báo viết, mở đài phát thanh, truyền hình ở ngoài nước. Xây dựng thư viện trên mạng internet để phục vụ cho người Việt Nam sống xa Tổ quốc. Hỗ trợ kinh phí vận chuyển và đơn giản hóa thủ tục đối với việc gửi sách báo, văn hóa phẩm ra ngoài phục vụ cộng đồng.

7. Hoàn chỉnh chính sách khen thưởng đối với người Việt Nam ở nước ngoài, đưa vào nền nếp việc khen thưởng các tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích trong vận động xây dựng cộng đồng, đóng góp xây dựng đất nước, tổ chức và cá nhân trong nước có thành tích trong công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Giải quyết có tình, có lý và trên cơ sở đạo lý Việt Nam các vấn đề nhân đạo do lịch sử để lại nhằm thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời có biện pháp phù hợp đấu tranh với những biểu hiện cố tình đi ngược lại lợi ích dân tộc, phá hoại quan hệ giữa các nước có đông người Việt Nam sinh sống với Việt Nam hoặc gây chia rẽ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại.

8. Các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ

chức và đoàn thể nhân dân theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tích cực vào công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài với các cơ quan hữu quan, với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, giữa trong nước với ngoài nước. Củng cố và phát triển các tổ chức xã hội làm công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, như Hội liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài, các hội thân nhân kiều bào và các hình thức tập hợp chính đáng khác, phù hợp với ý nguyện và đặc điểm của cộng đồng ở địa bàn cư trú.

Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài có trách nhiệm coi công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là một nhiệm vụ chính trị quan trọng; đẩy mạnh công tác bảo hộ công dân và bảo vệ những quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; tích cực, chủ động tăng cường tiếp xúc vận động, tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới bà con.

9. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài cần được kiện toàn với cơ cấu tổ chức, biên chế và phương tiện hoạt động đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới. Tăng cường cán bộ chuyên trách về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở những nơi có đông người Việt Nam sinh sống. Một số bộ, ngành và một số tỉnh, thành phố có quan hệ nhiều với người Việt Nam ở nước ngoài cần có bộ phận giúp cơ quan lãnh đạo trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Bổ sung kinh phí cho công tác này.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao phối hợp với Ban Cán sự Đảng Ngoài nước và các ban, ngành liên quan, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức và đoàn thể nhân dân tổ chức phổ biến rộng rãi Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân trong nước và đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành chương trình hành động, các cơ chế, chính sách, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ vào nội dung Nghị quyết, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy có liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện Nghị quyết. Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao chủ trì cùng Ban Cán sự Đảng Ngoài nước giúp Ban Bí thư và Bộ Chính trị theo dõi việc thực hiện Nghị quyết. Ban Bí thư tổ chức kiểm tra, định kỳ nghe báo cáo về tình hình và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 28-KL/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2004
Về danh mục các chương trình, dự án vay vốn ADB thời kỳ 2004 - 2006

Trong phiên họp ngày 18-3-2004, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo về danh mục các chương trình, dự án vay vốn ADB thời kỳ 2004 - 2006 và ý kiến phát biểu của một số cơ quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã ký với ADB 39 hiệp định tín dụng trị giá khoảng 2,48 tỉ USD để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án đầu tư này đã và đang góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và cải thiện, nâng cao đời sống cho nhân dân. Tuy nhiên, việc quản lý sử dụng nguồn vốn vay này cũng còn những hạn chế cần khắc phục như: việc bố trí vốn đối ứng cho một số dự án chưa kịp thời, thời gian đầu tư có dự án còn kéo dài, giải ngân chậm...

Trong thời gian tới, để huy động các nguồn vốn phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương tiếp tục vay vốn của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) như trong Tờ trình, song cần lưu ý một số nội dung sau:

Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo chặt chẽ việc lựa chọn, xây dựng và phê duyệt các chương trình, dự án vay vốn cụ thể để trình Chủ tịch nước phê chuẩn, bảo đảm các chương trình, dự án dùng vốn vay có mục tiêu thiết thực, rõ ràng, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ưu tiên phục vụ xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân những vùng khó khăn.

Cần tiến hành kiểm điểm, đánh giá kết quả các chương trình, dự án sử dụng vốn vay của ADB và rút kinh nghiệm để có biện pháp nâng cao hiệu quả hợp tác với ADB, quản lý, sử dụng vốn vay tốt hơn, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Ban Kinh tế Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 137-TB/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2004
Về công tác chuẩn bị Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ

Sau khi nghe Ban Chỉ đạo Nhà nước Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ báo cáo và ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

Trong thời gian vừa qua, Ban Chỉ đạo Nhà nước Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ cùng với các bộ, ngành, địa phương liên quan đã xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 28-5-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ với nhiều hoạt động phong phú và đạt nhiều kết quả tích cực.

Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ đặt trong hoạt động kỷ niệm chung các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005 với mục đích là làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa quan trọng của sự kiện lịch sử này. Thông qua hoạt động kỷ niệm, cần tiếp tục khẳng định ý nghĩa lịch sử to lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ

và vai trò quyết định của Đảng, Bác Hồ, quân đội và toàn thể nhân dân ta, trong đó có sự đóng góp quan trọng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, với cương vị là Tổng Tư lệnh Mặt trận; đồng thời ghi nhận sự giúp đỡ to lớn của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc, Liên Xô, sự phối hợp và sát cánh chiến đấu của các lực lượng cách mạng Lào anh em, sự ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đã góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Về công tác tuyên truyền: nội dung tuyên truyền phải toàn diện với nhiều hình thức phong phú, đa dạng; nêu rõ sự phối hợp giữa Mặt trận Điện Biên với các chiến trường trong cả nước và chiến trường Lào; sự đóng góp của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến; vai trò của hậu phương, trong đó lưu ý thành quả của cải cách ruộng đất; sự giúp đỡ và ủng hộ của bạn bè quốc tế. Qua đó mà đề cao và giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng, tinh thần chiến đấu, hy sinh, đoàn kết một lòng, vượt mọi khó khăn gian khổ, tinh thần chủ động, sáng tạo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phát huy truyền thống và tinh thần Điện Biên Phủ để phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra. Đồng thời, qua đây cũng đề cao và giáo dục truyền thống đoàn kết quốc tế, thủy chung với bạn bè của nhân dân ta.

Thời lượng tuyên truyền Kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ cần tính toán cân đối, hài hòa với hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn khác trong hai năm 2004 - 2005.

Trong tuyên truyền và xuất bản các ấn phẩm về Điện Biên Phủ, phải bảo đảm đúng sự thật lịch sử, khách quan và truyền thống đạo lý thủy chung, cao đẹp của dân tộc, lòng quý trọng, biết ơn đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân dân ta cũng như bạn bè quốc tế đã có đóng góp cho chiến thắng Điện Biên Phủ; bác bỏ có sức thuyết phục mọi sự xuyên tạc, bóp méo, phản tuyên truyền hoặc nói sai lệch về sự kiện lịch sử Điện Biên Phủ.

- Về xây dựng các công trình và tôn tạo di tích:

Cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt việc xây dựng các công trình và tôn tạo di tích lịch sử ở Điện Biên Phủ bảo đảm tính khoa học, lịch sử, mỹ thuật và có chất lượng cao.

- Về các cuộc mít tinh kỷ niệm:

+ Tại Thủ đô Hà Nội: Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức mít tinh Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ vào ngày 5-5-2004, đồng chí Trần Đức Lương thay mặt Đảng và Nhà nước đọc diễn văn kỷ niệm; mời Đại tướng Võ Nguyên Giáp phát biểu ý kiến.

Khách quốc tế: Ngoài số đại biểu như đề nghị của Ban Chỉ đạo, mời thêm đại biểu một số nước châu Phi.

+ Tại tỉnh Điện Biên: tỉnh Điện Biên chủ trì phối hợp với tỉnh Lai Châu tổ chức mít tinh kỷ niệm tại thành phố Điện Biên Phủ, mời các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đại biểu các tỉnh Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình dự; đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên đọc diễn văn kỷ niệm, đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay mặt Đảng và Nhà nước phát biểu ý kiến.

Khách quốc tế: Mời đại biểu các tỉnh của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Trung Quốc giáp tỉnh Điện Biên và Lai Châu.

+ Tại các tỉnh, thành: Tổ chức tại 9 địa phương gồm 7 tỉnh, thành phố nêu trong Chỉ thị số 25-CT/TW của Ban Bí thư và tỉnh Thanh Hóa, thành phố Hải Phòng.

Ban Chỉ đạo Nhà nước Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ hướng dẫn việc tổ chức mít tinh kỷ niệm cụ thể.

- Về khen thưởng cố vấn chuyên gia nước ngoài: Giao Bộ Quốc phòng rà soát lại danh sách các cố vấn, chuyên gia cần khen thưởng để đề xuất mức khen thưởng và hình thức tiến hành cho phù hợp, để biểu thị tình cảm hữu nghị và sự biết ơn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với bạn bè quốc tế.

- Về hội thảo quốc tế: Hội thảo quốc tế tại Việt Nam là một hoạt động quan trọng; vì vậy, cần được chuẩn bị chu đáo về mọi mặt để hội thảo đạt kết quả. Căn cứ vào thành phần các đại biểu quốc tế đến dự hội thảo, tùy theo đại biểu của đoàn bạn để phân công cơ quan, người chủ trì hội thảo cho thích hợp.

Đồng ý cử đoàn cán bộ nước ta tham dự hội thảo quốc tế về Điện Biên Phủ tại Trường Đại học Trịnh Châu, Trung Quốc. Văn phòng Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng tạo điều kiện để các nhà khoa học tiếp cận, khai thác tài liệu lưu trữ liên quan đến Chiến thắng Điện Biên Phủ. Các báo cáo tham luận của đoàn ta tại hội thảo phải nói đúng sự thật lịch sử, khẳng định vai trò quyết định của Đảng, Bác Hồ, quân đội

và nhân dân ta đối với chiến thắng, đồng thời cảm ơn sự giúp đỡ quan trọng của bạn bè quốc tế. Trong quá trình hội thảo, đối với những ý kiến của bạn bè nói không đúng sự thật lịch sử, cần có cách bày tỏ bảo lưu hoặc trình bày ý kiến của ta một cách thích hợp, nhưng không đôi co, gây căng thẳng tại hội nghị.

Căn cứ kết quả sưu tầm, khai thác các tài liệu lịch sử, giao Bộ Quốc phòng tính toán khi cần thiết có thể công bố những tài liệu cụ thể, song phải bảo đảm chính xác và thống nhất. Những tài liệu dự định công bố lần đầu cần gửi báo cáo Ban Bí thư trước.

- Về đề nghị của phía Pháp cho xây dựng đài tưởng niệm binh lính Pháp chết trận ở Điện Biên Phủ thực hiện như chỉ đạo của Ban Bí thư là giữ nguyên hiện trạng khu tưởng niệm, không xây thêm đài tưởng niệm, đồng ý cho phía Pháp được chỉnh trang sạch sẽ nghĩa trang.

- Giao đồng chí Nguyễn Dy Niên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao gặp Đại sứ Trung Quốc tại Hà Nội để thông báo cho phía Trung Quốc về chủ trương tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ của Đảng và Nhà nước ta, trân trọng mời đại biểu của Bạn tham dự hội thảo quốc tế tại Việt Nam và mít tinh Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, nhằm góp phần tăng cường tình hữu nghị hợp tác giữa hai nước.

- Giao đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Nhà nước Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ tổ chức thực

hiện tốt nhiệm vụ này. Đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước trong hai năm 2004 - 2005, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 139-TB/TW, ngày 14 tháng 4 năm 2004
Về Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V

Ngày 30-3-2004, Ban Bí thư đã họp nghe báo cáo về đề án Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V là đại hội quan trọng của thanh niên Việt Nam bước vào thế kỷ XXI. Qua Đại hội, phải tạo sự phát triển mạnh mẽ phong trào thanh niên. Nội dung báo cáo của Đại hội phải bám sát và quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đối với hoạt động của Hội, báo cáo phải thể hiện rõ chủ trương của Đảng là chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo, phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, nghề nghiệp, giải quyết

việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Báo cáo cần chú trọng trình bày những vấn đề chính yếu nhất về tình hình và phong trào thanh niên, về tổ chức và hoạt động của Hội. Phải lấy mục tiêu vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh để tập hợp thanh niên. Cần đánh giá đúng thực trạng của thanh niên nước ta trong giai đoạn cách mạng vừa qua. Nêu rõ những tiến bộ, những việc làm được và những khuyết điểm, thiếu sót, rút ra những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương hướng công tác của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam nhiệm kỳ 2005 - 2010.

Đại hội lần này cần đổi mới cả nội dung và hình thức tổ chức đại hội. Báo cáo của Đại hội phải sinh động, phương hướng đề ra phải cụ thể, thiết thực để có sức lôi cuốn tập hợp thanh niên rộng rãi hơn nữa.

Mục tiêu trong nhiệm kỳ tới của các cấp hội phải phấn đấu cao để tập hợp được khoảng 50% thanh niên vào tổ chức hội. Công tác hội phải không ngừng đổi mới trên các phương diện như hình thức tập hợp, phương thức hoạt động và đổi mới về tổ chức. Thông qua đó, tạo mọi điều kiện cho thanh niên cống hiến và trưởng thành, chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của thanh niên, đáp ứng những nhu cầu đa dạng của tuổi trẻ.

Nội dung, hình thức tổ chức tập hợp thanh niên phải sát với từng đối tượng, từng vùng, trong đó cần quan tâm đến địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, tôn giáo và trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên các cấp vững mạnh không chỉ là nhiệm vụ của bản thân tổ chức hội mà là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị.

Đồng ý việc công bố dự thảo văn kiện trình Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam để lấy ý kiến của đoàn viên, thanh niên và các tầng lớp nhân dân.

Đồng ý số lượng ủy viên Trung ương Hội khóa V, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Hội và số lượng các đoàn khách quốc tế mời dự Đại hội, thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội như trong tờ trình.

Ban Bí thư Trung ương Đảng sẽ ra chỉ thị về lãnh đạo Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Ban Bí thư Trung ương Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tiếp thu ý kiến của Ban Bí thư Trung ương Đảng để chuẩn bị chỉ thị, trình Ban Bí thư Trung ương Đảng cho ý kiến.

Giao Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ giúp Ban Bí thư chỉ đạo việc chuẩn bị Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V.

Trong tháng 11-2004, Ban Bí thư Trung ương Đoàn báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng về nội dung báo cáo trình Đại hội, nhân sự và chương trình tổ chức Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHỈ ĐẠO CỦA BAN BÍ THƯ
Số 209-BC/BCĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2004
Kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm tra số 03-KH/TW, ngày 6-6-2003 của Ban Bí thư

Thực hiện Chương trình kiểm tra số 90-CTr/TW ngày 15-5-2003 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 6-6-2003 của Ban Bí thư, kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Ban Bí thư về hai cuộc kiểm tra của Ban Bí thư năm 2002; Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư và các cấp ủy đảng đã chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch, kết quả như sau:

A- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KIỂM TRA

Sau khi có Kế hoạch kiểm tra số 03-KH/TW của Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư đã xây dựng các văn bản phục vụ việc lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra gồm: Hướng dẫn thực hiện kế hoạch kiểm tra; nội quy, quy chế làm việc; đề cương hướng dẫn báo cáo kết quả kiểm tra và tự kiểm tra.

Ở Trung ương, Ban Chỉ đạo tổ chức 9 đoàn kiểm tra tại các địa phương và ngành: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Nghệ An, Nam Định, Quảng Ninh, Phú Yên, Bến Tre, Sóc Trăng và Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao, đoàn kiểm tra gồm lãnh đạo và cán bộ của: Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Thanh tra Nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương 6 (2); trực tiếp kiểm tra 65 tổ chức đảng, có cả tổ chức cơ sở đảng trực thuộc 9 tổ chức đảng nói trên. Qua báo cáo của 65/72 tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương, cấp ủy các cấp đã thành lập 11.729 ban chỉ đạo, chọn 25.306 điểm kiểm tra (mỗi địa phương xác định kiểm tra từ 3-5 điểm có tính bức xúc); số tổ chức còn lại tiến hành tự kiểm tra và kiểm tra các tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ.

Nhìn chung, cấp ủy và tổ chức đảng các cấp từ Trung ương đến cơ sở đã kịp thời tổ chức triển khai quán triệt, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm đã nêu trong kết luận của Ban Bí thư; xây dựng kế hoạch, xác định các vụ việc nổi cộm để kiểm tra, đồng thời hướng dẫn các tổ chức đảng tự kiểm tra theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương, cấp ủy các cấp tiếp tục xác định việc kiểm tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm là nhiệm vụ kiểm tra thường xuyên. Ủy ban kiểm tra các cấp đã tích cực, chủ động tham mưu giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch, lựa chọn đối tượng và trực tiếp tiến hành kiểm tra một số tổ chức đảng.

Tuy nhiên, một số cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ mục đích yêu cầu, nội dung của Kế hoạch, việc triển khai, quán triệt trong cấp ủy, tổ chức đảng còn ở phạm vi hẹp (thường vụ cấp ủy); không xây dựng kế hoạch để khắc phục tồn tại, khuyết điểm sau kiểm tra; không lập ban chỉ đạo và xác định điểm kiểm tra nên việc phổ biến, quán triệt còn mang tính hình thức, chất lượng các cuộc kiểm tra đạt thấp.

B- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I- THỰC HIỆN KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ VỀ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA CÔNG DÂN

1. Về ưu điểm

Thực hiện Thông báo kết luận của Ban Bí thư, cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương, bộ, ngành đã quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ tiếp dân; xây dựng quy chế, bố trí nơi tiếp dân thuận lợi hơn, thực hiện chế độ cán bộ lãnh đạo định kỳ tiếp dân. Những địa phương triển khai có kết quả như:

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phối hợp với Tổng thanh tra Nhà nước ban hành Văn bản số 158-VPUBHN/TTNN ngày 12-9-2003 về một số biện pháp tăng cường phối hợp để giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo vượt cấp, phức tạp, đông người; đồng thời tổ chức 23 lớp tập huấn cho gần 5.000 cán bộ về nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác thanh tra nhân dân. Tỉnh Quảng Ninh có 2.561 tổ hòa giải

và có 2.975 hội viên được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tiếp dân. Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có 395 hội viên được bồi dưỡng nghiệp vụ tiếp dân. Tỉnh Bắc Ninh có chế độ bồi dưỡng cho cán bộ tiếp dân, đầu tư cho mỗi huyện, thị xã 30 triệu đồng để trang bị phương tiện làm việc cho cơ quan tiếp dân v.v..

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo, một số cấp ủy và lãnh đạo các địa phương, đơn vị đã có những chủ trương, biện pháp cụ thể để giải quyết các vụ việc nổi cộm, bức xúc, ra các văn bản, thông báo, quy định; xác định rõ trách nhiệm giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo theo kết luận của Ban Bí thư, cụ thể một số nơi như:

Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết 32/34 vụ khiếu kiện đông người, trong đó có vụ hàng trăm hộ gia đình khiếu kiện về việc giải phóng mặt bằng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh. Tỉnh Bến Tre giải quyết đất thổ cư tại thị trấn Ba Tri cho 98 hộ và yêu cầu các hộ trên nộp ngân sách nhà nước gần 600 triệu đồng. Tỉnh Nghệ An giải quyết vụ khiếu nại về chế độ, chính sách của một số thanh niên xung phong; vụ kiến nghị của một số đảng viên ở xã Quỳnh Thạch (huyện Quỳnh Lưu). Tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết xong vụ việc 29 hộ dân ở xã Tân Long (huyện Thạnh Trị) yêu cầu trả thành quả lao động trên diện tích đất quy hoạch của lâm trường năm 1982. Thành phố Hà Nội đã tập trung giải quyết cơ bản các điểm nóng trước đây như vụ khiếu nại, tố cáo của một số công dân ở xã Thanh Liệt, xã Tân Triều (huyện Thanh Trì); xã Việt Hùng (huyện Đông Anh); xã Bát Tràng (huyện Gia Lâm); giải quyết được 54/72 vụ việc theo Thông báo của Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư.

Tỉnh Nam Định đã thành lập 15 đoàn thanh tra tại 14 xã thuộc huyện Giao Thủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo làm rõ trách nhiệm và những vi phạm của Ban Thường vụ Huyện ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành, việc thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương.

Một số tỉnh, thành phố như: Lâm Đồng, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Quảng Ngãi, Phú Yên, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tây Ninh,... có một số vụ việc phức tạp, đông người nhưng do đã làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt tỷ lệ cao, nên số vụ tồn đọng đã giảm đáng kể; các tỉnh Hòa Bình, Khánh Hòa, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sơn La, Bình Định, v.v. đã tập trung giải quyết một số vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, xem xét và xử lý dứt điểm ngay tại cơ sở, góp phần làm ổn định tình hình ở địa phương.

- Một số cấp ủy đã chỉ đạo xử lý nghiêm minh cán bộ có vi phạm, khôi phục được quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân, thu hồi tiền và tài sản cho Nhà nước. Các tỉnh, thành phố giải quyết khá kiên quyết như: Bến Tre thu hồi sử dụng đất công (đất mượn, đất thuê) của 382 đảng viên, xử lý kỷ luật trên 100 đảng viên; Nam Định thu hồi 1.122,390 triệu đồng, 8.387m^2 đất, 83,98 tấn lương thực; Hà Nội kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 18.358m^2 đất, 1.723 triệu đồng, trả lại cho dân 184 triệu đồng, đền bù bổ sung cho dân 1.886 triệu đồng; Bắc Ninh thu hồi gần 1 tỉ đồng, 4.000m^2 đất và 1 tấn thóc; Thanh Hóa minh oan cho 16 người, trả lại quyền lợi cho 52 người, trả lại tiền và tài sản trị giá 268 triệu đồng và 7.281 USD, thu hồi 298 triệu đồng, xử lý 42 cán bộ có vi phạm...

- Cấp ủy đảng và chính quyền ở một số địa phương vừa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo, vừa chú trọng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, do vậy tình hình khiếu nại, tố cáo sau cuộc kiểm tra theo Kế hoạch 01 và Thông báo kết luận của Ban Bí thư có giảm (bình quân từ 15 - 20%, cá biệt có nơi giảm gần 30%).

Theo báo cáo của các đoàn kiểm tra của Ban Bí thư và các đơn vị tự kiểm tra, tổng số vụ việc nổi cộm phải giải quyết là 1.520 vụ, trong đó các vụ tồn đọng lại từ năm 2002 là 843 vụ, số vụ phát sinh sau khi có Thông báo kết luận của Ban Bí thư là 667 vụ. Đến hết năm 2003 đã giải quyết 635 vụ, đạt 42%; đang giải quyết 515 vụ đạt 34,1%; chưa giải quyết 165 vụ, chiếm 10,9%; chuyển cấp trên giải quyết 195 vụ, chiếm 4,5%.

Theo báo cáo của Thanh tra Nhà nước, năm 2003 nhận 144.060 vụ việc và tiếp 241.087 lượt người (giảm 12,4% về số vụ việc và giảm 14,95% về số lượt người so với năm 2002). Tại trụ sở tiếp dân của Đảng và Nhà nước, năm 2003 tiếp 14.808 lượt người và 431 lượt đoàn (giảm 10.935 lượt người và 173 lượt đoàn so với năm 2002).

Đạt được kết quả trên là do những nguyên nhân sau:

- Cấp ủy các cấp và lãnh đạo các địa phương, đơn vị có sự chuyển biến rõ hơn về nhận thức và trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Ban Bí thư về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Việc lãnh đạo một số địa phương trực tiếp xuống cơ sở giải quyết vụ việc và đối

thoại với dân là cách làm hay, có hiệu quả và được dư luận và nhân dân đồng tình, cần được phát huy và nhân rộng.

- Có sự phối hợp giữa các cấp chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong việc giải quyết các vụ việc bức xúc, khiếu kiện đông người; đồng thời có thái độ kiên quyết, rõ ràng, xử lý nghiêm túc, công khai, tạo sự đồng tình cao trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

- Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã coi trọng công tác kiểm tra, kế thừa kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Kế hoạch 01 của Ban Bí thư năm 2002, nên chủ động và khắc phục được những khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch và Thông báo kết luận của Ban Bí thư.

2. Về khuyết điểm

- Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn chưa có chuyển biến cơ bản, nhất là những vụ việc bức xúc, nổi cộm, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm; lòng dân không yên vì nhiều tố cáo đúng và khiếu nại về quyền lợi chính đáng của công dân chưa được xem xét, giải quyết; tình trạng đơn thư khiếu tố vượt cấp, khiếu kiện đông người, công dân đến nhà các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước vẫn còn nhiều và phức tạp, không ít nơi nếu không tích cực giải quyết vẫn có thể bùng phát thành điểm nóng.

Sau khi có Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số vụ việc khiếu nại, tố cáo bức xúc nổi cộm đang giải quyết và chưa giải quyết vẫn chiếm tỷ lệ trên 50%. Nội dung khiếu kiện về đất đai chiếm tỷ lệ 59%. Ở các tỉnh phía Bắc, chủ yếu là khiếu

kiện về tình trạng chính quyền cấp cơ sở cấp đất, bán đất trái thẩm quyền; việc thu, chi tài chính, đền bù giải phóng mặt bằng; xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng có nhiều vi phạm. Ở các tỉnh Nam Bộ, khiếu kiện đòi lại đất cũ, đất cho mượn, cho ở nhờ, đất trước đây đưa vào tập đoàn sản xuất. Ở nông thôn miền Trung, nhất là các tỉnh Tây Nguyên, tình trạng phá rừng để lấy đất sản xuất, mua bán; tranh chấp giữa đồng bào dân tộc sở tại với số dân di cư, nông, lâm trường. Khiếu kiện đòi nhà đất do Nhà nước quản lý thuộc diện cải tạo trước đây cũng diễn ra gay gắt, tập trung ở một số đô thị lớn, như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ...

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân vẫn còn những khó khăn bất cập, một số nơi còn hình thức; chưa gắn chặt giữa tiếp dân thường xuyên, tiếp dân của người có trách nhiệm với công tác chỉ đạo xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Một số nơi chính quyền còn quan liêu, không xem xét thấu đáo để giải quyết khiếu kiện, nặng về xem xét sai phạm của công dân, nhẹ xem xét và xử lý các sai phạm về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp, trong đó nhiều trường hợp nguyên nhân thuộc trách nhiệm của lãnh đạo chính quyền các cấp gây nên.

- Công tác giám sát việc xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo còn chồng chéo, hiệu quả thấp. Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, đại diện các đoàn thể nhân dân nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân (cả trực tiếp và gián tiếp) chuyển cho các cơ quan có chức năng xem xét, giải quyết, nhưng không theo dõi, đôn đốc và không thực hiện việc trả

lời cử tri. Một số đoàn đại diện cho Chính phủ, cơ quan cấp trên xuống cơ sở nắm tình hình, giải quyết không kiên quyết, không triệt để, có trường hợp còn gây phức tạp thêm cho tình hình ở địa phương

Nguyên nhân của khuyết điểm:

- Những tồn tại trên đây về khách quan có vấn đề do lịch sử để lại, như vấn đề đất đai trước đây đã đưa vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã quản lý, đất của nông, lâm trường, đất do Nhà nước thu hồi...; mặt khác, do phát sinh của quá trình đô thị hóa, chỉnh trang đô thị, thực hiện công nghiệp hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng các khu công nghiệp..., nhưng Nhà nước chưa có chính sách giải quyết đồng bộ, cơ chế chính sách đền bù không nhất quán, giá cả thay đổi, có việc phải từng bước mới giải quyết được. Nhưng về mặt chủ quan là do:

- Một số cấp ủy chưa đích thân, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc bức xúc, nổi cộm, còn khoán trắng cho cơ quan chức năng hoặc đổ lỗi cho khách quan, cho cấp trên.

- Chính quyền ở một số nơi còn yếu, thiếu trách nhiệm, không lắng nghe ý kiến của dân, không giải quyết triệt để những vấn đề khiếu kiện mà còn né tránh, đùn đẩy; không thực hiện quyết định, kết luận đã có hiệu lực pháp luật. Một số trường hợp giải quyết còn quan liêu, để xảy ra oan, sai hoặc quyết định, kết luận chưa thấu tình đạt lý, khi thực hiện "bất khả kháng" nên cũng dẫn đến khiếu nại, tố cáo kéo dài và vượt cấp.

- Việc thực hiện chức năng giám sát của một số đoàn đại biểu Quốc hội chưa hiệu quả.

- Một số đối tượng khiếu nại, tố cáo do nhận thức về chính sách, pháp luật hạn chế, dễ bị lợi dụng, kích động, thiếu hợp tác với cơ quan chức năng, cá biệt còn có biểu hiện cực đoan, quá khích, không có ý thức xây dựng nên gây khó khăn, phức tạp cho việc giải quyết.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ VỀ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NHỮNG ĐIỀU ĐẢNG VIÊN KHÔNG ĐƯỢC LÀM

1. Về ưu điểm

Thực hiện Thông báo kết luận của Ban Bí thư, nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Quy định của cấp ủy, cán bộ, đảng viên được nâng lên; cấp ủy các cấp tiếp tục xác định việc thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm là nhiệm vụ thường xuyên, đối với những nơi cấp ủy, chi bộ chưa đưa nội dung Quy định vào sinh hoạt thì nay đã đưa vào sinh hoạt thường kỳ. Một số cấp ủy đã có kế hoạch rà soát và giải quyết những vụ việc nổi cộm về vi phạm Quy định của cán bộ, đảng viên.

- Một số tỉnh, thành đã tổ chức sơ, tổng kết, triển khai một số chuyên đề, như: chỉ đạo việc tổng kết 5 năm xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị; rà soát, bổ sung, sửa đổi những quy định quản lý, sử dụng tài

chính, phương tiện làm việc để quần chúng biết, giám sát thực hiện của đảng viên.

- Ủy ban kiểm tra các cấp đã coi trọng hơn việc phát hiện và kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm những điều đảng viên không được làm; xem xét, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

Theo báo cáo của 65 địa phương, đơn vị, số đảng viên bị thi hành kỷ luật do vi phạm Quy định những điều đảng viên không được làm từ sau đợt kiểm tra năm 2002 đến hết năm 2003 là 10.123 trường hợp, trong đó có 2.249 cấp ủy viên các cấp, chiếm 22,2% so với số bị thi hành kỷ luật; cán bộ thuộc cấp tỉnh quản lý 159, cấp huyện quản lý 1.966, cơ sở quản lý 6.983 trường hợp; xử lý bằng các hình thức khiển trách 3.954, cảnh cáo 3.933, cách chức 576 và khai trừ 1.360 trường hợp. Có 160 trường hợp phải xử lý bằng pháp luật

Tình hình vi phạm của cán bộ, đảng viên chủ yếu tập trung vào Điều 1: "làm những việc mà pháp luật nhà nước không cho phép công dân, cán bộ công chức làm", có 3.558 đảng viên vi phạm, chiếm 35% so với tổng số bị kỷ luật (trước đó là 38,25%); Điều 8: "quan liêu thiếu trách nhiệm để cơ quan, đơn vị, địa phương do mình phụ trách xảy ra tình trạng mất đoàn kết, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí và các tiêu cực khác", có 1.703 đảng viên vi phạm, chiếm 16% (trước đó là 21,43%); Điều 9: "lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm sai quy định của Đảng và Nhà nước...", có 1.250 đảng viên vi phạm, chiếm 12,3% (trước đó là 12,3%); Điều 17: "tổ chức, tham gia đánh bạc, số đề, cá cược, uống rượu, bia đến mức bê tha, mất tư cách và các tệ nạn xã hội khác", có 1.527 đảng

viên vi phạm, chiếm 15% (trước đó là 12,28%). Một số địa phương, đơn vị đã xử lý kiên quyết, như:

Năm 2003, tòa án nhân dân các cấp có 30 cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật do sa sút về phẩm chất, đạo đức lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm và bản lĩnh nghề nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ, Chánh án tòa án nhân dân tối cao đã ra quyết định cách chức 5 thẩm phán, 22 trường hợp bị khiển trách, cảnh cáo về đảng và chính quyền, 3 trường hợp tạm đình chỉ công tác. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo đối với Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tỉnh và 3 đồng chí là Chánh án, Phó Chánh án. Tỉnh Nghệ An đã giải quyết vụ tham ô và cố ý làm trái, sử dụng sai tiền đền bù đất tại xã Quỳnh Lộc (huyện Quỳnh Lưu); vụ mua giá đựng tài liệu tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; vụ Công ty sổ số kiến thiết Nghệ An (xảy ra từ năm 1995) đã làm thất thoát 2.168.100 vé với mệnh giá gần 10 tỉ đồng; vụ cố ý làm trái về quản lý kinh tế để xảy ra hậu quả nghiêm trọng ở Công ty sách và thiết bị trường học. Tỉnh Phú Yên giải quyết vụ tiêu cực ở Công ty Amaseco, do cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng...

Đạt được những kết quả trên là do:

- Cấp ủy các cấp đã có sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm, một số nơi đã thành nền nếp và thực hiện nghiêm túc.

- Thực hiện Kết luận của Ban Bí thư, nhiều tổ chức đảng đã chỉ đạo cơ quan chức năng tiếp tục rà soát, bổ sung

hoàn chỉnh và cụ thể hóa Quy định của Bộ Chính trị thành quy định, nội quy, quy chế của cơ quan, ngành mình như: quy định xử lý đảng viên vi phạm liên quan đến ma túy; đảng viên vi phạm trong việc cấp phát, sử dụng văn bằng chứng chỉ không hợp pháp, quy định xử lý đảng viên vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình... hình thành cơ chế giám sát đảng viên chấp hành Quy định.

2. Về khuyết điểm

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm chưa tạo được những chuyển biến tích cực, nên làm hạn chế đến kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và vi phạm Quy định những điều đảng viên không được làm chưa được đẩy lùi, có mặt vẫn còn nghiêm trọng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn thiếu gương mẫu trong việc tổ chức ma chay, cưới xin, vi phạm tệ nạn xã hội như đánh bạc, số đề gây bức xúc trong nhân dân.

- Một số địa phương, đơn vị, cấp ủy, chi bộ chưa cụ thể hóa Quy định của Bộ Chính trị thành quy định riêng cho sát hợp với đặc điểm của ngành, đơn vị mình (như các ngành: hải quan, thuế, kiểm lâm...); chưa hoàn thiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp, chế độ trách nhiệm trong cơ quan, đơn vị.

Nguyên nhân của khuyết điểm:

Về khách quan, do chưa có cơ chế giám sát thực hiện Quy định, còn thiếu những cơ chế để nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, kể cả người thân

(vợ, con) cán bộ lãnh đạo; thiếu những hình thức tiếp nhận ý kiến đóng góp, phát hiện của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc, do tác động của mặt trái của cơ chế thị trường..., nhưng về mặt chủ quan là do:

- Một số nơi, cấp ủy, chi bộ buông lỏng công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên; thiếu lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra phát hiện vi phạm hoặc chưa chủ động, tích cực xem xét, giải quyết các vụ việc nổi cộm. Tình trạng nể nang, né tránh, dĩ hòa vi quý trong sinh hoạt tự phê bình và phê bình phổ biến.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, thiếu tính tự giác, sa sút về đạo đức, phẩm chất, lối sống.

C- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với tổ chức đảng các cấp

- Kiên quyết xử lý những tổ chức đảng và cán bộ thiếu trách nhiệm, gây chậm trễ hoặc né tránh, đùn đẩy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; cán bộ, đảng viên vi phạm Quy định về những điều đảng viên không được làm.

- Tiếp tục thực hiện việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy. Trước mắt, rà soát lại các vụ việc nhất là các vụ việc nổi cộm và các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp để tập trung chỉ đạo xem xét, giải quyết dứt điểm; thực hiện chế độ cán bộ lãnh đạo định kỳ trực tiếp tiếp và đối thoại với dân.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường dân chủ trực tiếp; sửa đổi lề lối làm việc theo hướng dân chủ hóa và công khai hóa, chống quan liêu, cửa quyền; khắc phục tình trạng trì trệ để sách nhiễu phiền hà với nhân dân; đồng thời phải xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những người có hành vi kích động việc khiếu kiện hoặc vu cáo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với Trung ương

Đề nghị Ban Bí thư chỉ đạo các cấp ủy đảng tiến hành sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư về giải quyết khiếu nại, tố cáo và Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 3-2-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm từ cơ sở trở lên. Trên cơ sở đó, tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng thực hiện và đề xuất những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi.

- Đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật khiếu nại, tố cáo cho phù hợp với tình hình hiện nay, nên có những chế định cụ thể hóa đối với những hành vi gây rối, vu khống và lăng mạ người thi hành công vụ. Có quy định rõ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của tòa án nhân dân; quy định cấp cuối cùng giải quyết khiếu nại, tố cáo phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện có hiệu quả. Nâng cao trách nhiệm của các đoàn đại biểu Quốc hội trong việc giám sát thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và nghị quyết của Quốc hội.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các ban, ngành liên quan sơ kết, tổng kết một số chuyên đề, như: đền bù giải

phóng mặt bằng, xử lý điểm nóng khiếu kiện đông người; tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm chung cho các địa phương. Chỉ đạo cơ quan chức năng quy định cụ thể thống nhất mô hình tổ chức tiếp dân, chức năng nhiệm vụ, mối quan hệ phối hợp; sớm ban hành văn bản về xử lý tình trạng khiếu kiện đông người hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để kích động, vu cáo, gây rối trật tự công cộng.

T/M BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN - PHÓ CHỦ NHIỆM
ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THỊ DOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 38-CT/TW, ngày 28 tháng 4 năm 2004

Về lãnh đạo Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V

Hội Liên hiệp Thanh niên là tổ chức xã hội rộng rãi của thanh niên Việt Nam. Những năm qua, công tác hội và phong trào thanh niên có nhiều chuyển biến tích cực. Tổ chức hội ngày càng phát triển và từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, số lượng hội viên tăng nhanh. Mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên được củng cố và mở rộng. Các phong trào, các cuộc vận động của Hội ngày càng có nội dung thiết thực, có nhiều hình thức hoạt động phong phú thu hút các tầng lớp thanh niên tham gia, tạo môi trường cho tuổi trẻ rèn luyện và góp phần tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng. Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, nhất là ở cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của mặt trận đoàn kết, tập hợp và giáo dục thanh niên trong tình hình hiện nay.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Hội Liên hiệp

Thanh niên Việt Nam sẽ được tổ chức vào đầu quý I năm 2005. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của thế hệ trẻ Việt Nam, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò, tiềm năng của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp tập trung chỉ đạo để tổ chức thành công Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp và Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V. Cụ thể, cần thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Tiếp tục chỉ đạo và quan tâm tạo điều kiện để xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thật sự là tổ chức xã hội rộng rãi của thanh niên và các tổ chức thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam là mặt trận đoàn kết, tập hợp rộng rãi tất cả thanh niên Việt Nam; là môi trường giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, tinh thần tự lực, tự cường; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tính tích cực, khả năng sáng tạo của thanh niên, chăm lo quyền lợi chính đáng của thanh niên; phát huy vai trò và tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp phải thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong mọi tầng lớp thanh niên, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, sôi nổi trong thanh niên, góp phần tạo sự chuyển biến mới trong việc đoàn kết, tập hợp thanh niên. Đổi mới việc tổ chức đại hội để Đại hội thực sự là ngày hội của tuổi trẻ, là

diễn đàn sôi động của thanh niên, bảo đảm đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng, trang trọng, thiết thực; tránh phô trương hình thức.

3. Chỉ đạo Đoàn Thanh niên và Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên các cấp chuẩn bị tốt nội dung Đại hội. Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng công tác Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên ở mỗi cấp, khẳng định những bước trưởng thành của Hội và sự cống hiến của các tầng lớp thanh niên, nêu rõ những việc đã làm được, chưa làm được, phân tích sâu sắc những nguyên nhân hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và Nghị quyết Đại hội Đoàn các cấp, cần xác định rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể, thiết thực, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội trong giai đoạn mới.

Phương hướng quan trọng là phải tăng cường tính liên hiệp rộng rãi của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Đa dạng hóa các loại hình tổ chức và hình thức tập hợp thanh niên. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức thành viên và Liên hiệp Hội phong phú hơn, phù hợp với các đối tượng thanh niên khác nhau, tạo những điều kiện ngày càng thuận lợi hơn để thanh niên được học tập, giáo dục, rèn luyện, trưởng thành, cống hiến; chăm sóc và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thanh niên; đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng đa dạng của tuổi trẻ.

Trên cơ sở đó mà thu hút rộng rãi hơn nữa thanh niên tham gia vào tổ chức hội, đặc biệt là mở rộng tập hợp thanh niên vùng tôn giáo, dân tộc, trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và lực lượng sinh viên, học nghề; đồng thời tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

4. Chỉ đạo tốt công tác nhân sự, lựa chọn người có uy tín, năng lực và nhiệt huyết với công tác thanh niên tham gia Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; chú trọng trẻ hóa, bảo đảm tính đại diện, tính liên hiệp rộng rãi, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết và sức mạnh của các tầng lớp thanh niên. Lãnh đạo chặt chẽ, bảo đảm dân chủ việc lựa chọn giới thiệu cán bộ đoàn chủ chốt ở mỗi cấp để hiệp thương giữ vị trí lãnh đạo trong Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

5. Công tác thanh niên là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo tốt Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên các cấp.

Ban Tổ chức, Ban Dân vận và các ban có liên quan thuộc cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thường trực Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo tổ chức Đại hội Hội thành công, bảo đảm đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng, trang trọng và thiết thực.

Các cấp chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam và các đoàn thể phối hợp, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện để Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp tổ chức thành công Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 39-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 2004

Về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến

Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 3-6-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn mới, nhìn chung công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua yêu nước trong cả nước đã có bước chuyển biến tích cực. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp được kiện toàn, củng cố và hoạt động bước đầu có hiệu quả. Các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã tổ chức được nhiều phong trào thi đua có tác dụng thiết thực. Các cơ quan thông tin đại chúng đã chú ý hơn việc tuyên truyền biểu dương gương người tốt, việc tốt. Nhiều tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được các cấp, các ngành và Nhà nước khen thưởng đã có tác dụng giáo dục, động viên, nêu gương học tập. Thi đua, khen thưởng đã tác động tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố

quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ngày càng vững mạnh.

Tuy nhiên, công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua yêu nước còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém: sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đối với công tác thi đua, khen thưởng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Phong trào thi đua phát triển chưa đồng đều, rộng khắp và liên tục, nhiều nơi còn mang nặng tính hình thức, chạy theo thành tích. Việc khen thưởng có lúc chưa kịp thời, chưa chính xác hoặc có biểu hiện tiêu cực. Hình thức, nội dung và phương pháp tổ chức thi đua chậm được đổi mới. Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua chưa kịp thời và thường xuyên. Vai trò của các tổ chức trong công tác thi đua ở cơ sở chưa được phát huy mạnh mẽ. Các cấp, các ngành chưa quan tâm đúng mức công tác bồi dưỡng, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến. Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng còn nhiều bất cập và thiếu thống nhất.

Nhằm tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước trong những năm tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt nội dung đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước và tinh thần Chỉ thị 35-CT/TW, ngày 3-6-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII), qua đó nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời tổ chức tốt việc hướng dẫn, thực hiện Luật thi

đua - khen thưởng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua. Mỗi chi bộ, đảng viên cần phát huy tốt vai trò tiền phong gương mẫu và là hạt nhân trong các phong trào thi đua ở cơ sở. Chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp phải phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức chỉ đạo công tác thi đua, làm cho phong trào thi đua trở thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

2. Phong trào thi đua trong những năm tới phải đạt được yêu cầu thiết thực, sâu rộng và bao quát được toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội, các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể và lực lượng vũ trang... Xây dựng phong trào thi đua phát triển đều khắp ở tất cả các vùng, miền, góp phần tạo được sự tiến bộ rõ rệt về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, tạo môi trường xã hội lành mạnh, đời sống văn hóa cao, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trước mắt, phát động phong trào thi đua đặc biệt nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; lập thành tích xuất sắc chào mừng các ngày kỷ niệm và các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005.

3. Tập trung chỉ đạo xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến. Mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi đơn vị cần xây dựng và lựa chọn được những điển hình tốt, tiêu biểu toàn diện hoặc về từng lĩnh vực của địa phương, đơn vị để

nêu gương học tập, đồng thời góp phần tổng kết những điển hình tiên tiến toàn quốc. Tích cực chuẩn bị tổ chức tốt Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VII vào năm 2005.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng kịp thời phát hiện, tuyên truyền và nêu gương các điển hình tiên tiến; thường xuyên phổ biến kinh nghiệm, cách làm hay của các điển hình tiên tiến và thông tin về việc đổi mới các hoạt động thi đua, khen thưởng.

4. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và cải tiến thủ tục, quy trình xét khen thưởng, thực hiện công khai, dân chủ, kịp thời và bảo đảm tính nêu gương, giáo dục trong khen thưởng. Xây dựng, ban hành các quy định cụ thể để thực hiện Luật thi đua - khen thưởng và tặng thưởng huân chương, huy chương. Kiên quyết chống tiêu cực và bệnh hình thức trong công tác thi đua, khen thưởng. Các cấp ủy đảng, chính quyền chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung giải quyết dứt điểm, hoàn thành trong năm 2005 việc khen thưởng thành tích đóng góp trong các cuộc kháng chiến.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc củng cố hệ thống tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng theo hướng thành lập Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (là cơ quan thường trực, giúp việc cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương) và Ban Thi đua - Khen thưởng ở các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phù hợp quy định của Luật thi đua - khen thưởng với

bộ máy tinh gọn, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 99-QĐ/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2004

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước liên doanh với nước ngoài

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước liên doanh với nước ngoài như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp có vốn nhà nước liên doanh với nước ngoài là hạt nhân chính trị lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động Việt Nam và

tuyên truyền, vận động phía nước ngoài nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước Việt Nam, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên tham gia liên doanh và của người lao động trong doanh nghiệp.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội.

1- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động Việt Nam và tuyên truyền, vận động phía nước ngoài thực hiện pháp luật, chính sách của Nhà nước Việt Nam, các quy định trong giấy phép đầu tư, hợp đồng liên doanh, điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng và thỏa ước lao động đã ký kết. Đoàn kết, động viên đảng viên và các thành viên trong doanh nghiệp phấn đấu vì mục tiêu chung là thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; chủ động ngăn ngừa, khắc phục những biểu hiện vi phạm pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước Việt Nam, của các bên tham gia liên doanh, quyền, lợi ích hợp pháp và nhân phẩm của người lao động.

2- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động Việt Nam tích cực học tập, nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức khoa học, công nghệ, ngoại ngữ, ý thức tôn trọng pháp luật và tinh thần lao động có kỷ cương, kỷ luật.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động Việt Nam giữ gìn bí mật và chủ quyền quốc gia, thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong doanh nghiệp và tham gia các công tác xã hội ở địa phương.

4- Đề xuất, kiến nghị lên cấp có thẩm quyền những vấn đề cần thiết liên quan đến doanh nghiệp.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, người lao động Việt Nam hiểu rõ và tự giác chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp; phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tôn trọng phong tục, tập quán của người nước ngoài; xây dựng tinh thần đoàn kết hợp tác, tương trợ giữa những người lao động, giữa người Việt Nam với người nước ngoài.

2- Tuyên truyền, vận động, thuyết phục và bằng hoạt động có hiệu quả của tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng trong doanh nghiệp, làm cho người nước ngoài hiểu rõ pháp luật, chính sách đối ngoại, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Việt Nam, hiểu rõ hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng là nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển doanh nghiệp; tôn trọng các hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng trong doanh nghiệp.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng.

1- Lãnh đạo xây dựng, củng cố tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể quần chúng khác trong doanh nghiệp vững mạnh, thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và điều lệ của mỗi đoàn thể.

2- Lãnh đạo các đoàn thể xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hành động nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh,

thực hiện tốt các thỏa ước lao động, động viên đoàn viên thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động.

3- Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn kịp thời trao đổi với giám đốc để giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động phù hợp với pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Điều 5. Công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy chủ động đề xuất, tham gia ý kiến với cấp ủy và lãnh đạo cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ phía Việt Nam ở doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên.

2- Cấp ủy tham gia ý kiến và thống nhất với cán bộ chủ chốt của phía Việt Nam trong hội đồng quản trị, giám đốc và phó giám đốc về những vấn đề tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp trước khi đưa ra hội đồng quản trị hoặc giám đốc xem xét, quyết định. Trường hợp hai bên có ý kiến khác nhau, cấp ủy kịp thời báo cáo lên cấp ủy và lãnh đạo cấp trên.

3- Cấp ủy xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Cấp ủy đề ra chủ trương, nhiệm vụ và các biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển của doanh nghiệp.

2- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, bảo đảm nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ Đảng, bảo vệ bí mật quốc gia, chống những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến thanh danh của Đảng và đạo đức tư cách của người đảng viên.

3- Giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu trong lao động sản xuất, tích cực học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

4- Thường xuyên tuyên truyền, làm tốt công tác phát triển đảng viên, bảo đảm đúng tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng phát triển đảng viên trẻ, cán bộ trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp, những cán bộ, đoàn viên công đoàn ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có năng lực, hoạt động hiệu quả. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiền phong, gương mẫu của đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với hội đồng quản trị, giám đốc.

1- Đảng bộ, chi bộ chủ động phối hợp với hội đồng quản trị, giám đốc để thực hiện các mặt công tác nhằm phát triển

doanh nghiệp, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các bên tham gia liên doanh và quyền lợi của người lao động.

2- Đảng viên là cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp và của các đoàn thể quần chúng định kỳ (quý, năm) hoặc khi cần thiết báo cáo với cấp ủy về hoạt động của mình và của doanh nghiệp.

3- Hằng quý hoặc khi có nhu cầu, cấp ủy gặp giám đốc hoặc thành viên chủ chốt của phía Việt Nam trong hội đồng quản trị, ban giám đốc để trao đổi về hoạt động của doanh nghiệp, thông báo ý kiến của tổ chức đảng và người lao động về việc thực hiện nhiệm vụ, các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng.

Định kỳ hằng quý hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan.

Đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được cấp ủy đó ủy quyền) về mọi mặt; xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý cấp trên, với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng và nơi có đảng viên cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh, thành ủy, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ

chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước liên doanh với nước ngoài có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ vào Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước liên doanh với nước ngoài xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Quy định này thay thế Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 26-11-1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII), có hiệu lực thi hành từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 100-QĐ/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2004

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân (gọi chung là doanh nghiệp tư nhân)

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp tư nhân như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp tư nhân là hạt nhân chính trị lãnh đạo đảng viên, người lao động và tuyên truyền, vận động chủ doanh nghiệp, các

thành viên hội đồng quản trị và ban giám đốc nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở doanh nghiệp; bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, chủ doanh nghiệp và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

1- Lãnh đạo đảng viên, người lao động trong doanh nghiệp và tuyên truyền, vận động chủ doanh nghiệp, các thành viên hội đồng quản trị và ban giám đốc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hợp đồng và các thỏa ước lao động đã ký kết. Đoàn kết, động viên đảng viên và các thành viên trong doanh nghiệp phấn đấu vì mục tiêu chung là thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; chủ động ngăn ngừa, khắc phục những biểu hiện vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, chủ doanh nghiệp, quyền lợi hợp pháp và nhân phẩm của người lao động.

2- Lãnh đạo đảng viên, người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức khoa học, công nghệ, ngoại ngữ, ý thức tôn trọng pháp luật và tinh thần lao động có kỷ cương, kỷ luật.

3- Lãnh đạo đảng viên, người lao động và tuyên truyền, vận động chủ doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các mặt công tác xã hội trong doanh nghiệp và ở địa phương.

4- Đề xuất, kiến nghị lên cấp có thẩm quyền những vấn đề cần thiết liên quan đến doanh nghiệp.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Tuyên truyền, giáo dục đảng viên, người lao động và các thành viên trong doanh nghiệp hiểu rõ và tự giác chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp; phát huy truyền thống yêu nước và ý thức trách nhiệm của công dân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; động viên người lao động tích cực học tập, không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác, tương trợ giữa các thành viên trong doanh nghiệp, từng bước nâng cao giác ngộ giai cấp, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của người lao động.

2- Tuyên truyền, vận động, thuyết phục và bằng hoạt động có hiệu quả của tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng, làm cho đảng viên, quần chúng trong doanh nghiệp nắm vững chủ trương của Đảng, Nhà nước ta là: tạo điều kiện và khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển; kinh tế tư nhân bình đẳng với các thành phần kinh tế khác và là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân; phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 4. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng.

1- Lãnh đạo xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể quần chúng khác trong doanh nghiệp vững mạnh, thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và điều lệ của mỗi đoàn thể; tham gia ý kiến với chủ doanh nghiệp, giám đốc trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; giáo dục, động viên đoàn viên đẩy mạnh phong trào thi đua, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2- Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn kịp thời trao đổi với chủ doanh nghiệp, giám đốc để giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động phù hợp với pháp luật hiện hành; ngăn ngừa và khắc phục có hiệu quả các biểu hiện chia rẽ, phân hóa trong cộng đồng người lao động; tham gia ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý đúng đắn các vụ tranh chấp trong doanh nghiệp.

Điều 5. Công tác tổ chức, cán bộ.

1- Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

2- Chủ động đề xuất với cấp ủy cấp trên xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.

3- Chủ động tham gia ý kiến với chủ doanh nghiệp, giám đốc trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ quản lý, lao động kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ trong doanh nghiệp.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Cấp ủy đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển của doanh nghiệp.

2- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ; thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ; chống những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến thanh danh của Đảng và đạo đức tư cách của người đảng viên.

3- Giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, phấn đấu trở thành người lao động giỏi; tích cực học tập, nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

4- Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng phát triển đảng viên trẻ, thành viên trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp và những cán bộ, đoàn viên công đoàn ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có năng lực, hoạt động hiệu quả. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng, trách nhiệm và vai trò tiền phong, gương mẫu của đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CHỦ DOANH NGHIỆP, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với chủ doanh nghiệp, giám đốc.

1- Cấp ủy, chi bộ xây dựng và thực hiện mối quan hệ hợp tác với chủ doanh nghiệp, giám đốc để thực hiện các mặt công tác, tạo ra sự đồng thuận vì mục tiêu chung là xây dựng và phát triển doanh nghiệp.

2- Hằng quý, cấp ủy chủ động trao đổi với chủ doanh nghiệp, giám đốc ý kiến của đảng viên và người lao động về tình hình sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các thỏa ước, hợp đồng lao động, các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp, tâm tư nguyện vọng của người lao động và bàn biện pháp phối hợp giải quyết.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng.

Định kỳ hằng quý hoặc khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với các tổ chức có liên quan.

Đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp chịu sự lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc tổ chức đảng được cấp ủy đó ủy quyền) về mọi mặt; xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý cấp trên, với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng và nơi có đảng viên cư trú để phối hợp công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh, thành ủy, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp tư nhân có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp tư nhân xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Quy định này thay thế Quy định số 16-QĐ/TW, ngày 26-11-1996 của Bộ Chính trị khóa VIII, có hiệu lực thi hành từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 102-QĐ/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2004

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội các Hội Văn học nghệ thuật Trung ương (năm 2004 - 2005)

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX;

- Xét đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội các Hội Văn học nghệ thuật Trung ương (năm 2004 - 2005) (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG (NĂM 2004 - 2005)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 102-QĐ/TW, ngày 8-6-2004 của Ban Bí thư)

1. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Trưởng ban.

2. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng ban.

3. Đồng chí Đào Duy Quát, Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó Trưởng ban Thường trực.

4. Đồng chí Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

5. Đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy viên.

6. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.

7. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.

8. Đồng chí Vũ Giáng Hương, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên.

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 40-CT/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2004
Về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người. Đây là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, trong đó nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng nòng cốt, có vai trò quan trọng.

Trong lịch sử nước ta, "tôn sư trọng đạo" là truyền thống quý báu của dân tộc, nhà giáo bao giờ cũng được nhân dân yêu mến, kính trọng. Những năm qua, chúng ta đã xây dựng được đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ngày càng đông đảo, phần lớn có phẩm chất đạo đức và ý thức chính trị tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng được nâng cao. Đội ngũ này đã đáp ứng quan trọng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của đất nước.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới của sự phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có những hạn chế, bất cập. Số lượng giáo viên còn thiếu nhiều, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Cơ cấu giáo viên đang mất cân đối giữa các môn học, bậc học, các vùng, miền. Chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo có mặt chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội, đa số vẫn dạy theo lối cũ, nặng về truyền đạt lý thuyết, ít chú ý đến phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành của người học; một bộ phận nhà giáo thiếu gương mẫu trong đạo đức, lối sống, nhân cách, chưa làm gương tốt cho học sinh, sinh viên. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục. Chế độ, chính sách còn bất hợp lý, chưa tạo được động lực đủ mạnh để phát huy tiềm năng của đội ngũ này.

Tình hình trên đòi hỏi phải tăng cường xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục một cách toàn diện. Đây là nhiệm vụ vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa mang tính chiến lược lâu dài, nhằm thực hiện thành công Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010 và chấn hưng đất nước. *Mục tiêu là xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa, bảo đảm chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm, tay nghề của nhà giáo; thông qua việc quản lý, phát triển đúng định hướng và có hiệu quả sự nghiệp giáo dục để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn*

nhân lực, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để đạt mục tiêu trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống các trường sư phạm, các trường cán bộ quản lý giáo dục

Các trường sư phạm và trường cán bộ quản lý giáo dục có vai trò quan trọng trong đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch củng cố, nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống các trường sư phạm, khoa sư phạm trong các trường đại học, cao đẳng và trường cán bộ quản lý giáo dục, đẩy nhanh hơn việc xây dựng hai trường Đại học Sư phạm trọng điểm ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để vừa đào tạo giáo viên có chất lượng cao, vừa nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học giáo dục đạt trình độ tiên tiến. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới cần tập trung vào đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy; các trường sư phạm phải tích cực, chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ này, đồng thời tham gia vào việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp giảng dạy trong hệ thống giáo dục; xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch đào tạo đội ngũ nhà giáo cho các trường ngoài khối sư phạm, đặc biệt là đội ngũ giảng viên các trường đại học, giáo viên dạy nghề, chú ý giáo viên các môn học còn thiếu. Cần ưu tiên thích đáng cho cán bộ

giảng dạy của các trường sư phạm được đi đào tạo theo các dự án đào tạo sau đại học ở nước ngoài.

2. Tiến hành rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm đủ số lượng và cân đối về cơ cấu; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

Tổ chức điều tra, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, về tình hình tư tưởng, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, năng lực quản lý trong nhà trường và các cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Trên cơ sở kết quả điều tra, căn cứ vào chiến lược phát triển giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tiến hành xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng, cân đối về cơ cấu, đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Rà soát, bố trí, sắp xếp lại những giáo viên không đáp ứng yêu cầu bằng các giải pháp thích hợp như: luân chuyển, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ; giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, bố trí lại công việc phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời bổ sung kịp thời lực lượng giáo viên trẻ có đủ điều kiện và năng lực để tránh sự hụt hẫng. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục theo

hướng chuyên nghiệp hóa; bố trí, sắp xếp cán bộ quản lý giáo dục các cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và năng lực của cán bộ, có cơ chế thay thế khi không đáp ứng yêu cầu.

Tiếp tục việc đào tạo theo địa chỉ, cử tuyển đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ưu tiên việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các môn học còn thiếu và giảng viên ở các lĩnh vực mũi nhọn hoặc có nhu cầu cấp bách. Khẩn trương đào tạo, bổ sung và nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học; tạo cơ chế để nhà giáo trong các trường này chủ động và có trách nhiệm gắn giảng dạy với nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội.

3. Đẩy mạnh việc đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam

Tiếp tục điều chỉnh và giảm hợp lý nội dung, chương trình cho phù hợp với tâm lý, sinh lý của học sinh, nhất là cấp tiểu học và trung học cơ sở. Đặc biệt đổi mới mạnh mẽ và cơ bản phương pháp giáo dục nhằm khắc phục kiểu truyền thụ một chiều, nặng lý thuyết, ít khuyến khích tư duy sáng tạo; bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự giải quyết vấn đề, phát triển năng lực thực hành sáng tạo cho người học, đặc biệt cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng. Tích cực áp dụng một cách sáng tạo các phương pháp tiên tiến, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học. Đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp

dạy và học trong các trường, khoa sư phạm và các trường cán bộ quản lý giáo dục nhằm đáp ứng kịp thời những yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông và công tác quản lý nhà nước về giáo dục.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động dạy học, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các ngành, các cơ quan về trách nhiệm, quyền hạn quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Hoàn thiện các quy định về công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các chính sách, pháp luật về giáo dục đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là công tác thanh tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục. Quản lý chặt chẽ các loại hình đào tạo, nhất là đào tạo tại chức, từ xa; kiên quyết xóa nạn văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp; giải quyết các vấn đề bức xúc, ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

Trên cơ sở quy định về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức của Nhà nước, hoàn thiện nội dung hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đồng thời nâng cấp, hiện đại hóa

công cụ quản lý thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự.

Tăng cường công tác dự báo, đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Có chính sách điều tiết số lượng và cơ cấu đội ngũ này cho phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục. Mở rộng hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

5. Xây dựng và hoàn thiện một số chính sách, chế độ đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định, chính sách, chế độ về bổ nhiệm, sử dụng, đãi ngộ, kiểm tra, đánh giá đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục cũng như các điều kiện bảo đảm việc thực hiện các chính sách, chế độ đó, nhằm tạo động lực thu hút, động viên đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục toàn tâm, toàn ý phục vụ sự nghiệp giáo dục. Có chế độ phụ cấp ưu đãi thích hợp cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhất là ở bậc đại học, tạo cơ sở pháp lý để nhà giáo có quyền và trách nhiệm tham gia nghiên cứu khoa học.

Có chính sách và quy định cụ thể thu hút các trí thức, cán bộ khoa học có trình độ cao của các cơ sở nghiên cứu khoa học trong nước và các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế tham gia giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

Các cấp ủy đảng, chính quyền và các cấp quản lý giáo dục cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục làm cho nhân dân và toàn xã hội nhận thức rõ vai trò quan trọng hàng đầu của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục là nhiệm vụ của các cấp ủy đảng và chính quyền, là một bộ phận công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước, trong đó ngành giáo dục giữ vai trò chính trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện. Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 34-CT/TW, ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và phát triển đảng viên trong các trường học.

7. Tổ chức thực hiện

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng cụ thể hóa các nội dung nêu trong Chỉ thị này thành cơ chế, chính sách, xây dựng kế hoạch triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì cùng các bộ, ngành hữu quan thực hiện tốt các đề án có liên quan

đến việc thực hiện Chỉ thị, đồng thời nghiên cứu chuẩn bị để trình Quốc hội ban hành Luật giáo viên.

Ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị.

Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 37-NQ/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2004

Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ; có tiềm năng, lợi thế về nông, lâm nghiệp, thủy điện, khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu, là vùng có đồng bào nhiều dân tộc sinh sống gắn bó lâu đời, mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, song đều có chung truyền thống yêu nước, đoàn kết, đấu tranh cách mạng kiên cường chống ngoại xâm; là căn cứ địa cách mạng, an toàn khu của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ vững mạnh toàn diện vừa là yêu cầu, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc trong vùng, vừa là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh lâu dài của đất nước.

Trong những năm qua, được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo, các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong vùng đã phát huy truyền thống đoàn kết và cách mạng, vượt qua nhiều khó khăn và thách thức, liên tục phấn đấu đạt được nhiều tiến bộ trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng được quan tâm đầu tư, đã đáp ứng bước đầu cho phát triển kinh tế và phục vụ đời sống của nhân dân. Sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp tăng nhanh và phát triển tương đối toàn diện, đã giải quyết được mục tiêu an ninh lương thực tại chỗ, hình thành một số vùng sản xuất cây ăn quả, cây công nghiệp tập trung, cây nguyên liệu giấy gắn với công nghiệp chế biến; độ che phủ của rừng từng bước được phục hồi; hình thành một số cơ sở công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, luyện cán thép, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng... Các khu kinh tế cửa khẩu phát triển nhanh, hoạt động du lịch, dịch vụ có bước phát triển, tạo thêm tiềm lực kinh tế cho các tỉnh trong vùng, tác động tích cực đến thị trường cả nước. Đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện; công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả khá. ổn định chính trị và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ còn nhiều khó khăn, yếu kém, kinh tế phát triển chậm, đến nay vẫn là vùng nghèo nhất trong cả nước, khoảng cách về thu nhập của vùng so với các vùng khác có xu hướng ngày càng rộng thêm. Các địa phương trong vùng chưa có khả năng tự cân đối ngân

sách. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, hiệu quả thấp và thiếu vững chắc, hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém. Những yếu tố mất ổn định về chính trị còn tiềm ẩn, phải hết sức đề phòng và chủ động giải quyết.

Nguyên nhân của những yếu kém trên chủ yếu là do: Đảng và Nhà nước chưa có chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho vùng giai đoạn sau năm 2000; quy hoạch phát triển nhiều ngành, lĩnh vực chưa gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển của toàn vùng; chưa có kế hoạch đầu tư thích đáng và vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cho giao thông, thủy lợi còn quá thiếu, sử dụng lại dàn trải; trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; đội ngũ cán bộ chủ chốt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; các thế lực thù địch triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, nhằm làm suy yếu chính quyền, giảm uy tín của Đảng và Nhà nước, gây mất ổn định về chính trị.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ĐẾN NĂM 2010

1. Quan điểm chỉ đạo

(1) Phát huy cao độ nội lực của vùng, đi đôi với việc gia tăng sự đầu tư và hỗ trợ của Trung ương, thu hút mạnh nguồn lực từ các vùng khác và các nguồn tài trợ quốc tế để đưa kinh tế của vùng phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Tập trung đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế so sánh của vùng và từng tiểu vùng, tạo ra các mũi đột phá làm điểm tựa để phát triển những nơi có ít lợi thế. Đặc biệt coi trọng việc bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái.

(2) Phát triển kinh tế đi liền với xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số tại các vùng kháng chiến cũ, vùng nghèo, vùng khó khăn, bảo đảm công bằng xã hội; từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống của nhân dân trong vùng so với các vùng khác trong nước. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Đặc biệt coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

(3) Đi đôi với phát triển kinh tế - xã hội, luôn coi trọng giữ vững ổn định chính trị, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc, xây dựng và củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước, gắn với xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, ổn định lâu dài với hai nước bạn láng giềng là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

2. Mục tiêu đến năm 2010

Đẩy nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn nhịp độ phát triển chung của cả nước; cải thiện rõ rệt hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng an

ninh của vùng; khai thác mạnh các nguồn tài nguyên, thế mạnh về đất đai, khí hậu, khoáng sản, thủy điện, lợi thế về cửa khẩu để phát triển các ngành kinh tế; hoàn thành định canh, định cư và đưa dân trở lại biên giới, hạn chế tối đa việc di dân tự do vào phía Nam và các vùng khác; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

3. Nhiệm vụ cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển của vùng nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển, phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt 9 - 10%, đến năm 2010 GDP bình quân đầu người gấp 2,5 lần so với năm 2000; giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chiếm 26%, công nghiệp - xây dựng chiếm 34% và thương mại - dịch vụ chiếm khoảng 40% trong tổng GDP của vùng.

Phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các nông, lâm trường; phát triển các hình thức kinh tế tập thể, hợp tác xã; tiếp tục củng cố và mở rộng các đơn vị kinh tế - quốc phòng.

Đối với nông, lâm, ngư nghiệp:

- Phát huy lợi thế của mỗi tiểu vùng để sản xuất lương thực có hiệu quả, tiếp tục hình thành và phát triển các vùng

chuyên canh tập trung với quy mô thích hợp như cây chè, cây ăn quả, dược liệu, hương liệu, hoa, rau màu... và chăn nuôi, nhất là đại gia súc phù hợp với điều kiện và lợi thế đất đai, khí hậu, gắn với phát triển công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Chăm sóc, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới, bao gồm rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến theo quy hoạch; hoàn thành việc giao đất, giao rừng gắn với định canh, định cư; giải quyết đất ở, đất sản xuất ổn định lâu dài, sớm chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy.

Đối với công nghiệp - xây dựng:

- Tập trung xây dựng thủy điện, trước hết là các nhà máy thủy điện Sơn La, Na Hang, đồng thời huy động nguồn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế để phát triển các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, các nhà máy nhiệt điện chạy than.

- Khai thác và chế biến có hiệu quả khoáng sản của các mỏ apatít Lao Cai, đồng Sinh Quyền, chì, kẽm Chợ Đồn, vonfram Núi Pháo, măngan, sắt Quý Sa; mở rộng khu gang thép Thái Nguyên... Xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất với quy mô phù hợp dựa trên khả năng tài nguyên trong vùng.

- Tiếp tục mở rộng việc trồng rừng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đảm bảo đủ nguyên liệu cho khu công nghiệp giấy Bãi Bằng; xây dựng mới các nhà máy giấy, bột giấy, đồ gỗ xuất khẩu.

- Phát triển công nghiệp chế biến chè, sữa và các loại nông sản, thực phẩm khác... Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất

lượng, hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn. Chú trọng phát triển tiểu - thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống.

Đối với thương mại - dịch vụ:

- Về phát triển du lịch: ưu tiên đầu tư khai thác các điểm du lịch: Điện Biên Phủ, khu di tích lịch sử Pắc Bó, Tân Trào, Định Hóa, Đền Hùng, Sa Pa, Mẫu Sơn, hồ Ba Bể, hồ Núi Cốc, hồ Thác Bà, thủy điện Hoà Bình... với nhiều loại hình du lịch thích hợp, nhất là du lịch sinh thái, du lịch lịch sử - văn hóa.

- Đẩy mạnh xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu.

Hình thành và phát triển các ngành dịch vụ vận tải, ngân hàng, bưu chính - viễn thông làm cầu nối mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa của vùng với cả nước và với nước ngoài.

- Phát triển hệ thống chợ nông thôn. Khuyến khích các thành phần kinh tế hợp đồng tiêu thụ nông, lâm sản cho nông dân.

b) Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- *Giao thông vận tải:* xác định việc xây dựng, nâng cấp hệ thống đường bộ là ưu tiên hàng đầu, tạo cơ sở để phát triển nhanh kinh tế của vùng và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Từ nay đến năm 2010 hoàn thành nâng cấp các tuyến quốc lộ 1 và 70 đạt tiêu chuẩn đường 4 làn xe; quốc lộ 2, 3, 6, 32 đạt tiêu chuẩn đường cấp III ở đoạn đầu tuyến và cấp IV ở đoạn cuối tuyến; ưu tiên đầu tư nâng cấp các tuyến đường đến các cửa khẩu, đường vành đai, đường tuần tra biên giới; nâng cấp quốc lộ 4A, 4B, 4C, 4D, 4E, 46, 34, 37, 279, xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh tuyến đến Pắc Bó (Cao Bằng).

Nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có trong khu vực: Hà Nội - Lào Cai; Hà Nội - Lạng Sơn; Hà Nội - Thái Nguyên; Kép - Lưu Xá.

Quản lý và khai thác tốt các tuyến đường sông trong vùng. Tiếp tục cải tạo, xây dựng một số bến và cảng đầu mối trên các tuyến sông chính và công trình vận tải phục vụ xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La.

Nâng cấp sân bay Điện Biên Phủ, Nà Sản; nghiên cứu một số dự án để triển khai đầu tư xây dựng sân bay mới từ sau năm 2010 khi có nhu cầu.

- Xây dựng các công trình thuỷ lợi:

Nâng cấp, tu bổ các công trình đang bị xuống cấp, đẩy mạnh việc kiên cố hóa kênh mương và công trình thủy lợi hiện có, xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt dân cư.

Xây dựng các công trình kè bờ sông biên giới chống xói lở, bảo đảm an toàn đường biên và sản xuất, đời sống của nhân dân.

- Phát triển mạng lưới cấp nước sạch, cấp điện, viễn thông:

Tập trung đầu tư bảo đảm cung cấp đủ nước sạch sinh hoạt cho dân cư, nâng cao chất lượng hệ thống truyền tải điện; phát triển bưu chính - viễn thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và phục vụ chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước.

- Phát triển hệ thống đô thị, bố trí lại dân cư, xây dựng nông thôn mới:

Quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội và hình thành các trung tâm kinh tế của vùng gồm các thành phố Việt Trì, Thái Nguyên, Yên Bái,

Lạng Sơn, Điện Biên Phủ và trong tương lai gần là thành phố Lào Cai, các thị xã, tỉnh lỵ của các tỉnh trong vùng. Xây dựng khu đô thị mới Tam Đường; ưu tiên phát triển các đô thị tại các cửa khẩu Đồng Đăng (Lạng Sơn), thị xã Lào Cai (Lào Cai), Thanh Thủy (Hà Giang), Tà Lùng (Cao Bằng), Ma Lù Thàng (Lai Châu), Tây Trang (Điện Biên), Pa Háng (Sơn La). Hình thành hệ thống các trung tâm dịch vụ xuất nhập khẩu quốc gia và quốc tế nối liền với các trung tâm kinh tế lớn ở phía Bắc và cả nước.

- Xây dựng các cụm dân cư, thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã gắn với việc bố trí lại dân cư trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng các nhà máy thủy điện Sơn La, Na Hang...

- Bố trí lại dân cư ở các xã dọc tuyến biên giới Việt - Trung bảo đảm ổn định sản xuất và đời sống cho nhân dân trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng tài nguyên đất đai của vùng và hạn chế việc di dân tự do đến các vùng khác.

c) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các điểm bưu điện - văn hóa xã, trung tâm văn hóa cộng đồng của các làng, bản. Tăng cường đầu tư theo quy hoạch để xây dựng các trạm truyền thanh, trạm phát lại truyền hình cho các xã chưa phủ sóng phát thanh, truyền hình Việt Nam, tăng thời lượng phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc, coi trọng việc gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, xóa bỏ các tập tục lạc hậu.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, phấn đấu

đến năm 2010 có 60 - 70% số xã có bác sĩ, chuẩn hóa 100% trạm y tế xã, cơ sở y tế và phòng khám đa khoa khu vực, hiện đại hóa trang thiết bị cho bệnh viện cấp tỉnh và hình thành các trung tâm y tế khu vực, của khu vực Đông Bắc đặt tại tỉnh Thái Nguyên và khu vực Tây Bắc đặt tại tỉnh Sơn La, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Tạo sự chuyển biến cơ bản về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực bằng cách vừa khẩn trương mở rộng đào tạo tại chỗ, vừa điều chuyển có tổ chức một bộ phận lao động vùng đồng bằng Bắc Bộ lên công tác và lao động ở những ngành và lĩnh vực có nhu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học trong vùng theo hướng đa ngành như Đại học Tây Bắc, Đại học Thái Nguyên, Đại học Hùng Vương (Phú Thọ). Củng cố và mở thêm các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề; đổi mới cơ cấu đào tạo theo ngành nghề và trình độ nhằm đáp ứng sát nhu cầu nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhu cầu cán bộ cho các địa phương trong vùng. Phấn đấu đến năm 2010 nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 25 - 30%.

- Phát triển khoa học - công nghệ: xây dựng các trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ tại các trường đại học của vùng, trước hết tập trung nghiên cứu tuyển chọn, lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi và nghiên cứu, ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản. Tăng cường xây dựng hệ thống khuyến nông, khuyến lâm từ tỉnh đến cơ sở.

d) Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, nhất là an ninh biên giới và các địa bàn trọng yếu. Chú trọng đầu tư xây dựng các đồn, trạm biên phòng, cơ quan quân sự và khu vực phòng thủ địa phương, đường vành đai biên giới, xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng theo quy hoạch. Đẩy mạnh phong trào quần chúng, xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với nền quốc phòng toàn dân, chống truyền đạo trái phép, phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, buôn lậu, gian lận thương mại..., bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

Thực hiện tốt việc phân giới, cắm mốc, quản lý bảo vệ biên giới, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị và ổn định với các nước bạn láng giềng, phục vụ nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên địa bàn; xác định rõ cơ chế phối hợp, phạm vi quản lý của từng ngành, từng địa phương để thực hiện tốt nhiệm vụ này, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm.

e) Về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp

- Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị các cấp trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của vùng.

- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ tại chỗ, đặc biệt có chính sách ưu tiên bồi dưỡng,

đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số cho các cấp, các ngành, cán bộ cơ sở ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Có chính sách, chế độ để điều động sử dụng có hiệu quả nguồn cán bộ của cơ quan, doanh nghiệp trung ương trên địa bàn tăng cường cho tỉnh, huyện. Thực hiện luân chuyển cán bộ chủ chốt trong nội tỉnh và giữa miền xuôi với miền núi; có chính sách thu hút học sinh đã tốt nghiệp các trường đại học, trung học chuyên nghiệp về công tác ở các địa phương trong vùng.

4. Các giải pháp chủ yếu

(1) Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng đến năm 2010 làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực và từng tỉnh, bảo đảm có hệ thống hạ tầng kỹ thuật liên thông trong vùng và giữa vùng này với vùng khác; phát huy lợi thế so sánh của từng tỉnh, từng tiểu vùng, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

(2) Xây dựng chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút các nguồn vốn đầu tư như vốn ODA để phát triển cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, vốn FDI, các nguồn vốn trong nước để phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung cao nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho vùng để đến năm 2010 hoàn thành những công trình hạ tầng chủ yếu, đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

(3) Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển, nâng cao hiệu quả việc hợp tác kinh tế với Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, như chính sách khu kinh tế cửa khẩu, chính sách thương mại đường biên...

(4) Xây dựng các chương trình, dự án và chính sách cụ thể để phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng, nhất là các chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; bảo vệ và phát triển vốn rừng; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác.

(5) Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho các cấp, các địa phương trong vùng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong đó đặc biệt ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là người dân tộc thiểu số theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá IX).

(6) Xây dựng hệ thống chính trị các cấp, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh gắn với phân cấp cho chính quyền địa phương các cấp để nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quản lý và điều hành.

(7) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục làm cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước cũng như các tỉnh trong vùng thống nhất nhận thức về yêu cầu quan trọng, cấp bách việc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, không chỉ là nhiệm vụ của các địa phương trong vùng, mà còn là nhiệm vụ chung của cả nước, để từ đó tích cực tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ này.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết Bộ Chính trị, Chính phủ tập trung chỉ đạo xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội,

bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng đến năm 2010; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; xây dựng các chương trình, dự án, các chính sách cụ thể nhằm thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra.

2. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, các ban cán sự đảng của các bộ, ngành Trung ương, cấp ủy đảng các tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của các bộ, ngành và địa phương mình để tổ chức thực hiện.

3. Thành lập Ban Chỉ đạo Tây Bắc bao gồm cả Tây Nghệ An và Tây Thanh Hóa do một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách để chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

4. Các ban của Trung ương Đảng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX*

Ngày 5 tháng 7 năm 2004

Thưa các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa toàn thể các đồng chí,

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin nhiệt liệt chào mừng tất cả các đồng chí đã về dự Hội nghị.

Hội nghị lần thứ mười của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có những nhiệm vụ rất quan trọng. Trước hết, Hội nghị sẽ kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", trên cơ sở đó đề ra những giải pháp tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ này đến năm 2010. Hai là, Hội nghị thảo luận và cho ý kiến về các định hướng chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng dự kiến sẽ diễn ra vào nửa đầu năm 2006 và đại hội đảng các cấp trước

---

* Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, họp từ ngày 5 đến ngày 10-7-2004 (*B.T*).

khi tiến tới Đại hội Đảng lần thứ X. Ba là, Hội nghị nghe báo cáo về một số vấn đề khác của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Sáu năm trước đây, ngày 16-7-1998, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã ra Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Nghị quyết chỉ rõ rằng, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết đã nêu lên 10 nhiệm vụ cụ thể về xây dựng và phát triển nền văn hóa, đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới - con người xã hội chủ nghĩa với những đức tính tốt đẹp, tiếp đó là các nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa; phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo và khoa học - công nghệ; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách văn hóa đối với tôn giáo; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa. Hơn 50 năm sau Đề cương văn hóa Việt Nam, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được coi là chiến lược văn hóa của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc đã được khẳng định một lần nữa và phát triển lên tầm cao tại Đại hội lần thứ IX của Đảng. Và từ đó đến nay, hơn ba năm của nhiệm kỳ Trung ương khóa IX, trong khi đẩy mạnh việc thực hiện toàn diện Nghị quyết Đại hội IX, lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Đảng ta, thông qua việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, đã khơi dậy phong trào toàn Đảng, toàn dân chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, tức là xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần quan trọng tạo nên những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và sự ổn định chính trị của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, trong việc thực hiện Nghị quyết, cũng còn nhiều mặt yếu kém và khuyết điểm. Dư luận xã hội đánh giá rằng, đổi mới và phát triển kinh tế có nhiều thành tựu và tiến bộ, nhưng xây dựng và phát triển văn hóa thì chưa theo kịp nhịp độ phát triển kinh tế, có một số mặt sa sút, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và nếp sống; sự lan tràn các tệ nạn xã hội; mức độ trầm trọng của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và những hiện tượng tiêu cực khác... Cũng có ý kiến đánh giá rằng, chúng ta chưa xây dựng được vững chắc nền tảng văn hóa cho thời kỳ đổi mới, môi trường văn hóa có mặt xuống cấp, lối sống văn hóa trong ứng xử, trong lãnh đạo và quản lý chậm được nâng cao, đội ngũ những người làm công tác văn hóa chưa đủ mạnh... Đây là những đánh giá cần được nghiêm túc xem xét.

Tôi đề nghị các đồng chí Trung ương, với tinh thần trách nhiệm cao, thái độ khách quan và trung thực, thông qua thảo

luận và tranh luận, cần đánh giá một cách đúng đắn thực trạng xây dựng và phát triển nền văn hóa hiện nay, vừa khẳng định những thành tựu đạt được, vừa thấy rõ những yếu kém và khuyết điểm, đặc biệt là những vấn đề thuộc bản chất và có tính xu hướng. Bởi kinh tế và văn hóa là hai chân của sự phát triển, chúng ta không thể đi chân ngắn chân dài, chân cao chân thấp, không thể chỉ chăm lo phát triển nền tảng vật chất (kinh tế) của xã hội mà không chăm lo phát triển nền tảng tinh thần (văn hóa) của xã hội. Chúng ta cần nhận thức một cách sâu sắc rằng, phát triển kinh tế là cơ sở và điều kiện quan trọng hàng đầu của phát triển văn hóa, và ngược lại, phát triển văn hóa chính là mục tiêu và động lực của phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với việc đánh giá đúng thực trạng văn hóa, Hội nghị cần phân tích một cách rõ ràng các nguyên nhân khách quan và chủ quan của cả thành tựu và khuyết điểm, nhất là các nguyên nhân chủ quan dẫn đến những yếu kém, khuyết điểm - về nhận thức, về sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của Đảng và chính quyền các cấp. Hội nghị cũng cần phân tích rõ hơn những vấn đề, những nhân tố mới ở cả trong và ngoài nước có tác động đến việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển nền văn hóa của nước ta, từ đó xác định các nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2010, đồng thời đề ra những giải pháp mới để tạo được bước chuyển cơ bản trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

Thưa các đồng chí,

Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng dự kiến sẽ diễn ra vào nửa đầu năm 2006. Tiếp theo Đại hội IX - Đại hội mở đầu

thế kỷ mới, Đại hội X sẽ là một sự kiện chính trị cực kỳ quan trọng của Đảng và đất nước ta trong nửa sau của thập kỷ này, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa của sự nghiệp phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2010, thực hiện bằng được mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, như Đại hội IX đã xác định và tiến nhanh hơn, vững chắc hơn vào các thập kỷ tiếp theo. Thông thường, Đại hội toàn quốc của Đảng thảo luận và quyết định các vấn đề lớn về Cương lĩnh của Đảng; Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tới; Báo cáo xây dựng Đảng; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa mới.

Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ nghe và thảo luận Tờ trình của Bộ Chính trị về định hướng chuẩn bị Đại hội X và đại hội đảng các cấp, xác định trọng tâm của Đại hội và quyết định những nội dung sẽ đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội. Đồng thời, căn cứ vào định hướng của Đại hội, tại kỳ họp này, Ban Chấp hành Trung ương cũng sẽ nghe và cho ý kiến về Tờ trình của Bộ Chính trị về việc thành lập các tiểu ban để giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư chuẩn bị tốt các nội dung của Đại hội X; cho ý kiến về dự kiến tiến trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương từ nay cho tới Đại hội X của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần này bàn nhiều vấn đề có ý nghĩa quan trọng, vừa góp phần thúc đẩy hoàn thành toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, vừa chuẩn bị một bước có ý nghĩa rất quyết định cho sự thành công của Đại hội X sắp tới. Trong khi đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang phải tập trung mọi sức lực vào việc phấn đấu quyết liệt để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng của nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX, mà hiện nay đang nổi lên nhiều vấn đề vừa cơ bản, vừa rất bức xúc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tư tưởng - văn hóa, an ninh - quốc phòng và đối ngoại,...

Với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân, đề nghị tất cả các đồng chí tập trung thảo luận và quyết định một cách chính xác và đúng đắn những vấn đề được đặt ra tại Hội nghị lần này.

Trên tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mười của Đảng. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 38-NQ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2004

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp tại Hà Nội từ ngày 5-7 đến ngày 10-7-2004, sau khi xem xét và thảo luận các báo cáo và tờ trình của Bộ Chính trị, quyết nghị:

1. Thông qua Kết luận Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến đóng góp, thảo luận của Trung ương tại Hội nghị để bổ sung, hoàn chỉnh, ban hành và tổ chức chỉ đạo thực hiện Kết luận nói trên.

2. Thông qua nội dung Tờ trình của Bộ Chính trị về việc chuẩn bị Đại hội X và đại hội đảng các cấp. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến đóng góp của Trung ương để hoàn chỉnh, bổ sung văn bản, chỉ đạo chuẩn bị Đại hội X của Đảng và đại hội đảng các cấp.

Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập 4 Tiểu ban chuẩn bị Đại hội X, gồm:

a) Tiểu ban Văn kiện:

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước;

3- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ;

4- Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội;

5- Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư;

6- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;

7- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;

8- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội;

9- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công An;

10- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương;

11- Đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

12- Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội;

13- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

14- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;

15- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương;

16- Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

17- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

18- Đồng chí Nguyễn Văn Yểu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội;

19- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng;

20- Đồng chí Nguyễn Văn Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương;

21- Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

22- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản;

23- Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân dân;

24- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam;

25- Đồng chí Hoàng Bình Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

26- Đồng chí Ksor Phước, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

27- Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai;

28- Đồng chí Hà Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh;

29- Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.

b) Tiểu ban Kinh tế - xã hội:

1- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;

3- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương;

4- Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội;

5- Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

6- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

7- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, công nghệ và môi trường của Quốc hội;

8- Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội;

9- Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương;

10- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư;

11- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính;

12- Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

13- Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

14- Đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

15- Đồng chí Đào Đình Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

16- Đồng chí Trương Đình Tuyển, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thương mại;

17- Đồng chí Nguyễn Thị Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội;

18- Đồng chí Mai Ái Trực, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường;

19- Đồng chí Đỗ Trung Tá, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Bưu chính - Viễn thông;

20- Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin;

21- Đồng chí Nguyễn Minh Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

22- Đồng chí Trần Thị Trung Chiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế;

23- Đồng chí Hoàng Văn Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

24- Đồng chí Đặng Vũ Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học - Công nghệ Việt Nam;

25- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam;

26- Đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;

27- Đồng chí Nguyễn Dy Niên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

28- Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

29- Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an;

30- Đồng chí Hoàng Văn Nghiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội;

31- Đồng chí Bùi Sĩ Tiếu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình;

32- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương;

33- Đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai;

34- Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi;

35- Đồng chí Lê Thanh Tâm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Long An.

c) Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng:

1- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;

3- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

4- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

5- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương;

6- Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương;

7- Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;

8- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

9- Đồng chí Cù Thị Hậu, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

10- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

11- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương;

12- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

13- Đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

14- Đồng chí Vũ Quốc Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

15- Đồng chí Đỗ Quang Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

16- Đồng chí Lê Thế Tiệm, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an;

17- Đồng chí Trịnh Long Biên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên;

18- Đồng chí Nguyễn Ánh Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận;

19- Đồng chí Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An;

20- Đồng chí Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh.

d) Tiểu ban Nhân sự:

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước;

3- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ;

4- Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội;

5- Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư;

6- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;

7- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ;

8- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội;

9- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an;

10- Đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

11- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;

12- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Ban Chấp hành Trung ương đã nghe Bộ Chính trị báo cáo về kết quả kiểm điểm cá nhân các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư nửa đầu nhiệm kỳ khóa IX và đã góp ý vào báo cáo nói trên.

4. Ban Chấp hành Trung ương đã nghe Bộ Chính trị báo cáo về quá trình chỉ đạo, điều tra xử lý vụ án "T4" và đã góp ý vào vấn đề nói trên.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 30-KL/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2004

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trong những năm sắp tới*

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, sau khi thảo luận Báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị về kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", kết luận như sau:

I- ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA VIII (1998 - 2003)

1. Thành tựu

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII ra đời đáp ứng đúng yêu cầu phát triển của đất nước và nguyện vọng của nhân

---

* Tài liệu này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc thuận tiện theo dõi (*B.T*).

dân, đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, được xã hội *nhiệt tình hưởng ứng thực hiện, gắn kết chặt chẽ hơn văn hóa với các lĩnh vực của đời sống xã hội,* góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị và tạo nên những thành tựu về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... của đất nước.

Thông qua việc quán triệt các quan điểm chỉ đạo cơ bản và triển khai thực hiện 10 nhiệm vụ về văn hóa đã được nêu lên trong Nghị quyết, *sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận* trong xã hội đối với đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới được củng cố và nâng cao. Tính *chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội* của nhân dân bước đầu được phát huy; dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội được mở rộng. Sự tham gia *tích cực, tự giác* của nhân dân vào các hoạt động văn hóa, đặc biệt là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã tạo được chuyển biến bước đầu và tiền đề rất quan trọng để văn hóa nước nhà tiếp tục phát triển đúng hướng và vững chắc.

Văn hóa trở thành một *nội dung quan trọng* trong hoạt động của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, từng bước gắn bó chặt chẽ hơn với các nhiệm vụ kinh tế, xã hội. Các giá trị văn hóa ngày càng thể hiện rõ hơn vai trò tích cực và khả năng tác động mạnh vào các lĩnh vực của đời sống. Những nét mới trong chuẩn mực văn hóa và trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng bước được hình thành. Đã xuất hiện một số tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị về đề tài cách mạng, kháng chiến và công cuộc đổi mới. Hoạt động thông tin, báo chí ngày càng mở rộng.

Việc *thể chế hóa* Nghị quyết được coi trọng, đã tạo hành lang pháp lý *phù hợp và thông thoáng* cho nhân dân và đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ hoạt động và sáng tạo văn hóa.

2. Những yếu kém, khuyết điểm

So với yêu cầu của thời kỳ đổi mới, trước những biến đổi ngày càng phong phú trong đời sống xã hội những năm gần đây, *những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống*. Sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân dân.

Sự phát triển của văn hóa chưa *đồng bộ* và *tương xứng* với tăng trưởng kinh tế, *thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng* là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế và nhiệm vụ xây dựng Đảng. Nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa tạo được chuyển biến rõ rệt. Môi trường văn hóa còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự lan tràn của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa mê tín dị đoan, độc hại, thấp kém, lai căng... Sản phẩm văn hóa và các dịch vụ văn hóa ngày càng phong phú nhưng vẫn rất thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ảnh hưởng tích cực và sâu sắc trong đời sống. Có biểu hiện lúng túng, hữu khuynh trong cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng tư tưởng trong

lý luận - phê bình và sáng tác, trước những tác động ngày càng phức tạp của quá trình hội nhập kinh tế và giao lưu văn hóa. Xu hướng "thương mại hóa", chạy theo thị hiếu thấp kém trong một bộ phận báo chí, xuất bản, hoạt động văn hóa nghệ thuật chưa được ngăn chặn có hiệu quả, đã làm giảm sút, hạ thấp các chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của văn hóa.

Việc xây dựng thể chế văn hóa, các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách trên lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là chính sách về quan hệ giữa kinh tế và văn hóa còn chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, làm hạn chế tác dụng của văn hóa đối với các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước.

Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hóa - tinh thần ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng trước đây vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, khu vực, tầng lớp xã hội tiếp tục mở rộng.

Những khuyết điểm, yếu kém nói trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, song cần nhấn mạnh các nguyên nhân chủ quan là:

Nhận thức trong Đảng từ Trung ương đến cấp ủy các cấp về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa chưa thật đầy đủ, các quan điểm chỉ đạo, phương hướng phát triển và các nhiệm vụ của văn hóa được xác định trong Nghị quyết chưa được quán triệt và thực hiện nghiêm túc, việc tổ chức thực hiện còn thiếu tập trung, chưa đồng bộ, không kiên quyết.

Nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước chưa được triển khai tích cực, có nơi còn bị xem nhẹ; không ít cán bộ, đảng viên chưa nêu được tấm gương văn hóa cho quần chúng.

Trong tổ chức thực hiện, năng lực và tầm lãnh đạo văn hóa của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể còn nhiều hạn chế. Chậm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương lớn, bị động trước những khuynh hướng mới xuất hiện và một số biến đổi phức tạp trên lĩnh vực văn hóa. Chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tài năng, nâng cao năng lực của những người hoạt động, sáng tạo văn hóa; coi nhẹ cuộc đấu tranh trên lĩnh vực lý luận, phê bình văn học - nghệ thuật; chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong một bộ phận đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, thông tin, báo chí và xuất bản có những biểu hiện xa rời đời sống, lúng túng trong định hướng sáng tạo và hoạt động nghiệp vụ, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, chiều theo thị hiếu thấp kém đã tạo ra một số sản phẩm văn hóa chất lượng thấp, thậm chí sai trái.

II- MỤC TIÊU, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG THỜI KỲ MỚI

Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII có ý nghĩa chiến lược về văn hóa của cách mạng nước ta trong thời kỳ công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết là một nhân tố quyết định để nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta, làm cho nền tảng tinh thần của chế độ ta, của xã hội nước ta ngày càng vững chắc, tiến bộ, phong phú, góp phần giữ vững độc lập, thống nhất, định hướng xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy nhanh quá trình phát triển đất nước.

Hội nghị thống nhất với Báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị về các nhiệm vụ và giải pháp nhằm tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn về chất lượng và hiệu quả trong xây dựng và phát triển văn hóa thời kỳ mới, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Mục tiêu

Thông qua việc triển khai các nhiệm vụ văn hóa cụ thể, *mục tiêu* cần phải đạt tới là tạo được sự *phát triển đồng bộ về chất lượng văn hóa trên các mặt:*

a) Bảo đảm sự gắn kết giữa *nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội;* tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước.

b) Trong quá trình mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu văn hóa, cùng với việc tập trung xây dựng những giá trị mới của văn hóa Việt Nam đương đại, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc và tiếp

nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

c) Vừa phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hóa các dân tộc anh em, làm phong phú nền văn hóa chung của cả nước, vừa kiên trì củng cố và nâng cao tính *thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam,* đấu tranh chống các khuynh hướng lợi dụng văn hóa để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

d) Nghiên cứu, nắm bắt kịp thời thành tựu *của văn hóa - thông tin hiện đại, huy động mọi tiềm lực xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa,* chăm lo các tài năng, chủ động có kế hoạch, chính sách, cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho văn hóa nước nhà phát triển vững chắc và đúng hướng trong thời kỳ mới.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

a) Tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng *tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh* trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và trong từng cá nhân, gia đình, thôn, xóm, đơn vị, tổ chức cơ sở...

Cần xác định đây là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài.

Gắn chặt nhiệm vụ xây dựng văn hóa với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng thông qua cuộc vận động lớn về xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức, lối sống cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, chỉnh

đốn Đảng và cải cách hành chính, kiên quyết đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan nhà nước.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ *xây dựng con người Việt Nam* theo 5 đức tính được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII; cụ thể hóa theo các đối tượng, gắn chặt mục tiêu xây dựng con người với hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng của quần chúng. Quy tụ mọi hoạt động văn hóa, phát huy thế mạnh của từng loại hình văn hóa - thông tin phục vụ nhiệm vụ bồi dưỡng lòng yêu nước, phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

c) Chú trọng xây dựng đời sống *văn hóa cơ sở, nhất là cộng đồng dân cư, xây dựng môi trường văn hóa* lành mạnh, tốt đẹp, phong phú. Thường xuyên nâng cao trình độ phổ cập văn hóa đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp nhân dân đi đôi với nhiệm vụ *bồi dưỡng các tài năng văn hóa, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tạo được nhiều công trình văn hóa - nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật,* tương xứng với sự nghiệp cách mạng của dân tộc và công cuộc đổi mới.

3. Các giải pháp chủ yếu

a) Giải pháp *hàng đầu* là nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng và cấp ủy các cấp đối với lĩnh vực văn hóa; bảo đảm định hướng chính trị đi đôi với vận dụng đúng đắn những đặc trưng của công tác văn hóa;

chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa từ địa phương đến Trung ương; định kỳ làm việc với các cơ quan văn hóa; chỉ đạo các cơ quan nhà nước thể chế hóa các chủ trương, chính sách về văn hóa; có kế hoạch chăm sóc, bồi dưỡng tài năng trong tất cả các lĩnh vực văn hóa; tôn trọng tự do sáng tác, xây dựng quan hệ chân thành, cởi mở đối với đội ngũ những người hoạt động văn hóa, có chính sách trọng dụng người tài, đồng thời chăm lo định hướng chính trị và ý thức trách nhiệm công dân nhằm phát huy cao nhất đóng góp của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người làm báo cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước có kế hoạch, biện pháp đẩy mạnh việc xây dựng văn hóa trong tổ chức đảng và trong các cơ quan nhà nước để làm gương cho xã hội, nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ này.

b) Phát huy tính năng động sáng tạo của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các hội sáng tạo văn học - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật và thông tin, báo chí trong sự nghiệp văn hóa, tạo nên *sức mạnh tổng hợp,* động viên nhân dân và đội ngũ trí thức thực hiện các nhiệm vụ văn hoá; nâng cao chất lượng sáng tạo, sản xuất, bảo quản, tôn tạo, truyền bá và tiếp nhận các sản phẩm, công trình văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định đáp ứng yêu cầu *xã hội hóa hoạt động văn hóa* nhằm động viên, huy động có hiệu quả sức người, sức của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia xây dựng và phát triển văn hóa. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là trong lĩnh vực báo chí, xuất bản,

xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm Luật báo chí, xuất bản nhằm khắc phục kịp thời những yếu kém, khuyết điểm trong lĩnh vực này.

Có kế hoạch triển khai *chương trình giáo dục văn hóa, thẩm mỹ, nâng cao chất lượng giáo dục khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục đạo đức, lối sống* trong nhà trường từ phổ thông đến đại học. Phát huy vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa tham gia hỗ trợ, giúp đỡ nhà trường thực hiện nhiệm vụ này.

c) Đẩy mạnh giáo dục về chủ nghĩa xã hội, bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tạo chuyển biến rõ rệt về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trí tuệ người Việt Nam theo *5 đức tính* đã được Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII xác định.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy mạnh phong trào "Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại", đẩy lùi tiêu cực, lạc hậu, khẳng định giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam thời kỳ mới.

d) Tăng đầu tư cho văn hóa, phấn đấu đến năm 2010 ít nhất đạt 1,8% tổng chi ngân sách của Nhà nước; tiếp tục bảo đảm kinh phí cho các chương trình mục tiêu phát triển văn hóa. Phát triển các doanh nghiệp văn hóa đủ khả năng đứng vững trong cơ chế thị trường, đạt được hiệu quả văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ. Động viên các tầng lớp nhân dân, nhất là người say mê hoạt động văn hóa, cả trong và ngoài nước, đầu tư và đóng góp cho sự nghiệp văn hóa, vì sự phồn vinh của văn hóa dân tộc.

4. Tổ chức thực hiện

a) Căn cứ Kết luận của Hội nghị Trung ương 10, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần tổ chức nghiên cứu, quán triệt trong cán bộ, đảng viên, nhân dân; tiếp tục đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo văn hóa ở ngành, địa phương, đơn vị mình; bổ sung chương trình hành động, tạo ra được những chuyển biến rõ rệt về xây dựng văn hóa, nhất là nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển sâu rộng, có chất lượng.

b) Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân căn cứ Kết luận của Hội nghị tiếp tục xem xét, chỉ đạo, ban hành các văn bản luật pháp, chính sách, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tổ chức các hình thức động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể và cá nhân có thành tích xứng đáng trong thực hiện nhiệm vụ này.

c) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, các Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Đảng đoàn Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - nghệ thuật Việt Nam và các hội văn học - nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam có chương trình hành động thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương và tổ chức quán triệt đến từng hội viên, cán bộ, nhân dân.

d) Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng, Nhà nước tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về những vấn đề liên quan đến văn hóa dân tộc, đề xuất phương án có tính chiến lược về văn hóa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cơ sở lý luận cho quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 khóa IX về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

e) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị thường xuyên theo dõi việc thực hiện Kết luận này của Ban Chấp hành Trung ương và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Ngày 10 tháng 7 năm 2004

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa toàn thể các đồng chí,

Trong sáu ngày qua, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương đã làm việc rất khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận sôi nổi, đóng góp nhiều ý kiến xác đáng vào các nội dung của Hội nghị và với sự nhất trí cao, đã đưa ra những quyết định rất quan trọng. Hội nghị đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", thống nhất thông qua Kết luận về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết này trong những năm tới. Hội nghị cũng đã quyết định các công việc cần chuẩn bị Đại hội X của Đảng, dự kiến sẽ họp vào quý II năm 2006 và đại hội đảng các cấp trong thời gian tới; thông qua việc thành lập các tiểu ban chuẩn bị Đại hội X của Đảng.

Trước khi kết thúc Hội nghị, tôi xin nhấn mạnh thêm một số điểm quan trọng đã được nêu trong các kết luận của Trung ương.

Thưa các đồng chí,

Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII, Hội nghị một lần nữa khẳng định vị trí và vai trò to lớn của việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tinh thần, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta. Quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng ta đối với việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII thật sự là chiến lược văn hóa của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đánh dấu bước phát triển mới tư duy lý luận của Đảng ta về văn hóa và lãnh đạo xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Những quan điểm chỉ đạo, những nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết vừa phù hợp với quy luật vận động phát triển của đất nước

trong thời kỳ đổi mới, vừa đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, của trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa, đã được thể chế một bước quan trọng bằng một số luật, pháp lệnh, nghị định, chương trình hành động, cho nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, khơi dậy phong trào toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại và sự ổn định chính trị của đất nước. Việc triển khai và thực hiện Nghị quyết đã góp phần nâng cao một bước sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mở rộng một bước dân chủ hóa xã hội, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân, làm cho nhân tố văn hóa bước đầu tác động tích cực vào các mặt sản xuất, kinh doanh, quản lý xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa", quy tụ các phong trào văn hóa tại các ngành, các giới là một biểu hiện sống động.

Nhìn vào tổng thể việc xây dựng nền văn hóa cũng như từng mặt, từng lĩnh vực văn hóa, văn học - nghệ thuật, thông tin báo chí..., chúng ta đều nhận thấy được một bức tranh đan xen giữa những thành tựu và tiến bộ với những yếu kém và khuyết điểm.

Hội nghị Trung ương lần này trong khi khẳng định mạnh mẽ những thành tựu và tiến bộ đạt được, đã đồng thời nghiêm túc chỉ ra những yếu kém và khuyết điểm, nhất là sự

sa sút về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và nếp sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, mức độ trầm trọng của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, của các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực khác. Rõ ràng là tuy chúng ta đã làm được nhiều việc, nhưng những tiến bộ văn hóa còn chưa vững chắc, sự phát triển văn hóa còn chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới. Công tác văn hóa chưa thực hiện tốt và làm chuyển biến rõ rệt nhiệm vụ trọng tâm cấp bách là xây dựng con người. Môi trường văn hóa chưa lành mạnh. Chúng ta chưa tạo được những công trình văn hóa, những tác phẩm văn học - nghệ thuật có chất lượng cao tương xứng với những chiến công và thành tựu của dân tộc, chưa tạo được những chuyển biến cơ bản trong thực hiện chính sách kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế, chưa tiến hành thường xuyên việc phát huy nhân tố tiên tiến trong phong trào văn hóa và bồi dưỡng những tài năng văn hóa...

Những yếu kém và khuyết điểm có nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, nhưng chủ quan là chủ yếu. Không ít cấp ủy, ngành, địa phương, đơn vị, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của văn hóa, chưa quán triệt và thực hiện nghiêm túc 5 quan điểm chỉ đạo và 10 nhiệm vụ văn hóa cho nên chưa có chuyển biến thật sự, mạnh mẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và quản lý về văn hóa. Các cơ quan chỉ đạo, quản lý trực tiếp về văn hóa của Đảng, của chính quyền và các đoàn thể tuy có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn chậm cụ thể hóa và thể chế hóa đồng bộ nhiều quan điểm, chủ trương lớn, dẫn đến thụ động,

lúng túng, hữu khuynh trong việc tiến hành và quản lý các hoạt động văn hóa. Việc tăng cường nguồn lực và phương tiện hoạt động cho văn hóa tuy được chú trọng hơn trước nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với văn hóa còn chậm được đổi mới. Bản thân đội ngũ những người làm văn hóa, một bộ phận trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ, báo chí, xuất bản còn bộc lộ một số yếu kém về nhận thức, trình độ, trách nhiệm và đạo đức trong hoạt động văn hóa.

Kết luận mà Hội nghị Trung ương 10 đưa ra về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII trong thời gian tới là biểu thị quyết tâm của Trung ương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước, tạo sự chuyển biến cơ bản và bước phát triển mạnh mẽ trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Kết luận lần này của Trung ương chính là việc cụ thể hóa 10 nhiệm vụ và 4 nhóm giải pháp lớn đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 trước đây phù hợp với những điều kiện và yêu cầu cụ thể trong tình hình mới. Chúng ta nhất định phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa" gắn chặt với cuộc vận động chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân học tập và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, lối sống, làm chuyển biến mạnh mẽ công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là đối với cán bộ chủ chốt các cấp và thanh niên.

Chúng ta phải gắn chặt nhiệm vụ xây dựng văn hóa với nhiệm vụ trung tâm xây dựng kinh tế và nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng, bảo đảm hoạt động văn hóa tiến hành đồng bộ với hoạt động kinh tế, hình thành nền tảng tinh thần vững chắc cho xã hội. Cũng cần nói thêm rằng, để thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể về xây dựng và phát triển văn hóa, trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng con người với những đức tính cơ bản, tốt đẹp, chúng ta phải xây dựng và phát triển hài hòa các nhiệm vụ khác, từ xây dựng môi trường văn hóa, phát triển văn học - nghệ thuật, thông tin đại chúng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa đến việc bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số, chính sách văn hóa đối với tôn giáo và hợp tác quốc tế về văn hóa... Chúng ta tiếp tục tăng cường các nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hóa, trước hết là tăng mức đầu tư từ ngân sách cho phát triển sự nghiệp văn hóa đi đôi với việc huy động sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân và sử dụng một cách có hiệu quả nhất các nguồn lực đó; sớm xây dựng và thực hiện chiến lược tuyển chọn, đào tạo, phát triển các tài năng văn hóa, nghệ thuật; tăng cường và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với văn hóa.

Những tư tưởng và quan điểm chỉ đạo trong kết luận của Trung ương lần này cần được quán triệt trong toàn Đảng và toàn xã hội. Để làm được điều đó, mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương cần nâng cao nhận thức và trình độ lãnh đạo trên lĩnh vực văn hóa, song song với các lĩnh vực chính trị, kinh tế,

xã hội...; nêu cao tinh thần gương mẫu về tư tưởng, đạo đức, lối sống; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng theo phương châm "nói đi đôi với làm", đã nói là làm để cho các quyết định của Trung ương lần này được quán triệt trong tổng cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, và mọi tầng lớp nhân dân. Các cấp, các ngành cần có ngay các chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể để đưa những nội dung đó thấm sâu vào từng địa phương, từng ngành, từng đơn vị, từng cộng đồng, từng gia đình, từng con người, tạo thành phong trào thi đua sôi nổi, xây dựng con người mới và môi trường văn hóa mới phong phú, lành mạnh, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta. Nếu như mỗi ngày, mỗi người chúng ta đều làm được một việc tốt hay vài ba việc tốt, và toàn xã hội đều làm như vậy thì chắc chắn chúng ta sẽ đẩy lùi được các hiện tượng tiêu cực, làm cho xã hội ta ngày càng tốt đẹp hơn, nền văn hóa của chúng ta ngày càng được nâng cao hơn.

Thưa các đồng chí,

Như tôi đã nói trong buổi khai mạc Hội nghị này, tiếp theo Đại hội IX, Đại hội mở đầu thế kỷ mới, Đại hội X của Đảng sẽ là một sự kiện chính trị cực kỳ quan trọng của Đảng và của đất nước ta trong nửa sau của thập kỷ này, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa của sự nghiệp phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2010 thực hiện bằng được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển,

nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiến lên phát triển nhanh hơn, vững chắc hơn vào các thập kỷ tiếp theo.

Nội dung Đại hội X sẽ bao gồm các vấn đề về bổ sung và phát triển một số điểm trong Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng, về Báo cáo chính trị, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 trong khuôn khổ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010; Báo cáo về xây dựng Đảng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá mới.

Với việc thông qua định hướng chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ X và Đại hội Đảng bộ các cấp, xác định trọng tâm của Đại hội và quyết định những nội dung sẽ đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội, đồng thời thành lập các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội, Hội nghị Trung ương lần thứ mười đã bước vào giai đoạn trực tiếp chuẩn bị Đại hội X với thời gian gần hai năm kể từ nay cho đến những tháng đầu năm 2006. Đó cũng là thời gian mà toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải phấn đấu quyết liệt để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của gần nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX, mà hiện nay như chúng ta đã biết, đang nổi lên nhiều vấn đề vừa cơ bản vừa rất bức xúc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tư tưởng, văn hóa, an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

Việc tiến hành đồng thời hoàn thành những mục tiêu và nhiệm vụ của Đại hội IX và chuẩn bị Đại hội X và đại hội đảng bộ các cấp với một khối lượng công việc rất bộn bề, đòi hỏi nhiều thời gian, nghị lực và trí tuệ, do đó cần được

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng, lãnh đạo và chỉ đạo một cách kiên quyết, tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, lấy việc hoàn thành những nhiệm vụ và mục tiêu của Đại hội IX làm tiền đề và điều kiện để thúc đẩy việc chuẩn bị Đại hội X, đồng thời lấy việc chuẩn bị Đại hội X làm một động lực góp phần thúc đẩy việc hoàn thành những mục tiêu và nhiệm vụ của Đại hội IX.

Chúng ta ra sức phấn đấu để mỗi Đại hội Đảng đều là một cột mốc đánh dấu bước phát triển mới của đất nước và của Đảng ta.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ mười. Xin chúc tất cả các đồng chí mạnh khỏe, nhanh chóng triển khai thực hiện tốt các quyết định và kết luận của Hội nghị lần này cũng như những nhiệm vụ rất nặng nề và cấp bách đang đặt ra trước mắt chúng ta.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 10 tháng 7 năm 2004

Từ ngày 5 đến ngày 10-7-2004, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã diễn ra tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì Hội nghị, đọc diễn văn khai mạc và diễn văn bế mạc.

Hội nghị đã dành một phút mặc niệm đồng chí Lê Minh Hương, Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, nguyên Bộ trưởng Bộ Công an đã từ trần ngày 23-5-2004.

Hội nghị Trung ương lần này đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", trên cơ sở đó đề ra những chủ trương và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ này trong những năm sắp tới. Hội nghị cũng đã thảo luận và cho ý kiến về việc chuẩn bị Đại hội X của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp.

Sau 6 ngày làm việc khẩn trương, phát huy trí tuệ tập thể, Hội nghị đã thảo luận dân chủ và thống nhất cao về những vấn đề được nêu trong chương trình nghị sự.

I- VỀ KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA VIII (1998 - 2003), HỘI NGHỊ NHẤT TRÍ KẾT LUẬN

Thực tiễn 5 năm qua đã khẳng định, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đánh dấu bước phát triển trong tư duy lý luận của Đảng ta về văn hóa, phù hợp với quy luật vận động phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng đúng nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân, vì vậy đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, động viên được *nhiệt tình, tính tự giác thực hiện của toàn Đảng, toàn dân, bước đầu gắn văn hóa với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội*, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo chuyển biến toàn diện về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... của đất nước.

Thông qua việc quán triệt các quan điểm chỉ đạo cơ bản và triển khai thực hiện 10 nhiệm vụ về văn hóa, *sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận* trong xã hội đối với đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới được *củng cố và nâng cao*. Tính *chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội* của nhân dân bước đầu được phát huy; dân chủ hóa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội được mở rộng. Sự tham gia tích cực, *tự giác* của nhân dân vào các hoạt động văn hóa, đặc biệt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống

văn hóa" đã tạo được bước chuyển biến bước đầu và tiền đề rất quan trọng để văn hóa nước nhà tiếp tục phát triển đúng hướng và vững chắc.

Văn hóa đã trở thành nội dung quan trọng trong hoạt động của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị các cấp, từng bước gắn bó chặt chẽ hơn với các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Các giá trị văn hóa ngày càng thể hiện rõ hơn vai trò tích cực và khả năng tác động mạnh vào các lĩnh vực của đời sống. Những nét mới trong chuẩn mực văn hóa và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa được từng bước hình thành và xác định. Các hoạt động văn hóa phát triển, đa dạng và phong phú hơn. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng lớn của xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống vật thể và phi vật thể được phát hiện, bảo tồn và phát huy. Có thêm một số tác phẩm văn học - nghệ thuật với nội dung tốt về đề tài cách mạng, kháng chiến và sự nghiệp đổi mới.

Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân tăng lên rõ rệt. Hệ thống thể chế văn hóa được xây dựng, mở thêm hành lang pháp lý phù hợp, thông thoáng cho nhân dân, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ tham gia hoạt động và sáng tạo văn hóa.

Hội nghị đánh giá cao những thành tựu về văn hóa đã đạt được sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Những thành tựu đó thể hiện bước phát triển mới về tư duy lý luận, khả năng nắm bắt, chỉ đạo thực tiễn của Đảng, những cố gắng rất lớn của cán bộ, đảng viên, nhân dân và đội ngũ những người hoạt động văn hóa trong cả nước

trong quá trình thực hiện; khẳng định sức sống của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tuy vậy, việc triển khai thực hiện Nghị quyết còn bộc lộ nhiều yếu kém, khuyết điểm, chủ yếu trên các mặt sau:

Mặc dù có nhiều nỗ lực triển khai các hoạt động văn hóa phong phú, thiết thực, rộng khắp, song so với yêu cầu của thời kỳ đổi mới, trước những biến đổi ngày càng phức tạp trong đời sống tư tưởng, trong quá trình hội nhập và giao lưu quốc tế trong những năm gần đây, những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn *chưa vững chắc, chưa đủ mạnh* để tác động có hiệu quả *đến các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội*, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống. Sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân dân.

Sự phát triển của văn hóa chưa *đồng bộ* và *tương ứng* với tăng trưởng kinh tế, *thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng* là một nguyên nhân sâu xa có ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế; nhiệm vụ xây dựng Đảng. Nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa tạo được những chuyển biến rõ rệt. Môi trường văn hóa còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự lan tràn các sản phẩm và dịch vụ văn hóa thấp kém, lai căng... Sản phẩm văn hóa và các dịch vụ văn hóa ngày càng phong phú nhưng vẫn rất thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ảnh hưởng tích cực và sâu sắc trong đời sống. Có dấu hiệu lúng túng, hữu khuynh trong cuộc đấu tranh giữa các khuynh

hướng tư tưởng, lý luận - phê bình và sáng tác, trước những tác động ngày càng phức tạp của quá trình hội nhập quốc tế, giao lưu văn hóa. Xu hướng "thương mại hóa", thực dụng, chiều theo thị hiếu thấp kém trong một bộ phận xuất bản, báo chí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật chưa được ngăn chặn có hiệu quả, đã và đang tác động xấu tới vai trò nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ và giao tiếp của văn hóa.

Việc xây dựng thể chế văn bản, các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách văn hóa, đặc biệt là chính sách về quan hệ giữa kinh tế và văn hóa còn chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, làm hạn chế tác dụng của văn hóa đối với các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước.

Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống tinh thần - văn hóa ở những vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng trước đây vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, khu vực tiếp tục mở rộng.

Những khuyết điểm, yếu kém nêu trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng trách nhiệm chủ yếu thuộc về công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về văn hóa còn yếu kém, bất cập. Các cấp ủy đảng, chính quyền nhiều nơi chưa nhận thức đầy đủ vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa, chưa quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo, phương hướng phát triển và các nhiệm vụ của văn hóa được xác định trong Nghị quyết. Việc tổ chức thực hiện còn thiếu tập trung, không đồng bộ, không kiên quyết.

Nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước chưa được triển khai tích cực, có nơi còn bị xem nhẹ; không ít cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa thực sự là tấm gương văn hóa cho quần chúng.

Trong tổ chức thực hiện, năng lực và tầm lãnh đạo văn hóa của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể còn nhiều hạn chế. Chậm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương lớn, bị động trước những khuynh hướng mới và những biến đổi phức tạp trên lĩnh vực văn hóa. Chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tài năng, nâng cao năng lực của những người hoạt động, sáng tạo văn hóa. Coi nhẹ hoặc né tránh đấu tranh trên các lĩnh vực văn hóa, nhất là trong việc quản lý thị trường văn hóa phẩm, báo chí, internet; trong lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong nền kinh tế thị trường...

Trong một bộ phận đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, thông tin, báo chí và xuất bản có những biểu hiện xa rời đời sống, lúng túng trong định hướng sáng tạo và hoạt động nghiệp vụ, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, chiều theo thị hiếu thấp kém đã tạo ra một số sản phẩm văn hóa chất lượng thấp, thậm chí độc hại.

II- VỀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG THỜI KỲ MỚI

Hội nghị thống nhất nhận định: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII có ý nghĩa chiến lược về văn hóa của cách mạng

nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết là một nhân tố quyết định đảm bảo chất lượng cuộc sống tinh thần của nhân dân, làm cho văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy nhanh quá trình phát triển đất nước.

Nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong xây dựng và phát triển văn hóa, Hội nghị xác định:

1. Mục tiêu

Thông qua việc triển khai các nhiệm vụ cụ thể, mục tiêu cần phải đạt tới là tạo được *sự phát triển đồng bộ về chất lượng văn hóa* trên các mặt sau:

a) Đảm bảo sự gắn kết giữa *nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội*, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước.

b) Trong quá trình mở rộng hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa, cùng với việc tập trung xây dựng những giá trị mới của văn hóa Việt Nam đương đại, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc và tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

c) Vừa phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hóa các dân tộc anh em, làm phong phú nền văn hóa chung của cả nước, vừa kiên trì củng cố và nâng cao

tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam, đấu tranh chống các khuynh hướng lợi dụng văn hóa để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

d) Nghiên cứu, nắm bắt kịp thời thành tựu *của văn hóa - thông tin hiện đại, huy động mọi tiềm lực xã hội cho sự nghiệp văn hóa*, chủ động có kế hoạch, chính sách, cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho văn hóa nước nhà phát triển đúng hướng và vững chắc trong thời kỳ mới.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

Trong khi triển khai thực hiện toàn diện phương hướng, nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 và các nhiệm vụ mới được trình bày trong báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị, Hội nghị nhấn mạnh một số *nhiệm vụ trọng tâm* sau:

a) Tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng *tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa* lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức đảng và nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong từng cá nhân, gia đình, đơn vị, tổ chức cơ sở, trong quan hệ cộng đồng... Cần xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài.

Gắn chặt nhiệm vụ văn hóa với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng thông qua cuộc vận động lớn về xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức, lối sống cho từng đối tượng cụ thể. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính, kiên quyết đưa những người đã tha hóa, biến chất ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan nhà nước.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả của *nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam* theo 5 đức tính được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5, cụ thể hóa các đức tính theo các đối tượng, gắn chặt mục tiêu xây dựng con người với hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng của quần chúng. Quy tụ mọi hoạt động văn hóa, phát huy sức mạnh, tính ưu việt của từng loại hình văn hóa - thông tin vào nhiệm vụ bồi dưỡng lòng yêu nước và xây dựng phẩm chất con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Chú trọng nhiệm vụ xây dựng đời sống *văn hóa cơ sở, xây dựng môi trường văn hóa* lành mạnh, tốt đẹp, phong phú, nâng cao trình độ phổ cập văn hóa đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng đa dạng của các tầng lớp nhân dân đi đôi với nhiệm vụ *bồi dưỡng các tài năng văn hóa, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tạo được nhiều công trình văn hóa - nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật*, tương xứng với sự nghiệp cách mạng của dân tộc và thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Các giải pháp chủ yếu

a) Giải pháp *hàng đầu* là nâng cao năng lực và hiệu quả chỉ đạo của tổ chức đảng các cấp đối với văn hóa. Chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa từ địa phương đến Trung ương; các cơ quan nhà nước thể chế hóa các chủ trương, chính sách về văn hóa. Có kế hoạch chăm sóc, bồi dưỡng tài năng văn hóa; tôn trọng tự do sáng tác,

xây dựng quan hệ chân thành, cởi mở đối với đội ngũ những người hoạt động văn hóa, chăm lo định hướng chính trị và đề cao trách nhiệm công dân nhằm phát huy tài năng sáng tạo của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người làm công tác báo chí, xuất bản, những hạt nhân văn hóa cơ sở.

b) Phát huy tính năng động của hệ thống chính trị, trước hết là Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, báo chí, xuất bản tạo nên *sức mạnh tổng hợp* của toàn xã hội; động viên nhân dân và đội ngũ trí thức thực hiện các nhiệm vụ văn hóa, nâng cao chất lượng, sáng tạo, bảo quản, lưu giữ, truyền bá và tiếp nhận văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định đáp ứng yêu cầu xã hội hóa hoạt động văn hóa nhằm động viên, huy động sức người, sức của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia xây dựng và phát triển văn hóa.

Có kế hoạch triển khai *chương trình giáo dục văn hóa, thẩm mỹ, nâng cao chất lượng giáo dục khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục đạo đức, lối sống* trong nhà trường từ phổ thông đến đại học. Phát huy vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa tham gia giúp đỡ nhà trường thực hiện nhiệm vụ này.

c) Đẩy mạnh giáo dục về chủ nghĩa xã hội, bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tạo chuyển biến rõ rệt về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực trí tuệ người Việt Nam theo *5 đức tính* đã được Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII xác định.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh theo 10 nội dung cơ bản do Đại hội IX

của Đảng đề ra, đẩy mạnh phong trào "Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại", đẩy lùi tiêu cực, lạc hậu, khẳng định giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

d) Tăng đầu tư cho văn hóa; tiếp tục đảm bảo kinh phí cho các chương trình mục tiêu phát triển văn hóa. Phát triển các doanh nghiệp văn hóa đủ khả năng đứng vững trong cơ chế thị trường, đạt được hiệu quả văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ. Động viên các tầng lớp nhân dân, nhất là những người say mê hoạt động văn hóa, cả trong và ngoài nước, đầu tư và đóng góp cho hoạt động văn hóa, vì sự phồn vinh của văn hóa dân tộc.

III- VỀ ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X

Để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng dự kiến họp vào đầu quý II năm 2006, Hội nghị đã quyết định thành lập các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội của Trung ương.

*

* *

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương biểu thị quyết tâm và trách nhiệm cao trước toàn Đảng, toàn dân trong nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt các kết luận và nghị quyết của Hội nghị, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động nhằm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, củng cố nền tảng và tăng cường động lực cho sự nghiệp xây dựng và chỉnh đốn Đảng,

phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền Tổ quốc, đưa nước ta tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa Việt Nam, đoàn kết nhất trí, vượt qua khó khăn thách thức, tranh thủ thời cơ thuận lợi thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, tạo đà tin tưởng, phấn khởi tiến tới Đại hội Đảng lần thứ X, mở ra thời kỳ mới trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước mắt quyết tâm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2004 và năm 2005.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 145-TB/TW, ngày 9 tháng 7 năm 2004

Về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 45-CT/TW đối với Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2010

Tại phiên họp ngày 16-3-2004, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam báo cáo và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

Ngày 11-11-1998, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị số 45-CT/TW về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (Liên hiệp Hội).

Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Liên hiệp Hội đã có bước phát triển mới về tổ chức; các hoạt động chính trị - xã hội, tư vấn, phản biện và giám định xã hội ngày càng rõ nét; các công tác phổ biến kiến thức khoa học và kỹ thuật góp phần đẩy mạnh công tác xã hội hóa khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, xóa đói giảm nghèo, phòng chống các tệ nạn xã hội đạt nhiều kết

quả. Vai trò, vị trí và uy tín của Liên hiệp Hội trong xã hội ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, hoạt động của Liên hiệp Hội vừa qua còn một số hạn chế là chưa tập hợp được đông đảo trí thức khoa học và công nghệ, chưa thu hút được nhiều sự tham gia của trí thức trẻ, trí thức trong các doanh nghiệp và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài đối với các hoạt động của Liên hiệp Hội. Liên hiệp Hội chưa làm tốt vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học - kỹ thuật. Hoạt động của các Liên hiệp Hội địa phương còn nhiều lúng túng, cơ chế, chính sách và cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo cho sự hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu.

Nguyên nhân của những khuyết điểm trên là do nhiều cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chưa quan tâm chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp Hội các cấp. Nhà nước cũng còn thiếu các cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho Liên hiệp Hội tập hợp trí thức thuộc mọi thành phần kinh tế và xã hội, trong đó có trí thức Việt kiều. Hoạt động của Liên hiệp Hội còn thiếu năng động, chưa thực sự đổi mới, chủ động và còn lúng túng về phương thức tập hợp, tổ chức, vận động giới trí thức, khoa học và công nghệ. Một số Liên hiệp Hội địa phương còn nặng tư tưởng chờ đợi sự bao cấp của Nhà nước.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò và vị trí của Liên hiệp Hội ngày càng quan trọng. Vì vậy cần tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 45-CT/TW

của Bộ Chính trị (khóa VIII) xây dựng Liên hiệp Hội thành một tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từ nay đến năm 2010 tập trung vào những nhiệm vụ lớn sau đây:

1. Tập hợp, đoàn kết rộng rãi đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế, mọi ngành, mọi lĩnh vực và trí thức khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, nâng cao lòng yêu nước và tự hào dân tộc, tinh thần cộng tác và cộng đồng, tính trung thực trong khoa học và đạo đức nghề nghiệp của trí thức; chủ động đề xuất tham mưu cho Đảng và Nhà nước những vấn đề quan trọng về đường lối, chính sách, chủ trương xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là trên những vấn đề trực tiếp liên quan đến khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, chính sách đối với trí thức.

2. Tổng kết hoạt động, rút ra những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó xác định đúng những phương hướng nhiệm vụ trọng tâm; đẩy mạnh các hoạt động phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ cho nhân dân, nhất là đối với nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, các nghị quyết và kết luận của Trung ương khóa IX có liên quan đến giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; tổ chức phối hợp tốt hơn nữa lực lượng trí thức khoa học và công nghệ để tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với những dự án lớn, có tính liên ngành, liên vùng.

3. Củng cố tổ chức đã có, phát triển vững chắc các hội thành viên mới; tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Liên hiệp Hội và các hội thành viên trên cơ sở phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực nội sinh của đội ngũ trí thức tham gia Hội; cùng với các cơ quan có liên quan nghiên cứu sớm xây dựng các hình thức thích hợp thu hút trí thức khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài, trí thức nước ngoài đóng góp cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của nước ta.

4. Các cấp ủy đảng cần quán triệt vai trò, vị trí của Liên hiệp Hội và tăng cường chỉ đạo thường xuyên đối với hoạt động của Liên hiệp Hội.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc quy định rõ những loại dự án phát triển bắt buộc phải có tư vấn, phản biện xã hội hoặc giám sát độc lập của các tổ chức khoa học và công nghệ, trong đó có Liên hiệp Hội; tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện về cán bộ, kinh phí, phương tiện làm việc để Liên hiệp Hội ở Trung ương và địa phương hoạt động đạt hiệu quả; ban hành cơ chế, chính sách cần thiết để tạo thuận lợi cho Liên hiệp Hội phát triển tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động của Liên hiệp Hội, tham gia có hiệu quả vào các nhiệm vụ đào tạo, phổ biến kiến thức, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, bảo vệ môi trường, xã hội hóa giáo dục và đào tạo, phát triển cộng đồng, xoá đói giảm nghèo, thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội, thực hiện một số dịch vụ công để tạo thêm kinh phí, dần dần tiến tới tự chủ về tài chính.

6. Ban Khoa giáo Trung ương, Đảng đoàn Liên hiệp Hội có trách nhiệm lãnh đạo tổ chức thành công Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ V Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam và chỉ đạo các mặt hoạt động của Liên hiệp Hội đúng theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ban Khoa giáo Trung ương giúp Ban Bí thư hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện kết luận này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 103-QĐ/TW, ngày 15 tháng 7 năm 2004
Bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về công tác tư pháp;
- Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Đồng chí Phạm Hưng, nguyên Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam thôi tham gia Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

2. Bổ sung đồng chí Phạm Quốc Anh, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam làm thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ IX

Số 146-TB/TW, ngày 15 tháng 7 năm 2004

Về thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội X của Đảng

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã quyết định thành lập bốn Tiểu ban của Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, gồm:

I- TIỂU BAN VĂN KIỆN

1. Nhiệm vụ

- Chuẩn bị Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chuẩn bị Báo cáo về bổ sung, phát triển một số nội dung trong Cương lĩnh 1991.

2. Thành phần

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Tiểu ban.

2- Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước.

3- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ.

4- Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

5- Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư.

6- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

7- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

8- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

9- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an.

10- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

11- Đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

12- Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội.

13- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

14- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

15- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương.

16- Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

17- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

18- Đồng chí Nguyễn Văn Yểu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

19- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

20- Đồng chí Nguyễn Văn Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.

21- Đồng chí Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

22- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

23- Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân dân.

24- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

25- Đồng chí Hoàng Bình Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

26- Đồng chí Ksor Phước, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

27- Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai.

28- Đồng chí Hà Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh.

29- Đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.

II- TIỂU BAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nhiệm vụ

- Chuẩn bị Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

- Rà soát chiến lược kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và nếu có vấn đề gì cần bổ sung, điều chỉnh sẽ đưa vào Báo cáo kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

2. Thành phần

1- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Tiểu ban.

2- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

3- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

4- Đồng chí Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội.

5- Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

6- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

7- Đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội.

8- Đồng chí Nguyễn Đức Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội.

9- Đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương.

10- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư.

11- Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

12- Đồng chí Lê Đức Thúy, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13- Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

14- Đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

15- Đồng chí Đào Đình Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

16- Đồng chí Trương Đình Tuyển, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thương mại.

17- Đồng chí Nguyễn Thị Hằng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

18- Đồng chí Mai Ái Trực, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường.

19- Đồng chí Đỗ Trung Tá, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Bưu chính - Viễn thông.

20- Đồng chí Phạm Quang Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

21- Đồng chí Nguyễn Minh Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

22- Đồng chí Trần Thị Trung Chiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế.

23- Đồng chí Hoàng Văn Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

24- Đồng chí Đặng Vũ Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học - Công nghệ Việt Nam.

25- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

26- Đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

27- Đồng chí Nguyễn Dy Niên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

28- Đồng chí Phùng Quang Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

29- Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an.

30- Đồng chí Hoàng Văn Nghiên, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội.

31- Đồng chí Bùi Sĩ Tiếu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình.

32- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương.

33- Đồng chí Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai.

34- Đồng chí Hồ Nghĩa Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

35- Đồng chí Lê Thanh Tâm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Long An.

III- TIỂU BAN XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Nhiệm vụ

Chuẩn bị Báo cáo xây dựng Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

2. Thành phần

1- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng Tiểu ban.

2- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

3- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

4- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

5- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

6- Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

7- Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

8- Đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

9- Đồng chí Cù Thị Hậu, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

10- Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

11- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương.

12- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

13- Đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

14- Đồng chí Vũ Quốc Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

15- Đồng chí Đỗ Quang Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

16- Đồng chí Lê Thế Tiệm, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an.

17- Đồng chí Trịnh Long Biên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên.

18- Đồng chí Nguyễn Ánh Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận.

19- Đồng chí Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An.

20- Đồng chí Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh.

IV- TIỂU BAN NHÂN SỰ

1. Nhiệm vụ

- Chuẩn bị Chỉ thị của Bộ Chính trị về việc tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc.

- Xây dựng phương hướng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X trình Ban Chấp hành Trung ương thông qua.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai việc giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

2. Thành phần

1- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Tiểu ban.

2- Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước.

3- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ.

4- Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.

5- Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư.

6- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

7- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

8- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

9- Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an.

10- Đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

11- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

12- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

*

* *

Bộ Chính trị thông báo quyết định trên đây của Ban Chấp hành Trung ương để các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương biết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 149-TB/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2004
Về đặc xá năm 2004 - 2005

Ngày 21-7-2004, Ban Bí thư đã nghe đại diện lãnh đạo Bộ Công an và lãnh đạo các bộ, ban, ngành có liên quan báo cáo về đặc xá năm 2004 - 2005 (Báo cáo số 1128/CV-BCA, ngày 7-7-2004 của Bộ Công an) và đã có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Bộ Công an và các bộ, ban, ngành liên quan về chủ trương đặc xá năm 2004 - 2005. Đây là đợt xét đặc xá vào dịp Đảng và Nhà nước ta kỷ niệm các ngày lễ lớn, vì vậy có ý nghĩa hết sức quan trọng. Cần làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, kể cả tuyên truyền đối ngoại để dư luận trong và ngoài nước thấy rõ bản chất tốt đẹp của chế độ ta, chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với những người đã phạm tội; khuyến khích được số phạm nhân đang chấp hành án phấn đấu, cải tạo tiến bộ để sớm được trở về với gia đình, cộng đồng.

2. Việc xét đặc xá phải đảm bảo đúng đối tượng và điều kiện, tiêu chuẩn, đúng quy trình đã quy định; tuyệt đối tránh vì số lượng mà châm chước tiêu chuẩn. Tuy nhiên, cũng không

vì số lượng mà hạn chế xét đặc xá đối với những phạm nhân đã đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá. Cần rút kinh nghiệm các lần đặc xá trước để lần đặc xá này đạt kết quả cao hơn.

Về đối tượng cụ thể cần lưu ý:

- Đối với số đối tượng được đề nghị đặc xá, phải xem xét đặc xá trước số phạm nhân đã thực sự cải tạo tiến bộ, lập được công trong thời hạn chấp hành hình phạt tù hoặc đang mắc các bệnh hiểm nghèo, quá già yếu; quan tâm xem xét đặc xá cả phạm nhân là người nước ngoài có đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc xá.

- Về thời gian đã chấp hành hình phạt tù, cần có sự phân biệt rõ giữa phạm nhân có án tù chung thân do tòa tuyên án với số phạm nhân có án tử hình nhưng được xem xét ân giảm xuống chung thân; giữa phạm nhân có án tù có thời hạn với phạm nhân có án tù chung thân.

- Đối với số đối tượng không đề nghị đặc xá (như báo cáo của Bộ Công an) cũng cần được cân nhắc kỹ càng, nhất là đối với số phạm nhân có 3 tiền án trở lên và số đã được hưởng đặc xá. Với số phạm nhân này, phải phân tích thật cụ thể về tính chất và mức độ phạm tội của từng phạm nhân để đảm bảo việc xem xét thật sự công minh.

3. Ngay sau khi đặc xá phạm nhân, cần thông báo kịp thời, đầy đủ cho chính quyền và công an các địa phương nơi có phạm nhân được đặc xá về cư trú. Cấp ủy, chính quyền địa phương phải chú ý làm tốt việc tiếp nhận người được đặc xá; phát huy trách nhiệm của các đoàn thể, cộng đồng và gia đình để quản lý, giáo dục và tạo điều kiện giải quyết việc làm cho họ, giúp họ sớm ổn định đời sống, hòa nhập cộng đồng.

4. Hội đồng tư vấn đặc xá Trung ương cần cụ thể hóa thật chi tiết đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn đặc xá để việc xét đặc xá được đúng đối tượng, tránh sai sót; đồng thời, phải tổ chức kiểm tra thật chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện, phát hiện, ngăn ngừa kịp thời và xử lý nghiêm minh mọi hành vi sai phạm, tiêu cực, đảm bảo việc đặc xá đạt yêu cầu và hiệu quả cao nhất.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG

NGÔ VĂN DỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 104-QĐ/TW, ngày 26 tháng 7 năm 2004
Về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng

- Căn cứ quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội X của Đảng;

- Căn cứ đề nghị của Tiểu ban Văn kiện,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng, gồm các đồng chí sau đây:

1- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổ trưởng;

2- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam;

3- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương;

4- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương;

5- Đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Báo Nhân dân;

6- Đồng chí Hồng Hà, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương;

7- Đồng chí Hà Đăng, Trợ lý Tổng Bí thư;

8- Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương;

9- Đồng chí Nghiêm Đình Vỳ, Phó trưởng Ban Khoa giáo Trung ương;

10- Đồng chí Nguyễn Huy Quang, Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương;

11- Đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

12- Đồng chí Trịnh Xuân Giới, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương;

13- Đồng chí Trần Quốc Toản, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

14- Đồng chí Nguyễn Văn Bích, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước;

15- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

16- Đồng chí Nguyễn Túc, nguyên Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

17- Đồng chí Ngô Doãn Vịnh, Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

18- Đồng chí Đinh Xuân Dũng, Vụ trưởng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;

19- Đồng chí Phạm Ngọc Quang, Thư ký chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương;

20- Một đồng chí do Đảng ủy Quân sự Trung ương cử;

21- Một đồng chí do Đảng ủy Công an Trung ương cử;

22- Đồng chí Bùi Văn Thạch, Phó Vụ trưởng, Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X có nhiệm vụ:

- Biên tập Báo cáo chính trị trình Đại hội.

- Biên tập Báo cáo bổ sung, phát triển Cương lĩnh trình Đại hội.

- Biên tập Báo cáo về các văn kiện trình Đại hội X (do đồng chí Tổng Bí thư đọc tại Đại hội).

- Biên tập các tài liệu khác có liên quan hoặc thực hiện một số nhiệm vụ khi được phân công.

- Sau khi Đại hội kết thúc, giúp Tiểu ban và Bộ Chính trị hoàn chỉnh các văn kiện Đại hội để công bố.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan liên quan có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện làm việc và hoạt động của Tổ Biên tập.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 150-TB/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2004

Về việc mở lớp nghiên cứu cho cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp

Xem xét Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương về việc mở lớp bồi dưỡng kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp (số 348-TTr/TCTW, ngày 21-6-2004), Bộ Chính trị đã kết luận:

Đồng ý trước mắt giao Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh mở một lớp cho cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp để cập nhật, nghiên cứu, trao đổi về một số vấn đề đang đặt ra đối với Đảng và Nhà nước ta sau gần 20 năm đổi mới, góp phần chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Nội dung nghiên cứu, trao đổi cơ bản tán thành như Tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương, song cần cân nhắc những vấn đề nhạy cảm, nhất là những vấn đề liên quan tới công tác đối ngoại; không quá đi sâu vào những vấn đề, đối tượng cụ thể. Tài liệu sử dụng tại lớp nghiên cứu phải được quản lý chặt chẽ theo chế độ quản lý tài liệu mật của Đảng. Những ý

kiến khác nhau trong quá trình trao đổi tại lớp nghiên cứu không được phổ biến ra ngoài.

Lớp nghiên cứu có quy mô vừa phải (khoảng trên dưới 100 đồng chí). Thời gian từ một tuần đến 10 ngày. Địa điểm tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Giao Ban Tổ chức Trung ương và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương thực hiện việc này. Kết thúc lớp nghiên cứu, báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến về chủ trương tiếp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 151-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2004

Về tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Ngày 20-7-2004, sau khi nghe Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương báo cáo, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là một chủ trương lớn của Đảng. Do vậy, việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là rất cần thiết. Thời gian qua, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương đã chỉ đạo địa phương, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương tổ chức việc tổng kết nghiêm túc, công phu.

Về cơ bản, Ban Bí thư đồng ý với dự thảo Báo cáo và nhấn mạnh một số điểm sau đây:

- Cần bám sát nội dung Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, ba nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ba nghị định của Chính phủ về Quy chế thực hiện dân chủ ở ba loại

hình cơ sở để tổng kết, khẳng định những việc làm được, chỉ rõ những yếu kém. Chú ý phân tích cụ thể vì sao 100% xã, phường đã triển khai, nhưng chỉ có 38% làm tốt? 97% cơ quan hành chính nhà nước đã thực hiện, nhưng chỉ có 29% làm tốt? 88% doanh nghiệp nhà nước đã triển khai, song cũng chỉ có 32% làm tốt? Vì sao việc mở rộng Quy chế dân chủ ra các loại hình cơ sở khác còn chậm?

- Trên cơ sở đó, rút ra những tiêu chí và kinh nghiệm cụ thể làm tốt Quy chế dân chủ ở mỗi loại hình cơ sở xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp; đề ra giải pháp chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở này.

- Đề ra chủ trương, giải pháp cụ thể xúc tiến việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở khác. Làm rõ cơ chế, trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; trách nhiệm của tổ chức đảng, Nhà nước, đoàn thể tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thực hiện dân chủ; gắn Quy chế dân chủ với tăng cường dân chủ trong sinh hoạt đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

2. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết; Chính phủ có báo cáo tổng kết sâu về thực hiện Quy chế dân chủ ở ba loại hình cơ sở theo nghị định của Chính phủ và đề xuất kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chủ trương luật pháp hóa các quy định nói trên. Những vấn đề trình ra Hội nghị tổng kết cần xin ý kiến để có sự thống nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Hội nghị tổng kết thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tổ chức

tại Hà Nội; thời điểm tổ chức sau Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hội nghị sẽ biểu dương những địa phương, ngành và cơ sở làm tốt, không đặt vấn đề khen thưởng riêng cho công tác này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 152-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2004

Về dự thảo Nghị định của Chính phủ "Về xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng"

Tại phiên họp ngày 20-7-2004, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về dự thảo Nghị định "Về xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng" và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Việc Chính phủ ban hành Nghị định trên là yêu cầu cấp thiết hiện nay, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể trong việc phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn tệ quan liêu, tham nhũng; góp phần xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

2. Phạm vi của Nghị định là xác định việc xử lý kỷ luật (không bao gồm xử lý hình sự) đối với người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới

để xảy ra những hành vi tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình. Vì vậy, nên cân nhắc đổi lại tên của Nghị định cho phù hợp: "Nghị định của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình".

3. Đối tượng điều chỉnh của Nghị định cần được quy định đầy đủ và chính xác hơn, bao gồm những người được bầu cử, được giao hoặc được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý từ cấp trưởng phòng và tương đương trở lên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối (50% trở lên); các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự và người đứng đầu tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn.

4. Về việc giảm nhẹ và miễn xử lý kỷ luật (Điều 10, Điều 11), nên viết gộp lại thành một điều, quy định rõ những trường hợp được giảm nhẹ kỷ luật, những trường hợp được miễn xử lý kỷ luật, những trường hợp cần xem xét khen thưởng nhằm khuyến khích, động viên những người tích cực đấu tranh ngăn chặn, phát hiện, xử lý, khắc phục những hành vi tham nhũng; đồng thời, xử lý nghiêm minh những người có dấu hiệu vi phạm pháp luật đã thiếu trách nhiệm, dung túng, bao che, cản trở việc điều tra, xử lý tham nhũng.

5. Về xử lý trách nhiệm liên đới với cấp trên trực tiếp (Điều 12, Điều 13), nên viết gộp lại thành một điều, quy định

rõ các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định và việc các đối tượng này phải chịu các mức kỷ luật tùy theo tính chất của hành vi sai phạm.

6. Về hiệu lực thi hành của Nghị định, cần xác định rõ có hiệu lực kể từ ngày công bố, không có hiệu lực hồi tố.

7. Đây là một chủ trương quan trọng, do vậy cần có chỉ thị của Ban Bí thư để chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm túc thực hiện Nghị định của Chính phủ.

8. Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp thu các ý kiến trên đây của Ban Bí thư và xin thêm ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để bổ sung, hoàn chỉnh Nghị định và báo cáo Bộ Chính trị trước khi ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 105-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2004
Về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Kinh tế - xã hội Đại hội X của Đảng

- Căn cứ Quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội X của Đảng;

- Căn cứ đề nghị của Tiểu ban Kinh tế - xã hội,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Kinh tế - xã hội Đại hội X của Đảng, gồm các đồng chí sau đây:

1- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Tổ trưởng;

2- Đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

3- Đồng chí Trần Xuân Giá, Trưởng ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ;

4- Đồng chí Cao Đức Phát, quyền Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

5- Đồng chí Phan Quang Trung, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

6- Đồng chí Nguyễn Bích Đạt, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

7- Đồng chí Nguyễn Công Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Tài chính;

8- Đồng chí Nguyễn Quốc Huy, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

9- Đồng chí Lê Đình Tiến, Thứ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ;

10- Đồng chí Đỗ Hữu Hào, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp;

11- Đồng chí Nguyễn Văn Đặng, Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương;

12- Đồng chí Nguyễn Sỹ Dũng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;

13- Đồng chí Nguyễn Mại, thành viên Tổ Nghiên cứu kinh tế đối ngoại của Thủ tướng Chính phủ;

14- Đồng chí Đặng Đức Đạm, Phó trưởng Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ;

15- Đồng chí Lưu Bích Hồ, chuyên gia tư vấn Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ;

16- Đồng chí Cao Viết Sinh, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

17- Đồng chí Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

18- Đồng chí Ngô Doãn Vịnh, Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

19- Đồng chí Lê Xuân Nghĩa, Vụ trưởng Vụ Chiến lược phát triển ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chuyên gia tư vấn Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ;

20- Đồng chí Bùi Hà, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

21- Đồng chí Nguyễn Văn Thơ, Phó Giám đốc Học viện Quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao;

22- Đồng chí Nguyễn Bửu Quyền, chuyên viên cao cấp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

23- Đồng chí Nguyễn Quang Thái, chuyên viên cao cấp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

24- Một đồng chí do Đảng ủy Quân sự Trung ương cử;

25- Một đồng chí do Đảng ủy Công an Trung ương cử.

2. Tổ Biên tập của Tiểu ban Kinh tế - xã hội Đại hội X của Đảng có nhiệm vụ:

- Biên tập báo cáo kinh tế - xã hội trình Đại hội.

- Biên tập các tài liệu khác có liên quan hoặc thực hiện một số nhiệm vụ khi được phân công.

- Phối hợp với các tổ biên tập của các Tiểu ban chuẩn bị văn kiện của Đại hội X trong việc hình thành các hệ thống văn kiện trình Đại hội.

- Sau khi Đại hội kết thúc, giúp Tiểu ban và Bộ Chính trị hoàn chỉnh Báo cáo kinh tế - xã hội để công bố.

3. Văn phòng Chính phủ, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện làm việc và hoạt động của Tổ Biên tập.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 106-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2004

Về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng Đại hội X của Đảng

- Căn cứ quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội X của Đảng;

- Căn cứ đề nghị của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, gồm các đồng chí sau đây:

1- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, Tổ trưởng Tổ Biên tập;

2- Đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Tổ phó Tổ Biên tập;

3- Đồng chí Nguyễn Đông Sương, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

4- Đồng chí Nguyễn Viết Thông, Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;

5- Đồng chí Nguyễn Hữu Lục, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước;

6- Đồng chí Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản;

7- Đồng chí Hoàng Kim Sơn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

8- Đồng chí Lê Văn Giảng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

9- Đồng chí Bùi Đức Lại, Chuyên gia cao cấp, Ban Tổ chức Trung ương;

10- Đồng chí Nguyễn Duy Hùng, Chánh Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương;

11- Đồng chí Phan Báu, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương;

12- Đồng chí Lê Minh Thông, Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức, Ban Tổ chức Trung ương;

13- Đồng chí Chu Văn Thành, Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học tổ chức Nhà nước, Bộ Nội vụ;

14- Đồng chí Nguyễn Văn Kim, Vụ trưởng Vụ Cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương;

15- Đồng chí Nguyễn Huy Phi, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương;

16- Đồng chí Trần Sỹ Mỹ, Vụ trưởng Vụ Đảng viên, Ban Tổ chức Trung ương;

17- Đồng chí Thuận Hữu, Trưởng ban Xây dựng Đảng, Báo Nhân dân;

18- Đồng chí Nguyễn Ngọc Lâm, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Ban Tổ chức Trung ương;

19- Đồng chí Nguyễn Đức Hà, Vụ trưởng Vụ Cơ sở đảng, Ban Tổ chức Trung ương;

20- Đồng chí Hoàng Việt Phương, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Điều lệ, Ban Tổ chức Trung ương;

21- Đồng chí Nhâm Văn Duy, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Dân vận Trung ương;

22- Đồng chí Hà Xuân Đào, Phó Cục trưởng Cục X16, Tổng cục Xây dựng lực lượng, Bộ Công an;

23- Đồng chí Nguyễn Văn Lâm, Phó Cục trưởng Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng.

2. Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng có nhiệm vụ:

- Biên tập báo cáo xây dựng Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội.

- Biên tập các tài liệu khác có liên quan hoặc thực hiện một số nhiệm vụ khi được phân công.

- Sau khi Đại hội kết thúc, giúp Tiểu ban và Bộ Chính trị hoàn chỉnh các văn kiện Đại hội để công bố.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện làm việc và hoạt động của Tổ Biên tập.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 39-NQ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 2004

Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ gồm các tỉnh, thành phố ven biển từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng đối với cả nước. Là vùng có tiềm năng lớn về nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản, nghề muối, cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, phát triển rừng; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện, vật liệu xây dựng; nhiều lợi thế trong trung chuyển hàng hóa, dịch vụ cho các nước tiểu vùng sông Mê Kông và quốc tế bằng đường sắt, đường hàng không, đường bộ, đường biển; nhiều tiềm năng lớn về du lịch; nhiều di tích lịch sử và văn hoá quan trọng; nhân dân có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, lao động cần cù, sáng tạo, hiếu học; có nền văn hóa phong phú, đa dạng do nhiều dân tộc cùng sinh sống trong vùng tạo ra.

Thời gian qua, cùng với sự nỗ lực của các địa phương và được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, kinh tế trong vùng có sự tăng trưởng khá; bước đầu hình thành vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, khu kinh tế mở, một số khu công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế cửa khẩu và vùng sản xuất hàng hóa nông sản, thủy sản gắn với công nghiệp chế biến. Lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin được củng cố và phát triển; đời sống của nhân dân được cải thiện; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và phát triển, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém:

- Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chủ yếu vẫn là nông nghiệp, lại thường xuyên bị thiên tai; thế mạnh kinh tế biển chưa được phát huy; công nghiệp phát triển chưa bền vững; tiềm năng du lịch và dịch vụ chưa được khai thác tốt.

- Lao động chủ yếu là nông nghiệp, thu nhập của dân cư thấp hơn bình quân cả nước; đời sống nhân dân, nhất là ở vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và bãi ngang, hải đảo còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ đói nghèo vẫn ở mức cao so với cả nước. Việc phòng ngừa và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra chưa đạt hiệu quả cao.

Nguyên nhân của những khó khăn, yếu kém trên chủ yếu là do kinh tế của nhiều địa phương trong vùng có

điểm xuất phát thấp, hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề, lại thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai; công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều bất cập, chưa phát huy tối đa lợi thế của từng địa phương để tạo được sự liên kết vùng; thiếu một hệ thống chính sách đồng bộ, đủ mạnh, một cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong vùng để vừa phát huy tốt nguồn lực tại chỗ, vừa thu hút các nguồn lực bên ngoài vào đầu tư phát triển; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế, một số dự án lớn có tính đột phá triển khai quá chậm và để kéo dài; vai trò vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chưa thể hiện rõ nét; nguồn nhân lực bị thu hút sang các vùng khác khá lớn.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI TRUNG BỘ ĐẾN NĂM 2010

1. Quan điểm

- Tập trung các nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và cả vùng, đưa kinh tế - xã hội phát triển với tốc độ nhanh hơn so với bình quân cả nước, nhằm tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các vùng. Khai thác có hiệu quả toàn diện, tổng hợp các vùng: ven biển, đồng bằng, trung du và miền núi phía Tây trong thế liên kết và hợp tác phát triển với Tây Nguyên, với các vùng kinh tế động lực của cả nước; chủ động hội nhập, đẩy mạnh mở rộng giao lưu kinh tế với các nước tiểu vùng sông Mê Kông, các nước

trong khu vực và quốc tế; tạo chuyển biến căn bản trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước, các nông, lâm trường; hỗ trợ và tạo điều kiện để phát triển có hiệu quả hơn kinh tế tập thể; phát triển mạnh kinh tế tư nhân; nâng cao sức cạnh tranh của mọi loại hình doanh nghiệp.

- Phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, đặc biệt đối với vùng kháng chiến cũ, đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện phía Tây và vùng thường xuyên bị thiên tai, vùng bãi ngang, đầm phá. Tạo bước chuyển biến cơ bản, toàn diện về chất lượng nguồn nhân lực và trình độ dân trí của dân cư trong vùng.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu

Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ sớm tiến kịp các vùng khác trong nước và trở thành một đầu cầu lớn của cả nước trong giao lưu, hợp tác kinh tế quốc tế; cải thiện căn bản đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân trong vùng; hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của thiên tai; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Nhiệm vụ cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

Phấn đấu thời kỳ từ 2001 - 2010 đạt mức tăng tổng sản phẩm bình quân hằng năm (GDP) của vùng khoảng 8 - 9%. Đến năm 2010, GDP bình quân đầu người bằng 2,2 lần so với năm 2000; tỷ trọng kinh tế các khu vực I, II, III là 28% - 38% - 34%; tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%.

- *Đối với nông, lâm, ngư nghiệp:* Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thích nghi với điều kiện khắc nghiệt của thời tiết; đẩy mạnh việc đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến, chú trọng các cây công nghiệp ngắn ngày (mía, lạc, thuốc lá, bông vải) và cây công nghiệp dài ngày (điều, dừa, cà phê, chè, cao su, ca cao, hồ tiêu), cây ăn quả, khai thác có hiệu quả vùng đất phía Tây. Phát triển chăn nuôi bò thịt, bò sữa, lợn, cừu, hươu, dê... với quy mô thích hợp.

Tập trung khoanh nuôi, bảo vệ và tái sinh rừng phòng hộ, rừng đặc dụng ở khu vực đầu nguồn xung yếu của các sông lớn, các hồ chứa nước để giảm lũ, giữ nước, bảo đảm an toàn cho các công trình thủy điện và công trình thủy lợi; đẩy mạnh trồng rừng ven biển chắn cát và ngăn mặn; hạn chế thấp nhất việc khai thác rừng tự nhiên; nâng độ che phủ của rừng lên 44 - 45%.

Xây dựng chương trình đồng bộ phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và bảo vệ môi trường.

Phát triển thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đầu tư hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản, bảo đảm phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển nghề cá xa bờ kết hợp với bảo vệ an ninh trên biển, xây dựng cơ sở hạ tầng các cảng, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, các điểm phòng, tránh bão ở các vùng cửa sông và hải đảo, nơi tàu thuyền thường xuyên ra vào, qua lại. Phấn đấu đến năm 2010 kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 20% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Xây dựng mới và mở rộng một số đồng muối công nghiệp ở những nơi có thế mạnh, đáp ứng nhu cầu muối cho tiêu dùng, cho sản xuất công nghiệp và xuất khẩu. Xây dựng tổ hợp công nghiệp muối ở Ninh Thuận gắn với công nghiệp sản xuất hóa chất.

- *Đối với công nghiệp:* Tập trung xây dựng phát triển các ngành, sản phẩm lợi thế như chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt - may, giầy - da, thủy điện, khai khoáng, công nghiệp luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng, đóng và sửa chữa tàu thuyền, điện tử - tin học... Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư lớn như Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nghi Sơn, Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của từng tỉnh, chuẩn bị điều kiện để triển khai dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê gắn với xây dựng Khu liên hợp luyện kim tại Vũng Áng (Hà Tĩnh); khuyến khích phát triển làng nghề, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

- *Đối với dịch vụ, thương mại:* Khai thác tối đa thế mạnh về du lịch, bao gồm du lịch biển, du lịch núi, du lịch lịch sử,

văn hóa và các loại hình du lịch khác. Phát triển các khu, tuyến du lịch tổng hợp như: Sầm Sơn - Lam Sơn; Kim Liên - Cửa Lò; Phong Nha - Kẻ Bàng; Vịnh Mốc - Hiền Lương - Khe Sanh (Quảng Trị); Huế - Cảnh Dương - Hải Vân - Non Nước; Hội An - Mỹ Sơn; Văn Phong - Đại Lãnh; Nha Trang; Hàm Tân - Mũi Né; hệ thống tháp Chàm từ Quảng Nam đến Bình Thuận và các khu du lịch chuyên đề khác... Phát triển dịch vụ hàng không, vận tải biển, viễn thông quốc tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu và các thành phố của vùng. Xây dựng các trung tâm thương mại ở Vinh, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết và khu thương mại ở một số cửa khẩu trên đất liền. Phát triển các dịch vụ cho nghề cá và phục vụ du lịch tại các huyện đảo trong vùng, phát triển hệ thống chợ nông thôn.

b) Đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống đô thị

Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy những ngành có lợi thế phát triển, đề phòng, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai. Tiếp tục phát triển đồng bộ mạng lưới giao thông với các trục huyết mạch là quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường Đông Trường Sơn, đường ven biển, đường sắt trong vùng theo hướng bảo đảm giao thông bình thường trong mùa mưa lũ, giao thông thuận lợi giữa các tỉnh trong vùng và giao lưu hợp tác với các tỉnh Tây Nguyên, với các nước bạn Lào, Campuchia và Đông Bắc Thái Lan. Nghiên cứu, triển khai xây dựng các tuyến đường cao tốc Thanh Hoá - Nghệ An, Đông Hà - Quảng Trị, Quảng Trị - Huế - Đà Nẵng, Đà Nẵng -

Quảng Ngãi, Hà Lam - Khâm Đức; xây dựng các tuyến đường nối liền giữa các huyện với các đường trục dọc chính; lập quy hoạch chuẩn bị xây dựng tuyến đường ống dẫn nhiên liệu và tuyến đường sắt đi Tây Nguyên. Đầu tư phát triển hệ thống cơ sở dịch vụ dầu khí tại Bình Thuận.

Khai thác có hiệu quả và tiếp tục đầu tư nâng cấp khi có nhu cầu, bảo đảm an toàn và hoạt động thường xuyên của các sân bay: Vinh, Đồng Hới, Phú Bài, Đà Nẵng, Phù Cát, Cam Ranh. Đầu tư và liên kết, hợp tác với nước ngoài để xây dựng sân bay Chu Lai thành sân bay trung chuyển hàng hóa quốc tế. Xây dựng mới nhà ga hành khách quốc tế và kéo dài đường băng sân bay Đà Nẵng.

Rà soát quy hoạch hệ thống cảng biển trong vùng; tập trung đầu tư, kết hợp với các nguồn vốn kể cả liên kết, hợp tác với nước ngoài để xây dựng cảng biển trung chuyển quốc tế Văn Phong. Khai thác có hiệu quả các cảng thương mại tổng hợp chính: Nghi Sơn, Cửa Lò, Vũng Áng, Chân Mây, Tiên Sa, Quy Nhơn; các cảng Dung Quất, Kỳ Hà phục vụ cho các khu kinh tế Dung Quất, Chu Lai và các cảng chuyên dùng khác.

Phát triển thủy lợi bảo đảm phòng chống lũ, cấp nước và bảo vệ môi trường. Hoàn thành các công trình thủy lợi như: hồ Cửa Đạt (Thanh Hóa); hồ Bến Đá (Quảng Trị); hồ Tả Trạch (Thừa Thiên - Huế); Phú Ninh (Quảng Nam); Nước Trong (Quảng Ngãi); Định Bình (Bình Định); Cam Ranh Thượng (Khánh Hòa); hồ Sông Sắt, hồ Sông Trâu (Ninh Thuận); dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết (Bình Thuận) và một số công trình khác. Tiếp tục đầu tư các công trình thủy

điện phía thượng nguồn các sông lớn để tạo thêm nguồn điện, giữ nước, hạn chế lũ lụt, như: Thủy điện Bản Lả, Khe Bố (Nghệ An); Rào Quán (Quảng Trị); Sông Tranh 2, A Vương (Quảng Nam); sông Ba Hạ (Phú Yên)...

Đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới thông tin của vùng theo hướng hiện đại, bảo đảm thông tin thông suốt trong mọi tình huống; thực hiện phổ cập các dịch vụ bưu chính, viễn thông với chất lượng ngày càng cao, phát triển Internet, bưu chính, viễn thông nông thôn; chú trọng đầu tư các dịch vụ thông tin hiện đại phục vụ các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và các đô thị.

Phát triển mạng lưới đô thị của vùng theo tuyến quốc lộ 1A, đường ven biển và đường Hồ Chí Minh gồm các thành phố: Thanh Hóa, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết và các thị xã, thị trấn. Đến năm 2010, hình thành bước đầu các đô thị mới: Nghi Sơn, Lam Sơn (Thanh Hóa), Hoàng Mai, Nghĩa Đàn (Nghệ An), Vũng Áng (Hà Tĩnh), Lao Bảo (Quảng Trị), Chân Mây (Thừa Thiên Huế), Điện Ngọc - Điện Nam (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi), Văn Phong (Khánh Hòa) và một số thị trấn mới theo tuyến đường Hồ Chí Minh. Tăng cường liên kết giữa các đô thị trong vùng và các thành phố khác trong cả nước, nhất là với Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Về văn hóa: Tạo bước chuyển biến căn bản, tiến bộ rõ rệt về các mặt văn hóa - xã hội của nhân dân trong vùng, nhất là ở các huyện phía tây của từng tỉnh và các xã đảo, xã bãi ngang, đầm phá ven biển. Đến năm 2010, các tỉnh

trong vùng đều có nhà bảo tàng, trung tâm văn hóa, thư viện, khu vui chơi cho trẻ em, khu triển lãm...; 100% huyện, thị xã có nhà văn hóa - thể thao, thư viện; 100% số xã có hệ thống truyền thanh; hơn 90% số dân được xem truyền hình. Thực hiện phủ sóng và nâng cao chất lượng truyền hình, phát thanh, tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng dân tộc.

Xây dựng các cơ sở sinh hoạt văn hóa và hoạt động thể dục, thể thao theo quy hoạch. Đầu tư tôn tạo các công trình tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ lớn hiện có, các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến quan trọng. Tăng cường đầu tư bảo tồn, giữ gìn và phát huy các di tích lịch sử, thiên nhiên và văn hóa được UNESCO công nhận.

- *Về xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm:* Phấn đấu đến năm 2005 không còn hộ đói và đến năm 2010, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống bằng mức bình quân cả nước; trong 10 năm giải quyết việc làm cho khoảng 2,5 - 3 triệu lao động, bình quân 25 - 30 vạn lao động/năm; đẩy mạnh xuất khẩu lao động với chất lượng và hiệu quả cao. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích để các địa phương và người nghèo tự lực vươn lên thoát khỏi đói nghèo một cách bền vững.

- *Về giáo dục:* Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Đến năm 2010, có 50% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, 100% giáo viên tiểu học đạt chuẩn, 85 - 90% trẻ em dưới 5 tuổi được đi học mẫu giáo trước khi vào lớp 1; đáp ứng đủ giáo viên các cấp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc; 100% các trường, lớp được kiên cố hóa, xóa lớp học ca 3. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường dân tộc nội trú.

Rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường trung học

chuyên nghiệp, dạy nghề trong từng tỉnh, thành phố phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển; chú trọng đào tạo có trọng điểm một số lĩnh vực công nghệ mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về học nghề và tìm việc làm. Xây dựng một số trung tâm dạy nghề kỹ thuật cao tại các khu vực Vinh, Huế - Đà Nẵng, Dung Quất và Quy Nhơn. Đến năm 2005, phần đông số huyện, thị xã có trung tâm dạy nghề; tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề và hướng nghiệp là 13 - 15% và đến 2010 là 18 - 20%.

Đầu tư theo các bước đi thích hợp và nâng cao chất lượng đào tạo để các trường đại học ở Vinh, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn trở thành cơ sở đào tạo đa ngành, trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh có uy tín trong nước và khu vực; nâng cao năng lực đào tạo đối với các trường đại học khác và các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn. Sớm triển khai thực hiện chương trình đưa Internet vào các trường học, trước hết là các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trung học phổ thông.

- *Về y tế:* Tập trung nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Đến năm 2010, phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 22 - 25%; 100% số xã có bác sĩ và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 80 - 85% số hộ trong vùng được dùng nước sạch. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao tại Huế và Đà Nẵng; xúc tiến việc xây dựng các trung tâm y tế vùng ở Vinh và Nha Trang. Tăng cường trang thiết bị kỹ thuật cho việc phòng bệnh, khám chữa bệnh từ cấp xã - phường đến tuyến tỉnh theo hướng chăm sóc y tế phổ cập ở cấp xã, huyện và từng bước chuyên sâu y tế cấp

tỉnh. Hạn chế, tiến tới loại trừ các dịch bệnh xã hội nguy hiểm. Nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ sở khám, chữa bệnh và y đức của các y, bác sĩ, nhân viên y tế.

d) Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, nhất là ở ven biển, hải đảo và vùng biên giới. Xây dựng các hải đoàn mạnh để vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh trong thế trận phòng thủ vững chắc trên biển, đảo và phát triển kinh tế biển. Xây dựng các đồn, trạm biên phòng, đường tuần tra biên giới gắn với tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ ở từng địa bàn, có chính sách khuyến khích dân cư ra vùng biên và các tuyến đảo. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh và nhu cầu phát triển kinh tế - dân sinh trên vùng biên giới đất liền và các huyện, xã đảo.

Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các khu kinh tế - quốc phòng A So - A Lưới (Thừa Thiên Huế), Kỳ Sơn (Nghệ An), Khe Sanh (Quảng Trị). Đầu tư mới cho khu kinh tế - quốc phòng Mường Lát (Thanh Hóa)...

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên địa bàn; xác định rõ cơ chế phối hợp, phạm vi quản lý của từng ngành, từng địa phương, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm. Hướng dẫn, quản lý sinh hoạt tôn giáo theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX).

Đẩy mạnh phong trào quần chúng, xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc ở từng tỉnh,

thành; phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, buôn lậu, gian lận thương mại..., bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia.

e) Xây dựng hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp: Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị các cấp trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng.

Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ tại chỗ. Có chính sách, chế độ để điều động, sử dụng có hiệu quả nguồn cán bộ của cơ quan, doanh nghiệp trung ương trên địa bàn tăng cường cho tỉnh, huyện và thu hút học sinh đã tốt nghiệp các trường đại học, trung học chuyên nghiệp về công tác ở các địa phương trong vùng.

4. Giải pháp chủ yếu

(1) Công tác quy hoạch: Tiến hành rà soát, xây dựng quy hoạch tổng thể vùng từ nay đến năm 2010 dựa trên lợi thế so sánh của vùng và mỗi địa phương theo hướng: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật liên thông mang tính chất vùng, hạ tầng xã hội theo tiểu vùng; xây dựng cơ chế điều hòa, phối hợp chung cho cả vùng, vừa phát huy tối đa lợi thế mỗi địa phương, vừa tạo sức mạnh cho cả vùng trong một không gian kinh tế thống nhất. Điều chỉnh tăng tốc độ phát triển một số ngành như lọc - hoá dầu, xi măng, thủy điện, cảng biển, du lịch... để góp phần tăng nhanh sự phát triển kinh tế chung của cả vùng.

(2) Phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các

khu vực kinh tế quan trọng khác: Tiếp tục đầu tư phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trở thành vùng kinh tế động lực thúc đẩy, lôi kéo các địa phương khác mà trước hết là các tỉnh trong vùng cùng phát triển; phát huy tối đa tác động hành lang Đông - Tây của tiểu vùng Mê Kông mở rộng, tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và vùng Đông Bắc Thái Lan để phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Hình thành một số khu vực kinh tế quan trọng khác để làm động lực phát triển cho cả vùng như: thành phố Thanh Hóa; khu Nam Thanh - Bắc Nghệ; Vinh - Bắc Hà Tĩnh gắn với đường 7, đường 8 và cửa khẩu Cầu Treo; Bắc Quảng Bình - Nam Hà Tĩnh gắn với khu công nghiệp Vũng Áng, cảng Hòn La, khu du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng với đường 12A và cửa khẩu Cha Lo; Đông Hà - Quảng Trị gắn với đường 9 và khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo; Chu Lai, Dung Quất gắn với đường 14 và khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, Đắc Ốc; khu kinh tế Nhơn Hội gắn với đường 19 và cửa khẩu Đức Cơ, Bờ Y; Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hoà gắn với khu kinh tế Vịnh Văn Phong; thành phố Nha Trang, vùng Ninh Hòa gắn với khu vực bán đảo Cam Ranh và đường 26; khu vực Nam Cam Ranh - Ninh Thuận, Bình Thuận gắn với Lâm Đồng và vùng Đông Nam Bộ.

Từ nay đến năm 2010, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các khu vực kinh tế quan trọng nói trên phải có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn bình quân của vùng.

(3) Huy động nguồn vốn để đầu tư phát triển: Tăng cường đầu tư của Nhà nước, gồm cả vốn ngân sách tập trung và vốn tín dụng, vốn ODA, đổi mới cơ cấu và sử dụng có hiệu quả vốn

đầu tư để chuyển dịch cơ cấu ngành và cơ cấu vùng; nâng mức đầu tư từ ngân sách và tín dụng lên khoảng 25 - 26% vốn đầu tư từ ngân sách tập trung của cả nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, có các cơ chế, chính sách ưu đãi, thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư phát triển ở các địa phương trong vùng.

Các huyện phía tây của vùng được áp dụng chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số như đối với Tây Nguyên.

Các địa phương trong vùng cần huy động tối đa nội lực kết hợp với ngoại lực, nâng tổng đầu tư toàn xã hội cao hơn mức bình quân cả nước: được để lại các khoản thu phí mà Nhà nước cho phép; đấu thầu quyền sử dụng đất, tạo vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, thu phí để hoàn vốn công trình đã đầu tư, hoặc được quyền khoán, cho thuê công trình; tăng cường liên doanh, liên kết và thực hiện các hình thức BOT, BT...

(4) Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Đến năm 2010, giải quyết căn bản được giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao thích nghi thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng bằng cách chọn lọc, du nhập, thuần hóa, lai tạo... Coi trọng việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong công nghiệp chế biến. Tập trung xây dựng và phát triển công nghệ phần mềm ở Đà Nẵng, Nha Trang làm tiền đề xây dựng khu công nghệ cao trong thời gian tới.

(5) Phát triển thị trường: Tập trung sản xuất, phát triển những sản phẩm có lợi thế của vùng để tiêu thụ ngoài vùng, nhất là ở hai miền Bắc, Nam và xuất khẩu. Quan tâm phát

triển thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa, chú trọng đẩy mạnh trao đổi hàng hóa với Lào và Đông Bắc Campuchia, Thái Lan. Phát triển đồng bộ các thị trường tài chính, tín dụng, bất động sản, lao động...

(6) Đẩy nhanh việc thực hiện các Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 5, Trung ương 9 (khoá IX), làm cho các thành phần kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả. Đẩy mạnh quá trình sắp xếp, cổ phần hóa, đổi mới, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước, kể cả các nông, lâm trường. Quan tâm chăm lo phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng để kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh mẽ.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ tập trung chỉ đạo xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; xây dựng các chương trình, dự án, các chính sách cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết này.

2. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010, cấp ủy, tổ chức đảng các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong vùng cụ thể

hóa thành chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện.

3. Các ban của Đảng ở Trung ương theo chức năng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 107-QĐ/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2004
Về tổ chức đảng trong Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá IX;

Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam như sau:

I- TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Nguyên tắc chung

- Đảng lãnh đạo Công an nhân dân tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Cấp ủy các cấp trong Công an nhân dân lãnh đạo trực tiếp mọi mặt công tác đối với các đơn vị thuộc quyền. Các cơ quan chuyên môn ở công an cấp nào có trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy công an cấp đó lãnh đạo về lĩnh vực công tác chuyên môn được phân công.
- Tổ chức đảng trong Công an nhân dân hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức đảng trong Công an nhân dân không có hệ thống dọc từ Trung ương đến các đơn vị cơ sở của công an nhân dân địa phương. Tổ chức đảng ở công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy địa phương cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy công an cấp trên về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân và xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

2. Hệ thống tổ chức ở Đảng bộ Công an Trung ương

2.1- Đảng bộ Công an Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm các tổ chức đảng ở các tổng cục, bộ tư lệnh và các cục, vụ, viện, học viện, trường Công an nhân dân... thuộc cơ quan Bộ Công an.

Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định, có từ 15 - 17 ủy viên, gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân, một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân và một số đảng viên công tác trong Đảng bộ Công an Trung ương. Ban Thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

Đảng ủy Công an Trung ương đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2.2- Ở các tổng cục lập đảng bộ tổng cục, bao gồm tổ chức đảng ở các cục, vụ, viện và các đơn vị trực thuộc tổng cục; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng ủy Công an Trung ương.

Đảng ủy tổng cục trực thuộc Đảng ủy Công an Trung ương là cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức đảng trực thuộc, do đại hội đảng bộ tổng cục bầu; số lượng từ 15 đến 21 ủy viên. Ban thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

2.3- Ở các cục, vụ, viện, trường, các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập, trại giam, trường giáo dưỡng, bệnh viện, nhà điều dưỡng, đơn vị doanh nghiệp của công an và một số phòng trực thuộc cục, bộ tư lệnh có đặc thù được lập tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở).

Cấp ủy cơ sở do đại hội tổ chức đảng cùng cấp bầu. Đảng ủy cơ sở có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên; những nơi có từ 9 ủy viên trở lên được lập ban thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên. Chi ủy cơ sở có từ 3 đến 5 ủy viên. Đối với chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức, chỉ bầu bí thư; nếu cần, bầu phó bí thư.

2.4- Ở các cục, bộ tư lệnh có các đơn vị cơ sở trực thuộc (Cục Quản lý trại giam, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ...), lập đảng bộ cục, bộ tư lệnh do Đảng ủy Công an Trung ương quyết định thành lập, là tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của các tổ chức cơ sở đảng ở các trung đoàn, tiểu đoàn, trại giam, trường giáo dưỡng và các phòng trực thuộc cục, bộ tư lệnh.

Đảng ủy cục, bộ tư lệnh nói trên là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu; số lượng từ 15 đến 21 ủy viên. Ban thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

2.5- Ở các đơn vị trong Công an nhân dân hoạt động có tính chất đặc biệt, lập chi bộ đặc biệt theo quy định của Trung ương; giao cho Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn thực hiện cụ thể.

3. Tổ chức đảng ở công an địa phương

3.1- Đảng bộ công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm tổ chức đảng ở các phòng, ban và các đơn vị thuộc cơ quan công an tỉnh, thành phố.

Đảng ủy công an tỉnh, thành phố là đảng ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức cơ sở đảng; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy mà thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

Đảng ủy công an tỉnh, thành phố có số lượng từ 15 đến 21 ủy viên, gồm các đồng chí công tác ở đảng bộ công an tỉnh, thành phố do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực tỉnh ủy, thành ủy do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ định tham gia ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố. Ban thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

Đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực tỉnh ủy, thành ủy tham gia ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử). Chế độ sinh hoạt thực hiện theo quy chế làm việc của đảng ủy công an tỉnh, thành phố.

3.2- Ở các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc cơ quan công an tỉnh, thành phố lập tổ chức cơ sở đảng đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của đảng ủy công an tỉnh, thành phố.

Cấp ủy cơ sở thuộc đảng bộ công an tỉnh, thành phố do đại hội cùng cấp bầu. Đảng ủy cơ sở có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên; những nơi có từ 9 ủy viên trở lên được lập ban

thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên. Chi ủy cơ sở có từ 3 đến 5 ủy viên. Đối với chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức, bầu bí thư; nếu cần, bầu phó bí thư.

3.3- Ở công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) lập tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở), đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của huyện ủy. Ở những nơi công an huyện có dưới 30 đảng viên, nếu lập đảng bộ cơ sở thì phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

- Đảng ủy công an huyện có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên, gồm các đồng chí công tác ở đảng bộ công an huyện do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực huyện ủy do ban thường vụ huyện ủy chỉ định tham gia. Ở những nơi có từ 9 ủy viên trở lên được lập ban thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên, đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực huyện ủy tham gia ban thường vụ.

Đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực huyện ủy tham gia đảng ủy công an huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử). Chế độ sinh hoạt thực hiện theo quy chế làm việc của đảng ủy công an huyện.

- Chi ủy cơ sở công an huyện có 3 đến 5 ủy viên. Chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức, bầu bí thư; nếu cần, bầu phó bí thư. Ban thường vụ huyện ủy phân công đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực huyện ủy phụ trách chi bộ công an huyện nhằm bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của huyện ủy đối với công an huyện.

3.4- Ở công an phường, thị trấn lập chi bộ công an phường, thị trấn, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của đảng ủy phường, thị trấn.

4. Tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời

Khi có yêu cầu, nhiệm vụ đột xuất cần tập trung lực lượng của nhiều đơn vị để thực hiện trong khoảng thời gian không quá một năm và đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng, thì cấp ủy cấp trên ra quyết định thành lập tổ chức đảng sinh hoạt tạm thời và chỉ định cấp ủy để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nếu quá một năm thì cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định cụ thể. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức đảng đó; giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên; nhận bàn giao hồ sơ, tài liệu, cơ sở vật chất và báo cáo lên cấp trên.

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CẤP ỦY CÔNG AN CÁC CẤP; TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG; CHI BỘ ĐẶC BIỆT VÀ CHI BỘ CÔNG AN PHƯỜNG, THỊ TRẤN

1. Đảng ủy Công an Trung ương

1.1- Chức năng

- Nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Lãnh đạo mọi mặt công tác trong Công an nhân dân.

1.2- Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất các quan điểm, đường lối, chính sách, các vấn đề chiến lược, đối sách bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và phương hướng xây dựng lực lượng Công an nhân dân để trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

- Lãnh đạo và kiểm tra Công an nhân dân quán triệt và thực hiện đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; phối hợp và hướng dẫn các cấp ủy địa phương, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng; tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; có trình độ học vấn, tinh thông về chuyên môn nghiệp vụ; mẫu mực về phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị; có năng lực chỉ huy và tác chiến tốt; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để vụ lợi, tham nhũng, nhận hối lộ, gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

- Quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trong từng thời gian của Công an nhân dân; mục tiêu, phương hướng đấu tranh với các vụ án phức tạp, quan trọng có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước; đến người nước ngoài và chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước; đến cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; đến cán bộ cao cấp của Công an nhân dân và các vụ án lớn mà ba ngành (Công an, Tòa án, Viện kiểm sát) ở Trung ương còn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở Đảng bộ Công an Trung ương; phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an địa phương cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân; quyết định phương hướng, biện pháp tăng cường công tác xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh và xây dựng các đoàn thể quần chúng trong Công an nhân dân vững mạnh về mọi mặt.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong Công an nhân dân theo đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Đảng ủy Công an Trung ương quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo nghiên cứu, xây dựng lý luận về công tác công an, lịch sử, truyền thống Công an nhân dân; công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và công tác pháp chế trong Công an nhân dân.

- Quyết định chủ trương, phương hướng, giải pháp lớn về điều hành ngân sách, kế hoạch công tác hậu cần, phát triển khoa học - kỹ thuật và xây dựng các dự án của Công an nhân dân trình cấp có thẩm quyền của Nhà nước quyết định; chủ trương chăm lo đời sống cho cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân.

- Tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương; tham gia chuẩn bị và phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đề xuất kiện toàn Đảng ủy Công an Trung ương và chỉ đạo đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

1.3- Quyền hạn

- Giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Bộ Chính trị ủy nhiệm cho Đảng ủy Công an Trung ương khi cần thiết được triệu tập bí thư tỉnh ủy, thành ủy, bí thư đảng đoàn, bí thư ban cán sự đảng các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương để truyền đạt, hướng dẫn việc thực hiện những vấn đề trên.

- Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đối với các cấp ủy trực thuộc Trung ương.

2. Đảng ủy Tổng cục

2.1- Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt công tác của tổng cục và các đơn vị thuộc quyền theo quy định phân cấp của Đảng ủy Công an Trung ương.

- Nghiên cứu, đề xuất để Đảng ủy Công an Trung ương xem xét quyết định những vấn đề về chủ trương, phương hướng, biện pháp cơ bản thuộc lĩnh vực công tác chuyên môn do tổng cục đảm nhiệm và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quyết định đó.

2.2- Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất để Đảng ủy Công an Trung ương xem xét, quyết định những chủ trương, phương hướng, biện pháp thực hiện tốt nhiệm vụ do đơn vị đảm nhiệm.

- Lãnh đạo và kiểm tra thực hiện đúng đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên trong phạm vi tổng cục; quyết định mục tiêu, chủ trương, phương hướng thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất, phức tạp có vướng mắc; những vụ án lớn, phức tạp có nhiều địa phương, lực lượng phối hợp hoặc có vướng mắc trong đấu tranh và xử lý đối tượng.

- Quyết định phương hướng, kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong tổng cục giữ vững phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng; chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để tham nhũng, nhận hối lộ, gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

- Quyết định các chủ trương, biện pháp xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng các cấp ủy và đội ngũ đảng viên thuộc tổng cục có đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo và hoạt động có hiệu quả; lãnh đạo xây dựng các đoàn thể quần chúng trong đơn vị vững mạnh.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong tổng cục theo đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước; hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện đảng ủy tổng cục quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của tổng cục theo định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm; chủ trương, kế hoạch phân bổ ngân sách, công tác hậu cần, tài chính hằng năm của tổng cục.

- Tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ tổng cục; chuẩn bị, tham gia Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương; đề xuất kiện toàn đảng ủy tổng cục và chỉ đạo đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

2.3- Quyền hạn

Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương đối với cấp ủy cấp trên của tổ chức đảng trực thuộc.

3. Đảng ủy cục, bộ tư lệnh có các đơn vị cơ sở trực thuộc

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng. Riêng công tác tổ chức, cán bộ thì thực hiện sự lãnh đạo của cấp ủy theo phân cấp.

4. Đảng ủy công an tỉnh, thành phố

4.1- Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt công tác công an ở địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất để tỉnh ủy, thành ủy quyết định về chủ trương, kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương trong lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

4.2- Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất để tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố; phối hợp và hướng dẫn các huyện ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh, thành phố thực hiện các nghị quyết, chỉ thị trên.

- Lãnh đạo và kiểm tra công an tỉnh, thành phố thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác ba tháng, sáu tháng, một năm của công an tỉnh, thành phố.

- Quyết định phương hướng, kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của công an tỉnh, thành phố trong từng thời gian phù hợp với sự chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của công an tỉnh, thành phố; chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để vụ lợi, tham nhũng, nhận hối lộ, gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

- Lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an tỉnh, thành phố; phối hợp với huyện ủy lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an huyện cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân; quyết định chủ trương, phương hướng, biện pháp tăng cường công tác xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh và xây dựng các đoàn thể quần chúng ở công an tỉnh, thành phố vững mạnh.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong công an tỉnh, thành phố theo đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng, Nhà nước và của cấp trên. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện đảng ủy công an tỉnh, thành phố quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Quyết định chủ trương sơ kết, tổng kết những chuyên đề lớn về công tác bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an tỉnh, thành

phố. Cho ý kiến về kết quả chỉ đạo đấu tranh, xử lý các vụ án lớn, phức tạp về chính trị, kinh tế, hình sự; các vụ án có liên quan đến cán bộ công an khi ban thường vụ đảng ủy đề nghị; chủ trương sơ kết, tổng kết các vụ án lớn, điển hình của địa phương để rút kinh nghiệm chung.

- Lãnh đạo công tác hậu cần, đời sống và phương hướng dự toán ngân sách, kế hoạch phân bổ ngân sách hằng năm của công an tỉnh, thành phố.

- Tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ công an tỉnh, thành phố; tham gia chuẩn bị và phục vụ đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố; đề xuất kiện toàn đảng ủy công an tỉnh, thành phố và chỉ đạo đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

4.3- Quyền hạn

- Giúp tỉnh ủy, thành ủy kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an và của tỉnh ủy, thành ủy về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố.

Khi cần thiết, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ủy nhiệm cho đảng ủy công an tỉnh, thành phố được triệu tập bí thư huyện ủy, trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh, thành phố để truyền đạt, hướng dẫn việc thực hiện những vấn đề thuộc các lĩnh vực trên.

- Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.

5. Cấp ủy công an huyện

5.1- Chức năng

- Lãnh đạo mọi mặt công tác công an ở công an huyện.

- Nghiên cứu, đề xuất để huyện ủy quyết định về kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và của đảng ủy công an cấp trên trong lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

5.2- Nhiệm vụ

- Nghiên cứu, đề xuất với huyện ủy các chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an trong phạm vi huyện; phối hợp và hướng dẫn cấp ủy xã, phường, thị trấn và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện thực hiện các nghị quyết, chỉ thị trên.

- Lãnh đạo và kiểm tra công an huyện thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và một năm của công an huyện.

- Lãnh đạo chính trị, giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ công an huyện kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa; phát huy truyền thống cách mạng, sẵn sàng hy sinh bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc; chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm;

chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, quan liêu, lãng phí, sách nhiễu nhân dân.

- Lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, chi bộ công an huyện, xây dựng đảng bộ, chi bộ công an huyện trong sạch, vững mạnh; phối hợp với cấp ủy phường, thị trấn lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng ở công an phường, thị trấn cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ của công an huyện theo đúng quan điểm, nguyên tắc, chế độ, quy chế, quy định của Đảng, Nhà nước và của cấp trên. Quyết định hoặc đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo thực hiện và thực hiện công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện cấp ủy công an huyện quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

- Tổ chức đại hội đảng ở công an huyện, tham gia chuẩn bị và phục vụ đại hội đảng bộ huyện; đề xuất kiện toàn cấp ủy công an huyện và chỉ đạo đại hội các chi bộ trực thuộc (nếu có).

5.3- Quyền hạn

- Giúp huyện ủy kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên, của cấp ủy công an cấp trên và của huyện ủy về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi huyện.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ huyện ủy ủy nhiệm cho cấp ủy công an huyện được triệu tập bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn; trưởng các ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện để truyền đạt, hướng dẫn việc thực hiện những vấn đề thuộc các lĩnh vực trên.

- Thực hiện các quyền theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với cấp ủy cơ sở.

6. Tổ chức cơ sở đảng, chi bộ đặc biệt và chi bộ công an phường, thị trấn

6.1- Tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Công an Trung ương và đảng bộ công an tỉnh, thành phố

Có chức năng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo mọi mặt công tác đối với các đơn vị thuộc quyền. Nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư phù hợp với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng trong Công an nhân dân.

6.2- Chi bộ đặc biệt

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo hướng dẫn của Đảng ủy Công an Trung ương.

6.3- Chi bộ công an phường, thị trấn

Chi bộ công an phường, thị trấn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 24, Điều lệ Đảng và các nhiệm vụ sau:

- Lãnh đạo công an phường, thị trấn thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh công tác của cấp trên; xây dựng đơn vị trong sạch, vững mạnh, đấu tranh chống các

biểu hiện tiêu cực, sách nhiễu nhân dân trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ công an phường, thị trấn.

- Nghiên cứu, đề xuất để đảng ủy phường, thị trấn quyết định về kế hoạch, biện pháp thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp ủy cấp trên và các nghị quyết của cấp ủy công an cấp trên về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; giúp đảng ủy phường, thị trấn hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai, thực hiện các kế hoạch đó trong phạm vi phường, thị trấn.

III- MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Quan hệ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

Là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở tỉnh, thành phố.

Các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi tỉnh, thành phố. Nếu có vấn đề tỉnh ủy, thành ủy chưa thống nhất với nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương thì báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Khi có tình huống đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội xảy ra tại địa phương thì tỉnh ủy,

thành ủy báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời trao đổi với Đảng ủy Công an Trung ương để có sự hướng dẫn, chỉ đạo về nghiệp vụ.

Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương trước khi quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với giám đốc và phó giám đốc công an tỉnh, thành phố thì trao đổi thống nhất với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy. Nếu không thống nhất thì Ban Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương quyết định. Trường hợp cán bộ lãnh đạo công an tỉnh, thành phố là ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố thì phải báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước khi quyết định.

Đối với đồng chí giám đốc công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bổ nhiệm trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố thì tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào yêu cầu, tiêu chuẩn cán bộ, chủ động trao đổi thống nhất với Đảng ủy Công an Trung ương để trình Ban Bí thư chỉ định bổ sung kịp thời vào tỉnh ủy, thành ủy và lãnh đạo việc bầu bổ sung đồng chí đó vào ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy theo Quy định số 14-QĐ/TW ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị về "Quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng".

Tỉnh ủy, thành ủy trước khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo công an tỉnh, thành phố tham gia cấp ủy tỉnh, thành phố; quyết định khen thưởng, kỷ luật về đảng hoặc điều chuyển sang công tác ở các ngành khác đối với đảng viên là cán bộ thuộc công an tỉnh, thành phố trong diện quản lý của Đảng ủy Công an Trung ương thì trao đổi thống nhất với Đảng ủy Công an Trung ương. Nếu không thống nhất thì tỉnh ủy,

thành ủy báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước khi quyết định.

2. Quan hệ giữa đảng ủy công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện ủy)

Là quan hệ phối hợp trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở huyện.

Huyện ủy có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng ủy công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi huyện. Nếu huyện ủy có vấn đề chưa thống nhất với nghị quyết của đảng ủy công an tỉnh, thành phố thì báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy. Khi có tình huống đột xuất, phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội xảy ra tại địa phương thì huyện ủy báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đồng thời trao đổi với đảng ủy công an tỉnh, thành phố để có sự hướng dẫn, chỉ đạo về nghiệp vụ.

Ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố trước khi quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với trưởng, phó trưởng công an huyện thì trao đổi thống nhất với ban thường vụ huyện ủy. Nếu không thống nhất thì ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp cán bộ lãnh đạo công an huyện

là ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện thì báo cáo xin ý kiến ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xem xét, quyết định (qua ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy).

Đối với đồng chí trưởng công an huyện được bổ nhiệm trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ huyện thì huyện ủy căn cứ vào yêu cầu, tiêu chuẩn cán bộ, chủ động trao đổi thống nhất với đảng ủy công an tỉnh, thành phố để trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy chỉ định bổ sung kịp thời vào huyện ủy và lãnh đạo việc bầu bổ sung đồng chí đó vào ban thường vụ huyện ủy theo Quy định số 14-QĐ/TW ngày 16-11-2001 của Bộ Chính trị về "Quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng".

Huyện ủy trước khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo công an huyện tham gia huyện ủy; quyết định khen thưởng, kỷ luật về đảng hoặc điều động sang công tác ở ngành khác đối với đảng viên là trưởng, phó trưởng công an huyện thì trao đổi thống nhất với đảng ủy công an tỉnh, thành phố. Nếu không thống nhất, thì huyện ủy báo cáo xin ý kiến ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (qua ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy) trước khi quyết định.

3. Quan hệ giữa cấp ủy công an huyện với đảng ủy xã, phường, thị trấn

Là quan hệ phối hợp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

Đảng ủy xã, phường, thị trấn có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp ủy công an huyện trên lĩnh

vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng công an trong phạm vi xã, phường, thị trấn.

Cấp ủy công an huyện trước khi đề nghị cấp trên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với trưởng, phó trưởng công an phường, thị trấn thì trao đổi thống nhất với đảng ủy phường, thị trấn. Nếu không thống nhất thì cấp ủy công an huyện quyết định theo thẩm quyền. Trường hợp cán bộ lãnh đạo công an phường, thị trấn là ủy viên thường vụ cấp ủy phường, thị trấn thì báo cáo xin ý kiến ban thường vụ huyện ủy và ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố xem xét, quyết định.

Đảng ủy xã, phường, thị trấn trước khi lựa chọn cán bộ lãnh đạo công an xã, phường, thị trấn tham gia cấp ủy xã, phường, thị trấn; quyết định khen thưởng, kỷ luật hoặc điều động sang công tác ở ngành khác đối với đảng viên là lãnh đạo công an xã, phường, thị trấn thì trao đổi thống nhất với cấp ủy công an huyện. Nếu không thống nhất thì đảng ủy xã, phường, thị trấn báo cáo xin ý kiến ban thường vụ huyện ủy (qua ban tổ chức huyện ủy) trước khi quyết định.

4. Quan hệ giữa cấp ủy công an với các ban, ngành, mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp

Cấp ủy công an có trách nhiệm hướng dẫn các ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện nghị quyết của Trung ương, của cấp ủy công an cấp trên và cấp ủy địa phương về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội theo chức năng của từng ban,

ngành, mặt trận, đoàn thể nhằm vận động và tổ chức quần chúng, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào "quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc".

Đối với các ban của Trung ương và của cấp ủy địa phương cùng cấp là quan hệ phối hợp để tham mưu cho cấp ủy cùng cấp và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng theo chức năng từng ban.

5. Quan hệ giữa cấp ủy công an cấp trên với cấp ủy công an địa phương cấp dưới

Cấp ủy công an cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương để chỉ đạo cấp ủy công an địa phương cấp dưới về công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân. Cấp ủy công an địa phương cấp dưới có trách nhiệm chấp hành nghị quyết của cấp ủy công an cấp trên về bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Cấp ủy công an địa phương cấp dưới khi gửi báo cáo tình hình, kết quả công tác theo định kỳ hoặc đột xuất lên cấp ủy địa phương cùng cấp thì đồng gửi cấp ủy công an cấp trên trực tiếp để theo dõi, hướng dẫn cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân.

6. Quan hệ giữa cấp ủy đảng và đồng chí thủ trưởng công an cùng cấp

Quan hệ giữa cấp ủy đảng và đồng chí thủ trưởng công an cùng cấp là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

Định kỳ hoặc đột xuất, thủ trưởng có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy tình hình các mặt công tác của cơ quan, đơn vị và đề xuất biện pháp thực hiện từng thời gian. Cấp ủy thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo về mục tiêu, yêu cầu, chủ trương, phương hướng và phân công trách nhiệm cho cấp ủy viên thực hiện; định chế độ kiểm tra đối với các mặt công tác của cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh để tổ chức thực hiện các nghị quyết đó và điều hành theo chức trách của thủ trưởng.

Công tác tổ chức, cán bộ ở công an mỗi cấp do tập thể cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy công an cấp đó quyết định theo thẩm quyền, thủ trưởng thể chế hóa thành văn bản nhà nước và tổ chức thực hiện.

IV- VỀ CƠ QUAN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc Đảng bộ Công an Trung ương; hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương; tham mưu, giúp Đảng ủy Công an Trung ương trong việc phối hợp với cấp ủy địa phương lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của các ban đảng ở Trung ương về công tác xây dựng Đảng.

2. Cơ quan xây dựng lực lượng ở Công an nhân dân mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác

quần chúng trong đảng bộ cấp mình; hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng công an cùng cấp, sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng Công an nhân dân cấp trên và sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ của các ban đảng của cấp ủy địa phương cùng cấp; tham mưu, giúp đảng ủy công an cùng cấp trong việc phối hợp với cấp ủy địa phương cấp dưới lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

*

* *

Căn cứ quy định này, các ban đảng ở Trung ương phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vấn đề mới thì báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

Quy định này thay thế Quy định số 38-QĐ/TW, ngày 18-5-1998 của Bộ Chính trị khoá VIII và Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 8-2-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VII và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 108-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị chiến đấu

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa IX);

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 7-5-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị chiến đấu,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị chiến đấu như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị chiến đấu là hạt nhân chính trị, lãnh đạo các mặt công tác, mọi hoạt động của đơn vị; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; hoàn thành

tốt nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, chiến sĩ nắm vững nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của đơn vị.

2- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, bảo đảm huấn luyện giỏi, sẵn sàng chiến đấu cao, chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống. Lãnh đạo xây dựng đơn vị chính quy, kỷ luật nghiêm.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối,

chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong đơn vị theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế đơn vị.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị và chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị, cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt

đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc; xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú là cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với người chỉ huy là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Cấp ủy đảng tạo điều kiện để người chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Bí thư cấp ủy và người chỉ huy đơn vị phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị,

mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

3- Trường hợp nhận nhiệm vụ chiến đấu khẩn trương hoặc có tình huống diễn biến ngoài dự kiến, không có điều kiện họp cấp ủy hoặc thường vụ thì người chỉ huy phải chủ động trao đổi với bí thư, quyết đoán và xử trí kịp thời để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với cấp ủy cấp mình và cấp trên.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm nghị quyết của cấp ủy đảng, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Cấp ủy và người chỉ huy đơn vị có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo sự chỉ đạo của cấp trên và của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2- Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, người chỉ huy đơn vị tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể địa phương giúp đỡ đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong đơn vị chiến đấu có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng ủy, chi bộ cơ sở trong các đơn vị chiến đấu xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 109-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở cơ quan quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cơ quan quân sự huyện)

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 7-5-2003 của Bộ Chính trị (khóa IX) về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của cơ quan quân sự huyện,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở cơ quan quân sự huyện như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ cơ sở cơ quan quân sự huyện là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho

huyện ủy về công tác quân sự, quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh và lãnh đạo các mặt công tác, mọi hoạt động của cơ quan, đơn vị; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện; hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) nắm vững nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

2- Lãnh đạo tốt việc tham mưu, đề xuất với cấp ủy về chủ trương, biện pháp lãnh đạo, quản lý nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương và thực hiện chính sách hậu phương quân đội; giúp huyện ủy chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng ủy xã, phường, thị trấn lãnh đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Lãnh đạo cơ quan quân sự và đơn vị bộ đội địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, động viên tuyển quân, tiến hành công tác vận động quần chúng, tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực đáp ứng yêu

cầu nhiệm vụ của đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong đơn vị theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Lãnh đạo thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị và chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị, cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là

đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ HUYỆN VỚI HUYỆN ĐỘI TRƯỞNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa đảng ủy quân sự huyện với huyện đội trưởng là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Huyện đội trưởng phải phục tùng sự lãnh đạo của đảng ủy, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để đảng ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Đảng ủy tạo điều kiện để huyện đội trưởng thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của huyện đội trưởng.

Điều 9. Quan hệ giữa phó bí thư là phó huyện đội trưởng về chính trị với huyện đội trưởng là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Phó bí thư đảng ủy quân sự huyện là phó huyện đội trưởng về chính trị và huyện đội trưởng phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra đảng ủy thảo luận, quyết định, hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

Điều 10. Quan hệ giữa đảng ủy quân sự huyện với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân ở cơ quan quân sự và đơn vị bộ đội địa phương huyện là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ

chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm nghị quyết của đảng ủy.

Điều 11. Quan hệ giữa đảng ủy quân sự huyện với đảng ủy xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã); các ban, ngành, đoàn thể địa phương và các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

- Đảng ủy quân sự huyện phối hợp với đảng ủy xã để thực hiện nghị quyết của huyện ủy về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và chính sách hậu phương quân đội.

- Đảng ủy quân sự huyện phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương và các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và nhiệm vụ phòng thủ, tác chiến trên địa bàn.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của đảng bộ quân sự huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ quân sự huyện xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 110-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan Quân đội

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khoá IX;

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 7-5-2003 của Bộ Chính trị (khoá IX) về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của cơ quan trong Quân đội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan Quân đội như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan Quân đội là hạt nhân chính trị, lãnh đạo các mặt công tác và mọi hoạt động của cơ quan; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan vững mạnh toàn diện; hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) nắm vững nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

2- Lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả tham mưu, đề xuất, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các nội dung công tác theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, bảo đảm đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ của Quân đội, phù hợp với tình hình thực tiễn đơn vị. Lãnh đạo thực hiện tốt chế độ thông tin tình hình, đi cơ sở sơ kết, tổng kết; đổi mới phong cách và phương pháp công tác, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Lãnh đạo xây dựng cơ quan chính quy, kỷ luật nghiêm.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, cơ quan; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết, làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong cơ quan theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế cơ quan.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Lãnh đạo thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan và chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê

bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với người chỉ huy cơ quan là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Người chỉ huy cơ quan phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị, nhiệm vụ cấp trên giao theo quy định; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Cấp ủy đảng tạo điều kiện để người chỉ huy cơ quan thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong cơ quan chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với người chỉ huy cơ quan là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Bí thư cấp ủy và người chỉ huy cơ quan phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị,

mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong cơ quan là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm nghị quyết của cấp ủy đảng, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Cấp ủy và người chỉ huy cơ quan có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy,

chính quyền địa phương và phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo sự chỉ đạo của cấp trên và của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2- Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, người chỉ huy cơ quan tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể địa phương tạo điều kiện giúp đỡ cơ quan hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan Quân đội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ vào Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan Quân đội xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 111-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ Quân đội

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 07-5-2003 của Bộ Chính trị khóa IX về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ trong Quân đội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ Quân đội như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ Quân đội là hạt nhân chính trị, lãnh

đạo các mặt công tác và mọi hoạt động của đơn vị; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học - công nghệ quân sự và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) nắm vững nhiệm vụ nghiên cứu khoa học - công nghệ quân sự của đơn vị.

2- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học - công nghệ quân sự của đơn vị đúng với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; nâng cao chất lượng, hiệu quả và cải tiến phương pháp nghiên cứu, bám sát thực tiễn phục vụ thiết thực nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của Quân đội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chấp hành nghiêm kỷ luật công tác, giữ gìn bí mật quân sự, bí mật quốc gia. Lãnh đạo đơn vị xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ và hoàn thành các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước,

yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ đầu ngành, chuyên gia giỏi trong từng lĩnh vực

công tác. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ, chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong đơn vị theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định về tổ chức, biên chế đơn vị.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Lãnh đạo thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị và chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là

đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với thủ trưởng đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Cấp ủy đảng tạo điều kiện để người chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo

dục, động viên đảng viên, quần chúng trong đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Bí thư cấp ủy và người chỉ huy đơn vị phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị vững mạnh, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm nghị quyết của cấp ủy đảng, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Cấp ủy và người chỉ huy đơn vị có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương. Phối hợp với cơ quan quân sự địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo sự chỉ đạo của cấp trên và của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2- Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, người chỉ huy đơn vị tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể địa phương giúp đỡ đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ Quân đội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng ủy, chi bộ cơ sở đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ Quân đội xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 112-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính Quân đội

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 7-5-2003 của Bộ Chính trị khóa IX về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính trong Quân đội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính Quân đội như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính của Quân đội là hạt nhân chính

trị, lãnh đạo các mặt công tác, mọi hoạt động của đơn vị; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) nắm vững nhiệm vụ quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính của đơn vị.

2- Lãnh đạo quán triệt và thực hiện quan điểm cần kiệm, liêm chính, ý thức tự lực, tự cường, chấp hành nghiêm các chế độ sử dụng, bảo quản trang bị kỹ thuật, vật tư, tài chính; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện cửa quyền, tham nhũng, hối lộ, lãng phí, làm thất thoát tài sản của Quân đội và của Nhà nước.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong

cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế đơn vị.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Lãnh đạo thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị và chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo thực hiện tốt các cuộc vận động về công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính trong đơn vị.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong

đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn, quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Cấp ủy đảng tạo điều kiện để người chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Bí thư cấp ủy và người chỉ huy phải kịp thời thông

báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc báo cáo lên cấp trên quyết định.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị vững mạnh, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của cấp ủy đảng, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Cấp ủy và người chỉ huy đơn vị có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo sự chỉ đạo của cấp trên và của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2- Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, người chỉ huy đơn vị tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương giúp đỡ đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong đơn vị quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính Quân đội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị quản lý cơ

sở vật chất, kỹ thuật, tài chính Quân đội xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 113-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong học viện, nhà trường Quân đội

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 7-5-2003 của Bộ Chính trị khóa IX về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của học viện, nhà trường trong Quân đội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong học viện, nhà trường Quân đội như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong học viện, nhà trường Quân đội là hạt nhân chính trị, lãnh đạo các mặt công tác và mọi hoạt động của đơn vị; xây dựng tổ chức đảng trong sạch,

vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, giáo viên, chiến sĩ, công nhân viên (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) nắm vững nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường.

2- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học, nghiên cứu khoa học và xây dựng tiềm lực vật chất, khoa học kỹ thuật, công nghệ nhằm hoàn thành mục tiêu, yêu cầu đào tạo, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của Quân đội và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Lãnh đạo xây dựng nhà trường chính quy, tiên tiến, mẫu mực.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định

cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, nhà trường; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có số lượng đủ, có nguồn dự trữ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên; đào tạo cán bộ với bồi dưỡng phát triển đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong đơn vị theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế đơn vị.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Lãnh đạo thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị và chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là

đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú là cán bộ, giáo viên, học viên.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Cấp ủy đảng tạo điều kiện để người chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên

giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với người chỉ huy đơn vị là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Bí thư cấp ủy và người chỉ huy đơn vị phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong đơn vị vững mạnh, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm nghị quyết của cấp ủy đảng, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Cấp ủy và người chỉ huy đơn vị có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp uỷ, chính quyền địa phương và phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo sự chỉ đạo của cấp trên và của cấp uỷ, chính quyền địa phương.

2- Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, người chỉ huy đơn vị tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể địa phương giúp đỡ đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong học viện, nhà trường Quân đội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các học viện, nhà trường Quân đội xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 114-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp Quân đội

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 7-5-2003 của Bộ Chính trị khóa IX về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của doanh nghiệp trong Quân đội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp Quân đội như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp Quân đội là hạt nhân chính trị, lãnh đạo các mặt công tác, mọi

hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng doanh nghiệp vững mạnh toàn diện; hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, công nhân viên nắm vững nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2- Lãnh đạo quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất quốc phòng và kinh tế đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội cao, đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân đội.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính

sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, doanh nghiệp; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của doanh nghiệp. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong doanh nghiệp theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống cán bộ chỉ huy vững mạnh; thực hiện đúng quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế doanh nghiệp.

4- Những doanh nghiệp có tổ chức hội đồng quản trị, cấp ủy và hội đồng quản trị phối hợp để thống nhất giải quyết các

vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền. Trường hợp giữa cấp ủy và hội đồng quản trị chưa nhất trí thì báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Lãnh đạo thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp và chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị, cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan

liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong doanh nghiệp. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với giám đốc là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Giám đốc phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình doanh nghiệp và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Cấp ủy đảng tạo điều kiện để giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong doanh nghiệp chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của giám đốc.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với giám đốc là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Bí thư cấp ủy và giám đốc phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị và mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy, hoặc ban thường

vụ quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng thực hiện.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong doanh nghiệp vững mạnh, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm nghị quyết của cấp ủy đảng, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Cấp ủy và giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương,

biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội theo sự chỉ đạo của cấp trên và của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2- Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, giám đốc doanh nghiệp biết tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể địa phương giúp đỡ doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp Quân đội có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ vào Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp Quân đội xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 115-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004
Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong bệnh viện Quân đội

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa IX;

- Căn cứ Quy định số 74-QĐ/TW, ngày 07-5-2003 của Bộ Chính trị khóa IX về "Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam";

- Căn cứ đặc điểm, nhiệm vụ của bệnh viện Quân đội,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong bệnh viện Quân đội như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong bệnh viện Quân đội là hạt nhân chính trị, lãnh đạo các mặt công tác, mọi hoạt động của bệnh viện; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện;

hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác được giao.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1- Thường xuyên giáo dục, quán triệt để cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ) nắm vững nhiệm vụ chính trị của bệnh viện.

2- Lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả trong khám, thu dung, điều trị bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, bảo đảm đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên. Kết hợp chặt chẽ giữa khám, điều trị bệnh với nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống của Đảng, Quân đội và đơn vị; thực hiện nghiêm chương trình học tập chính trị theo quy định cho các đối tượng trong đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, tình đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng để giải quyết và báo cáo cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và quần chúng nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của Quân đội, bệnh viện; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, tác phong quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ.

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của bệnh viện. Kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên.

2- Cấp ủy xây dựng và thực hiện đúng quy chế về công tác cán bộ; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập thể cấp ủy thống nhất lãnh đạo và quyết định mọi mặt công tác cán bộ trong bệnh viện theo phân cấp.

3- Lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chỉ huy vững mạnh; thực hiện nghiêm quy định của cấp trên về tổ chức, biên chế bệnh viện.

Điều 5. Lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

1- Lãnh đạo thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của Quân đội về bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ trong bệnh viện và bệnh nhân; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

2- Lãnh đạo chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý, sử dụng trang bị cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật, tài chính; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, mất mát, hư hỏng.

Điều 6. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân.

1- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương Đảng và điều lệ của mỗi tổ chức.

2- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều 7. Xây dựng tổ chức đảng.

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, nhất là trong việc phát hiện và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng,

nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình; chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm và là trung tâm đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ, chi bộ và đơn vị. Kết hợp chặt chẽ xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên về chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định về những điều đảng viên không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 8. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với người chỉ huy là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, kịp thời báo cáo tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết định và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm nghị quyết theo nhiệm vụ, chức trách.

2- Cấp ủy đảng tạo điều kiện để người chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, quyền hạn. Thường xuyên giáo dục, động viên đảng viên, quần chúng trong đơn vị chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy.

Điều 9. Quan hệ giữa bí thư cấp ủy với người chỉ huy là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Bí thư cấp ủy và người chỉ huy phải kịp thời thông báo và trao đổi cho nhau biết các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương,

biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy hoặc ban thường vụ quyết định; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra các tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và các tổ chức quần chúng thực hiện.

2- Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc báo cáo cấp trên quyết định.

Điều 10. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong bệnh viện là mối quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng.

1- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cơ sở. Cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân vững mạnh, tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân hoạt động có hiệu quả; chăm lo sự tiến bộ, trưởng thành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng.

2- Các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân phải quán triệt và thực hiện nghiêm nghị quyết của cấp ủy đảng, chi bộ.

Điều 11. Quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp công tác.

1- Cấp ủy và người chỉ huy đơn vị có trách nhiệm thông báo tình hình, nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương và phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan,

đơn vị trên địa bàn để thống nhất chủ trương, biện pháp lãnh đạo nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo chỉ đạo của cấp trên; thực hiện quân - dân y kết hợp trong khám, chữa bệnh cho nhân dân.

2- Cấp ủy, chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo cho cấp ủy, người chỉ huy đơn vị tình hình và nhiệm vụ của địa phương có liên quan; lãnh đạo nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể địa phương tạo điều kiện giúp đỡ bệnh viện hoàn thành nhiệm vụ.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện.

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong bệnh viện Quân đội có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong bệnh viện Quân đội xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 13. Hiệu lực thi hành.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 116-QĐ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 2004
Về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Nhân sự Đại hội X của Đảng

- Căn cứ quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội X của Đảng;
- Căn cứ đề nghị của Tiểu ban Nhân sự Đại hội X của Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Nhân sự Đại hội X của Đảng, gồm các đồng chí sau đây:

1- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tổ trưởng;

2- Đồng chí Nguyễn Đức Hạt, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương;

3- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

4- Đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

5- Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương;

6- Đồng chí Đỗ Quang Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

7- Đồng chí Hồ Mẫu Ngoạt, Phó Chánh Văn phòng Trung ương;

8- Đồng chí Nguyễn Huy Phi, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương.

2. Tổ Biên tập của Tiểu ban Nhân sự Đại hội X của Đảng có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan chuẩn bị các văn bản, báo cáo của Tiểu ban trình Bộ Chính trị và trình Ban Chấp hành Trung ương về công tác nhân sự Đại hội X của Đảng.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện làm việc và hoạt động của Tổ Biên tập.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 117-QĐ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 2004
Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tây Bắc

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Tây Bắc bao gồm các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Hòa Bình và các huyện phía tây các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, gồm:

1- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Kinh tế Trung ương, Trưởng ban;

2- Đồng chí Vũ Tiến Chiến, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái, Phó Trưởng ban Thường trực;

3- Một số đồng chí Phó Trưởng ban chuyên trách;

4- Các Phó Trưởng ban kiêm nhiệm là lãnh đạo các bộ, ban, ngành: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Dân tộc.

Khi cần thiết, đồng chí Trưởng ban Chỉ đạo Tây Bắc đề nghị Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ chỉ định bổ sung thêm một số đồng chí đại diện lãnh đạo một số bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương khác tham gia Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Tây Bắc chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trong vùng.

- Nghiên cứu đề xuất với Đảng, Chính phủ về cơ chế, chính sách, những vấn đề cần chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trong vùng.

- Chỉ đạo và tổ chức phối hợp các lực lượng, các cơ quan chức năng của Trung ương và địa phương để đấu tranh làm thất bại những âm mưu của các thế lực thù địch, xử lý kịp thời những vấn đề đột xuất về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề bức thiết khác trong vùng.

Điều 3. Ban Chỉ đạo Tây Bắc có Bộ phận Thường trực gồm Phó Trưởng ban Thường trực, các Phó Trưởng ban và một số cán bộ chuyên trách.

- Ban Chỉ đạo được mời một số đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt am hiểu tình hình vùng Tây Bắc tham gia làm tư vấn khi cần.

- Chính phủ bảo đảm kinh phí cho Ban Chỉ đạo hoạt động.

- Trụ sở làm việc do Ban Chỉ đạo chọn đáp ứng yêu cầu thuận lợi trong việc theo dõi, chỉ đạo các địa phương trong vùng.

- Ban Chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 4. Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, các cơ quan Trung ương có liên quan; các tỉnh và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 118-QĐ/TW, ngày 25 tháng 8 năm 2004
Về việc ban hành
Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Tây Bắc

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khoá IX);
- Căn cứ Quyết định số 117-QĐ/TW, ngày 24-8-2004 của Bộ Chính trị về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tây Bắc,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Tây Bắc.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Tây Bắc, các bộ, ban, ngành chức năng Trung ương có liên quan, cấp ủy đảng, chính quyền các tỉnh Tây Bắc có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TÂY BẮC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 118-QĐ/TW, ngày 25-8-2004 của Ban Bí thư)

Chương I
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO TÂY BẮC

Điều 1. Chức năng và tổ chức của Ban Chỉ đạo Tây Bắc

1- Ban Chỉ đạo Tây Bắc là cơ quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ ghi tại Điều 2 của Quy chế này.

2- Ban Chỉ đạo Tây Bắc có bộ phận thường trực và văn phòng giúp việc; căn cứ vào nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ xác định cụ thể, hợp lý biên chế của bộ phận thường trực và văn phòng giúp việc Ban Chỉ đạo.

3- Ban Chỉ đạo Tây Bắc có trụ sở làm việc; có con dấu riêng (hình tròn, không có hình quốc huy) để sử dụng trong công tác hành chính của bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo.

4- Ban Chỉ đạo Tây Bắc được Chính phủ bảo đảm kinh phí cho mọi hoạt động, được mở tài khoản hạn mức tại Kho bạc Nhà nước nơi đóng trụ sở của bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo.

5- Văn phòng Chính phủ được phân công bảo đảm điều kiện hoạt động cho Ban Chỉ đạo, bộ phận thường trực và bộ phận giúp việc thuộc Ban Chỉ đạo; dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách chi hoạt động của Ban Chỉ đạo trình Trưởng ban Chỉ đạo duyệt.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Tây Bắc

1- Nhiệm vụ

- Kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể chính trị trong vùng.

- Tổ chức nghiên cứu, đề xuất với Đảng và Chính phủ về cơ chế, chính sách, những vấn đề cần chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng các tỉnh Tây Bắc; thực hiện tốt các chính sách liên quan đến đồng bào các dân tộc và tôn giáo trong vùng.

- Chủ động nắm chắc diễn biến tình hình, trực tiếp chỉ đạo và tổ chức phối hợp các lực lượng, các cơ quan chức năng của Trung ương và địa phương (công an, quân đội, ngoại giao, tôn giáo, dân vận, dân tộc, tư tưởng - văn hoá...) để đấu tranh, ngăn chặn kịp thời mọi hoạt động của các thế lực thù địch chống phá ta. Chỉ đạo xử lý kịp thời và có hiệu quả những diễn biến đột xuất về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn các tỉnh trong vùng.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo và báo cáo đột xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ công tác của Ban Chỉ đạo và về các sự kiện xảy ra trong vùng.

2- Quyền hạn

- Được quyền yêu cầu các bộ, ban, ngành liên quan, cấp ủy và chính quyền các tỉnh Tây Bắc báo cáo tình hình thực hiện các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và các vấn đề khác có liên quan đến Tây Bắc.

- Được tham gia dự các hội nghị sơ kết, tổng kết các chuyên đề của Trung ương, Chính phủ, các bộ, ban, ngành và địa phương có liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc các tỉnh trong vùng.

- Được tham gia ý kiến đối với các văn bản của các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Bắc.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

1- Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức, điều hành công việc chung của Ban Chỉ đạo.

2- Chủ trì và kết luận các cuộc họp của tập thể Ban Chỉ đạo. Trên cơ sở đó, quyết định các biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề đột xuất về an ninh chính trị và trật tự, an

toàn xã hội trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Được trực tiếp báo cáo Tổng Bí thư và Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề cần thiết.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban thường trực

1- Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo đã ghi tại Điều 2 Quy chế này; thay mặt Trưởng ban và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo trực tiếp điều hành công việc của Ban theo sự ủy quyền của Trưởng ban khi cần.

2- Phụ trách Văn phòng Ban Chỉ đạo; trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động của bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo để thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ của Ban; báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác của Ban; báo cáo Trưởng ban kết quả chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ được Trưởng ban ủy nhiệm.

3- Trực tiếp giữ mối quan hệ giữa Ban Chỉ đạo với các bộ, ban, ngành Trung ương, các tỉnh Tây Bắc để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4- Tham mưu, đề xuất với Trưởng ban về nội dung chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; định kỳ nhận xét, đánh giá hoạt động của cán bộ thuộc bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo; phối hợp với Văn phòng Chính phủ bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Chỉ đạo

1- Chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ

đạo và ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Trưởng ban về chuyên đề, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, ban, ngành, địa phương do mình phụ trách.

2- Tham dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; thảo luận và đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo.

3- Thường xuyên báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công; những diễn biến đột xuất, phức tạp về an ninh, trật tự trên địa bàn Tây Bắc; đề xuất những vấn đề về chủ trương, chính sách, giải pháp có liên quan thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

4- Được cung cấp những thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ công tác; được dự các hội nghị của các bộ, ban, ngành và các tỉnh Tây Bắc về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trong vùng.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban Chỉ đạo

1- Cán bộ chuyên trách Văn phòng Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ chuyên viên.

2- Chủ động nắm tình hình, nghiên cứu, đề xuất chủ trương, chính sách, các biện pháp thực hiện với Ban Chỉ đạo; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chuyên đề về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác vận động quần chúng và xây dựng hệ thống chính trị các tỉnh trong vùng do Ban Chỉ đạo phân công.

3- Tham dự các cuộc họp chuyên đề của các bộ, ban, ngành và các tỉnh Tây Bắc do trưởng, phó ban phân công.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo

1- Thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng các tỉnh Tây Bắc, kịp thời báo cáo với trưởng, phó ban.

2- Đôn đốc việc triển khai thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo và ý kiến chỉ đạo trực tiếp của trưởng, phó ban.

Điều 8. Về cán bộ tham gia làm tư vấn

Căn cứ vào tình hình và yêu cầu cụ thể, Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực được mời các đồng chí nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng, cán bộ lãnh đạo am hiểu tình hình các tỉnh Tây Bắc, tham gia làm tư vấn cho Ban Chỉ đạo về các vấn đề có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng các tỉnh trong vùng.

Chương II
NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TÂY BẮC

Điều 9. Nguyên tắc làm việc của Ban Chỉ đạo

1- Ban Chỉ đạo chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ.

2- Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập thể thảo luận, Trưởng ban kết luận và quyết định chỉ đạo thực hiện.

Điều 10. Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo, bộ phận thường trực và Văn phòng Ban Chỉ đạo

1- Các thành viên, bộ phận thường trực và cán bộ giúp việc của Ban Chỉ đạo phải dành thời gian cần thiết để nắm tình hình và chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công.

2- Ban Chỉ đạo họp mỗi quý một lần và họp bất thường khi cần.

3- Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo mỗi tháng họp giao ban một lần và họp bất thường khi cần.

Chương III
QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TÂY BẮC

Điều 11. Quan hệ công tác với các bộ, ban, ngành ở Trung ương

1- Ban Chỉ đạo phối hợp với các bộ, ban, ngành để thực hiện tốt các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng các tỉnh Tây Bắc.

2- Ban Chỉ đạo trao đổi thông tin cần thiết và mời đại diện các cơ quan tham dự các hội nghị có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban.

3- Các báo cáo của bộ, ban, ngành về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng các tỉnh Tây Bắc, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ phải đồng gửi Ban Chỉ đạo Tây Bắc.

Điều 12. Quan hệ công tác với các tỉnh Tây Bắc

1- Ban Chỉ đạo có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các tỉnh Tây Bắc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị.

2- Chỉ đạo các tỉnh Tây Bắc xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch trên từng địa bàn và xử lý kịp thời những vấn đề đột xuất về an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

3- Các tỉnh Tây Bắc có trách nhiệm thực hiện và báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan được quy định tại Điều 2 của Quy chế này. Các báo cáo của các tỉnh Tây Bắc gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng phải đồng gửi Ban Chỉ đạo Tây Bắc.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 42-CT/TW, ngày 25 tháng 8 năm 2004
Về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản

Những năm gần đây, hoạt động xuất bản đã có bước phát triển nhanh, từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người đọc, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao dân trí, phát triển kinh tế - văn hóa... Nhiều bộ sách có giá trị được xuất bản. Các mảng sách chính trị - xã hội, khoa học - kỹ thuật - công nghệ và sách cho thanh niên, thiếu niên khá phong phú, đa dạng. Chất lượng sách giáo khoa từng bước được nâng cao cả về nội dung và hình thức. Công tác chỉ đạo, quản lý xuất bản có tiến bộ, chú trọng đảm bảo định hướng chính trị - tư tưởng và hiệu quả kinh tế của hoạt động xuất bản, phát hiện, uốn nắn và khắc phục những lệch lạc, sai phạm.

Tuy vậy, hoạt động xuất bản còn có những yếu kém, khuyết điểm:

Quy mô, năng lực hoạt động xuất bản ở nước ta vẫn còn chưa đủ đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn và đa dạng của xã hội về cung cấp thông tin, tri thức và thưởng thức văn học nghệ thuật trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế, nhất là còn thiếu nhiều loại sách phổ cập tri thức phục vụ đông đảo quần chúng. Nhưng điều đáng quan tâm hơn là chất lượng hoạt động xuất bản chưa cao. Sách nghiên cứu, tổng kết thực tiễn còn ít, chất lượng còn hạn chế. Sách viết về công cuộc đổi mới, những nhân tố mới, con người mới, viết về cuộc đấu tranh giữa cái mới, tiến bộ và cái cũ, cái lạc hậu, kìm hãm, cái hư hỏng còn ít và kém sâu sắc, sinh động; vẫn còn xuất bản và lưu hành một số sách có nội dung sai phạm về chính trị, tư tưởng, gây ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống xã hội.

Khuynh hướng thương mại hóa, chạy theo lợi nhuận kinh tế thuần túy tác động xấu đến hoạt động xuất bản. Tệ in lậu xảy ra khá phổ biến, nhưng chưa được kiểm tra, ngăn chặn có hiệu quả. Mạng lưới phát hành còn chưa đến được nhiều vùng sâu, vùng xa, nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đội ngũ biên tập viên còn nhiều hạn chế về trình độ, năng lực. Công tác đào tạo chưa được quan tâm đúng mức.

Việc hợp tác, liên doanh về xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm với nước ngoài còn lúng túng.

Một số cơ quan chủ quản nhận thức chưa đầy đủ, đúng mức về vai trò, chức năng của xuất bản, chưa làm tốt nhiệm vụ chỉ đạo về công tác tổ chức, cán bộ, về định hướng nội dung, cung cấp thông tin và uốn nắn những sai

phạm của nhà xuất bản thuộc quyền, thiếu quan tâm đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị cho hoạt động xuất bản.

Nguyên nhân chính của những yếu kém, khuyết điểm trên là do công tác lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác quản lý nhà nước về xuất bản và sự lãnh đạo của các nhà xuất bản, cơ sở in, phát hành còn nhiều hạn chế, bất cập, lúng túng; chậm xác định đúng đắn và rõ ràng mối quan hệ giữa chức năng văn hóa - tư tưởng và nhiệm vụ kinh doanh của hoạt động xuất bản; chậm ban hành những chính sách, chế độ, quy định phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho hoạt động xuất bản phát triển đúng hướng trong cơ chế kinh tế mới.

Nhằm tạo bước phát triển vững chắc, mạnh mẽ và nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, các bộ, ban, ngành, cơ quan, đơn vị hoạt động xuất bản, in và phát hành thực hiện tốt những chủ trương sau:

1. Về định hướng phát triển

Nhận rõ sự nghiệp xuất bản là một lĩnh vực hoạt động tư tưởng sắc bén của Đảng, Nhà nước và nhân dân, là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có nhiệm vụ tích lũy và truyền bá các giá trị tinh thần, góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, xây dựng nền tảng tư tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và khoa học của xã hội; xây dựng đạo đức, lối sống và phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam;

góp phần đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành xã hội học tập. Hoạt động xuất bản phải chăm lo bảo vệ, khẳng định và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời mở rộng giao lưu văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và đấu tranh không khoan nhượng với các quan điểm sai trái, lạc hậu.

Hoạt động xuất bản phải coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, đáp ứng nhu cầu đọc của nhân dân, đồng thời phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng ngành xuất bản thành một ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc. Cần xây dựng những chính sách và cơ chế phù hợp để xuất bản hoạt động có hiệu quả trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về những nhiệm vụ cụ thể của hoạt động xuất bản

2.1. Nâng cao chất lượng toàn diện các xuất bản phẩm: đảm bảo tính tư tưởng, tính khoa học, chất lượng giáo dục, văn hóa và sự đa dạng, hấp dẫn của ấn phẩm xuất bản, đảm bảo đủ các loại sách và tài liệu đáp ứng nhu cầu của các đối tượng người đọc khác nhau. Chú trọng mảng sách về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; sách khoa học - kỹ thuật và công nghệ; sách về truyền thống dân tộc và cách mạng, về bản sắc và tinh hoa văn hóa dân tộc; phấn đấu có nhiều sách, nhiều bài hay, sâu sắc về tổng kết thực tiễn, phổ biến kinh nghiệm hay, tuyên truyền, động viên, biểu dương nhân tố mới, con người mới. Tiếp tục coi trọng sách, bài viết về đấu tranh phê phán các quan điểm sai

trái, phản động, chống tham nhũng, tiêu cực, tham ô, lãng phí, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống và các thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội, nhưng phải quan tâm đạt được hiệu quả không những làm cho mọi người căm ghét mà còn nâng cao thêm ý thức trách nhiệm, dũng khí và quyết tâm đấu tranh với những cái sai trái, tiêu cực, hư hỏng đó.

2.2. Tiếp tục rà soát, bổ sung và thực hiện tốt quy hoạch ngành xuất bản; tập trung xây dựng tiềm lực và năng lực của hoạt động xuất bản; nâng cao hiệu quả kinh tế của xuất bản, in và phát hành, xây dựng các mô hình và cơ cấu mới phù hợp với sự phát triển của công nghiệp xuất bản hiện đại: thí điểm xây dựng các tập đoàn xuất bản, tổ hợp xuất bản - báo chí, nghiên cứu hoàn chỉnh mô hình doanh nghiệp làm nhiệm vụ xuất bản.

Xây dựng chương trình quốc gia xuất bản các loại sách thiết yếu về chính trị - xã hội và văn hóa.

2.3. Chăm lo phát triển nhu cầu văn hóa đọc của các tầng lớp nhân dân, tổ chức và phát triển các lực lượng, mạng lưới phát hành xuất bản phẩm đảm bảo đáp ứng đầy đủ, đúng đối tượng và địa bàn, đặc biệt quan tâm vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và miền núi. Phát triển hệ thống sách song ngữ, xuất bản nhiều sách bằng tiếng dân tộc với trình độ thích hợp, đáp ứng nhu cầu của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Đến năm 2010, phấn đấu đưa sách về đến cấp huyện và đưa sách đến phần lớn các xã để đạt chỉ tiêu 6 bản sách/người/năm. Tập trung củng cố và phát triển hệ thống thư viện, các loại phòng đọc, trước hết ở cơ sở.

2.4. Huy động các nguồn lực xã hội cho xuất bản và phát hành sách phục vụ đông đảo nhân dân. Xây dựng, ban hành cơ chế quản lý phù hợp, có hiệu quả đối với lực lượng tham gia hoạt động xuất bản, in và phát hành ngoài quốc doanh.

2.5. Xây dựng kế hoạch dài hạn đào tạo, bồi dưỡng và phát triển lực lượng, đội ngũ của ngành xuất bản, đảm bảo về quan điểm chính trị và chất lượng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, các tác giả, cộng tác viên trong cả ba khâu xuất bản, in và phát hành.

3. Các giải pháp chủ yếu

3.1. Đổi mới và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với lĩnh vực xuất bản, in và phát hành.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức và tăng cường đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực cho các cơ quan chỉ đạo, quản lý và tham mưu trên lĩnh vực xuất bản, in và phát hành từ Trung ương đến các địa phương.

- Xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, quản lý giữa cơ quan đảng, cơ quan quản lý nhà nước các cấp và cơ quan chủ quản. Xác định rõ vai trò của cơ quan chủ quản, đồng thời nêu cao vai trò tự chịu trách nhiệm, chủ động của lãnh đạo nhà xuất bản và cơ quan phát hành.

- Củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng trong các nhà xuất bản, cơ sở in và phát hành.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội Xuất bản - In - Phát hành sách Việt Nam trong việc xây dựng ngành xuất bản.

3.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản, in, phát hành sách.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách đồng bộ, thống nhất để quản lý hoạt động xuất bản. Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Luật xuất bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Xây dựng chế độ, chính sách cho các doanh nghiệp xuất bản có nhiệm vụ kinh doanh đặc thù, những nhà xuất bản có ấn phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Xây dựng quy chế, chính sách cho hoạt động của hệ thống nhà sách tư nhân và tập thể.

- Xây dựng chính sách ưu tiên cho việc xuất bản, phát hành, vận chuyển xuất bản phẩm lên miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và hoạt động thông tin đối ngoại. Có chính sách giảm giá sách đối với một số đối tượng chính sách xã hội.

- Xây dựng và tổ chức chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, tiêu chuẩn trong nghiệp vụ xuất bản.

- Thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra, xem xét, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng biên tập, nộp và xử lý sách lưu chiểu, khắc phục các sai phạm, yếu kém trong công tác in, xuất bản. Kiên quyết ngăn chặn nạn xuất bản, in, phát hành sách trái phép. Thực hiện nghiêm pháp luật về bản quyền tác giả.

3.3. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực để phát triển sự nghiệp xuất bản, in và phát hành:

- Khai thác các nguồn lực, tiến hành hợp tác, liên doanh, liên kết (trong và ngoài nước) để tăng cường nguồn lực cho xuất bản, in và phát hành.

- Xây dựng quy chế quan hệ giữa xuất bản, phát hành xuất bản phẩm và hệ thống thư viện. Nhà nước có chính sách tăng nguồn kinh phí mua sách cho các thư viện, đảm bảo thư viện trở thành trung tâm bồi dưỡng và phát triển nhu cầu văn hoá đọc của quần chúng, góp phần tăng lượng bản in cho các nhà xuất bản.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, triển lãm, hội chợ sách, xây dựng tủ sách gia đình, phong trào đọc sách trong nhân dân, huy động các phương tiện thông tin đại chúng tham gia tuyên truyền và giới thiệu xuất bản phẩm. Nâng cao chất lượng hoạt động giới thiệu, phê bình sách, phê bình văn học, nghệ thuật.

3.4. Rà soát, đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong cả ba lĩnh vực xuất bản, in, phát hành để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

3.5. Đổi mới, nâng cấp và từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật và công nghệ xuất bản.

- Lập kế hoạch xây dựng, nâng cấp trụ sở các nhà xuất bản, các trung tâm sách ở các thành phố lớn, các khu vực trọng điểm, khôi phục và xây dựng mới hệ thống cửa hàng sách cấp huyện; áp dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa quy trình biên tập và thực hiện quản lý xuất bản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu thí điểm xuất bản sách điện tử, trung tâm thông tin về sách.

- Tiếp tục hiện đại hóa công nghệ in phù hợp với nhu cầu và thực tiễn đất nước.

3.6. Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành.

Bổ sung các quy định pháp lý, chính sách để các nhà xuất bản chủ động tham gia quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt đối với vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ, xuất bản điện tử. Mở rộng hợp tác trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành với các nước trong khu vực và quốc tế, khuyến khích đưa sách của nước ta ra thế giới. Nhà nước có chính sách tài trợ để xuất bản bằng tiếng nước ngoài một số đầu sách có giá trị của các tác giả được giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin xây dựng kế hoạch hướng dẫn các cấp ủy đảng, các ngành, đoàn thể, địa phương, các nhà xuất bản, cơ sở in và phát hành tổ chức nghiên cứu và thực hiện Chỉ thị, chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền các nội dung cơ bản của Chỉ thị.

4.2. Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các cơ quan liên quan nghiên cứu hoàn chỉnh quy hoạch ngành xuất bản, kiến nghị sửa đổi, bổ sung *Luật xuất bản* năm 1993, các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế quản lý và các chính sách một cách đồng bộ, thống nhất để quản lý toàn diện hoạt động xuất bản.

4.3. Ban Cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng, báo cáo Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ xuất bản, in và

phát hành. Hướng dẫn, kiện toàn và tăng cường cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực cho các cơ quan chỉ đạo, quản lý, tham mưu về in, xuất bản.

4.4. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ sơ kết và báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 119-QĐ/TW, ngày 1 tháng 9 năm 2004
Thành lập Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

Căn cứ quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc thành lập các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội X của Đảng;

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, gồm các đồng chí sau đây :

1- Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Tiểu ban;

2- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

3- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương;

4- Đồng chí Nguyễn Văn Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương;

5- Đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

6- Đồng chí Lê Thế Tiệm, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an;

7- Đồng chí Phùng Hữu Phú, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội;

8- Đồng chí Đặng Hữu Hải, Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương;

9- Đồng chí Bùi Ngọc Thanh, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;

10- Đồng chí Đoàn Mạnh Giao, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

11- Đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương;

12- Đồng chí Đào Duy Quát, Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương;

13- Đồng chí Trần Quốc Vượng, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng;

14- Đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Phó trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương;

15- Đồng chí Trần Văn Tá, Thứ trưởng Bộ Tài chính;

16- Đồng chí Lê Ngọc Trọng, Thứ trưởng Bộ Y tế;

17- Đồng chí Lê Tiến Thọ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin;

18- Đồng chí Phạm Hồng Lợi, Phó tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

19- Đồng chí Phạm Quốc Hùng, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ.

2. Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội có nhiệm vụ xây dựng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư kế hoạch phục vụ Đại hội; tổ chức thực hiện kế hoạch phục vụ Đại hội; báo cáo tổng kết công tác phục vụ Đại hội.

3. Các đồng chí thành viên của Tiểu ban và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 153-TB/TW, ngày 6 tháng 9 năm 2004

Về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Hà Tây; phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2005 và những năm tiếp theo

Thực hiện chương trình công tác năm 2004, ngày 29-7-2004, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã làm việc với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tây để nghe báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Hà Tây; phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2005 và những năm tiếp theo.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trình bày báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ý kiến phát biểu của lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Kết quả sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Hà Tây

Hà Tây là tỉnh liền kề Thủ đô Hà Nội, có vị trí chiến lược quan trọng, có điều kiện giao thông thuận lợi, là một trong 8

tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Hà Tây còn là tỉnh có truyền thống văn hóa và cách mạng, dân số đông (2,5 triệu người), lực lượng lao động dồi dào, trình độ dân trí cao, nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển (với trên 1.100 làng nghề); có tiềm năng du lịch với nhiều cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng.

Hơn ba năm qua, Tỉnh ủy Hà Tây đã triển khai lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt công tác và đạt được những kết quả tích cực: kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, năm sau tăng cao hơn năm trước (bình quân mỗi năm tăng 8,9%, riêng sáu tháng đầu năm 2004 tăng 9,16%), nhiều chỉ tiêu đã đạt và vượt mục tiêu đề ra trong Nghị quyết IX Đại hội Đảng bộ tỉnh; cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng, tỷ trọng nông nghiệp giảm dần.

Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối ổn định và toàn diện, sản lượng lương thực năm 2003 đạt trên 1 triệu tấn, năng suất lúa vụ chiêm xuân năm 2004 đạt 61,5 tạ/ha, cao nhất từ trước đến nay; chăn nuôi phát triển khá, giá trị chăn nuôi chiếm 40% giá trị sản lượng ngành nông nghiệp; kinh tế trang trại đang được mở rộng. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 20,5%/năm, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phát triển mạnh (toàn tỉnh có 76% số làng có nghề), đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. Hoạt động du lịch đạt một số kết quả, năm 2003 đã đón trên 2 triệu lượt khách. Tốc độ tăng thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước, bình quân tăng 9,2%/năm, riêng sáu tháng đầu năm 2004 thu 503 tỉ đồng, tăng 49,8% so với

cùng kỳ. Cơ sở hạ tầng ngày càng được tăng cường, tạo tiền đề cho sự phát triển trong thời gian tới.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, văn hóa - xã hội, y tế đã được quan tâm, công tác giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, thực hiện các chính sách xã hội đạt kết quả khá. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2003 giảm còn 6,3%, số lao động qua đào tạo nghề đạt 21,5%. Đời sống nhân dân ở nhiều vùng được cải thiện.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân được coi trọng và có chuyển biến, tiến bộ nhất định trên một số mặt. An ninh, quốc phòng được giữ vững.

Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong các lần làm việc với lãnh đạo tỉnh vào cuối năm 2003 và nhất là vào tháng 6-2004, tỉnh đã bước đầu có biện pháp khắc phục những yếu kém trên các lĩnh vực, nhất là về quản lý, sử dụng đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và xử lý dứt điểm một số vụ việc phức tạp kéo dài...

Ban Bí thư ghi nhận những kết quả đã đạt được của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà Tây sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cần nhận thức đầy đủ những khuyết điểm, yếu kém sau đây:

- Tuy là tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế nhưng nhìn chung sự phát triển kinh tế - xã hội còn chậm, một số lĩnh vực còn tụt hậu hơn so với các tỉnh có điều kiện tương tự. Quy mô và chất lượng phát triển của nhiều lĩnh vực kinh tế,

sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tỷ trọng dịch vụ thấp, công tác quản lý du lịch yếu dẫn đến mất dần lợi thế.

- Công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng còn nhiều mặt trì trệ, yếu kém, để xảy ra nhiều vụ vi phạm pháp luật nghiêm trọng, kéo dài, ảnh hưởng xấu đến uy tín của lãnh đạo, niềm tin của nhân dân và môi trường đầu tư của tỉnh, cũng gây trở ngại cho việc triển khai một số dự án kinh tế - xã hội quan trọng của Trung ương tại Hà Tây.

- Một số vấn đề xã hội (giáo dục, y tế, giải quyết việc làm...) còn nhiều yếu kém, khó khăn; tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng; đời sống nhân dân ở một số vùng còn thấp, chậm được cải thiện.

- Tình hình an ninh nông thôn còn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân chậm, còn để kéo dài một số vụ việc khiếu kiện vượt cấp, kể cả lên Trung ương.

- Việc củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở các cấp, từ tỉnh đến cơ sở còn yếu. Công tác dân vận ở một số địa phương làm chưa tốt. Việc tuyên truyền, giáo dục chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân làm chưa tốt, nên chưa tạo được sự đồng thuận trong xã hội, dẫn đến việc tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ đạt kết quả thấp.

Bên cạnh một số nguyên nhân khách quan, những khuyết điểm, yếu kém nói trên, chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan sau:

Việc xác định mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển của tỉnh chưa thật rõ. Công tác quy hoạch chưa tốt, thiếu sự phối hợp, gắn kết giữa các vùng của tỉnh, giữa tỉnh với Thủ đô Hà Nội, các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và các địa phương khác.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và một số cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở còn yếu, kỷ cương, kỷ luật nhiều việc, nhiều lúc không nghiêm. Trong lãnh đạo của Ban Thường vụ có việc chưa thống nhất cao, đã hạn chế đến kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền còn thấp, chưa thực sự năng động, chủ động trong việc tìm các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực, phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Một số cơ quan, đơn vị, một số cán bộ, đảng viên và cả một số hộ dân cư còn thiếu gương mẫu chấp hành luật pháp, dẫn đến những sai phạm, nhất là sai phạm trong quản lý và sử dụng đất đai, nhưng cấp ủy và chính quyền còn hữu khuynh, chưa xử lý kiên quyết, kịp thời. Một số vụ việc phức tạp kéo dài, bức xúc xảy ra trong nội bộ nhân dân hoặc giữa nhân dân với tổ chức, cơ quan... chưa được tập trung chỉ đạo giải quyết khẩn trương, nghiêm minh. Một số cơ quan tham mưu, cơ quan quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của tỉnh còn yếu, chưa làm tròn vai trò, trách nhiệm trong công tác.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ cũng có trách nhiệm vì đã chậm hỗ trợ Hà Tây khắc phục những vướng mắc và thiếu sót, khuyết điểm, để tình hình nói trên của Hà Tây kéo dài. Việc Trung ương chậm xác định quy hoạch địa

giới lâu dài của Hà Tây trong mối liên quan với sự phát triển của Thủ đô Hà Nội đã gây khó khăn nhất định cho địa phương trong việc xác định quy hoạch phát triển.

2. Phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2005 và những năm tiếp theo

Ban Bí thư cơ bản đồng tình với những định hướng về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong báo cáo của tỉnh, đồng thời lưu ý một số điểm sau:

2.1. Về phương hướng, nhiệm vụ chung

Trước hết, tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy cần đề cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội IX Đảng bộ tỉnh đã đề ra, phấn đấu hoàn thành toàn diện và vượt mức các nhiệm vụ từ nay đến năm 2005, tạo điều kiện và tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ những năm tiếp theo.

Cần tiếp tục nghiên cứu xác định rõ hơn tiềm năng, lợi thế, mặt mạnh, mặt yếu và định hướng phát triển lâu dài của tỉnh, rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể, xây dựng quy hoạch chi tiết các ngành, vùng, trên cơ sở đó bổ sung, cụ thể hoá hơn mục tiêu, giải pháp để Hà Tây phát triển nhanh, bền vững hơn, tương xứng hơn với vị trí chiến lược của tỉnh.

2.2. Về một số vấn đề cụ thể

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực trong tỉnh, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương;

tăng cường hợp tác với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng để thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển.

- Trước mắt, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng các khu, cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn, nhưng cần chú ý bước đi hợp lý, xác định rõ trọng điểm từng thời gian, tránh phân tán, dàn trải. Nghiên cứu bổ sung các cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư để khuyến khích, thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước, sớm phát huy được lợi thế của tỉnh.

- Chỉ đạo phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và hiện đại, mở rộng việc đưa các giống cây, con có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất và tận dụng tốt lợi thế gần thị trường Hà Nội để phát triển. Gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển mạnh và có tổ chức các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề ở nông thôn.

- Có kế hoạch, biện pháp để phát huy thế mạnh về du lịch của tỉnh, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử trên địa bàn.

- Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, cần chăm lo giải quyết tốt việc bảo vệ môi trường và các vấn đề xã hội. Đặc biệt, cần quan tâm đến công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là ở những nơi phải thu hồi đất nông nghiệp phục vụ quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm những vụ vi phạm và mọi biểu hiện tiêu cực, tham nhũng. Làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Xác định rõ trách nhiệm cán bộ từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đồng thời cần tăng cường giáo dục ý thức trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật và góp sức cùng với Nhà nước trong việc phát triển kinh tế, xây dựng quê hương; chủ động giải quyết mọi việc nảy sinh ngay từ cơ sở, không để tồn đọng các vụ việc phức tạp kéo dài. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Tập trung xây dựng các cơ quan nội chính vững mạnh.

- Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX. Tiến hành mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ để tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức rõ trách nhiệm trong tình hình mới, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật, tạo phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ trong Đảng và trong nhân dân. Chỉ đạo tốt việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố cơ sở đảng yếu kém, nhất là ở xã, phường, thị trấn. Quan tâm củng cố, xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; chấn chỉnh và làm tốt công tác cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo của tập thể cấp ủy, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp theo phương châm "hướng về cơ sở", gần dân, sát dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Thường xuyên chăm lo xây dựng sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và trong xã hội; xây dựng Đảng,

chính quyền, đoàn thể vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên từng địa bàn cơ sở và trong toàn tỉnh.

Có kế hoạch làm tốt công tác chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ các cấp trong năm 2005, tiến tới Đại hội X của Đảng, thông qua đó tạo bước phát triển mới, mạnh mẽ, toàn diện trong thời gian tới.

3. Về những đề xuất, kiến nghị của tỉnh

- Những kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản là hợp lý và cần thiết, trong đó có nhiều vấn đề đã được đồng chí Thủ tướng Chính phủ kết luận, chỉ đạo trong khi làm việc với lãnh đạo tỉnh, Ban Bí thư yêu cầu lãnh đạo tỉnh Hà Tây cùng với các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương thường xuyên phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện một cách khẩn trương, nghiêm túc. Còn một số vấn đề khác, Ban Bí thư sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét giải quyết.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan sớm nghiên cứu làm rõ quy hoạch và địa giới hành chính của tỉnh Hà Tây, Thủ đô Hà Nội, tỉnh Hòa Bình phù hợp với hướng phát triển trong khoảng 20 năm tới, tạo cơ sở thuận lợi cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh trong tương lai.

*

* *

Trên đây là những ý kiến kết luận của Ban Bí thư về kết quả sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh;

phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2005 và những năm tiếp theo của tỉnh Hà Tây.

Ban Bí thư tin tưởng rằng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà Tây sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và cách mạng, nắm vững thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra, đưa Hà Tây phát triển nhanh và bền vững hơn trong thời gian tới.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 154-TB/TW, ngày 7 tháng 9 năm 2004
Về Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Ngày 17-8-2004, sau khi nghe Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo Tờ trình về Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ý kiến phát biểu của các ngành, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

Ban Bí thư cơ bản nhất trí với Báo cáo trình Đại hội VI của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Báo cáo được chuẩn bị công phu, sâu sắc, lấy được nhiều ý kiến đóng góp rộng rãi của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân. Ban Bí thư nhấn mạnh một số điểm cần lưu ý sau:

1. Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Thời gian qua, thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20-2-2003 của Ban Bí thư, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố tiến hành đại hội từ cơ sở theo đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ qua đã có nhiều

hoạt động tích cực, với hình thức phong phú, đa dạng, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể không ngừng vững mạnh, đẩy mạnh các phong trào hoạt động tình nghĩa, nhân đạo, từ thiện...

Báo cáo trình Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phân tích, đánh giá đúng mức những thành tựu, khuyết điểm trong quá trình xây dựng và phát triển của đất nước ta cũng như thực trạng khối đại đoàn kết toàn dân; những kết quả và tồn tại, yếu kém trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc nhiệm kỳ qua; phân tích sâu sắc hơn những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong công tác này.

Về phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, cần chú ý hướng các hoạt động về cơ sở, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp phải cụ thể thiết thực, tránh phô trương hình thức, khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu. Đồng thời yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể cần nêu cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Mặt trận Tổ quốc các cấp vững mạnh.

Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2. Đồng ý tư tưởng chỉ đạo Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

3. Đồng ý về phương hướng nhân sự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Chủ tịch và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VI như trong Tờ trình của Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cụ thể như sau: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 315 vị, Đoàn Chủ tịch 50 vị, Ban Thường trực từ 9 đến 11 vị, các Phó Chủ tịch cần tăng các vị ngoài Đảng, không nên đưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã nghỉ công tác tham gia làm Phó Chủ tịch.

Về nhân sự chủ chốt của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm việc thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương để trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

4. Đồng ý về thời gian, địa điểm, số lượng đại biểu dự Đại hội như trong Tờ trình.

Về khách quốc tế mời dự Đại hội, gồm bốn đoàn: Mặt trận xây dựng đất nước Lào, Hội nghị chính trị hiệp thương nhân dân Trung Quốc, Ủy ban Bảo vệ cách mạng Cuba, đại diện Campuchia.

5. Nhân dịp Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng bức trướng cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nội dung bức trướng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chuẩn bị và trình Ban Bí thư cho ý kiến.

6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các cơ quan có liên quan chuẩn bị bài phát biểu của Tổng Bí thư tại Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7. Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các ban, ngành có liên quan phối hợp, giúp đỡ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức tốt Đại hội này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 43-CT/TW, ngày 8 tháng 9 năm 2004
Về lãnh đạo Đại hội III Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (nhiệm kỳ 2005 - 2009)

Đại hội lần thứ III Liên minh Hợp tác xã Việt Nam sẽ được tổ chức vào đầu năm 2005. Đại hội diễn ra trong bối cảnh hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố và các cơ sở kinh tế hợp tác, hợp tác xã đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết 13 Hội nghị Trung ương 5 khóa IX "Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể" và triển khai thi hành Luật hợp tác xã.

Năm năm qua, nhất là từ khi có Nghị quyết 13 đến nay, kinh tế tập thể đã được củng cố một bước, phát triển lớn hơn về quy mô, ngành nghề, phạm vi hoạt động, đáp ứng nhiều hơn nhu cầu đa dạng của những người lao động, hộ sản xuất kinh doanh, một số doanh nghiệp nhỏ và vừa, có đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã tích cực tham gia góp ý kiến giúp Đảng, Nhà nước hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế tập thể; thực hiện tốt hơn nhiệm vụ tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã; triển khai đạt một số kết quả bước đầu các hoạt động hỗ trợ phát triển đối với các tổ chức thành viên.

Tuy nhiên, kinh tế tập thể đến nay vẫn chưa hoàn toàn ra khỏi tình trạng yếu kém, năng lực nội tại còn hạn chế, số hợp tác xã làm ăn có hiệu quả còn ít, lợi ích đem lại cho thành viên chưa nhiều. Hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng còn một số mặt hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu và lợi ích đa dạng ngày càng tăng của các thành viên.

Việc tổ chức quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương còn nhiều hạn chế, một số ngành ở Trung ương và cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết; nhiều chủ trương, chính sách cụ thể đã xác định trong Nghị quyết và Luật hợp tác xã vẫn chưa được thể chế hoá (như chính sách đất đai, chính sách tài chính tín dụng, chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã, chính sách tiếp thị và mở rộng thị trường); bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể ở các bộ, ngành, địa phương chậm được kiện toàn.

Để thúc đẩy kinh tế hợp tác, hợp tác xã phát triển mạnh mẽ, vững chắc hơn và tổ chức thành công Đại hội III Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy tổ chức đảng, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 13 Hội nghị Trung ương 5 khoá IX "Về tiếp tục đổi mới, phát triển,

nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể" và triển khai thi hành Luật hợp tác xã năm 2003.

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết và Luật đến các cấp, các ngành, các cơ sở kinh tế và đông đảo nhân dân, nhất là ở những nơi thời gian qua chưa làm tốt, qua đó thống nhất nhận thức về các quan điểm, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương hoàn thành việc thể chế hóa, ban hành đồng bộ các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị quyết và Luật. Trong năm 2004 thực hiện xong việc sắp xếp, kiện toàn, đi vào hoạt động tổ chức bộ máy quản lý nhà nước chuyên trách đối với kinh tế tập thể ở các bộ, ngành Trung ương và địa phương.

Thường xuyên kiểm tra, tổng kết, nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả; hướng dẫn xây dựng cơ sở đảng và các đoàn thể trong các tổ chức kinh tế tập thể; phấn đấu tạo ra những chuyển biến mới, rõ nét của khu vực kinh tế tập thể, để kinh tế tập thể tăng trưởng mạnh mẽ hơn, có tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong tổng sản phẩm xã hội (GDP).

2. Chỉ đạo Liên minh hợp tác xã các cấp chuẩn bị tốt nội dung và tổ chức thành công đại hội.

Báo cáo trình Đại hội cần đánh giá đúng thực trạng những thành tựu đạt được và thẳng thắn chỉ rõ những yếu kém của khu vực kinh tế tập thể và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, làm rõ những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong việc thể chế hóa, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết...

Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể trong nhiệm kỳ tới, trên cơ sở quán triệt những quan điểm, mục tiêu và giải pháp của Nghị quyết 13 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, các quy định của Luật hợp tác xã năm 2003, bám sát thực trạng kinh tế tập thể hiện nay, các xu thế và yêu cầu đặt ra trong nền kinh tế thị trường đối với người lao động, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn mà xác định cụ thể hơn mục tiêu và những giải pháp cụ thể, khả thi nhằm tạo bước chuyển biến mới về phát triển kinh tế tập thể trong thời gian tới; đề ra phương hướng tiếp tục đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động và lề lối làm việc của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam nhằm làm tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của Liên minh theo quy định của Luật hợp tác xã; hoàn thiện dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cho phù hợp với Luật hợp tác xã và tình hình nhiệm vụ trong thời gian tới để báo cáo Đại hội quyết định.

Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và cấp ủy đảng các cấp cần chỉ đạo chặt chẽ việc bầu chọn đại biểu đi dự Đại hội, bảo đảm có cơ cấu hợp lý, đại diện cho các loại hình kinh tế tập thể thuộc các ngành, lĩnh vực, các vùng, miền trên phạm vi cả nước; làm tốt công tác lựa chọn nhân sự để bầu vào ban chấp hành mới gồm những người có đủ phẩm chất, năng lực và có khả năng vận động, tập hợp các tổ chức thành viên thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ công tác do Đại hội đề ra.

3. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ định kỳ hai năm một lần, tổ chức gặp mặt đại biểu khu vực kinh tế tập thể trong cả nước; chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố định kỳ một năm một lần gặp mặt đại biểu kinh tế tập thể ở địa phương để nghe báo cáo về tình hình phát triển kinh tế tập thể, giải quyết kịp thời những tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc của các tổ chức hợp tác, hợp tác xã, có chủ trương thúc đẩy khu vực kinh tế tập thể phát triển.

Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phối hợp với tổ chức đảng các bộ, ngành và các tỉnh ủy, thành ủy định kỳ tổ chức hội nghị hợp tác xã điển hình tiên tiến ở các cấp, các ngành để tổng kết và nhân rộng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần tiếp tục chỉ đạo tốt công tác vận động quần chúng tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể và phát huy tốt vai trò làm chủ trong các tổ chức này.

4. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn ở các bộ, ngành liên quan và các cấp ủy đảng tăng cường phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, nhất là làm tốt các công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, xây dựng và quản lý quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; chủ trì hoặc tham gia triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế tập thể và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động.

5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Dân vận Trung ương theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 155-TB/TW, ngày 9 tháng 9 năm 2004
Về Đề án Khu kinh tế Dung Quất

Trong phiên họp ngày 23-7-2004, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về Đề án Khu kinh tế Dung Quất, ý kiến của các ban, ngành liên quan và tỉnh Quảng Ngãi, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Phát triển mạnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trong đó có Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu công nghiệp Dung Quất là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh cần đẩy nhanh xây dựng các khu kinh tế này. Bộ Chính trị các khóa VIII và IX đã nhiều lần cho ý kiến chỉ đạo phát triển Khu công nghiệp Dung Quất gắn liền với việc xây dựng nhà máy lọc hóa dầu lớn đầu tiên của nước ta tại đây.

2. Chuyển Khu công nghiệp Dung Quất thành Khu kinh tế Dung Quất: Khu công nghiệp Dung Quất được thành lập từ tháng 8-1996, đến nay đã tiến hành

xong việc quy hoạch chi tiết sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị, đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giai đoạn 1 và có 38 dự án được cấp phép đầu tư với số vốn đăng ký hơn 34.800 tỉ đồng. Trên thực tế, Khu công nghiệp Dung Quất đang phát triển theo hướng hình thành một khu kinh tế tổng hợp bao gồm khu công nghiệp, khu chế xuất, khu bảo thuế, khu cảng chuyên dùng, khu du lịch, dịch vụ, khu dân cư, khu hành chính...

Song Khu công nghiệp Dung Quất hình thành và phát triển còn quá chậm so với tiến độ đề ra ban đầu.

Nguyên nhân chủ yếu là do: tiến độ xây dựng Nhà máy lọc hóa dầu tại đây chậm hơn nhiều so với kế hoạch; quy chế tổ chức hoạt động của Khu công nghiệp Dung Quất và cơ chế, chính sách đang áp dụng ở đây chưa bao quát được đầy đủ nội dung hoạt động kinh tế trên địa bàn và chưa thực sự hấp dẫn để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp và phát huy hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước.

Để đẩy nhanh phát triển tổng hợp kinh tế Khu Dung Quất nhằm góp phần thúc đẩy phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, kinh tế các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Bộ Chính trị quyết định:

- Chuyển Khu công nghiệp Dung Quất thành Khu kinh tế Dung Quất; cho phép được áp dụng ở Khu kinh tế Dung Quất những chính sách ưu đãi như đối với Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Giao Ban Cán sự đảng Chính phủ tăng cường chỉ đạo và có giải pháp mạnh mẽ để đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy lọc hóa dầu tại đây.

3. Về các giải pháp và chính sách cụ thể:

3.1. Về quy hoạch Khu kinh tế Dung Quất: Việc xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất (trước mắt dự kiến trên diện tích 10.300ha) phải trên cơ sở làm tốt công tác quy hoạch. Theo tinh thần đó cần sớm tiến hành rà soát lại quy hoạch phát triển Khu kinh tế Dung Quất bảo đảm phối hợp hài hòa đồng bộ với quy hoạch phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai và toàn vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Trong quy hoạch, cần chú ý phát triển toàn diện và đồng bộ các khu sản xuất, dịch vụ và khu dân cư, bảo đảm điều kiện sinh hoạt, làm việc cho công nhân, nhân dân trên địa bàn, trước hết là điều kiện ăn, ở, học tập và chăm sóc sức khỏe...

Để bảo đảm chất lượng cho quy hoạch phát triển phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nên xem xét việc thuê công ty nước ngoài tham gia quá trình quy hoạch Khu kinh tế Dung Quất.

3.2. Về những cơ chế, chính sách áp dụng đối với cả Khu kinh tế Dung Quất và Khu kinh tế mở Chu Lai:

Bộ Chính trị đồng ý với những đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ:

- Cơ chế về tài chính: Trên cơ sở thực hiện các quy định của Luật ngân sách, để lại toàn bộ nguồn ngân sách thu được trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và Khu kinh tế mở Chu Lai cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của các khu này theo các chương trình mục tiêu.

Mở rộng các hình thức huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ODA, phát hành trái phiếu

Chính phủ, trái phiếu công trình BOT, BTO, BT và đấu giá quyền sử dụng đất.

- Đồng ý phân cấp cho Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế mở Chu Lai được quyền quyết định cấp phép cho các dự án đầu tư có quy mô đến 40 triệu USD.

- Chính sách đất đai, nhà ở: Nghiên cứu vận dụng cho phép các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh vào các khu này được hưởng chế độ thuê đất ưu đãi nhất theo Luật đất đai; thí điểm việc miễn thu tiền thuê đất có thời hạn. Chú ý ưu tiên tập trung xây dựng các khu nhà chung cư phục vụ cho các đối tượng làm việc tại đây - cả cho người lao động trong nước và người nước ngoài.

- Chính sách thuế: Đồng ý ưu tiên giảm thuế thu nhập cá nhân tới 50% đối với những người làm việc tại các khu này (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài). Miễn, giảm có thời hạn các mức thuế hiện hành đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh như đã áp dụng đối với Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm: Ưu tiên tuyển dụng và sử dụng lao động tại chỗ; có chính sách đào tạo nghề đối với lực lượng lao động ở địa phương, tạo điều kiện để họ có thể vào làm việc tại các doanh nghiệp trong khu kinh tế. Đồng thời có chính sách ưu đãi để thu hút số lao động có chuyên môn cao, tay nghề giỏi từ các nơi khác về làm việc tại đây.

4. Về mô hình tổ chức:

- Trong giai đoạn đầu, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất được thành lập và trực thuộc Thủ tướng Chính phủ để

giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch, xây dựng và phát triển Khu kinh tế. Chính phủ phân công một Phó Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng phát triển Khu kinh tế Dung Quất và Nhà máy lọc hóa dầu tại đây.

Sau khi hoàn thành xây dựng và đưa nhà máy lọc dầu đi vào vận hành thì Khu kinh tế Dung Quất sẽ được giao về cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quản lý.

- Thành lập Đảng bộ Khu kinh tế Dung Quất trực thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.

5. Tổ chức thực hiện

- Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ vào Thông báo kết luận này tổ chức chỉ đạo thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2004 về định hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất để tạo sự nhất trí cao trong quá trình thực hiện.

- Giao Ban Kinh tế Trung ương theo dõi, kiểm tra thực hiện Thông báo kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 05-KH/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2004
Về kiểm tra thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai

Thực hiện Chương trình kiểm tra năm 2003 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Công văn số 90-CTr/TW, ngày 15-5-2003, Kết luận của Bộ Chính trị về kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai tại Thông báo số 108-TB/TW, ngày 14-5-2003 và chỉ đạo của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện chương trình kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai trong hai năm 2003 và 2004 tại Công văn số 4134-CV/VPTW, ngày 19-8-2003; kế hoạch triển khai việc kiểm tra cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá đúng tình hình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về công tác kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả công tác kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai năm 2002 và việc triển khai tiếp của năm 2003.

- Đánh giá đúng hiệu quả đầu tư xây dựng trong những năm qua, đồng thời phát hiện những sơ hở, vi phạm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai ở một số bộ, ngành, địa phương để có biện pháp khắc phục và hoàn thiện về cơ chế, chính sách; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm đưa hoạt động đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai đi vào nền nếp; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phải tìm ra những nơi chấp hành tốt và chưa tốt, những việc cần phải làm, khắc phục trong thời gian tới.

- Việc kiểm tra phải bảo đảm nghiêm túc, tránh tình trạng kiểm tra mang tính hình thức, làm lướt, không mang lại hiệu quả.

II- NỘI DUNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Quyết định số 273/QĐ-TTG, ngày 12-4-2002 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 03/2003/NQ-CP, ngày 29-1-2003 của Chính phủ về kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương, bộ, ngành.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra năm 2002 và sáu tháng đầu năm 2003, cần đi sâu làm rõ:

+ Về đầu tư xây dựng: thực trạng đầu tư, xây dựng tại địa phương, bộ, ngành; hiệu quả của dự án sau khi công trình đi vào hoạt động, trên cơ sở đó đánh giá rõ đúng, sai trong chủ trương đầu tư, trong tổ chức triển khai xây dựng công trình.

+ Về quản lý, sử dụng đất đai: công tác quản lý nhà nước tại địa phương, bộ, ngành thực trạng và hiệu quả sử dụng đất đai; những vướng mắc nổi cộm trong quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương, bộ, ngành.

- Kế hoạch, biện pháp xử lý, khắc phục những sai phạm, vướng mắc về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai nêu trên.

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra thực hiện những văn bản, kế hoạch của địa phương, bộ, ngành về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Cơ chế giám sát việc đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai ở địa phương, bộ, ngành.

- Những nội dung liên quan khác.

2. Đối tượng kiểm tra

- Bộ Chính trị giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì, trực tiếp chỉ đạo việc kiểm tra của Trung ương tại: Bình Phước, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Quyết định số 273/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 03/2003/NQ-CP của Chính phủ về kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Tất cả các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đều phải tự kiểm tra, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban đảng để đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai.

- Trong năm 2004, tập trung thanh tra, kiểm tra trực tiếp các dự án, công trình lớn thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng và các địa phương, đơn vị có nhiều vấn đề nổi cộm trong việc quản lý, sử dụng đất đai.

III- PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

- Căn cứ nội dung kiểm tra nêu trên, các đoàn kiểm tra xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể; yêu cầu, hướng dẫn các địa phương đơn vị được kiểm tra chuẩn bị đầy đủ những nội dung cần báo cáo.

- Đoàn kiểm tra trực tiếp nghe và cho ý kiến về báo cáo của địa phương, đơn vị được kiểm tra. Nhận xét, đánh giá sau khi kiểm tra; kiến nghị đối với địa phương, đơn vị về biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm; nếu thấy cần thiết thì kiến nghị thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành để tập trung làm rõ; tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị (qua Ban Cán sự Đảng Chính phủ).

- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương (kể cả các địa phương, đơn vị được kiểm tra nêu tại tiết a, điểm 1, mục IV) căn cứ chỉ đạo của Bộ Chính trị và kế hoạch này xây dựng kế hoạch tự kiểm tra ở địa phương, bộ, ngành; báo cáo kết quả lên Bộ Chính trị (qua Ban Cán sự Đảng Chính phủ).

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ở Trung ương

a) Theo sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ tổ chức 5 đoàn kiểm tra, mỗi đoàn kiểm tra do một đồng chí lãnh đạo ban, bộ, ngành ở Trung ương làm trưởng đoàn, mỗi đoàn trưng tập từ 3 đến 5 cán bộ cấp vụ hoặc chuyên viên cao cấp của một số cơ quan, bộ, ngành tham gia làm thành viên, cụ thể như sau:

- Đoàn kiểm tra tại tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn: do một đồng chí lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, 1 cán bộ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng và 1 cán bộ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Phước: do một đồng chí lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1 cán bộ thuộc Ủy ban Kiểm tra Trung ương, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng và 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và An Giang: do một đồng chí lãnh đạo Thanh tra Nhà nước làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước, 1 cán bộ thuộc Ban Nội chính Trung ương, 1 cán bộ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng và 1 cán bộ thuộc Văn phòng Chính phủ tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại Bộ Giao thông vận tải: do một đồng chí lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Ủy ban Kiểm tra Trung ương, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2), 1 cán bộ thuộc Bộ Xây dựng, 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước và 1 cán bộ thuộc Văn phòng Chính phủ tham gia là thành viên.

- Đoàn kiểm tra tại Bộ Xây dựng: do một đồng chí lãnh đạo Ban Nội chính Trung ương làm Trưởng đoàn, 1 cán bộ thuộc Ban Nội chính Trung ương, 1 cán bộ thuộc Văn phòng Quốc hội, 1 cán bộ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 1 cán bộ thuộc Thanh tra Nhà nước và 1 cán bộ thuộc Văn phòng Chính phủ tham gia là thành viên.

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra của Bộ Chính trị, Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, lựa chọn điểm kiểm tra, quyết định thành lập các đoàn kiểm tra của Trung ương về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai trong năm 2004; đồng thời hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai, thực hiện việc tự kiểm tra.

2. Ở các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương

Bộ Chính trị giao các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thành lập các đoàn kiểm tra, mỗi đoàn do một đồng chí làm trong ban thường vụ cấp ủy hoặc lãnh đạo ban cán sự đảng,

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, hoặc trưởng các ban của Đảng, Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố làm trưởng đoàn. Đoàn kiểm tra trưng tập một số cán bộ, chuyên viên có trình độ, năng lực tham gia làm thành viên để tiến hành cuộc kiểm tra.

Đối với các bộ, ngành và địa phương được các đoàn của Trung ương kiểm tra cần chủ động phối hợp để xây dựng kế hoạch kiểm tra ở đơn vị mình cho phù hợp.

3. Thời gian thực hiện

a) Đối với kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra đầu tư, xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai:

- Đến ngày 15-10-2003: triển khai xong kế hoạch kiểm tra từ trung ương đến cơ sở, cụ thể:

+ Các ban, bộ, ngành nói tại tiết a, điểm 1, mục IV gửi danh sách Trưởng đoàn và các thành viên về Ban Cán sự Đảng Chính phủ trước ngày 20-9-2003 để quyết định thành lập các đoàn kiểm tra của Trung ương.

+ Các đoàn kiểm tra của Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể xong trước ngày 5-10-2003.

+ Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào kế hoạch này quyết định thời gian triển khai cụ thể.

- Từ tháng 11 đến tháng 12-2003: tiến hành xong các cuộc kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở. Các đoàn kiểm tra

của Trung ương, các địa phương, bộ, ngành tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra và tự kiểm tra lên Bộ Chính trị (qua Ban Cán sự Đảng Chính phủ) trước ngày 15-12-2003; Ban Cán sự Đảng Chính phủ tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 31-12-2003.

b) Đối với kiểm tra, thanh tra trực tiếp về đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai:

- Giao Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường căn cứ tinh thần Quyết định số 273/QĐ-TTg ngày 12-4-2002 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2004, dự kiến điểm và thời gian thanh tra, kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15-11-2003.

- Từ tháng 1-2004 đến tháng 11-2004 tiến hành xong các cuộc thanh tra, kiểm tra.

- Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất đai trong phạm vi cả nước, báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ trước ngày 15-12-2004 để tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị.

4. Về kinh phí

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí phục vụ hoạt động cho các đoàn kiểm tra của Trung ương (theo tiết a, điểm 1, mục IV). Thành viên của các đoàn kiểm tra này do cơ quan chủ quản của thành viên đó bảo đảm các chế độ và phương tiện đi lại.

Đối với các đoàn kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương do các tổ chức đảng xem xét, giải quyết theo quy định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
PHAN VĂN KHẢI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 120-QĐ/TW, ngày 13 tháng 9 năm 2004

Về việc bổ sung thành viên Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng Đại hội X của Đảng

- Căn cứ Quyết định của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về việc thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội X của Đảng;

- Căn cứ đề nghị của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Bổ sung đồng chí Trần Đình Nghiêm, nguyên Giám đốc kiêm Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia vào Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng.

2. Đồng chí Trần Đình Nghiêm có trách nhiệm thực hiện

các nhiệm vụ cụ thể do Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng phân công.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 122-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004

Thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư và Luật khiếu nại, tố cáo

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét đề nghị của Ban Nội chính Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành để tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW, ngày 6-3-2002 của Ban Bí thư về lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổng kết việc thực hiện *Luật khiếu nại, tố cáo*, gồm các đồng chí:

1- Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương, Trưởng ban;

2- Quách Lê Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thanh tra Nhà nước, Phó Trưởng ban Thường trực;

3- Trần Đại Hưng, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Phó ban;

4- Đỗ Duy Thường, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên;

5- Lê Thế Tiệm, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên;

6- Trần Quốc Vượng, Phó Chánh Văn phòng Trung ương, Ủy viên;

7- Nguyễn Văn Lâm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên;

8- Trần Quốc Thuận, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên;

9- Nguyễn Đức Tụ, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ủy viên;

10- Dương Thanh Biểu, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy viên;

11- Lê Thị Thu Ba, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên;

12- Triệu Văn Bé, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy viên;

13- Đinh Tiến Dũng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo phối hợp với các ngành có liên quan tiến hành tổng kết Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư và Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 3. Ban Chỉ đạo được trưng dụng một số đồng chí chuyên viên của các ngành làm nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo.

Điều 4. Các đồng chí có tên tại Điều 1 và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 124-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị chiến đấu tập trung thuộc Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 107-QĐ/TW, ngày 19-8-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tổ chức đảng trong Công an nhân dân;

- Xét đặc điểm, nhiệm vụ của các đơn vị chiến đấu tập trung thuộc Công an nhân dân,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị chiến đấu tập trung thuộc Công an nhân dân như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Các đơn vị chiến đấu tập trung của Công an nhân dân là lực lượng vũ trang cơ động, góp phần quan trọng bảo

đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị chiến đấu tập trung là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp trên; lãnh đạo mọi mặt công tác của đơn vị; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong đơn vị.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1- Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của đơn vị.

2- Nghiên cứu, đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những chủ trương, phương hướng, biện pháp lớn về công tác bảo vệ an toàn các mục tiêu, đối tượng được phân công theo đúng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và chỉ thị, mệnh lệnh chiến đấu của cấp trên, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị. Khi có yêu cầu đột xuất và những nhiệm vụ quan trọng, cấp ủy ra nghị quyết chuyên đề lãnh đạo đơn vị thực hiện.

3- Đề ra các chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị trong mọi tình huống; thông qua phương án tác chiến và quyết tâm chiến đấu của người chỉ huy; lãnh đạo việc quản lý, bảo vệ vũ khí, phương tiện chiến đấu đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu.

4- Lãnh đạo xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện theo hướng chính quy, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ; bảo đảm công khai, dân chủ, công bằng trong thực hiện chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và của ngành trong đơn vị.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và chiến sĩ; thực hiện nghiêm 5 lời thề danh dự, 10 điều kỷ luật của Công an nhân dân và 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân; phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của Công an nhân dân và của đơn vị; kịp thời nắm tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên, chiến sĩ nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức về mọi mặt và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và chiến sĩ đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục

bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện đúng quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ của đơn vị.

2- Cấp ủy nhận xét, đánh giá cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị; ra nghị quyết về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ... đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc thẩm quyền và lãnh đạo thực hiện các nghị quyết đó trong đơn vị.

3- Cấp ủy đề nghị cấp trên xét, quyết định các vấn đề tổ chức, cán bộ của đơn vị thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1- Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của đơn vị.

2- Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị chấp hành và phát huy quyền làm chủ tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của cấp ủy và nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân và các tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ,

đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp ủy nên cơ cấu đồng chí đảng viên là thủ trưởng đơn vị.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về những điều đảng viên, cán bộ công an không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng đơn vị

1- Quan hệ giữa cấp ủy với thủ trưởng đơn vị là quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng. Cấp ủy ra nghị quyết định hướng về nhiệm vụ và tạo điều kiện để thủ trưởng đơn vị thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Định kỳ (hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và đại hội đảng bộ, chi bộ),

thủ trưởng đơn vị báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và những chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Cấp ủy hoặc đại hội thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thực hiện. Thủ trưởng đơn vị quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy, của đại hội thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh công tác và chỉ đạo, điều hành thực hiện.

2- Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy những chủ trương, kế hoạch công tác lớn của cấp trên giao. Cấp ủy thảo luận, quán triệt và ra nghị quyết để lãnh đạo cán bộ, đảng viên và chiến sĩ thực hiện.

3- Cấp ủy thường xuyên thông báo với thủ trưởng đơn vị những ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ về việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chế độ, chính sách trong đơn vị. Thủ trưởng có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo kết quả với cấp ủy.

4- Bí thư cấp ủy, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, pháp luật khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và tiêu cực trong đơn vị.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với tổ chức đảng và chính quyền địa phương ***(trừ các đơn vị do yêu cầu công tác cần giữ bí mật)***

Cấp ủy xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở của đơn vị và có đảng viên của đảng bộ, chi bộ đang cư trú để phối hợp trong công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị chiến đấu tập trung thuộc Công an nhân dân xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 78-QĐ/TW, ngày 13-8-1993 của Ban Bí thư (khóa VII), có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 125-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị nghiệp vụ trinh sát, điều tra thuộc Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 107-QĐ/TW, ngày 19-8-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tổ chức đảng trong Công an nhân dân;

- Xét đặc điểm, nhiệm vụ của các đơn vị nghiệp vụ trinh sát, điều tra thuộc Công an nhân dân,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị nghiệp vụ trinh sát, điều tra thuộc Công an nhân dân như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Các đơn vị nghiệp vụ trinh sát, điều tra của Công an nhân dân là lực lượng trọng yếu trong bảo đảm an

ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trinh sát, điều tra là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp trên; lãnh đạo mọi mặt công tác của đơn vị; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong đơn vị.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1- Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của đơn vị.

2- Nghiên cứu, đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những chủ trương, phương hướng, biện pháp lớn về công tác phòng ngừa, đấu tranh với các đối tượng thuộc lĩnh vực chuyên môn do đơn vị đảm nhiệm, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các tệ nạn xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị. Khi có yêu cầu đột xuất và những

nhiệm vụ quan trọng, cấp ủy ra nghị quyết chuyên đề lãnh đạo đơn vị thực hiện.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong đơn vị nắm chắc tình hình, nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các phương án, kế hoạch công tác trình cấp có thẩm quyền quyết định, không ngừng cải tiến và nâng cao hiệu quả công tác, chiến đấu để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên chiến sĩ trong đơn vị.

4- Lãnh đạo xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ; bảo đảm công khai, dân chủ, công bằng trong thực hiện chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và của ngành trong đơn vị.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và chiến sĩ; thực hiện nghiêm 5 lời thề danh dự, 10 điều kỷ luật của Công an nhân dân và 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân; phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của Công an nhân dân và của đơn vị; kịp thời nắm tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên, chiến sĩ nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức về mọi mặt và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và chiến sĩ đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện đúng quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ của đơn vị.

2- Cấp ủy nhận xét, đánh giá cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị; ra nghị quyết về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ... đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc thẩm quyền và lãnh đạo thực hiện các nghị quyết đó trong đơn vị.

3- Cấp ủy đề nghị cấp trên xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của đơn vị thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1- Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của đơn vị.

2- Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị chấp hành và phát huy quyền làm chủ tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của cấp ủy và nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân và các tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật

đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp ủy nên cơ cấu đồng chí đảng viên là thủ trưởng đơn vị.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về những điều đảng viên, cán bộ công an không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng đơn vị

1- Quan hệ giữa cấp ủy với thủ trưởng đơn vị là quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng. Cấp ủy ra nghị quyết định hướng về nhiệm vụ và tạo điều kiện để thủ trưởng đơn vị

thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Định kỳ (hằng tháng, ba tháng, sáu tháng và đại hội đảng bộ, chi bộ), thủ trưởng đơn vị báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và những chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Cấp ủy hoặc đại hội thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thực hiện. Thủ trưởng đơn vị quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy, của đại hội thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh công tác và chỉ đạo, điều hành thực hiện.

2- Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy những chủ trương, kế hoạch công tác lớn của cấp trên giao. Cấp ủy thảo luận, quán triệt và ra nghị quyết để lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thực hiện. Đối với những nhiệm vụ quan trọng do yêu cầu cần giữ bí mật, cấp ủy hoặc ban thường vụ giao cho một số cấp ủy viên chịu trách nhiệm lãnh đạo trực tiếp nhiệm vụ đó, sau khi hoàn thành hoặc khi thực hiện có vướng mắc phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy hoặc ban thường vụ.

3- Cấp ủy thường xuyên thông báo với thủ trưởng đơn vị những ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ về việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chế độ, chính sách trong đơn vị. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo kết quả với cấp ủy.

4- Bí thư cấp ủy, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, pháp luật khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong đơn vị.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với tổ chức đảng và chính quyền địa phương *(trừ các đơn vị do yêu cầu công tác cần giữ bí mật)*

Cấp ủy xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở của đơn vị và có đảng viên của đảng bộ, chi bộ đang cư trú để phối hợp trong công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trinh sát, điều tra thuộc Công an nhân dân xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 77-QĐ/TW, ngày 13-

8-1993 của Ban Bí thư (khóa VII), có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 126-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004

Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng thuộc Công an nhân dân

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khóa IX);

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 107-QĐ/TW, ngày 19-8-2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về tổ chức đảng trong Công an nhân dân;

- Xét đặc điểm, nhiệm vụ của các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng thuộc Công an nhân dân,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng thuộc Công an nhân dân như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1. Các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng của Công an nhân dân là lực lượng trực tiếp giam giữ, quản lý, giáo dục và cải tạo các loại đối tượng, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp trên; lãnh đạo mọi mặt công tác của đơn vị; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong đơn vị.

II- NHIỆM VỤ

Điều 2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

1- Quán triệt và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của đơn vị.

2- Nghiên cứu, đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định những chủ trương, phương hướng, biện pháp lớn về công tác giam giữ, quản lý, giáo dục và cải tạo các loại đối tượng thuộc đơn vị quản lý trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các tệ

nạn xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, cấp ủy ra nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị. Khi có yêu cầu đột xuất và những nhiệm vụ quan trọng, cấp ủy ra nghị quyết chuyên đề lãnh đạo đơn vị thực hiện.

3- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các phương án bảo vệ trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng an toàn trong mọi tình huống, chủ động phòng ngừa không để các đối tượng trốn, chống phá, vi phạm nội quy, quy chế hoặc suy kiệt, chết không bình thường trong trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

4- Lãnh đạo xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ; bảo đảm công khai, dân chủ, công bằng trong thực hiện chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước và của ngành trong đơn vị.

Điều 3. Lãnh đạo công tác tư tưởng

1- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và chiến sĩ; thực hiện nghiêm 5 lời thề danh dự, 10 điều kỷ luật của Công an nhân dân và 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân; phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của Công an nhân dân và của đơn vị; kịp thời nắm tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ để giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

2- Kịp thời phổ biến, quán triệt để cán bộ, đảng viên và chiến sĩ nắm vững và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị; thường xuyên bồi dưỡng,

nâng cao trình độ chính trị, kiến thức về mọi mặt và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

3- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và chiến sĩ đấu tranh chống các quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bản vị, những hành vi nói, viết và làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những biểu hiện mất dân chủ, gia trưởng, độc đoán, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức, kỷ luật; phòng, chống sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ.

Điều 4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

1- Cấp ủy lãnh đạo xây dựng và thực hiện đúng quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ của đơn vị.

2- Cấp ủy nhận xét, đánh giá cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị; ra nghị quyết về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ... đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc thẩm quyền và lãnh đạo thực hiện các nghị quyết đó trong đơn vị.

3- Cấp ủy đề nghị cấp trên xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của đơn vị thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng

1- Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tạo điều

kiện thuận lợi để các đoàn thể hoạt động, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của đơn vị.

2- Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong đơn vị chấp hành và phát huy quyền làm chủ tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của cấp ủy và nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 6. Xây dựng tổ chức đảng

1- Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu nhân dân và các tiêu cực trong đơn vị. Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

2- Giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

3- Cấp ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa

vụ công dân nơi cư trú. Làm tốt công tác động viên, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm, kịp thời những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

5- Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp ủy nên cơ cấu đồng chí đảng viên là thủ trưởng đơn vị.

6- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về những điều đảng viên, cán bộ công an không được làm. Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 7. Đối với thủ trưởng đơn vị

1- Quan hệ giữa cấp ủy với thủ trưởng đơn vị là quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng. Cấp ủy ra nghị quyết định hướng về nhiệm vụ và tạo điều kiện để thủ trưởng đơn vị thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao. Định kỳ (hằng tháng,

ba tháng, sáu tháng và đại hội đảng bộ, chi bộ), thủ trưởng đơn vị báo cáo với cấp ủy hoặc đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và những chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Cấp ủy hoặc đại hội thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thực hiện. Thủ trưởng đơn vị quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy, của đại hội thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh công tác và chỉ đạo, điều hành thực hiện.

2- Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm báo cáo với cấp ủy những chủ trương, kế hoạch công tác lớn của cấp trên giao. Cấp ủy thảo luận, quán triệt và ra nghị quyết để lãnh đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ thực hiện.

3- Cấp ủy thường xuyên thông báo với thủ trưởng đơn vị những ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chế độ, chính sách trong đơn vị. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo thẩm quyền của mình và báo cáo kết quả với cấp ủy.

4- Bí thư cấp ủy, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, pháp luật khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực trong đơn vị.

Điều 8. Đối với các đoàn thể quần chúng

Định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, cấp ủy làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, nắm tình hình hoạt động của từng đoàn thể để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời.

Điều 9. Đối với tổ chức đảng và chính quyền địa phương

Cấp ủy xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cấp ủy và chính quyền địa phương nơi có trụ sở của đơn vị và có đảng viên của đảng bộ, chi bộ đang cư trú để phối hợp trong công tác và quản lý đảng viên.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2- Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng thuộc Công an nhân dân xây dựng quy chế hoạt động cụ thể để thực hiện.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 79-QĐ/TW, ngày 13-8-1993 của Ban Bí thư (khóa VII), có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 44-CT/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2004
Về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người

Thời gian qua, công tác kết nạp đảng viên được các cấp ủy quan tâm tích cực chỉ đạo, đạt được một số kết quả tốt; đã kết nạp hàng vạn đảng viên mới, góp phần tăng thêm sức chiến đấu và bảo đảm sự kế thừa, phát triển liên tục của Đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong sự nghiệp đổi mới của Đảng.

Tuy nhiên, công tác kết nạp đảng viên còn bộc lộ những thiếu sót cả về nhận thức và tổ chức thực hiện; chưa đáp ứng yêu cầu kế thừa, phát triển liên tục và tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; nhiều lĩnh vực và địa bàn chưa có đảng viên.

Hiện nay, Đảng ta đang triển khai sâu rộng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh, quyết tâm thực hiện *Di chúc* của Người, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX và chuẩn bị tốt Đại hội X của Đảng. Nhằm phát huy kết quả của đợt sinh hoạt chính trị quan trọng này,

tăng thêm lực lượng và sức chiến đấu của Đảng, thiết thực kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng, Ban Bí thư quyết định tiến hành đợt "kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người".

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Việc kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh phải gắn liền với việc giáo dục và học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh, lịch sử và truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, lý tưởng cách mạng của Đảng, của Bác Hồ. Thông qua thực tiễn và phong trào quần chúng lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào Đảng để tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, bảo đảm sự kế thừa, phát triển liên tục của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay và lâu dài.

1.2. Đợt kết nạp này phải chú trọng chất lượng đảng viên, không chạy theo số lượng, phải làm thật đúng những thủ tục đã quy định. Người được kết nạp vào Đảng phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng.

1.3. Chú ý kết nạp vào Đảng những người ưu tú là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, phụ nữ, dân tộc thiểu số, người lao động trong các thành phần kinh tế; ở những cơ sở trọng điểm, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên.

Phấn đấu từ 3 đến 5 năm tới, giải quyết cơ bản số thôn, ấp, bản, buôn, làng, trường học, doanh nghiệp... chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên.

2. Nội dung và phương pháp tiến hành

2.1. Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm công tác kết nạp đảng viên trong thời gian qua, chủ yếu là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đến nay. Xây dựng kế hoạch thực hiện đợt "kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người" bảo đảm yêu cầu về chất lượng; trọng tâm là kết nạp được đảng viên ở những cơ sở trọng điểm, ở những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên.

2.2. Tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tiếp tục nghiên cứu, quán triệt thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27-3-2003 về "đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới" và Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 17-10-2003 "về việc đổi thẻ đảng viên" của Ban Bí thư gắn với việc thực hiện đợt "kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người" để tuyên truyền, vận động quần chúng phấn đấu vào Đảng.

2.3. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, phát động các phong trào thi đua yêu nước để lựa chọn những người ưu tú giới thiệu với tổ chức đảng để xem xét kết nạp vào Đảng.

2.4. Có kế hoạch tạo nguồn và tổ chức tốt việc giáo dục, bồi dưỡng những người ưu tú, cảm tình Đảng có nhận thức sâu sắc về Đảng, có động cơ đúng đắn và tự nguyện phấn đấu vào Đảng. Các trung tâm bồi dưỡng chính trị của

huyện, quận, thị ủy có kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đảng viên mới kết nạp và những người ưu tú, cảm tình Đảng.

2.5. Tập huấn cho các cấp ủy đảng, đảng viên nắm vững và thực hiện đúng phương châm, phương hướng, tiêu chuẩn, điều kiện và nguyên tắc, thủ tục kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức theo quy định của Điều lệ Đảng và nghị quyết của Đảng, để đợt kết nạp này phải được tiến hành thật tốt, làm mẫu mực cho công tác kết nạp đảng viên từ nay về sau.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Thời gian thực hiện đợt "kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người" được tiến hành từ nay đến ngày 19-5-2006. Sau một năm thực hiện, các cấp ủy đảng sơ kết rút kinh nghiệm; khi kết thúc, tiến hành tổng kết thực hiện Chỉ thị, đánh giá kết quả và những mặt hạn chế cần khắc phục, nâng cao chất lượng và đưa công tác kết nạp đảng viên vào nền nếp trong đảng bộ, chi bộ.

3.2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Chỉ thị này có kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình, đặc điểm của đảng bộ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện.

3.3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ủy ban Kiểm tra

Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Chỉ thị này.

3.4. Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 156-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2004

Về một số nội dung cơ bản của dự án Luật xuất bản (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 13-10-2004, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình về một số vấn đề của dự án Luật xuất bản (sửa đổi) (Tờ trình số 215/ĐĐQH11, ngày 27-9-2004) và ý kiến của các cơ quan hữu quan, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản

Hoạt động xuất bản có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thông tin, phổ biến tri thức về mọi mặt thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan chặt chẽ đến công tác văn hóa, tư tưởng. Do đó, việc xác định hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng là phù hợp.

2. Về kiểm duyệt trước khi xuất bản

Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về việc quy định Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất

bản, nhưng phải quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân (nhất là giám đốc, tổng biên tập, cơ quan chủ quản nhà xuất bản) trong hoạt động xuất bản. Cân nhắc kỹ cách thể hiện nội dung Điều 5 của dự thảo Luật để tránh sự hiểu lầm là Nhà nước thả nổi, không quản lý việc phổ biến tác phẩm. Quy định rõ việc xử lý đối với những trường hợp lợi dụng quyền phổ biến tác phẩm làm thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Về các vấn đề: phân cấp cho địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, đối tượng được thành lập nhà xuất bản, liên kết trong hoạt động xuất bản, và mở văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu trong Tờ trình trên.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc chỉnh lý hoàn thiện dự án Luật để trình Quốc hội; trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết thì báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 158-TB/TW, ngày 21 tháng 10 năm 2004

Về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XV và phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2010

Ngày 27-9-2004, Ban Bí thư làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng nghe báo cáo kết quả ba năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XV và phương hướng, nhiệm vụ công tác đến năm 2010.

Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo, các ban, bộ, ngành có liên quan ở Trung ương phát biểu, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Cao Bằng là tỉnh vùng cao biên giới phía Bắc, có vị trí chiến lược rất quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ngày nay; là địa phương giàu truyền thống yêu nước, nhân dân các dân tộc một lòng theo Đảng, có nhiều hy sinh, đóng góp cho cách mạng, là nơi Bác Hồ về nước đặt căn cứ đầu tiên để cùng Trung ương lãnh đạo cách mạng.

Cao Bằng có những thuận lợi: đất lâm nghiệp rộng, tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú, có ba cửa khẩu với Trung Quốc, có nhiều di tích lịch sử cách mạng quan trọng và danh lam thắng cảnh nổi tiếng...; nhưng cũng là tỉnh có nhiều khó khăn: địa hình vùng núi phức tạp và chia cắt, thường xuyên có thiên tai mưa lũ, đất nông nghiệp ít, nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt còn nhiều khó khăn, giao thông trở ngại và chưa phát triển, trình độ dân trí của đồng bào các dân tộc thiểu số (chiếm 95% dân số) không đồng đều.

2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, ba năm rưỡi qua, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã có nhiều cố gắng làm chuyển biến một số mặt của đời sống xã hội: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân trên 10%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tỉnh đã cơ bản tự túc được lương thực, hình thành được một số vùng chuyên canh cây công nghiệp (thuốc lá, mía, đậu tương...), nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 47%. Cơ sở hạ tầng từng bước chuyển biến. Thương mại, du lịch và kinh tế cửa khẩu có khởi sắc, năm 2003 kim ngạch xuất nhập khẩu đạt hơn 68 triệu USD, gấp 2,6 lần, thu ngân sách đạt 172 tỉ đồng, gấp 2,4 lần năm 2000. Sự nghiệp giáo dục, y tế và văn hóa có chuyển biến nhất định về quy mô và chất lượng. Không còn hộ đói kinh niên, tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm 3%, nay còn 13,4%.

Quốc phòng, an ninh luôn được giữ vững. Phong trào nhân dân tự quản đường biên, mốc giới, đưa dân trở lại xóm,

bản sát biên giới đã góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với địa phương nước bạn. Trong nội địa, tình hình chính trị ổn định, tình đoàn kết các dân tộc được giữ vững; không phát sinh điểm nóng hoặc khiếu kiện đông người.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm, việc phổ biến quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được thực hiện nghiêm túc. Tổ chức bộ máy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở từng bước được kiện toàn.

Ban Bí thư ghi nhận và biểu dương những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã đạt được.

3. Cao Bằng còn những yếu kém và khó khăn đáng chú ý sau đây:

- Cao Bằng hiện vẫn là một trong những tỉnh nghèo với 73% số xã đặc biệt khó khăn, tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2003 mới đạt 3,7 triệu đồng, bằng khoảng một nửa mức bình quân của cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận đồng bào, nhất là ở ba huyện miền tây và các xã vùng cao, biên giới còn nhiều khó khăn, đói giáp hạt vẫn xảy ra ở một số nơi, nguy cơ tái nghèo còn cao.

- Kinh tế nông, lâm nghiệp tăng trưởng chậm, thu nhập thấp. Sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ bé, thiết bị và công nghệ lạc hậu, chủ yếu là khai thác và xuất bán quặng thô, hiệu quả thấp; nguồn thủy năng chậm được khai thác.

Kinh tế cửa khẩu và kinh doanh du lịch còn nhỏ bé; các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh còn ít được đầu tư.

- Kết cấu hạ tầng tuy được cải thiện hơn trước nhưng vẫn thấp kém. Đường quốc lộ, tỉnh lộ đi lại còn trở ngại, đường ôtô đến trung tâm nhiều xã chưa thông bốn mùa, giao thông liên xóm, bản rất khó khăn; nước sinh hoạt và phục vụ cho sản xuất, nhất là ở vùng cao, núi đá thiếu gay gắt; hệ thống lưới điện chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, số hộ dân được dùng điện còn ít.

- Gần 50% số trường lớp các cấp còn là nhà tạm; nhiệm vụ phổ cập trung học cơ sở còn rất nặng nề; số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng hằng năm thấp. Chất lượng khám, chữa bệnh còn hạn chế, trang thiết bị y tế nghèo nàn; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao.

- Công tác phân giới, cắm mốc chậm và gặp nhiều khó khăn; hệ thống đường vành đai biên giới và đường tuần tra còn thấp kém. Hoạt động truyền đạo trái phép và dân di cư tự do chưa được ngăn chặn.

- Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị gặp nhiều khó khăn về kết nạp đảng viên mới và đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở, hiện còn 211 xóm, bản (11%) chưa có đảng viên, 534 xóm, bản và trường học chưa có chi bộ. Cán bộ xã, phường, thị trấn có 12% chỉ đạt trình độ văn hóa cấp I trở xuống, mới có 21% có chuyên môn sơ cấp trở lên; cán bộ cấp tỉnh, huyện mới có 24% có chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên, 8,6% có trình độ lý luận trung cấp trở lên; năng lực của nhiều cán bộ còn bất cập so với yêu cầu quản lý, điều hành.

Nguyên nhân khách quan của tình hình trên là do xuất phát điểm về kinh tế, văn hóa của tỉnh quá thấp; nguồn lực đầu tư có hạn; điều kiện tự nhiên nhiều khó khăn; biên giới dài, nhiệm vụ đấu tranh để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ phức tạp, nặng nề.

Nguyên nhân chủ quan năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng và điều hành của chính quyền có mặt hạn chế; tổ chức thực hiện một số nghị quyết của Đảng và chủ trương của Nhà nước về kinh tế - xã hội ở các cấp chưa tích cực, năng động; địa phương chưa chủ động đề xuất với Trung ương những cơ chế, chính sách phù hợp để tranh thủ sự giúp đỡ; công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực bị hạn chế, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thấp, thiếu cán bộ có năng lực và kinh nghiệm quản lý kinh tế. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn nặng tư tưởng bao cấp, bị động, chờ đợi cấp trên.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương cũng có trách nhiệm trong việc để tình hình nói trên kéo dài, chậm hỗ trợ Cao Bằng khắc phục khó khăn và khai thác tiềm năng thế mạnh để đi lên.

4. Về định hướng và giải pháp chủ yếu đến năm 2010

Ban Bí thư cơ bản đồng tình với định hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng, phát triển tỉnh Cao Bằng. Đồng thời, lưu ý địa phương trong những năm tới phải *đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế - xã hội cao hơn những năm trước, đưa Cao Bằng sớm thoát khỏi tình trạng nghèo, phấn đấu đến năm 2010 trở thành một tỉnh khá và năng động trong khu vực; cải thiện*

rõ rệt hệ thống hạ tầng; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc; không ngừng tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc; xây dựng biên giới Việt - Trung hòa bình hữu nghị, hợp tác, ổn định lâu dài. Biện pháp cơ bản là khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về rừng và đất rừng, tài nguyên khoáng sản, thủy điện, du lịch, cửa khẩu... để phát triển nhanh kinh tế; đặc biệt coi trọng phát triển và nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục, chăm lo nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; không ngừng chăm lo công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vững mạnh. Vì vậy:

- Cao Bằng cần căn cứ vào Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị và định hướng nêu trên để rà soát lại quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra.

- Tập trung khai thác tốt các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trước mắt, khẩn trương nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và đường liên huyện quan trọng; bảo đảm đường ôtô đến trung tâm các xã đi được cả bốn mùa; phát triển và nâng chất lượng đường liên xã, liên thôn bằng cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm. Có cơ chế thu hút mọi nguồn vốn xây dựng mở rộng thị xã Cao Bằng và các khu kinh tế cửa khẩu, trước hết là cửa khẩu Tà Lùng. Thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa trường lớp học, các trung tâm

giáo dục thường xuyên, các cơ sở đào tạo nghề. Cải tạo và nâng cấp các trạm xá xã, bệnh viện đa khoa khu vực... Cần xác định đúng trọng điểm đầu tư để bố trí hợp lý thứ tự ưu tiên, trước hết cho ba huyện miền tây và khu vực biên giới.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ là biện pháp quan trọng để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Theo đó, về công nghiệp phải khẩn trương điều tra, đánh giá trữ lượng các tài nguyên khoáng sản, làm cơ sở xây dựng các dự án khai thác và chế biến khoáng sản (sắt, mangan) tại chỗ; chấm dứt tình trạng khai thác tự phát và xuất khẩu khoáng sản thô. Phát triển mạnh thủy điện gắn với thủy lợi; đẩy mạnh chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Khuyến khích các doanh nghiệp có năng lực ở trong nước đầu tư sản xuất công nghiệp.

Khẩn trương đầu tư xây dựng các cửa khẩu, xây dựng, bảo tồn và tôn tạo khu di tích lịch sử Pác Bó và các khu di tích, các danh lam thắng cảnh nhằm khai thác tốt lợi thế về thương mại và du lịch, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội toàn tỉnh phát triển; trong đó du lịch phải trở thành kinh tế mũi nhọn, phát triển dịch vụ vận tải, ngân hàng, bưu chính viễn thông... để gắn kết thị trường Cao Bằng với cả nước và với các nước khác, đặc biệt chú ý khai thác tốt thị trường Trung Quốc trong những năm tới.

Tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy tốt các lợi thế, đưa giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất. Đẩy mạnh thâm canh cây lương thực ở nơi có điều kiện,

phát triển mía, thuốc lá, hồi, đậu tương và những cây đặc sản khác; đẩy mạnh chăn nuôi bò, trâu thịt; chăm sóc, bảo vệ tốt rừng hiện có, tích cực trồng rừng mới bằng loài cây phù hợp (như tre, trúc...).

- Tập trung giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao dân trí và đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, gắn phát triển kinh tế với công bằng xã hội. Phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; chống tái mù chữ; quan tâm hơn nữa các trường dân tộc nội trú; tăng tỷ lệ con em các dân tộc vào các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp và trường dạy nghề theo hướng bàn với ngành giáo dục tổ chức bồi dưỡng qua các lớp bổ túc hoặc dự bị đại học để học sinh nắm vững các kiến thức cơ bản. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư; giải quyết căn bản nước sinh hoạt cho nhân dân khu vực các huyện miền tây và vùng núi đá.

- Tiếp tục xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân. Tích cực thực hiện phân giới, cắm mốc; hoàn thành công tác đưa dân trở lại xóm, bản biên giới. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng dân di cư tự do; giải quyết đúng mức một số vấn đề cụ thể về công tác tôn giáo.

- Đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên mới bằng nhiều biện pháp thích hợp, phấn đấu sau vài ba năm tới các xóm, bản và trường học đều có đảng viên và chi bộ; quản lý chặt chẽ đảng viên. Tăng cường công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh. Thực hiện

tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; giữ vững khối đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân.

5. Về các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ban Bí thư nhận thấy các kiến nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng đều nhằm mục đích thực hiện tốt Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 1-7-2004 của Bộ Chính trị, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển so với khu vực và cả nước. Ban Bí thư giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành như sau:

a) Đối với các nội dung đã đề cập tại Nghị quyết 37, như: nâng cấp quốc lộ số 3, 4A, 34, 279; ưu tiên đầu tư nâng cấp các tuyến đường đến cửa khẩu, đường vành đai, đường tuần tra biên giới; đẩy nhanh đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh tuyến thị xã Cao Bằng - Pác Bó; ưu tiên đầu tư Khu di tích lịch sử Pác Bó; đẩy mạnh xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu; quy hoạch và phát triển đô thị tỉnh lỵ Cao Bằng đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên phát triển đô thị cửa khẩu Tà Lùng... Chính phủ chỉ đạo lập và xét duyệt sớm các dự án bố trí vốn và tổ chức thực hiện khẩn trương, nhanh phát huy hiệu quả.

b) Đối với các kiến nghị cụ thể khác:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp Cao Bằng điều tra đánh giá trữ lượng các loại khoáng sản, Bộ Công nghiệp giúp Cao Bằng xây dựng các dự án trình Chính phủ xem xét để quyết định chủ trương đầu tư sản xuất gang thép và mangan tại chỗ trong thời gian sớm nhất; tổ chức điều tra, khai thác nước ngầm phục vụ nhân dân các vùng khó khăn.

- Bộ Công nghiệp giúp địa phương đánh giá, khai thác tiềm năng thủy điện; củng cố và phát triển các cơ sở chế biến nông, lâm sản (mía đường, thuốc lá, đậu tương, tre trúc...); tiến hành xây dựng nhanh đường điện 110kV Lạng Sơn - Cao Bằng.

- Tổng cục Du lịch phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin bổ sung các khu di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh đã xếp hạng của Cao Bằng vào quy hoạch hệ thống các khu du lịch trọng điểm quốc gia, ưu tiên hỗ trợ đầu tư để du lịch Cao Bằng phát triển.

- Bộ Giao thông vận tải xem xét trình cấp có thẩm quyền bổ sung quy hoạch tuyến nhánh đường Hồ Chí Minh qua Cao Bằng và Bắc Kạn.

- Chính phủ căn cứ mức độ khó khăn, phức tạp của địa phương để nghiên cứu ban hành cơ chế thích hợp hỗ trợ cho Cao Bằng thực hiện tốt Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị. Trước mắt, ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho Cao Bằng thực hiện các chương trình mục tiêu xây dựng phát triển toàn diện ba huyện miền tây và vùng Phia Oắc - Phia Đén, tạo điều kiện cho tỉnh được tiếp nhận các nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo.

- Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ hỗ trợ thực hiện đề án nâng cao chất lượng công tác tổ chức và cán bộ tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2005 - 2010; Bộ Giáo dục và Đào tạo hằng năm cân đối ưu tiên tăng chỉ tiêu dự bị đại học và cử tuyển cho Cao Bằng.

Đồng ý hằng năm, vào ngày 28-1, Cao Bằng tổ chức kỷ niệm trang trọng, thiết thực có ý nghĩa Ngày Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Các bộ, ngành khác, căn cứ vào tình hình cụ thể của Cao Bằng và theo chức năng, nhiệm vụ của mình có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ địa phương đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, xóa đói, giảm nghèo.

Ban Bí thư tin tưởng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Cao Bằng phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết một lòng, phấn đấu thực hiện tốt mong ước của Bác Hồ "*Tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc...*"; luôn vững vàng trên biên cương, cùng cả nước tiến bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi mục tiêu của Đảng đã đề ra.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 45-CT/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2004

Về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong hai năm 2004 - 2005

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và các Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về sắp xếp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, ba năm qua các cấp ủy và tổ chức đảng đã quán triệt, xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Các quy định pháp luật đã được sửa đổi và bổ sung tương đối đồng bộ, tạo hành lang pháp lý cho việc sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu và quy mô của các doanh nghiệp nhà nước đã được điều chỉnh theo hướng tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt; doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ được các vị trí trọng yếu của nền kinh tế. Nhìn chung, các doanh nghiệp sau sắp xếp, cổ phần hóa đã nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa đạt yêu cầu đề ra. Ở một số nơi, nhận thức về sự cần thiết phải sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chưa đầy đủ và thống nhất; nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện chưa được tháo gỡ. Tiến độ thực hiện chậm; hiệu quả hoạt động của nhiều doanh nghiệp nhà nước còn thấp, tình trạng thất thoát, lãng phí và tham nhũng chưa được khắc phục.

Để thực hiện tốt hơn Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết Trung ương về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung làm tốt những việc sau đây:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong toàn Đảng, toàn dân và các ngành, các cấp để hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra đến hết năm 2005 và những năm tiếp theo về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước; xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của các ngành, các cấp, nhất là của các doanh nghiệp nhà nước. Trên cơ sở đó đề cao ý thức trách nhiệm và tinh thần quyết tâm của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là lãnh đạo các cấp trong tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng.

Đưa kết quả việc thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước vào nội dung kiểm điểm bình xét hằng năm đối với cán bộ, đảng viên và đơn vị.

2. Bám sát yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong các nghị quyết của Đảng để rà soát, bổ sung chương trình, kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và mở rộng diện các doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa IX.

Kiên quyết điều chỉnh mạnh hơn nữa về cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc thực hiện cổ phần hóa, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản, để doanh nghiệp nhà nước thực sự tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng; khắc phục tình trạng dàn trải trong phát triển doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, chú trọng đổi mới công nghệ sản xuất và quản lý để doanh nghiệp nhà nước có sức cạnh tranh cao, phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Cùng với việc phấn đấu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trong Đề án mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt, cần đẩy nhanh tiến độ và mở rộng hơn diện doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, kể cả một số tổng công ty lớn trong một số ngành quan trọng, chuyển hầu hết các doanh nghiệp thuộc diện phải giữ 100% vốn nhà nước sang vận hành theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước.

Việc tiến hành cổ phần hóa phải trên cơ sở phương án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, để xác định rõ nhu cầu vốn đầu tư, số cổ phần để lại bán cho người lao động

trong doanh nghiệp và số cổ phần bán ra ngoài. Việc bán cổ phiếu của doanh nghiệp phải công khai trong doanh nghiệp cũng như trên thị trường, kiên quyết không để cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp.

Chỉ đạo tốt việc xác định giá trị doanh nghiệp, giải quyết các tồn đọng về tài chính và lao động dôi dư trong doanh nghiệp. Việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất, về nguyên tắc phải do thị trường quyết định. Những doanh nghiệp ở trong đô thị cần phải chuyển ra ngoại ô, thì nên đấu thầu hoặc đấu giá đất; số tiền thu được dành một phần hỗ trợ cho doanh nghiệp di chuyển địa điểm và đổi mới công nghệ.

Chỉ đạo điểm việc cổ phần hóa một số tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa IX, Nhà nước giữ cổ phần đa số, phát hành cổ phiếu để bán đấu giá thông qua thị trường chứng khoán.

3. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể củng cố các tổng công ty nhà nước và hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh; có chính sách và biện pháp để khắc phục tình trạng độc quyền kinh doanh của tổng công ty, doanh nghiệp lớn.

Trong năm 2004 và 2005 xây dựng xong đề án và hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh trong các lĩnh vực viễn thông, điện lực, dầu khí, xây dựng... Có cơ chế, chính sách để các tập đoàn kinh tế tự chủ, năng động, tự tích lũy để phát triển nhanh, có sức cạnh tranh cao.

Tiếp tục mở rộng thí điểm, rút kinh nghiệm để hoàn thiện các quy định pháp luật việc chuyển các tổng công ty sang hoạt động theo mô hình "công ty mẹ - công ty con".

Hướng dẫn hoạt động của hội đồng quản trị, phân định rõ trách nhiệm của hội đồng quản trị và tổng giám đốc, giám đốc; sớm khắc phục tình trạng hội đồng quản trị sa vào công việc điều hành cụ thể.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và của cơ quan chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Rà soát lại các thể chế đã ban hành để có những sửa đổi, bổ sung cần thiết, kịp thời, tạo sự đồng bộ, nhất quán về nội dung giữa các văn bản pháp quy về lĩnh vực này.

Khẩn trương thực hiện chủ trương thí điểm thành lập tổng công ty, công ty đầu tư kinh doanh tài chính của Nhà nước để thực hiện thống nhất, có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước, nhất là đối với các tổng công ty, doanh nghiệp lớn. Nội dung và phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước phải phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hiện đại hóa quản lý, phù hợp với trình độ, thông lệ quốc tế.

Nghiên cứu, sửa đổi chế độ đãi ngộ và chế độ trách nhiệm đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước theo hướng gắn với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời có chế tài đối với những trường hợp quản lý doanh nghiệp kém hiệu

quả do nguyên nhân chủ quan. Ban hành tiêu chí để đánh giá cán bộ quản lý doanh nghiệp, làm căn cứ cho việc tuyển chọn, hợp đồng và phân phối thu nhập đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp. Nghiên cứu xây dựng thị trường nhân lực quản trị kinh doanh; có cơ chế tuyển chọn thích hợp, tạo được sự cạnh tranh lành mạnh, công khai trong việc xem xét tuyển chọn người vào các chức vụ quản lý doanh nghiệp nhà nước.

6. Nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và Nhà nước đối với việc thực hiện sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Kiện toàn hệ thống ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước các cấp với bộ phận chuyên trách đủ sức để làm tốt chức năng tham mưu và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước đã được phê duyệt.

Tiếp tục đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng ở doanh nghiệp nhà nước, phù hợp với các mô hình "công ty mẹ - công ty con", công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước, các doanh nghiệp có hội đồng quản trị và các công ty cổ phần có vốn nhà nước (chi phối hoặc không chi phối).

Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, kịp thời phát hiện những yếu kém và cản trở trong sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước để có biện pháp giải quyết. Định kỳ sơ kết, biểu dương, nhân rộng những điển hình tiên tiến.

7. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục rà soát, chỉ đạo việc bổ sung và ban hành các quy

định về chính sách, pháp luật có liên quan để đẩy nhanh việc thực hiện nhiệm vụ này.

8. Giao Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng Chính phủ theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 33-KL/TW, ngày 29 tháng 10 năm 2004

Về việc Quốc hội, Hội đồng nhân dân thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn

Tại phiên họp ngày 3-9-2004, sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương trình việc Quốc hội, Hội đồng nhân dân thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn (Tờ trình số 364-TTr/TCTW, ngày 11-8-2004), Bộ Chính trị đã kết luận:

1. Luật tổ chức Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã quy định Quốc hội, Hội đồng nhân dân khi cần thiết tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Đây là quy định nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng và nguyện vọng của nhân dân về phát huy dân chủ, tăng cường hiệu lực giám sát của cơ quan dân cử đối với hoạt động của cơ quan nhà nước và những người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Quy định này cần phải được

tổ chức thực hiện nghiêm túc; song, đây là vấn đề mới, hệ trọng, cần chuẩn bị chu đáo, tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, thống nhất để bảo đảm hiệu quả thiết thực.

2. Thực hiện việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn phải quán triệt các quan điểm sau:

2.1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, đồng thời, phát huy đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận và đoàn thể nhân dân các cấp đối với nhân sự do mình giới thiệu, bầu hoặc bổ nhiệm.

2.2. Việc bỏ phiếu tín nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn cũng như việc bầu hoặc phê chuẩn nhân sự mới phải theo đúng Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và phù hợp các quy định của Đảng về lãnh đạo công tác cán bộ.

2.3. Việc bỏ phiếu tín nhiệm người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn phải bảo đảm hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp để hoàn thành nhiệm vụ được giao; khắc phục tình trạng cán bộ né tránh, đùn đẩy, không tự giác chịu trách nhiệm về kết quả và sai phạm trong quá trình thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình; đề phòng, ngăn ngừa động cơ cá nhân, cục bộ,

lợi dụng việc bỏ phiếu tín nhiệm để làm mất uy tín của cán bộ và cơ quan nhà nước.

2.4. Căn cứ để xem xét, đánh giá bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ là tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý do Đảng và Nhà nước quy định; trước hết là căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu trong đạo đức, lối sống và thái độ chống tham nhũng, lãng phí, uy tín trong đơn vị và trong nhân dân.

2.5. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc này phải thường xuyên, chủ động phát hiện các cán bộ có sai phạm, yếu kém để xử lý kịp thời theo đúng Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, không chờ Quốc hội, Hội đồng nhân dân phát hiện hoặc đến kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân mới đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm.

3. Việc tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn được thực hiện cụ thể như sau:

3.1. Trước kỳ họp Quốc hội, Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội, Chủ tịch nước thông qua công tác theo dõi, nhận xét, đánh giá cán bộ thường xuyên của mình, qua tập hợp dư luận của nhân dân, của báo chí..., xem xét trong số người đang giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn thấy người nào có những biểu hiện vi phạm, yếu kém về năng lực công tác và đạo đức, lối sống thì cân nhắc trình Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư, nếu thấy cần thì Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương (sau đây gọi chung là cấp có thẩm quyền) cho chủ trương:

- Đối với những người đã có vi phạm rõ, không còn đủ tiêu chuẩn và tín nhiệm, cần phải thay thì trình cơ quan có thẩm quyền giao Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo trình Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức; đồng thời chủ động lựa chọn người để giới thiệu thay thế.

- Đối với những người phụ trách lĩnh vực hoặc ngành mà để kết quả công việc yếu kém, tồn tại nhiều vấn đề bức xúc không được giải quyết có hiệu quả, hoặc bản thân có biểu hiện sa sút về phẩm chất đạo đức..., nhưng chưa đến mức xử lý bằng pháp luật hoặc kỷ luật đảng thì trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, tùy theo nhân sự cụ thể, giao Đảng đoàn Quốc hội, Chủ tịch nước, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét thực hiện quy trình bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp Quốc hội.

3.2. Tại kỳ họp Quốc hội, nếu có trường hợp mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đề nghị hoặc có 20% tổng số đại biểu Quốc hội trở lên đề nghị bỏ phiếu tín nhiệm thì Đảng đoàn Quốc hội cùng với Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Chủ tịch nước, Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến lãnh đạo việc bỏ phiếu tín nhiệm.

3.3. Khi đưa ra Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm, đối với trường hợp nhân sự không được trên 50% tổng số đại biểu Quốc hội tín nhiệm thì Đảng đoàn Quốc hội cùng với Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Chủ tịch nước, Ban Cán sự Đảng Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền cho chủ trương về việc trình Quốc hội xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức.

- Nếu cấp có thẩm quyền đồng ý đề nghị Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức và đã chuẩn bị được nhân sự thay thế thì Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức và bầu hoặc phê chuẩn nhân sự mới trong cùng một kỳ họp Quốc hội.

- Trường hợp chưa chuẩn bị kịp nhân sự thay thế thì thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức và tạm giao quyền cho người khác, đồng thời chuẩn bị nhân sự mới để trình Quốc hội chính thức bầu hoặc phê chuẩn trong kỳ họp Quốc hội gần nhất.

4. Về việc Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người do Hội đồng nhân dân bầu, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo để sớm có hướng dẫn thực hiện Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong việc Hội đồng nhân dân tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm người do Hội đồng nhân dân bầu. Trên cơ sở đó tiến hành triển khai đồng bộ, thống nhất trong cả nước quy định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 41-NQ/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004
Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

I- TÌNH HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiệm vụ bảo vệ môi trường luôn được Đảng và Nhà nước coi trọng. Thực hiện Luật bảo vệ môi trường, Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác bảo vệ môi trường ở nước ta trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Hệ thống chính sách, thể chế từng bước được xây dựng và hoàn thiện, phục vụ ngày càng có hiệu quả cho công tác bảo vệ môi trường. Nhận thức về bảo vệ môi trường trong các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế; công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Những

kết quả đó đã tạo tiền đề tốt cho công tác bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

Tuy nhiên, môi trường nước ta vẫn tiếp tục bị xuống cấp nhanh, có nơi, có lúc đã đến mức báo động: đất đai bị xói mòn, thoái hóa; chất lượng các nguồn nước suy giảm mạnh; không khí ở nhiều đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm nặng; khối lượng phát sinh và mức độ độc hại của chất thải ngày càng tăng; tài nguyên thiên nhiên trong nhiều trường hợp bị khai thác quá mức, không có quy hoạch; đa dạng sinh học bị đe dọa nghiêm trọng; điều kiện vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch ở nhiều nơi không bảo đảm. Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, quá trình đô thị hóa, sự gia tăng dân số trong khi mật độ dân số đã quá cao, tình trạng đói nghèo chưa được khắc phục tại một số vùng nông thôn, miền núi, các thảm họa do thiên tai và những diễn biến xấu về khí hậu toàn cầu đang tăng, gây áp lực lớn lên tài nguyên và môi trường, đặt công tác bảo vệ môi trường trước những thách thức gay gắt.

Những yếu kém, khuyết điểm trong công tác bảo vệ môi trường do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan nhưng chủ yếu là do chưa có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, chưa biến nhận thức, trách nhiệm thành hành động cụ thể của từng cấp, từng ngành và từng người cho việc bảo vệ môi trường; chưa bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thường chỉ chú trọng đến tăng trưởng kinh tế mà ít quan tâm việc bảo vệ môi trường; nguồn lực đầu tư cho bảo

vệ môi trường của Nhà nước, của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư rất hạn chế; công tác quản lý nhà nước về môi trường còn nhiều yếu kém, phân công, phân cấp trách nhiệm chưa rõ ràng; việc thi hành pháp luật chưa nghiêm.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng thông qua đã khẳng định quan điểm phát triển đất nước là "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường".

Để giải quyết các vấn đề về môi trường trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo quan điểm nêu trên, cần phải có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, sự đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và đặc biệt trong tổ chức, triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong toàn Đảng và toàn xã hội.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

A- Quan điểm

1. Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

2. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án

phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững.

3. Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người, là biểu hiện của nếp sống văn hóa, đạo đức, là tiêu chí quan trọng của xã hội văn minh và là sự nối tiếp truyền thống yêu thiên nhiên, sống hài hòa với tự nhiên của cha ông ta.

4. Bảo vệ môi trường phải theo phương châm lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; kết hợp giữa sự đầu tư của Nhà nước với đẩy mạnh huy động nguồn lực trong xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với các phương pháp truyền thống.

5. Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ vừa phức tạp, vừa cấp bách, có tính đa ngành và liên vùng rất cao, vì vậy cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

B- Mục tiêu

1. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

2. Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường.

3. Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên.

C- Nhiệm vụ

1. Các nhiệm vụ chung

a) Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường

Bảo đảm yêu cầu về môi trường ngay từ khâu xây dựng và phê duyệt các quy hoạch, dự án đầu tư; không cho đưa vào xây dựng, vận hành, khai thác các cơ sở chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Kiểm soát chặt chẽ việc gia tăng dân số cơ học, hình thành hệ thống các đô thị vệ tinh nhằm giảm áp lực về dân số, giao thông, môi trường lên các thành phố lớn. Tập trung bảo vệ môi trường các khu vực trọng điểm; chủ động phòng tránh thiên tai; hạn chế và khắc phục xói lở ven biển và dọc các sông phù hợp với quy luật của tự nhiên; quan tâm bảo vệ môi trường biển.

Tăng cường kiểm soát ô nhiễm tại nguồn; chú trọng quản lý chất thải, nhất là chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ y tế, nghiên cứu khoa học. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật,

hóa chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

Chú trọng bảo vệ môi trường không khí, đặc biệt là ở các khu đô thị, khu dân cư tập trung. Tích cực góp phần hạn chế tác động của sự biến đổi khí hậu toàn cầu.

Khuyến khích sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các sản phẩm và bao bì sản phẩm không gây hại hoặc ít gây hại đến môi trường; tái chế và sử dụng các sản phẩm tái chế. Từng bước áp dụng các biện pháp buộc các cơ sở sản xuất, nhập khẩu phải thu hồi và xử lý sản phẩm đã qua sử dụng do mình sản xuất, nhập khẩu.

b) Khắc phục các khu vực môi trường đã bị ô nhiễm, suy thoái

Ưu tiên phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, các hệ sinh thái đã bị suy thoái nặng.

Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các khu dân cư do chất thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Từng bước khắc phục các khu vực bị nhiễm độc do hậu quả chất độc hóa học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh.

c) Điều tra nắm chắc các nguồn tài nguyên thiên nhiên và có kế hoạch bảo vệ, khai thác hợp lý, bảo vệ đa dạng sinh học

Chủ động tổ chức điều tra cơ bản để sớm có đánh giá toàn diện và cụ thể về các nguồn tài nguyên thiên nhiên và về tính đa dạng sinh học ở nước ta.

Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng và thực hiện các hình thức khoán thích hợp cho cá nhân, hộ gia đình, tập thể bảo vệ và phát triển rừng.

Bảo vệ các loài động vật hoang dã, các giống loài có nguy cơ bị tuyệt chủng; ngăn chặn sự xâm hại của các sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng xấu đến con người và môi trường. Bảo vệ và chống thất thoát các nguồn gen bản địa quý hiếm.

Việc khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên phải bảo đảm tính hiệu quả, bền vững và phải gắn với bảo vệ môi trường trước mắt và lâu dài.

d) Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan môi trường

Hình thành cho được ý thức giữ gìn vệ sinh chung, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen, nếp sống không văn minh, không hợp vệ sinh, các hủ tục trong mai táng.

Xây dựng công sở, xí nghiệp, gia đình, làng bản, khu phố sạch, đẹp đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường.

Đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường cho nhân dân.

Quan tâm bảo vệ, giữ gìn và tôn tạo cảnh quan môi trường. Thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt để bảo vệ môi trường các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái.

đ) Đáp ứng yêu cầu về môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế

Xây dựng và hoàn thiện chính sách và tiêu chuẩn môi

trường phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ngăn chặn việc lợi dụng rào cản môi trường trong xuất khẩu hàng hóa làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh. Hình thành các cơ chế công nhận, chứng nhận phù hợp với điều kiện trong nước và tiêu chuẩn quốc tế về môi trường.

Tăng cường năng lực kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi chuyển chất thải, công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường vào nước ta.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Đối với vùng đô thị và vùng ven đô thị

- Chấm dứt nạn đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường vào các sông, kênh, rạch, ao, hồ; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường các lưu vực sông, trước hết là đối với sông Nhuệ, sông Đáy, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Cầu, sông Hương, sông Hàn;

- Thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp, trong đó ưu tiên cho việc tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa khối lượng rác chôn lấp, nhất là với các đô thị thiếu mặt bằng làm bãi chôn lấp;

- Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc buộc di dời đối với những cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng trong khu dân cư nhưng không có giải pháp khắc phục có hiệu quả;

- Hạn chế hợp lý mức độ gia tăng các phương tiện giao thông cá nhân, quy định và thực hiện các biện pháp giảm khí

độc, khói, bụi thải từ các phương tiện giao thông và trong thi công xây dựng công trình;

- Khắc phục tình trạng mất vệ sinh nơi công cộng bằng cách bảo đảm các điều kiện về nơi vệ sinh, phương tiện đựng rác ở những nơi đông người qua lại và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;

- Tăng lượng cây xanh dọc các tuyến phố và các công viên, hình thành các thảm cây xanh trong đô thị và vành đai xanh xung quanh đô thị;

- Trong công tác quy hoạch, xây dựng các khu đô thị mới hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn, cần chú ý bố trí diện tích đất hợp lý cho các nhu cầu về cảnh quan môi trường và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ cho công tác bảo vệ môi trường.

b) Đối với vùng nông thôn

- Hạn chế sử dụng hóa chất trong canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; thu gom và xử lý hợp vệ sinh đối với các loại bao bì chứa đựng hóa chất sau khi sử dụng;

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, đặc biệt là đối với các khu rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn; hạn chế đến mức thấp nhất việc mở đường giao thông và các hoạt động gây tổn hại đến tài nguyên rừng; đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc và khôi phục rừng ngập mặn; phát triển kỹ thuật canh tác trên đất dốc có lợi cho bảo vệ độ màu mỡ của đất, ngăn chặn tình trạng thoái hóa đất và sa mạc hóa đất đai;

- Nghiêm cấm triệt để việc săn bắt chim, thú trong danh mục cần bảo vệ; ngăn chặn nạn sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính hủy diệt nguồn lợi thủy, hải sản; quy hoạch phát triển các khu bảo tồn biển và bảo tồn đất ngập nước;

- Phát triển các hình thức cung cấp nước sạch nhằm giải quyết cơ bản nước sinh hoạt cho nhân dân ở tất cả các vùng nông thôn trong cả nước; bảo vệ chất lượng các nguồn nước, đặc biệt chú ý khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng bừa bãi, gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước ngầm;

- Khắc phục cơ bản nạn ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đi đôi với hình thành các cụm công nghiệp bảo đảm các điều kiện về xử lý môi trường; chủ động có kế hoạch thu gom và xử lý khối lượng rác thải đang ngày càng tăng lên;

- Hình thành nếp sống hợp vệ sinh gắn với việc khôi phục phong trào xây dựng "ba công trình vệ sinh" của từng hộ gia đình phù hợp với tình hình thực tế; chú ý khắc phục tình trạng mất vệ sinh nghiêm trọng đang diễn ra tại nhiều vùng ven biển;

- Trong quá trình đô thị hóa nông thôn, quy hoạch xây dựng các cụm, điểm dân cư nông thôn phải hết sức coi trọng ngay từ đầu yêu cầu bảo vệ môi trường.

III- CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính

sách, chủ trương, pháp luật và các thông tin về môi trường và phát triển bền vững cho mọi người, đặc biệt là trong thanh niên, thiếu niên; đưa nội dung giáo dục môi trường vào chương trình, sách giáo khoa của hệ thống giáo dục quốc dân, tăng dần thời lượng và tiến tới hình thành môn học chính khóa đối với các cấp học phổ thông.

Tạo thành dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với các hành vi gây mất vệ sinh và ô nhiễm môi trường đi đôi với việc áp dụng các chế tài, xử phạt nghiêm, đúng mức mọi vi phạm.

Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về môi trường để đánh giá mức độ bảo vệ môi trường của từng xí nghiệp, cơ quan, gia đình, làng bản, khu phố, tập thể, cá nhân, cán bộ, đảng viên, đoàn viên và hội viên.

Khôi phục và phát huy truyền thống yêu thiên nhiên, nếp sống gần gũi, gắn bó với môi trường.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường, trước mắt sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ môi trường.

Tiếp tục kiện toàn và tăng cường năng lực tổ chức bộ máy, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến cơ sở. Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các ngành, các cấp. Xây dựng và phát triển các cơ chế giải quyết vấn đề môi trường liên ngành, liên vùng. Chú trọng xây dựng năng lực ứng phó sự cố môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; quy định và áp dụng các chế tài cần thiết để xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Sớm xây dựng, ban hành quy định giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường.

3. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường

Xác định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của Nhà nước, cá nhân, tổ chức và cộng đồng, đặc biệt đề cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất và dịch vụ.

Tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường. Hình thành các loại hình tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận, chứng nhận về bảo vệ môi trường; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường.

Chú trọng xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết về bảo vệ môi trường và các mô hình tự quản về môi trường của cộng đồng dân cư.

Phát triển các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường. Đề cao trách nhiệm, tăng cường sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các phương tiện truyền thông trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Phát hiện các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường để khen thưởng, phổ biến, nhân rộng; duy trì và phát triển giải thưởng môi trường hằng năm. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào cuộc vận động toàn dân

đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và vào tiêu chuẩn xét khen thưởng.

4. Áp dụng các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường

Thực hiện nguyên tắc người gây thiệt hại đối với môi trường phải khắc phục, bồi thường. Từng bước thực hiện việc thu phí, ký quỹ bảo vệ môi trường, buộc bồi thường thiệt hại về môi trường.

Áp dụng các chính sách, cơ chế hỗ trợ về vốn, khuyến khích về thuế, trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường.

Khuyến khích áp dụng các cơ chế chuyển nhượng, trao đổi quyền phát thải và trách nhiệm xử lý chất thải phù hợp với cơ chế thị trường.

5. Tạo sự chuyển biến cơ bản trong đầu tư bảo vệ môi trường

Đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho môi trường. Riêng ngân sách nhà nước cần có mục chi riêng cho hoạt động sự nghiệp môi trường và tăng chi để bảo đảm đến năm 2006 đạt mức chi không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Phát triển các tổ chức tài chính, ngân hàng, tín dụng về môi trường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư bảo vệ môi trường.

Khuyến khích các tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư bảo vệ môi trường, huy động và sử dụng có hiệu

quả các nguồn vốn cho bảo vệ môi trường; tăng tỷ lệ đầu tư cho bảo vệ môi trường trong nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

6. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực về môi trường

Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững.

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường.

Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Xây dựng đồng bộ và nâng cao năng lực các cơ quan nghiên cứu phát triển về môi trường. Hiện đại hóa trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá về bảo vệ môi trường.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về môi trường. Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công tác bảo vệ môi trường tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu.

7. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về môi trường

Tham gia tích cực vào các hoạt động quốc tế và khu vực về môi trường; thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, các cam kết quốc tế, chương trình, dự án song phương và đa phương về bảo vệ môi trường phù hợp với lợi ích quốc gia.

Hợp tác chặt chẽ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực để giải quyết các vấn đề môi trường liên quốc gia.

Nâng cao vị thế của nước ta trên các diễn đàn khu vực và toàn cầu về môi trường.

Tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các nước, các tổ chức quốc tế và cá nhân cho công tác bảo vệ môi trường.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, đưa mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội quốc gia.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ môi trường và các luật có liên quan đến bảo vệ môi trường, tăng cường giám sát việc thực hiện.

- Các tỉnh ủy, thành ủy và các cấp ủy đảng địa phương tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết và trực tiếp chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường ở địa phương mình.

- Ban cán sự đảng các bộ, ngành có trách nhiệm đưa công tác bảo vệ môi trường vào chương trình hoạt động của ngành; hằng năm tổ chức kiểm điểm, đánh giá trách nhiệm của bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tổ chức quán triệt và thực hiện Nghị quyết, đưa công tác bảo vệ môi trường vào nội dung hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.

- Ban cán sự đảng các tổng công ty, các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp, các khu công nghiệp phải nắm vững mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền về bảo vệ môi trường với các hình thức phong phú, hấp dẫn.

- Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 159-TB/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004

Về kết quả 6 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và tiếp tục chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở

Ngày 28, 29-9-2004, tại Hà Nội, Ban Bí thư đã mở Hội nghị toàn quốc để tổng kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.

Sau khi nghe báo cáo của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương và các ý kiến phát biểu tại Hội nghị, Ban Bí thư kết luận như sau:

- Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị (khóa VIII) là một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng. Chỉ thị được ban hành đúng lúc, đáp ứng sự mong đợi của nhân dân nên được nhân dân hưởng ứng rộng rãi, đã đi vào cuộc sống tương đối nhanh, đến nay đã được thực hiện trên diện rộng ở hầu khắp ba loại hình cơ sở (xã, phường, thị trấn; cơ quan; doanh nghiệp nhà nước).

Ở những nơi làm tốt việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đã có sự chuyển biến đáng kể nhận thức của

các thành viên trong hệ thống chính trị và của nhân dân về dân chủ, làm cho mọi người quan tâm và tham gia thực hiện tốt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân từ cơ sở; các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng được nhân dân hiểu biết rõ, hăng hái tham gia góp ý kiến và thi đua thực hiện nên đạt kết quả tốt hơn; phần lớn các tranh chấp, vướng mắc trong dân với nhau và với chính quyền được hòa giải, giải quyết ổn thỏa từ cơ sở, đã góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo không khí chan hòa cởi mở trong cộng đồng, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở cũng đã góp phần tác động tích cực tới việc củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và thúc đẩy việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; củng cố, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải tiến sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền, làm chuyển biến tác phong công tác của cán bộ, đảng viên, công chức; đổi mới phương thức, nội dung hoạt động của cả hệ thống chính trị theo hướng "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", là biện pháp quan trọng để khắc phục quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của Chỉ thị 30, những kết quả trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở chưa đồng đều và vững chắc, mới có khoảng 1/3 số đơn vị thực hiện tốt ở những mức độ khác nhau, không ít cấp ủy đảng, tổ chức,

chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân chưa nắm vững tinh thần Chỉ thị của Đảng và các nghị định của Nhà nước về vấn đề này. Một số bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương chậm ban hành văn bản chỉ đạo và hướng dẫn việc thực hiện Quy chế dân chủ trong lĩnh vực, ngành, đoàn thể mình. Nhiều nơi quy chế đã xây dựng còn rập khuôn, máy móc, chưa phù hợp với thực tế, khó thực hiện. Nhiều nơi còn tình trạng khoán trắng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở cho ban chỉ đạo, không kiểm tra thường xuyên để có chủ trương và giải pháp đồng bộ, thiết thực nên việc thực hiện còn mang nặng tính hình thức. Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân vẫn còn nhiều, có khi nghiêm trọng; những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, tiêu cực không được phát hiện và đấu tranh ngăn chặn, khắc phục kịp thời, làm giảm lòng tin, gây bất bình trong nhân dân, dẫn đến khiếu kiện kéo dài hoặc vượt cấp.

Có những yếu kém trên đây trước hết là do cấp ủy, những người đứng đầu tổ chức đảng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị chưa thấu suốt quan điểm trong Chỉ thị của Bộ Chính trị đã nêu. Có trường hợp người lãnh đạo cơ sở đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị có sai lầm, khuyết điểm, mất đoàn kết nội bộ, nên e ngại triển khai, thậm chí không thực hiện Quy chế dân chủ.

Để thực hiện đúng các yêu cầu của Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) và những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị tổng kết, Ban Bí thư yêu cầu trong thời gian tới cần giải quyết hai vấn đề lớn sau đây:

- Tiếp tục triển khai xây dựng và thực hiện ba loại hình Quy chế dân chủ đã ban hành ở tất cả các cơ sở (xã, phường, cơ quan hành chính và doanh nghiệp nhà nước) trong cả nước và quan trọng hơn nữa là phấn đấu để đại bộ phận các đơn vị thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở thật sự đạt hiệu quả tốt.

- Mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ra các loại hình cơ sở còn lại.

Để thực hiện được hai nhiệm vụ nói trên, cần làm tốt một số việc sau đây:

1. Tất cả những nơi đã thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đều phải phấn đấu đạt kết quả thiết thực

- Kết quả của việc phát huy dân chủ phải được thể hiện: nội bộ đoàn kết; các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và tệ nạn xã hội được ngăn chặn, đẩy lùi; các nhiệm vụ của đơn vị được hoàn thành tốt.

Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương cần nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở để vận dụng thống nhất.

- Xác định rõ trách nhiệm hàng đầu trong việc chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại mỗi đơn vị thuộc về cấp ủy đảng, trước hết là bí thư cấp ủy và thủ trưởng đơn vị. Phải xem xét tình hình thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong các lần kiểm điểm công tác thường kỳ của đơn vị; cũng như trong báo cáo công tác định kỳ của đơn vị lên cấp trên và coi đây là một tiêu chuẩn quan trọng để xét thi đua, khen thưởng hoặc công nhận danh hiệu đơn vị trong sạch, vững mạnh. Những cấp ủy và cá nhân không quan

tâm chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở phải được nhắc nhở, phê bình; những người cản trở việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở phải được xem xét, xử lý. Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương thể chế hóa chủ trương này.

- Khâu có ý nghĩa quyết định để thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đạt kết quả thiết thực là: mỗi cơ sở phải xây dựng được các quy chế cụ thể, phù hợp với đặc điểm tình hình đơn vị mình để quy chế đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng thiết thực. Các cơ quan ngành dọc của Trung ương cần tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm từ các đơn vị xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở để làm thành những tài liệu hướng dẫn mẫu cho các cơ sở trong cùng ngành, cùng lĩnh vực tham khảo vận dụng.

Ban Bí thư phân công cụ thể như sau:

+ Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì xây dựng tài liệu hướng dẫn mẫu về các Quy chế dân chủ ở thôn, làng, ấp, bản, xã, phường, thị trấn.

+ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng tài liệu hướng dẫn mẫu về các Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước.

+ Bộ Nội vụ và các bộ, ban, ngành ở Trung ương xây dựng tài liệu hướng dẫn mẫu về các Quy chế dân chủ ở cơ quan hành chính.

+ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoàn thiện để sớm trình Chính phủ ban hành Quy chế Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì cùng các đoàn thể trên địa bàn dân cư giám sát đảng viên, cán bộ, công chức làm việc và sinh

sống trên địa bàn khu dân cư, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Việc xây dựng các quy chế dân chủ mẫu trên đây cần thực hiện xong trước Tết âm lịch Ất Dậu 2005 để các cơ sở tham khảo. Phấn đấu đến giữa năm 2005, tất cả các đơn vị thuộc ba loại hình cơ sở nói trên đều xây dựng hoặc hoàn thiện xong các quy chế dân chủ cụ thể ở đơn vị mình.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan thông tin đại chúng có chương trình tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa và nội dung của vấn đề xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và trách nhiệm của mỗi tổ chức, đoàn thể, mỗi người trong việc này.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương cần biên soạn các tài liệu cần thiết: tài liệu phổ biến rộng rãi trong nhân dân; tài liệu học tập cho cán bộ cơ sở và tài liệu để giảng dạy, học tập dùng trong các trường đảng, trường hành chính, trường đoàn thể, trường quân đội, công an...

- Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ các cấp cần được kiện toàn kịp thời và có chương trình hoạt động ráo riết chỉ đạo và kiểm tra việc xây dựng, triển khai thực hiện quy chế dân chủ của các đơn vị thuộc phạm vi mình phụ trách. Ban Chỉ đạo Trung ương phải có chương trình thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở các ngành, các cấp; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm về các chuyên đề trong lĩnh vực này, thông báo rộng rãi những bài học kinh nghiệm hay để các nơi tham khảo, vận dụng.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì nghiên cứu việc chuyển các nghị định về Quy chế dân chủ cơ sở ở ba loại hình đã thực hiện lâu nay thành văn bản pháp luật (pháp lệnh hoặc luật) để trình Quốc hội ban hành.

- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ nghiên cứu xây dựng đề án về bầu trực tiếp bí thư cấp ủy ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở và chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trình Ban Bí thư và các cơ quan nhà nước xem xét, cho thực hiện.

2. Mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ra các loại hình cơ sở còn lại

Từ kinh nghiệm xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong ba loại hình cơ sở những năm qua, sắp tới cần mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong các cơ sở khác. Trước mắt, đề nghị phân công việc xây dựng các dự thảo văn bản nghị định ở các loại hình đơn vị cơ sở như sau:

- Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng dự thảo nghị định về Quy chế dân chủ cơ sở ở loại hình các đơn vị sự nghiệp và dịch vụ công.

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng dự thảo nghị định về Quy chế dân chủ cơ sở ở các loại hình doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

- Bộ Quốc phòng xây dựng dự thảo về Quy chế dân chủ cơ sở ở các loại hình đơn vị quân đội nhân dân.

- Bộ Công an xây dựng dự thảo về Quy chế dân chủ cơ sở ở các loại hình đơn vị công an nhân dân.

Phấn đấu đến giữa năm 2005, hoàn thành những dự thảo đề án để trình Thủ tướng Chính phủ và trong năm 2005 Chính phủ có thể ban hành dưới dạng nghị định.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương và các đảng ủy khối cơ quan Trung ương cần tham gia tích cực vào việc đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị của Đảng và Kết luận này về Ban Bí thư qua Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương.

- Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ Trung ương phối hợp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương hướng dẫn việc thực hiện Kết luận này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Thông báo này phổ biến, quán triệt đến chi bộ cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 161-TB/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2004
Về Đề án Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia giám sát cán bộ, đảng viên ở khu dân cư

Tại phiên họp ngày 5-10-2004, sau khi nghe Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình bày Đề án Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát đảng viên, cán bộ, công chức ở khu dân cư, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh và ý kiến đóng góp của các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Hoan nghênh Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chủ động xây dựng Đề án nhằm thông qua hoạt động giám sát của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc để giúp đảng viên, cán bộ, công chức ở khu dân cư và gia đình họ nâng cao ý thức trách nhiệm, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, chấp hành những quy định ở khu dân cư, gần gũi với dân hơn. Qua đó cũng giúp cấp ủy đảng, chính quyền các cấp nắm chắc hơn tình hình đảng viên, cán bộ, công chức thuộc diện mình quản lý về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống,

quan hệ với dân; trên cơ sở đó mà có hướng bồi dưỡng, sử dụng cán bộ tốt hơn, ngăn chặn, phòng ngừa những hành vi tiêu cực, kịp thời giáo dục, xử lý những đảng viên, cán bộ, công chức có sai phạm, góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, làm trong sạch đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức. Thông qua hoạt động giám sát mà nâng cao vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, của các tổ chức thành viên, của toàn dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Tinh thần chính là vừa xây, vừa chống, qua phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư để thực hiện việc giám sát.

2. Ban Bí thư cơ bản nhất trí với nội dung Đề án Mặt trận Tổ quốc giám sát đảng viên, cán bộ, công chức ở khu dân cư và nhấn mạnh một số yêu cầu sau:

- Đối tượng giám sát là đảng viên, cán bộ, công chức cư trú, làm việc ở xã, phường, thị trấn, khu dân cư và những cán bộ, công chức tuy ở nơi khác nhưng công tác trên địa bàn dân cư.

Giám sát cả cá nhân và tổ chức.

- Về nội dung giám sát, cần bám sát nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở và chức năng của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tập trung vào những cơ quan, tổ chức thường xuyên tiếp xúc với dân, phụ trách giải quyết những việc trực tiếp liên quan đến quyền lợi người dân, những lĩnh vực và những vấn đề ở khu dân cư thường nảy sinh những sự việc

gây bức xúc trong dân, mà Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân có thể giám sát, phát hiện góp ý kiến được.

- Cần xác định rõ quyền và trách nhiệm của người giám sát, cũng như quyền và trách nhiệm của người và tổ chức được giám sát. Có quy định cụ thể và chặt chẽ để vừa bảo vệ người góp ý đấu tranh xây dựng, vừa ngăn ngừa việc lợi dụng quyền giám sát để gây rối, làm mất uy tín hoặc tổn hại đến danh dự của cá nhân và tổ chức được giám sát.

- Các cấp ủy đảng có trách nhiệm chủ động lãnh đạo và tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy được dân chủ, thực hiện tốt chủ trương này. Các cấp Mặt trận trong quá trình triển khai thực hiện cần chủ động tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các tổ chức thành viên, với các cấp chính quyền, với các cơ quan thanh tra, kiểm tra và tạo sự thống nhất cao để chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung giám sát, phát hiện và giải quyết, xử lý đúng đắn các vấn đề phát hiện qua giám sát theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền của Mặt trận Tổ quốc.

Cần xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện những sự phối hợp nói trên.

3. Căn cứ vào tinh thần trên đây, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Bộ Nội vụ chuẩn bị đề án cụ thể về "Quy chế Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát đảng viên, cán bộ, công chức ở khu dân cư" trình Chính phủ xét duyệt ban hành để làm cơ sở pháp lý cho Mặt trận Tổ quốc tổ chức thực hiện.

4. Việc Mặt trận Tổ quốc giám sát đảng viên, cán bộ, công chức ở khu dân cư là vấn đề mới, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tổ chức làm thí điểm trước ở một số khu dân cư, xã, phường thuộc Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau thời gian làm thí điểm, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có sơ kết, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả cho Ban Bí thư để có chủ trương chỉ đạo thực hiện tiếp theo.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 42-NQ/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2004

Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn chăm lo đến công tác cán bộ, trong đó coi trọng việc quy hoạch cán bộ, nhằm chủ động tạo nguồn cán bộ cho nhu cầu trước mắt và lâu dài.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã chỉ rõ: "Quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài".

Tổng kết thực hiện ba nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII và khóa VIII về công tác tổ chức và cán bộ, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương

khóa IX đã đề ra nhiệm vụ: "Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý. Đặc biệt quan tâm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ có thành tích xuất sắc, những cán bộ xuất thân công nhân, con em công nông, gia đình có công với cách mạng, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Trên cơ sở quy hoạch, đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn".

Từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, công tác quy hoạch cán bộ đã có bước chuyển biến rõ nét về nhận thức và đạt được những kết quả thiết thực:

- Các tỉnh ủy, thành ủy và nhiều bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương đã xây dựng quy hoạch cán bộ cấp mình quản lý, đồng thời chỉ đạo cấp dưới tiến hành quy hoạch cán bộ đối với các chức danh đã phân cấp.

- Quy hoạch cán bộ nhìn chung đã được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan và công khai; kết quả quy hoạch cán bộ đã thể hiện phương châm "động" và "mở", một chức danh đã quy hoạch nhiều người và một người quy hoạch vào nhiều chức danh; có rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch những người không còn đủ tiêu chuẩn, bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới.

- Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận; từng bước thực hiện việc bổ nhiệm, giới thiệu nhân sự để bầu cử theo quy hoạch, khắc phục dần tình trạng quy hoạch cán bộ mang tính hình thức.

Nhìn chung, công tác quy hoạch cán bộ đã có kết quả bước đầu, có sự kế thừa, đồng thời có bước phát triển, tạo nguồn cán bộ, góp phần khắc phục dần tình trạng bị động, lúng túng trong công tác cán bộ.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch cán bộ cũng còn những thiếu sót, khuyết điểm:

- Còn tình trạng khép kín trong công tác quy hoạch cán bộ; trong luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ chưa có sự gắn kết giữa các cơ quan của Đảng và bộ máy của Nhà nước; chưa có quy hoạch tổng thể cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của toàn hệ thống chính trị.

- Thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ chưa được quy định rõ; vai trò của các cấp ủy đảng và các tổ chức, đặc biệt là vai trò quyết định công tác quy hoạch cán bộ của tập thể ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy chưa được phát huy đầy đủ.

- Việc tổ chức thực hiện chủ trương về quy hoạch cán bộ chưa nghiêm túc; nhiều cấp ủy, tổ chức và cán bộ lãnh đạo chưa chủ động xây dựng quy hoạch cán bộ, không tích cực chuẩn bị người thay thế; một số ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương chưa xây dựng quy hoạch cán bộ; tính thiết thực, khả thi của quy hoạch cán bộ ở một số địa phương và cơ quan Trung ương còn thấp, chưa gắn quy hoạch cán bộ với đào tạo, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ, chất lượng quy hoạch cán bộ ở các cấp, nhất là cấp cơ sở còn thấp.

- Ở một số ngành, địa phương, đơn vị, công tác quy hoạch cán bộ còn bị động và lúng túng, còn tình trạng hẫng hụt cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ cơ sở, xã, phường, thị trấn;

chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chưa khắc phục cơ bản tình trạng bị động, lúng túng trong lựa chọn nhân sự, nhất là vào các dịp bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đại hội đảng các cấp; quy hoạch cán bộ cấp xã là khâu yếu nhất.

- Thời gian vừa qua các địa phương, các bộ, ban, ngành mới tập trung vào công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; chưa chú ý đúng mức đến quy hoạch cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi, chưa chủ động chuẩn bị đội ngũ các chuyên gia giỏi, các cán bộ khoa học đầu ngành.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cơ bản là do cấp ủy, người đứng đầu nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của công tác quy hoạch cán bộ, thậm chí còn nhầm lẫn giữa công tác quy hoạch cán bộ với công tác nhân sự, nên lúng túng về cách làm; quyết tâm của cấp ủy và người đứng đầu chưa cao, sự chỉ đạo và thực hiện chưa tập trung và thành nếp thường xuyên; hướng dẫn của cấp trên về nội dung, phương pháp, quy trình làm quy hoạch chưa đồng bộ.

Việc ban hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý là nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa IX, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong công tác quy hoạch cán bộ, tạo sự thống nhất về nhận thức và quyết tâm cao trong chỉ đạo thực hiện, với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán

bộ trước mắt và lâu dài đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khắc phục tình trạng bị động, hẫng hụt trong công tác cán bộ.

II- MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG CHÂM CỦA CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

1. Mục đích

Mục đích của công tác quy hoạch cán bộ là:

- Tạo sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ; khắc phục tình trạng hẫng hụt trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm tính kế thừa, phát triển và sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, giữ vững đoàn kết nội bộ và sự ổn định chính trị.

- Chuẩn bị từ xa và tạo nguồn cán bộ dồi dào làm căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ đảm nhận các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị vững vàng về chính trị, trong sáng về đạo đức, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ và năng lực, nhất là năng lực trí tuệ và thực tiễn tốt, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Quan điểm

Công tác quy hoạch cán bộ phải xuất phát từ những quan điểm cơ bản của Đảng ta về công tác cán bộ:

- Lấy việc phục vụ nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ cách mạng để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý,

phải thông qua thực tiễn của sự nghiệp đổi mới, phong trào thi đua yêu nước của quần chúng nhân dân để phát hiện những người có phẩm chất và năng lực, nhất là năng lực chỉ đạo thực tiễn tốt, làm việc năng động, sáng tạo, có hiệu quả, cũng như các nhân tố mới có nhiều triển vọng phát triển để đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Có quan điểm giai cấp công nhân trong công tác quy hoạch cán bộ: chú ý phát hiện, bồi dưỡng cán bộ trưởng thành từ thực tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chủ động và sớm phát hiện cán bộ có triển vọng, các tài năng trẻ nhằm sớm đưa vào quy hoạch dự nguồn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; quan tâm tạo nguồn để tăng tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ, xuất thân từ công nhân, nông dân, con em các gia đình có công với cách mạng, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, không phân biệt đảng viên hay quần chúng ngoài Đảng.

3. Nguyên tắc

Trong quy hoạch cán bộ phải giữ vững nguyên tắc công tác cán bộ của Đảng:

- Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý phải đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy đảng, đồng thời có sự phân cấp hợp lý về thẩm quyền quy hoạch cán bộ, phù hợp với phân cấp quản lý, sử dụng cán bộ.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác quy hoạch cán bộ; Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ, bảo đảm vai trò lãnh đạo tập trung của cấp ủy đi đôi với việc phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ

thống chính trị, nhất là người đứng đầu; đồng thời mở rộng dân chủ trong việc phát hiện nguồn, phát hiện tài năng.

4. Phương châm

- Quy hoạch cán bộ phải thực sự gắn kết với các khâu khác trong công tác cán bộ như: nhận xét, đánh giá cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; luân chuyển, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ. Đánh giá đúng cán bộ là khâu quan trọng nhất, là tiền đề cho việc bố trí cán bộ và cho quy hoạch cán bộ; đồng thời quy hoạch cán bộ là cơ sở để thực hiện luân chuyển, đào tạo cán bộ cho nhu cầu trước mắt và lâu dài.

- Thực hiện quy hoạch "động" và "mở": một chức danh có thể quy hoạch nhiều người và một người có thể quy hoạch nhiều chức danh; quy hoạch phải luôn được xem xét, đánh giá để bổ sung, điều chỉnh hằng năm, đưa ra khỏi quy hoạch những người không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện, bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới có triển vọng.

- Quy hoạch cán bộ phải đồng bộ từ trên xuống dưới; cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới quy hoạch cán bộ, lấy quy hoạch cán bộ cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cán bộ cấp trên; quy hoạch cấp trên thúc đẩy quy hoạch cấp dưới.

- Quy hoạch cán bộ phải mang tính khoa học và thực tiễn, vừa tạo nguồn cho việc đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, vừa tạo động lực thúc đẩy, phát huy nhân tố chủ quan, phấn đấu vươn lên của cán bộ, bảo đảm sự đoàn kết trong sự phát triển của toàn đội ngũ cán bộ, đề phòng tư tưởng cơ hội, chạy theo quy hoạch; không cứng nhắc, máy móc trong xây dựng và thực hiện quy hoạch.

- Thực hiện công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; cơ quan có thẩm quyền quyết định quy hoạch thì quyết định phạm vi, đối tượng, thời điểm, mức độ và cách thức công khai quy hoạch.

III- NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP QUY HOẠCH CÁN BỘ

1. Tiêu chuẩn cán bộ đưa vào quy hoạch

Căn cứ để đưa cán bộ vào quy hoạch là tiêu chuẩn chung và các tiêu chuẩn của từng loại cán bộ đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII và lời dạy của Chủ tịch Hồ chí Minh về cán bộ phải "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư".

Tiêu chuẩn chung về phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực của cán bộ phải được cụ thể hóa để đáp ứng yêu cầu đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thích hợp với mỗi bước phát triển của thực tiễn cách mạng.

Trong điều kiện hiện nay, tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực của người cán bộ lãnh đạo, quản lý đưa vào quy hoạch phải được đánh giá thông qua các yếu tố cơ bản sau:

- Năng lực thực tiễn, thể hiện ở kết quả và hiệu quả công việc, tinh thần chủ động, sáng tạo, mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ cán bộ; năng lực tổ chức, điều hành để thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

- Đạo đức, lối sống trong sạch, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, chống chủ nghĩa cá nhân; bản thân cán bộ và gia đình phải gương mẫu chấp hành đúng pháp luật, không lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích riêng.

- Ham học hỏi, cầu tiến bộ, qua thực tế cho thấy là cán bộ có triển vọng vươn lên đảm nhận nhiệm vụ cao hơn; chú ý phát hiện, xem xét đưa vào quy hoạch những nhân tố mới, cán bộ trẻ; được đào tạo cơ bản; đã kinh qua công tác thực tế ở địa phương, cơ sở; năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có nhiều triển vọng phát triển.

Các địa phương, các ngành, các cấp có trách nhiệm căn cứ các tiêu chuẩn chung của cán bộ nêu trên và nhiệm vụ chính trị, chức năng, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình để xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho các chức danh cán bộ cấp mình quản lý, sử dụng; đồng thời, dựa trên các tiêu chuẩn đó mà tiến hành đánh giá cán bộ hiện nay và triển vọng cán bộ đó để đưa vào quy hoạch.

Ngoài các tiêu chuẩn chung nói trên, cán bộ đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý còn cần được đào tạo, bồi dưỡng và phải là những cán bộ có triển vọng để khi được bố trí vào chức vụ quy hoạch phải bảo đảm các yêu cầu cụ thể sau đây:

- *Kinh qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở cấp dưới*: cán bộ lãnh đạo cấp trên nói chung phải kinh qua chức vụ chủ chốt cấp dưới; hoặc tuy chưa kinh qua chức vụ chủ chốt cấp dưới nhưng có năng lực thực tiễn và có triển vọng phát triển rõ rệt.

- *Về độ tuổi*: những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, ban lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị nói chung

phải đủ tuổi để có thể công tác từ hai nhiệm kỳ trở lên hoặc ít nhất phải trọn một nhiệm kỳ; những đồng chí tiếp tục đảm nhiệm chức vụ hiện giữ nói chung phải đủ tuổi công tác trọn một nhiệm kỳ hoặc ít nhất được 2/3 nhiệm kỳ; những trường hợp này cần xem xét con người và hoàn cảnh cụ thể để quyết định; không máy móc, cứng nhắc về độ tuổi.

- *Về trình độ đào tạo*: cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên nói chung phải tốt nghiệp đại học và có trình độ cao cấp lý luận chính trị; đối với cán bộ dưới 45 tuổi thuộc diện quy hoạch chức danh chủ chốt thì phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy và cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung; đồng thời quan tâm đến các đồng chí tuy không được đào tạo cơ bản theo quy định, nhưng có năng lực nổi trội trong chỉ đạo thực tiễn, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm; những đồng chí là cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ cần xem xét vận dụng một cách thích hợp.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ

Ban thường vụ các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các ban đảng và cơ quan các cấp (nơi không lập ban cán sự đảng, đảng đoàn) là cơ quan có thẩm quyền quyết định quy hoạch cán bộ với các nội dung cụ thể sau đây:

- Xây dựng và báo cáo cấp trên quy hoạch các chức danh cán bộ công tác tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình nhưng thuộc diện cấp trên quản lý.

- Quy hoạch các chức danh cán bộ cấp mình trực tiếp quản lý, kể cả cán bộ công tác tại cơ quan, đơn vị cấp dưới.

- Hướng dẫn cấp dưới quy hoạch cán bộ đối với các chức danh phân cấp cho cấp dưới quản lý.

Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo sát sao công tác quy hoạch cán bộ, đồng thời có trách nhiệm phát hiện, bồi dưỡng và nhận xét, đánh giá, giới thiệu nguồn cán bộ, kể cả người sẽ thay thế mình để cơ quan, tổ chức xem xét đưa vào quy hoạch.

Cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ có trách nhiệm giúp cấp ủy và lãnh đạo cơ quan trong các khâu của công tác quy hoạch cán bộ, chuẩn bị đầy đủ các thông tin về cán bộ và có đề xuất để cơ quan có thẩm quyền thảo luận và quyết định quy hoạch cán bộ.

Ban thường vụ các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các ban đảng và cơ quan các cấp, người đứng đầu, cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan khác ở Trung ương, địa phương trong việc xây dựng quy hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ trong quy hoạch.

Quy hoạch cán bộ là một nội dung được cấp ủy cấp trên kiểm tra, đánh giá trách nhiệm, năng lực, hiệu quả công tác lãnh đạo của cấp ủy cấp dưới hằng năm và cuối nhiệm kỳ.

3. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cán bộ là tất cả các chức danh lãnh đạo, quản lý từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm:

- Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chức danh lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (Bộ Chính trị sẽ xây dựng một quy hoạch riêng).

- Quy hoạch cán bộ lãnh đạo các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương (người đứng đầu các bộ, ban, ngành: bộ trưởng, trưởng các ban của Trung ương Đảng, trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội; thứ trưởng, phó trưởng các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể, lãnh đạo các tổng cục, cục, vụ, viện và tương đương).

- Quy hoạch cán bộ ba cấp ở địa phương (tỉnh, huyện, xã), bao gồm quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, lãnh đạo các cơ quan sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể ở địa phương.

4. Quy trình xây dựng quy hoạch

Cần đổi mới cách thức tiến hành quy hoạch trên cơ sở đáp ứng mục đích, yêu cầu và các quan điểm, nguyên tắc xây dựng quy hoạch đã nêu ở trên.

Quy trình quy hoạch phải bảo đảm mở rộng dân chủ, khách quan trong việc phát hiện nguồn, có sự tham gia của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể trong việc nhận xét, đánh giá và giới thiệu cán bộ; lấy kết quả nhận xét, đánh giá cán bộ thường xuyên và định kỳ làm cơ sở để lựa chọn cán bộ đưa vào quy hoạch; bảo đảm quyền tập trung của tập thể ban thường vụ các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, lãnh đạo các ban đảng, các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể trong việc quy hoạch cán bộ; đồng thời có cơ chế để nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể giám sát việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ.

Quy trình phải đạt được cơ cấu cán bộ hợp lý: bố trí kết hợp giữa ba độ tuổi, thực hiện trẻ hóa, độ tuổi trung bình khóa sau thấp hơn khóa trước; có tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân công nông thích đáng; ở những nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số cần có tỷ lệ hợp lý cán bộ dân tộc thiểu số; mỗi nhiệm kỳ đổi mới không dưới 1/3 tổng số ủy viên ban chấp hành.

Định kỳ tiến hành quy hoạch cán bộ phù hợp với nhiệm kỳ của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đại hội đảng các cấp. Các cấp ủy, các cấp lãnh đạo phải làm quy hoạch cán bộ ngay từ đầu nhiệm kỳ; hằng năm phải rà soát, xem xét lại quy hoạch; hết nhiệm kỳ phải tổng kết, đánh giá lại quy hoạch và bàn giao cho cấp ủy, lãnh đạo khóa mới để tiếp tục rà soát, bổ sung và tiếp tục thực hiện quy hoạch cán bộ.

5. Quản lý và thực hiện quy hoạch

Quy hoạch cán bộ cần được đưa vào thực tế cuộc sống; kiên quyết khắc phục tình trạng quy hoạch cán bộ mang tính hình thức. Với mục đích đó, trên cơ sở quy hoạch cán bộ cần xây dựng các kế hoạch sau đây:

- *Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng* để không ngừng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng, nhất là đối với các đồng chí còn chưa đủ các tiêu chuẩn cần thiết để giữ các chức danh được quy hoạch.

- *Kế hoạch luân chuyển* để đào tạo, rèn luyện cán bộ nguồn quy hoạch theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW,

ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- *Kế hoạch sắp xếp, bố trí, điều chuyển* cán bộ nguồn quy hoạch vào các vị trí phù hợp, để qua công tác thực tế các đồng chí đó được rèn luyện, thử thách, tạo uy tín và vị thế cần thiết, chuẩn bị cho việc giới thiệu bầu cử, bổ nhiệm vào các chức danh quy hoạch.

Việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện luân chuyển, bổ nhiệm hoặc giới thiệu bầu cử cần căn cứ vào quy hoạch cán bộ.

Thực hiện quy hoạch cán bộ phải gắn với việc sắp xếp, bố trí cán bộ nghỉ hưu theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước; không hình thành tổ chức, bộ máy để bố trí cán bộ.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban thường vụ các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai quy hoạch cán bộ và hướng dẫn cấp dưới tiến hành quy hoạch cán bộ; ban hành chỉ thị hoặc nghị quyết của cấp ủy để chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

Ban Cán sự đảng Chính phủ chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn quy hoạch cán bộ chuyên môn và chỉ đạo triển khai thực hiện dự án thí điểm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng về khoa học - kỹ thuật, sản xuất kinh doanh, lãnh đạo, quản lý phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu xây dựng dự án phát hiện, đào tạo,

bồi dưỡng và sử dụng các nhân tài trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...

Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể nội dung và phương pháp quy hoạch cán bộ (đối với quân đội, công an có hướng dẫn riêng); chủ trì phối hợp với các ban của Trung ương Đảng có liên quan nghe báo cáo quy hoạch cán bộ của các ban thường vụ các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư; giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng quy hoạch cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ tổng hợp tình hình báo cáo Bộ Chính trị.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 162-TB/TW, ngày 1 tháng 12 năm 2004
Về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay

Ngày 13-10-2004, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin báo cáo về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng hoạt động báo chí và đã ban hành nhiều chủ trương, luật pháp, chính sách về việc lãnh đạo, chỉ đạo quản lý báo chí. Từ sau Đại hội IX đến nay, Thường trực Ban Bí thư và đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ đã có một số cuộc làm việc với các cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản và tổng biên tập một số báo, đài để chỉ đạo việc tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động báo chí, xuất bản.

Trong những năm qua, báo chí nước ta có sự phát triển nhanh về số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng. Nhìn chung, báo chí đã hoạt động đúng hướng, đúng pháp luật, thực hiện tốt chức năng vừa là cơ quan ngôn luận của Đảng,

Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng, vừa là diễn đàn của nhân dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc đổi mới. Báo chí đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời cũng phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; góp phần tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cổ vũ, động viên phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, biểu dương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, tích cực tham gia đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, chống "diễn biến hòa bình", góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy công cuộc đổi mới và dân chủ hóa đời sống xã hội, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Báo chí đã góp phần làm cho nhân dân thế giới ngày càng hiểu rõ hơn đường lối, chính sách đúng đắn và những thành tựu đổi mới của nước ta. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao vai trò của báo chí trong đời sống xã hội cũng như những đóng góp của báo chí trong công cuộc đổi mới đất nước.

2. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, trong chỉ đạo, quản lý cũng như hoạt động của báo chí nước ta còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, thiếu sót kéo dài chậm được khắc phục.

- Nhiều tờ báo bị khuynh hướng "thương mại hóa" chi phối, hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích. Một số tờ báo chưa tự giác chấp hành các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa và nhiệm vụ chính trị, tư tưởng của báo chí cách mạng, chạy theo thị hiếu tầm thường, nặng thông tin những mặt tiêu cực,

khuyết điểm, mặt trái của xã hội mà nhẹ biểu dương người tốt, việc tốt, những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một số tờ báo đăng những thông tin sai sự thật, suy diễn, thổi phồng, khoét sâu các thiếu sót, khuyết điểm, đăng cả những thông tin mật của Đảng và Nhà nước, gây thiệt hại cho sản xuất, kinh doanh; gây khó khăn cho sự chỉ đạo, điều hành của Nhà nước; để các thế lực thù địch lợi dụng bôi nhọ, đả kích, chống phá ta. Nhiều trường hợp đưa tin sai, nhưng khi biết là sai vẫn không cải chính, hoặc cải chính không nghiêm túc. Khai thác và sử dụng thông tin của báo chí phương Tây và nước ngoài thiếu chọn lọc, trái với quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước.

- Một số tờ báo ở Trung ương, địa phương, bộ, ngành thiếu năng động, chậm đổi mới, nội dung và hình thức chưa hấp dẫn, thiếu sức thuyết phục người đọc, chất lượng và hiệu quả tuyên truyền, giáo dục không cao.

- Một số cán bộ, phóng viên thiếu rèn luyện về đạo đức phẩm chất của người làm báo, tiếp tay cho những hành động tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu hoặc trực tiếp vi phạm pháp luật, có người mắc những sai phạm nghiêm trọng.

- Một số cơ quan báo buông lỏng công tác quản lý tài chính, không chấp hành nghiêm chỉnh những quy định về chi lương, thưởng, coi nhẹ công tác kiểm tra tài chính.

Những khuyết điểm, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, song chủ yếu là những *nguyên nhân chủ quan*:

+ Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về báo chí có nơi, có lúc chưa nghiêm.

Các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí chưa phối hợp chặt chẽ và còn thiếu những biện pháp cụ thể, kiên quyết để xử lý, khắc phục kịp thời một số khuyết điểm, yếu kém trong hoạt động báo chí đã được nêu ra nhiều lần trước đây, để khuyết điểm kéo dài.

+ Cơ quan chủ quản của nhiều tờ báo chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, còn buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, né tránh, không chủ động, kiên quyết xử lý các vi phạm của cơ quan báo chí thuộc quyền và người đứng đầu cơ quan báo chí đó. Việc tuyển chọn, đề bạt, quản lý tổng biên tập, phóng viên thiếu chặt chẽ, để một số không đủ tiêu chuẩn vào cơ quan một số báo. Chưa thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục đội ngũ phóng viên về đạo đức, lý tưởng cách mạng, trình độ nghề nghiệp, phong cách... Việc quản lý cán bộ, phóng viên báo chí đi nước ngoài còn lơi lỏng, chưa có cơ chế rõ ràng, cụ thể. Công tác xây dựng Đảng ở một số cơ quan báo chí chưa được coi trọng đúng mức.

+ Cán bộ lãnh đạo một số cơ quan báo chí chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ về chính trị và nghiệp vụ quản lý, khả năng và trình độ lãnh đạo chưa tương xứng với trách nhiệm được giao.

+ Một số cán bộ, phóng viên báo chí còn mơ hồ trong nhận thức về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của báo chí cách mạng; chưa phân biệt rõ quan điểm báo chí cách mạng với quan điểm báo chí tư sản; lạm dụng quyền hạn, tự cho mình quyền phán xét, phê bình, quy tội người khác trái với thẩm quyền cho phép nhưng lại không nghiêm túc với những khuyết điểm và sai phạm của bản thân.

+ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực báo chí còn thiếu và chưa đồng bộ, thiếu cơ chế chỉ đạo, quản lý, cung cấp thông tin chủ động, kịp thời cho báo chí.

3. Để khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót nói trên và đưa công tác lãnh đạo và quản lý báo chí vào nền nếp thường xuyên, trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số định hướng và biện pháp cụ thể sau:

- Các cấp ủy và tổ chức đảng cần thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tốt hoạt động báo chí theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Chỉ thị số 22-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII, Thông tri số 01-TT/TW của Ban Bí thư khóa IX và các văn bản của Đảng, Nhà nước về báo chí.

- Cơ quan quản lý báo chí cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí. Các cơ quan chỉ đạo, quản lý, chủ quản và hội nhà báo các cấp phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để tổ chức thực hiện tốt những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về báo chí, đề xuất những chủ trương, biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, giao ban báo chí. Khẩn trương hoàn thiện cơ chế quản lý về nội dung, nhân sự, tài chính. Quan tâm hơn nữa việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ các nhà báo về nhận thức chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân.

- Các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan chủ quản báo chí căn cứ vào các văn bản nói trên và kết luận này của Bộ Chính trị, tiến hành kiểm điểm đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý báo chí ở đoàn thể, ngành, địa phương,

đơn vị mình; nêu rõ mặt được, mặt yếu kém, đề ra biện pháp cụ thể phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và xử lý dứt điểm các sai phạm, nhất là các vấn đề bức xúc. Chấn chỉnh ngay tình trạng một số tờ báo xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa tự giác chấp hành Luật báo chí, coi nhẹ chức năng tư tưởng, văn hóa của báo chí cách mạng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các sai phạm của các tổng biên tập và cán bộ, phóng viên các cơ quan báo chí, nhất là những khuyết điểm, sai phạm nghiêm trọng, lặp đi lặp lại, kéo dài. Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan chủ quản báo chí cùng với các tổng biên tập phải chịu trách nhiệm trước Đảng về các sai phạm của báo chí thuộc ngành mình quản lý.

Theo tinh thần trên đây, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin soát xét, chủ trì làm việc với lãnh đạo một số đoàn thể, bộ, ngành, địa phương và tổng biên tập, làm rõ những đóng góp và sai phạm, khuyết điểm của tổng biên tập và cơ quan chủ quản; yêu cầu cơ quan chủ quản và tổng biên tập sớm đề ra biện pháp và thời gian sửa chữa, khắc phục các sai phạm. Những người không tích cực sửa chữa khuyết điểm hoặc không đủ trình độ, năng lực và phẩm chất lãnh đạo, quản lý tờ báo thì phải xem xét xử lý kỷ luật thích đáng hoặc thay thế kịp thời.

- Chính phủ và các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, theo chức năng của mình, chỉ đạo rà soát lại quy hoạch báo chí, bao gồm cả hệ thống các đài phát thanh, truyền hình ở Trung ương và địa phương, khắc phục tình trạng cho ra quá nhiều báo, tạp chí, có phương án điều chỉnh hợp lý, theo tinh thần phát triển phải đi đôi với quản lý tốt báo chí. Coi trọng việc

tiến hành kiểm toán và thanh tra tài chính đối với các cơ quan báo chí, trước mắt tổ chức thanh tra tài chính đối với một số cơ quan báo có nguồn thu lớn không rõ ràng. Nghiên cứu để ban hành quy chế về hoạt động báo chí tại các kỳ họp Quốc hội và các hoạt động quan trọng của Đảng, Nhà nước; quy định rõ chức trách, quyền hạn của người phát ngôn của các cơ quan, tổ chức.

Tăng cường công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, củng cố, nâng cao vai trò của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan báo chí. Ban Tổ chức Trung ương cùng các cơ quan liên quan nghiên cứu giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng trong các cơ quan báo chí; ban hành quy chế về tuyển chọn, đề bạt, sử dụng, bãi nhiệm các tổng biên tập, phó tổng biên tập.

Bộ Chính trị phân công đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, trực tiếp chỉ đạo thực hiện các văn bản của Đảng và Nhà nước về quản lý báo chí nhằm nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 46-CT/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2004
Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng vào quý II năm 2006.

Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bước vào năm cuối của việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa sâu sắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại; tuy vậy, khuyết điểm, yếu kém vẫn còn nhiều. Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; trong khi xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển tác động thuận lợi đến nước ta thì các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá cách mạng nước ta. Đất nước ta đang đứng trước nhiều cơ hội mới, đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức mới.

Đại hội X của Đảng có ý nghĩa trọng đại đối với Đảng, đất nước và nhân dân ta. Đại hội sẽ kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, tiếp tục cụ thể hóa và hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng, xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của 5 năm tới và bầu Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ 2006 - 2010; động viên toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển nhanh, bền vững, quyết tâm đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội X của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Kết quả của đại hội đảng bộ các cấp là tiền đề rất quan trọng bảo đảm sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Các cấp ủy đảng cần chỉ đạo chặt chẽ đại hội đảng bộ các cấp theo những yêu cầu và nội dung sau đây:

I- YÊU CẦU

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu toàn diện của tổ chức đảng ở tất cả các cấp. Trên cơ sở mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân; nâng cao trách nhiệm, giữ vững kỷ cương, tăng cường đoàn kết, ngăn chặn suy thoái, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; đổi mới việc chuẩn bị nội dung văn kiện, nhân sự cấp ủy và phương pháp tổ chức đại hội.

2. Tổ chức tốt việc thảo luận và tiếp thu các quan điểm lớn nêu trong các dự thảo văn kiện Đại hội X, dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên để xây dựng báo cáo của đảng bộ, kiểm điểm đánh giá đúng những thành tựu, kết quả đạt được, cũng như những hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện nghị quyết của đại hội cấp mình nhiệm kỳ qua, rút ra những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời đề ra các chủ trương, mục tiêu, giải pháp cụ thể, thiết thực để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.

3. Bầu cấp ủy nhiệm kỳ mới gồm những đồng chí tiêu biểu của đảng bộ về phẩm chất, đạo đức, năng lực, có uy tín, có khả năng quy tụ đoàn kết; coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, có khả năng lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình và Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên gồm những đồng chí có phẩm chất, đạo đức, có năng lực, uy tín và có khả năng đóng góp vào sự thành công của đại hội.

4. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX với việc lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết của đảng bộ nhiệm kỳ qua và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Tập trung sức giải quyết các vấn đề bức xúc mà đảng bộ và nhân dân quan tâm nhằm tăng thêm sự phấn khởi, tin tưởng trong Đảng và trong nhân dân, tạo được

phong trào hành động cách mạng của quần chúng trong sự nghiệp đổi mới.

II- NỘI DUNG

Đại hội đảng bộ các cấp phải thực hiện tốt bốn nội dung sau:

- Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện đại hội của cấp trên theo hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên.

- Tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ qua. Xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới của đảng bộ.

- Bầu ban chấp hành nhiệm kỳ mới của đảng bộ.

- Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Ở các tổ chức cơ sở đảng đã đến nhiệm kỳ đại hội hoặc chỉ còn một năm (đối với cấp xã, phường), sáu tháng (đối với các cơ sở khác) sẽ hết nhiệm kỳ đại hội (theo quy định của Điều lệ Đảng) thì tiến hành đại hội với các nội dung nêu trên. Nơi cấp ủy chưa hết nhiệm kỳ hoặc tình hình nội bộ phức tạp, mất đoàn kết nghiêm trọng, được cấp ủy cấp trên đồng ý thì chỉ tiến hành đại hội để thảo luận dự thảo văn kiện đại hội cấp trên, bầu đoàn đại biểu của đảng bộ đi dự đại hội cấp trên, bổ sung nhiệm vụ của đảng bộ mình theo phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng và của đại hội đảng bộ cấp trên.

1. Về chuẩn bị các dự thảo văn kiện của cấp ủy trình đại hội đảng bộ cấp mình

Văn kiện của đại hội nói chung có:

- Báo cáo chính trị của đảng bộ.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy nhiệm kỳ qua, kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình.

Các cấp ủy phải nắm vững ý nghĩa, yêu cầu Đại hội X của Đảng và tư tưởng chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với đại hội đảng bộ các cấp, bám sát thực tế địa phương, đơn vị, phát huy trí tuệ của tập thể lãnh đạo, cơ quan tham mưu của đảng bộ và của nhân dân trong việc tham gia xây dựng dự thảo báo cáo chính trị của cấp ủy mình, đặc biệt chú ý tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân, các nhà khoa học, của các đồng chí lão thành cách mạng, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt đã nghỉ hưu một cách thực chất, không hình thức, đóng góp thiết thực cho đại hội đảng bộ.

Quá trình chuẩn bị báo cáo chính trị của đảng bộ cần mở rộng dân chủ, nhìn thẳng vào sự thật, tổng kết sâu sắc, trung thực việc thực hiện nghị quyết của đại hội đảng bộ nhiệm kỳ qua. Phải đánh giá đúng kết quả, ưu điểm, khuyết điểm và yếu kém; làm rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của việc chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét trong công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của ngành, địa phương, đơn vị. Tập trung vào những vấn đề lớn, cơ bản, bức xúc như: phát triển kinh tế - xã hội; xóa đói, giảm nghèo và cải thiện đời sống nhân dân; công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất mới; công tác quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng Đảng; công tác lãnh đạo

chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể; củng cố đoàn kết nội bộ; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, gắn với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Về phương hướng, nhiệm vụ của đảng bộ nhiệm kỳ tới, báo cáo cần nêu rõ phương hướng chung, mục tiêu tổng quát, các mục tiêu chủ yếu, các nhiệm vụ và hệ thống các giải pháp, trong đó có giải pháp đột phá, tiếp tục công cuộc đổi mới một cách toàn diện, đi vào chiều sâu, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Về thảo luận các dự thảo văn kiện

Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, các ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức các hội nghị cán bộ để thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện đại hội đảng bộ cấp mình, đồng thời hướng dẫn các cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương tổ chức hội nghị cán bộ, các hội nghị chi bộ trong toàn đảng bộ thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội X của Đảng và dự thảo văn kiện của cấp ủy cấp trên. Chú trọng lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí.

Ban thường vụ cấp ủy mỗi cấp có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, ý kiến thảo luận của đại hội đảng bộ cấp dưới, để đoàn chủ tịch đại hội trình đại hội đảng bộ cấp mình thông qua những vấn đề đã được nhất trí và tập trung thảo luận những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau.

Phát huy dân chủ, coi trọng quyền phát biểu ý kiến của đại biểu, khuyến khích tranh luận thẳng thắn, tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Đoàn chủ tịch đại hội có quy định về thời gian để mỗi đại biểu phát biểu ý kiến, đi thẳng vào những vấn đề trọng tâm, ngắn gọn, có chất lượng, khắc phục việc đọc tham luận dài, chung chung, liệt kê thành tích.

3. Về công tác chuẩn bị nhân sự và tiến hành bầu cử cấp ủy

Các cấp ủy và tổ chức đảng phải nắm vững tiêu chuẩn, thực hiện đúng Điều lệ Đảng, các quy chế và quy trình về xem xét và đánh giá cán bộ, tổ chức lấy ý kiến trong Đảng và tham khảo ý kiến của các tầng lớp nhân dân về việc giới thiệu người đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy khóa mới.

a) Tiêu chuẩn:

Việc lựa chọn người để bầu vào cấp ủy phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ được quy định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa IX là:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cả trong nhận thức và trong hành động; chấp hành nghiêm túc Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, trung thực, gương mẫu; có tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí; không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng;

không quan liêu, cơ hội, vụ lợi, tham vọng quyền lực; được đảng viên và nhân dân tín nhiệm. Có tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Có trình độ năng lực, kiến thức, sức khỏe, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Có khả năng nắm bắt thực tiễn, đề xuất chủ trương, giải pháp đóng góp vào sự lãnh đạo của ban chấp hành và vận dụng sáng tạo, có kết quả đường lối, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, có tinh thần tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương trong Đảng. Có phong cách, phương pháp công tác tốt.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay cần nhấn mạnh một số điểm sau:

+ Nhất trí cao với đường lối, quan điểm của Đảng, gương mẫu thực hiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giải quyết tốt những vấn đề xã hội ở địa phương, đơn vị; nội bộ đoàn kết nhất trí và đơn vị, ngành, lĩnh vực phụ trách không có những vụ việc tiêu cực, những vi phạm lớn gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; chống các biểu hiện bè cánh, cơ hội, chạy chọt, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái.

+ Bản thân, gia đình (vợ, chồng, con) gương mẫu, không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, làm sai chính sách, pháp luật; không tham nhũng và kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Căn cứ những tiêu chuẩn trên, ở mỗi cấp có thể cụ thể hóa cho sát hợp với yêu cầu ở mỗi đảng bộ.

b) Cơ cấu:

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn cấp ủy viên là chính, cần có cơ cấu hợp lý để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện của mỗi cấp, nhưng nhất thiết không vì cơ cấu mà làm giảm chất lượng cấp ủy. Trong công tác nhân sự cần chú ý cán bộ trong quy hoạch, cán bộ luân chuyển đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Những địa phương và ngành cần có đồng chí tham gia cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được người tại chỗ thì ban thường vụ cấp ủy cấp trên chỉ đạo lựa chọn, điều động người đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy từ nơi khác đến. Trường hợp việc lựa chọn, điều động từ nơi khác đến trước đại hội có khó khăn, thì sau đại hội sẽ điều động cấp ủy viên đến. Không nhất thiết địa phương nào, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín.

Bảo đảm tỷ lệ cấp ủy viên là nữ không dưới 15%, cấp ủy viên trẻ tuổi không dưới 10% tổng số cấp ủy viên; quan tâm những đồng chí xuất thân từ công nhân, là người dân tộc thiểu số, bảo đảm tỷ lệ cấp ủy viên thuộc các đối tượng nói trên tương xứng với đặc điểm của từng địa phương, đơn vị, ít nhất phải bằng hoặc cao hơn khóa hiện nay.

Cấp ủy các cấp cần có ba độ tuổi, chú ý tăng thêm những đồng chí trẻ có đủ tiêu chuẩn, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Các đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy nói chung phải đủ tuổi để tham gia từ 2 khóa trở lên, ít nhất là trọn 1 khóa.

Những đồng chí được giới thiệu tái cử vào cấp ủy khóa mới nói chung phải đủ tuổi để tham gia trọn 1 khóa; riêng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt (bí thư và phó bí thư) ít nhất phải được 2/3 khóa. Về độ tuổi cán bộ chủ chốt nữ (bí thư, phó bí thư) ở cấp tỉnh và Trung ương thực hiện thống nhất như nam giới.

Các đồng chí đã trúng cử vào các chức danh chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2004 - 2009 không bảo đảm độ tuổi nêu trên có thể tiếp tục cơ cấu vào cấp ủy khóa mới, đến khi đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo chế độ, những trường hợp đặc biệt này cần xem xét từng người và hoàn cảnh cụ thể để lựa chọn và được Bộ Chính trị đồng ý.

Đối với các đồng chí bí thư cấp ủy tỉnh, huyện và tương đương thực hiện theo đúng Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII không giữ một chức vụ ở một địa phương, đơn vị quá hai nhiệm kỳ; đối với trường hợp cá biệt là bí thư huyện ủy miền núi, do điều kiện đặc thù, có thể được vận dụng khi được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

c) Số lượng:

Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ 43 đến 49 đồng chí; riêng các Đảng bộ: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An không quá 59 đồng chí.

Số lượng ủy viên thường vụ từ 11 đến 13 đồng chí (riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An không quá 15 đồng chí), phó bí thư 2 đồng chí (riêng Hà Nội,

Thành phố Hồ Chí Minh 3 đồng chí). Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Số lượng cấp ủy viên cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương từ 27 đến 39 đồng chí, ủy viên thường vụ từ 9 đến 11, phó bí thư 2 đồng chí; quận có trên 400.000 dân số lượng cấp ủy viên không quá 41 đồng chí, ủy viên thường vụ không quá 13 đồng chí.

Số lượng cấp ủy viên đảng ủy khối cơ quan Trung ương từ 15 đến 21 đồng chí, ủy viên thường vụ từ 5 đến 7 đồng chí, phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí; cấp ủy viên đảng ủy khối cơ quan cấp tỉnh từ 15 đến 21 đồng chí, ủy viên thường vụ từ 5 đến 7 đồng chí, phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí.

Đối với tổ chức cơ sở đảng: số lượng cấp ủy viên ở nơi đông đảng viên cũng không quá 15 đồng chí. Số lượng phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí.

Căn cứ vào tiêu chuẩn và thực trạng đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp mình theo quy định trên.

Danh sách bầu cử cấp ủy do đại hội quyết định nhưng phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất là 15%. Danh sách những người được ban chấp hành cũ chuẩn bị đề cử để bầu vào ban chấp hành mới phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất là 15%; danh sách bầu ban thường vụ phải nhiều hơn số lượng cần bầu ít nhất là 20%; danh sách bầu phó bí thư nên có số dư. Thực hiện việc lấy ý kiến đại hội giới thiệu nhân sự bí thư cấp ủy trong số các đồng chí cấp ủy viên đã trúng cử.

4. Về số lượng đại biểu và việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên

a) Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của cấp ủy và tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên. Đại biểu được bầu phải bảo đảm các tiêu chuẩn chung và phải có khả năng đóng góp ý kiến vào các quyết định của đại hội.

b) Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp như sau:

- Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Đảng bộ Công an Trung ương từ 250 đến 300; riêng các đảng bộ: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Thanh Hóa và Đảng bộ Quân đội: không quá 400 đại biểu.

- Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ khối cơ quan trực thuộc Trung ương: từ 150 đến 200 đại biểu.

- Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương: không quá 250 đại biểu.

- Cấp cơ sở nói chung tiến hành đại hội đảng viên. Các cơ sở có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu. Những cơ sở đảng có dưới 200 đảng viên, có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên, được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì mới tiến hành đại hội đại biểu.

Ở mỗi đại hội đảng bộ được bầu một số đại biểu dự khuyết dự đại hội đại biểu cấp trên để thay thế khi có đại biểu chính thức vắng mặt suốt thời gian đại hội. Số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội mỗi cấp quyết định.

c) Cấp ủy triệu tập đại hội căn cứ vào số lượng tổ chức đảng trực thuộc, số lượng đảng viên và đặc điểm của từng đảng bộ trực thuộc để phân bổ đại biểu.

5. Về thời gian tiến hành đại hội

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu đảng cấp cơ sở không quá 2 ngày; bắt đầu từ tháng 6-2005, hoàn thành cuối tháng 8-2005.

- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện, quận và tương đương không quá 3 ngày; tiến hành sau khi làm xong đại hội cấp cơ sở và hoàn thành vào cuối tháng 10-2005.

Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Quân đội, Công an không quá 4 ngày; đại hội đại biểu đảng bộ khối cơ quan Trung ương, Đảng bộ Đường sắt không quá 3 ngày; bắt đầu từ tháng 11-2005, hoàn thành vào cuối tháng 12-2005.

Thời gian họp trù bị đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên cơ sở không quá một ngày.

III- CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Đại hội đảng bộ các cấp tiến hành một vòng từ dưới lên; coi trọng chất lượng, thiết thực, tiết kiệm, an toàn, tránh phô trương hình thức, lãng phí, không mời khách là đại biểu các địa phương bạn.

2. Các cấp ủy tổ chức quán triệt Chỉ thị này và có kế hoạch chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; phát động thi đua lập thành tích chào mừng đại hội gắn liền với kỷ niệm các ngày

lễ lớn trong năm 2005; phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị; nắm vững công tác tư tưởng, bảo đảm phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương, kỷ luật, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực.

3. Các cấp ủy lập các tiểu ban về báo cáo chính trị và công tác nhân sự... giúp cấp ủy chuẩn bị đại hội cấp mình; phân công ủy viên thường vụ và cấp ủy viên phụ trách chỉ đạo việc chuẩn bị các dự thảo văn kiện và nhân sự cấp dưới; chỉ đạo làm điểm để rút kinh nghiệm trước khi mở rộng ra diện.

Những nơi có vấn đề mất đoàn kết nội bộ hoặc có đơn thư tố cáo cụ thể đối với cán bộ chủ chốt thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo thẩm tra, kiểm điểm, kết luận trước khi tiến hành đại hội; trường hợp có sai phạm nghiêm trọng thì phải xử lý nghiêm minh và cử người thay trước đại hội.

Các trường hợp đảng viên có vấn đề cần xem xét về lịch sử chính trị, đặc biệt là thái độ chính trị hiện nay thì cấp ủy có thẩm quyền sớm thẩm tra, kết luận và báo cáo, xin ý kiến cấp ủy cấp trên trước khi giới thiệu làm đại biểu đại hội và giới thiệu để bầu vào cấp ủy.

Trên cơ sở thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, cần chú ý đổi mới công tác nhân sự theo hướng mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể ban thường vụ, ban chấp hành đảng bộ; bảo đảm công tâm, khách quan trong việc giới thiệu nhân sự để bầu vào ban chấp hành khóa mới, các cơ quan lãnh đạo và các chức danh chủ chốt của đảng bộ.

Đồng thời chống tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tham vọng, cục bộ địa phương, các biểu hiện mất đoàn kết, thái độ

"dĩ hòa vi quý", nể nang, né tránh, sợ va chạm và những biểu hiện tiêu cực khác, thực hiện không đúng những điều đảng viên không được làm.

Ban thường vụ cấp ủy cấp dưới phải báo cáo về việc chuẩn bị văn kiện và phương án nhân sự của đại hội đảng bộ cấp mình với ban thường vụ cấp ủy cấp trên và khi được đồng ý thì mới tiến hành đại hội.

Sau đại hội, cấp ủy cần kịp thời có kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, phân công công tác cho các cấp ủy viên; báo cáo cấp ủy cấp trên xem xét, chuẩn y; sớm xây dựng quy chế làm việc; báo cáo rút kinh nghiệm việc tiến hành đại hội trong đảng bộ mình.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng Trung ương có liên quan hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp. Các ban của Trung ương Đảng theo chức năng của mình hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; định kỳ tổng hợp, báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 128-QĐ/TW, ngày 14 tháng 12 năm 2004

Về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể

- Căn cứ Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;

- Căn cứ Kết luận số 21-KL/TW, ngày 7-8-2003 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công;

- Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi

Quyết định này quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị thuộc Đảng, Mặt trận và các đoàn thể (Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh) từ Trung ương đến cơ sở.

Điều 2. Mức lương tối thiểu chung

Mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

Điều 3. Bảng lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng lương và các bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo như sau:

Bảng 1: Bảng lương chức vụ lãnh đạo Đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương.

Bảng 2: Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo các cơ quan đảng Trung ương.

Bảng 3: Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan Mặt trận và các đoàn thể Trung ương.

Bảng 4: Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan đảng địa phương.

Bảng 5: Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan Mặt trận và các đoàn thể địa phương.

Bảng 6: Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

Bảng 7: Bảng mức lương chuẩn áp dụng đối với các chức vụ lãnh đạo Hội Cựu chiến binh từ Trung ương đến cấp huyện.

2. Cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể từ Trung ương đến cấp huyện, áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thừa hành, phục vụ trong các cơ quan

nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước do Chính phủ ban hành.

3. Cán bộ, công nhân, viên chức trong đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc Đảng, Mặt trận và các đoàn thể quản lý áp dụng các bảng lương quy định trong công ty nhà nước do Chính phủ ban hành.

Điều 4. Bảng lương đối với cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể ở cơ sở, cấp trên cơ sở

1. Đối với tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên (gọi tắt là công ty):

Cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể cơ sở, cấp trên cơ sở, công ty nhà nước áp dụng bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ ở công ty nhà nước.

Bí thư đảng ủy chuyên trách áp dụng bảng lương của tổng giám đốc (giám đốc); phó bí thư đảng ủy, chủ tịch công đoàn chuyên trách áp dụng bảng lương của phó tổng giám đốc (phó giám đốc) công ty nhà nước cùng hạng.

Bí thư đoàn thanh niên, phó chủ tịch công đoàn cơ sở chuyên trách; trưởng ban chuyên trách đảng, đoàn thể cấp trên cơ sở hưởng phụ cấp chức vụ tương đương phụ cấp chức vụ trưởng phòng công ty nhà nước cùng hạng.

2. Đối với cơ quan hành chính, sự nghiệp:

Ở cơ quan hành chính: Cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể ở ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương được áp dụng bảng lương chuyên môn nghiệp vụ của công chức hành chính. Bí thư đảng ủy chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ vụ trưởng thuộc bộ; phó bí thư đảng ủy,

chủ tịch công đoàn chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ vụ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; bí thư đoàn thanh niên, phó chủ tịch công đoàn chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ phó vụ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.

Ở đơn vị sự nghiệp: Cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể ở trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu... áp dụng bảng lương chuyên môn nghiệp vụ của viên chức sự nghiệp. Bí thư đảng ủy chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp của Giám đốc. Phó bí thư đảng ủy, Chủ tịch công đoàn chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ của phó giám đốc. Bí thư đoàn thanh niên, phó chủ tịch công đoàn chuyên trách hưởng phụ cấp chức vụ bằng phụ cấp chức vụ trưởng phòng nghiệp vụ của đơn vị cùng cấp.

3. Đối với xã, phường, thị trấn:

Cán bộ đảng, Mặt trận và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp do Chính phủ ban hành.

Điều 5. Chế độ phụ cấp lương

1. Ngoài bảng lương chức vụ và các bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này, cán bộ, công chức, công nhân, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể được áp dụng các chế độ phụ cấp như quy định đối với cán bộ, công chức, công nhân, viên chức cơ quan, đơn vị sự nghiệp, công ty nhà nước do Chính phủ ban hành.

2. Phụ cấp kiêm nhiệm

Đối với bí thư đảng ủy, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên ở tổ chức đảng, đoàn thể cơ sở công ty nhà nước, đơn vị sự nghiệp có bố trí biên chế chuyên trách, nhưng hoạt động kiêm nhiệm, thì được phụ cấp bằng 10% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Đối với các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan khác áp dụng theo quy định chung do Chính phủ ban hành.

3. Phụ cấp trách nhiệm theo nghề

Áp dụng đối với cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác kiểm tra ở cơ quan Ủy ban kiểm tra đảng từ Trung ương đến cấp huyện. Mức phụ cấp bằng phụ cấp ưu đãi ngành thanh tra cùng cấp.

Điều 6. Nguyên tắc xếp lương và phụ cấp

1. Việc xếp lương, nâng bậc lương và áp dụng các chế độ phụ cấp thực hiện theo quy định chung do Chính phủ ban hành.

2. Đối với các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) chuyên trách Hội Cựu chiến binh Việt Nam từ Trung ương đến cấp huyện, ngoài lương hưu, hằng tháng được hưởng 90% mức lương chuẩn và phụ cấp chức vụ (không phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

Đối với cựu chiến binh thuộc chỉ tiêu biên chế được duyệt làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ từ Trung ương đến cấp huyện, ngoài lương hưu, hằng tháng được hưởng

cao nhất bằng 90% mức lương chuẩn của cấp phó lãnh đạo trực tiếp cùng cấp (không phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

Điều 7. Quản lý tiền lương và thu nhập

1. Đối với cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, áp dụng quản lý tiền lương và thu nhập như các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc Đảng, Mặt trận và các đoàn thể quản lý, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, tự trang trải các chi phí và áp dụng quản lý tiền lương và thu nhập như công ty nhà nước.

3. Thực hiện phân cấp trách nhiệm để thủ trưởng cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương và địa phương quyết định xếp lương, nâng bậc lương và thực hiện các chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn phân cấp thẩm quyền quyết định xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Phối hợp với các bộ, ngành, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương hướng dẫn việc chuyển xếp lương, chế độ nâng bậc lương.

Kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

2. Cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện việc chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, xây dựng quỹ tiền lương, phân loại cơ quan, đơn vị tự cân đối được nguồn trả lương theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chế độ tiền lương quy định tại Quyết định này được tính hưởng kể từ ngày 1-10-2004.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 69-QĐ/TW, ngày 17-5-1993 của Ban Bí thư khóa VII về quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của cán bộ, công nhân viên cơ quan đảng, đoàn thể và các quy định bổ sung, sửa đổi về tiền lương trái với quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương, bí thư các đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Bảng 1

BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

I- CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO QUY ĐỊNH MỘT MỨC LƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Hệ số lương	Mức lương thực hiện 1-10-2004
1	Tổng Bí thư	13,00	3.770,0
2	Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư	12,00	3.480,0

II- CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO QUY ĐỊNH HAI BẬC LƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Bậc 1		Bậc 2	
		Hệ số lương	Mức lương thực hiện 1-10-2004	Hệ số lương	Mức lương thực hiện 1-10-2004
1	Ủy viên Bộ Chính trị	11,10	3.219,0	11,70	3.393,0
	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	11,10	3.219,0	11,70	3.393,0
2	Bí thư Trung ương	10,40	3.016,0	11,00	3.190,0
	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương (không là Ủy viên Bộ Chính trị)	10,40	3.016,0	11,00	3.190,0

STT	Chức danh	Bậc 1		Bậc 2	
		Hệ số lương	Mức lương thực hiện 1-10-2004	Hệ số lương	Mức lương thực hiện 1-10-2004
3	Trưởng ban đảng (không là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng)	9,70	2.813,0	10,30	2.987,0
	Chánh Văn phòng Trung ương và tương đương[1]	9,70	2.813,0	10,30	2.987,0
4	Trưởng đoàn thể Trung ương[2]	9,70	2.813,0	10,30	2.987,0
5	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Mặt trận Tổ quốc	9,70	2.813,0	10,30	2.987,0

Ghi chú:

1. Chức danh tương đương: Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản và các chức danh đã được xếp mức lương tương đương Trưởng ban đảng.

2. Trưởng đoàn thể Trung ương: Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động, Chủ tịch Hội Nông dân, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ và Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (đương chức).

Bảng 2

BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
1	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Phó trưởng ban Đảng Trung ương; Phó Chánh Văn phòng Trung ương và tương đương; Bí thư Ban Cán sự đảng Ngoài nước; Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương.	1,30	377,0
2	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng Ngoài nước.	1,25	362,5
3	Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương	1,10	319,0
4	Vụ trưởng, Cục trưởng, Chánh văn phòng cơ quan đảng Trung ương và tương đương; Ủy viên Thường vụ chuyên trách Đảng ủy khối cơ quan Trung ương	1,00	290,0
5	Trưởng ban chuyên trách Đảng ủy khối cơ quan Trung ương và tương đương	0,90	261,0
6	Phó Vụ trưởng, Phó Cục trưởng, Phó Chánh văn phòng cơ quan đảng Trung ương và tương đương	0,80	232,0

STT	Chức danh	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
7	Phó trưởng ban chuyên trách Đảng ủy khối cơ quan Trung ương và tương đương	0,70	203,0
8	Trưởng phòng cơ quan đảng Trung ương và tương đương	0,60	174,0
9	Phó trưởng phòng cơ quan đảng Trung ương và tương đương	0,40	116,0

Ghi chú:

Chức danh Phó trưởng ban đảng Trung ương và tương đương, tùy nhân sự cụ thể để xếp lương chuyên môn theo ngạch, bậc công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo hệ số 1,30 hoặc xếp mức lương chức vụ theo hệ số 9,70 và 10,30 (không hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo 1,30).

Bảng 3

BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CƠ QUAN MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
1	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	1,30	377,0
2	Phó Chủ tịch đoàn thể Trung ương	1,25	362,5
3	Bí thư thường trực Trung ương Đoàn; Ủy viên Thường trực Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	1,20	348,0
4	Bí thư Trung ương Đoàn (chuyên trách)	1,10	319,0
5	Ủy viên Đoàn Chủ tịch, Thường vụ chuyên trách đoàn thể Trung ương	1,05	304,5
6	Trưởng ban, Chánh văn phòng cơ quan Mặt trận và đoàn thể Trung ương và tương đương; Chủ tịch chuyên trách công đoàn ngành Trung ương.	1,00	290,0
7	Phó trưởng ban, Phó Chánh văn phòng cơ quan Mặt trận và đoàn thể Trung ương và tương đương; Phó Chủ tịch chuyên trách công đoàn ngành Trung ương.	0,80	232,0

STT	Chức danh	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
8	Ủy viên Thường vụ chuyên trách công đoàn ngành Trung ương.	0,65	188,5
9	Trưởng phòng cơ quan Mặt trận và đoàn thể Trung ương và tương đương; Trưởng ban chuyên trách công đoàn ngành Trung ương và tương đương.	0,60	174,0
10	Phó Trưởng phòng cơ quan Mặt trận và đoàn thể Trung ương và tương đương; Phó Trưởng ban chuyên trách công đoàn ngành Trung ương và tương đương.	0,40	116,0

Bảng 4

BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CƠ QUAN ĐẢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
1	Bí thư	(1)		1,30	377,0	1,05	304,5	0,90	261,0	0,80	232,0
2	Phó Bí thư	(2)		1,25	362,5	0.90	261,0	0,80	232,0	0,70	203,0

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
3	Ủy viên thường vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	1,20	348,0	1,05	304,5	0,70	203,0	0,65	188,5	0,60	174,0
4	Trưởng ban Đảng, Chánh văn phòng và tương đương	1,00	290,0	0,90	261,0	0,50	145,0	0,40	116,0	0,30	87,0
5	Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra, Phó trưởng ban thường trực (cấp trưởng cùng cấp là ủy viên thường vụ)	0,90	261,0	0,80	232,0	0,40	116,0	0,30	87,0	0,25	72,5

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
6	Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Phó trưởng ban đảng, Phó Chánh văn phòng và tương đương	0,80	232,0	0,70	203,0	0,30	87,0	0,25	72,5	0,20	58,0
7	Ủy viên chuyên trách Ủy ban kiểm tra	0,70	203,0	0,60	174,0	0,25	72,5	0,20	58,0	0,15	43,5

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
8	Trưởng phòng và tương đương	0,60	174,0	0,50	145,0	*Ghi chú:* (1) Bí thư Thành ủy Hà Nội và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, tùy nhân sự cụ thể để xếp mức lương cho phù hợp. (2) Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh xếp mức lương chức vụ bằng mức lương chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp (bậc 1 hệ số 9,70; bậc 2 hệ số 10,30).					
9	Phó trưởng phòng và tương đương	0,40	116,0	0,30	87,0						
10	Bí thư Đảng ủy khối cơ quan tỉnh	0,90	261,0	0,80	232,0						
11	Phó Bí thư Đảng ủy khối cơ quan tỉnh	0,75	217,5	0,65	188,5						
12	Ủy viên thường vụ chuyên trách Đảng ủy khối	0,60	174,0	0,50	145,0						

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
13	Trưởng ban chuyên trách Đảng ủy khối	0,40	116,0	0,30	87,0						
14	Phó trưởng ban chuyên trách Đảng ủy khối	0,25	72,5	0,20	58,0						

Bảng 5

BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CƠ QUAN MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
1	Chủ tịch Mặt trận	1,20	348,0	1,05	304,5	0,70	203,0	0,65	188,5	0,60	174,0
2	Chủ tịch, Bí thư	1,00	290,0	0,90	261,0	0,50	145,0	0,40	116,0	0,30	87,0

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
	các đoàn thể										
3	Phó Chủ tịch Mặt trận; Phó Chủ tịch, Phó Bí thư các đoàn thể	0,80	232,0	0,70	203,0	0,30	87,0	0,25	72,5	0,20	58,0
4	Ủy viên chuyên trách Mặt trận và các đoàn thể	0,65	188,5	0,55	159,5	0,25	72,5	0,20	58,0	0,15	43,5
5	Trưởng ban Mặt trận và các đoàn thể	0,60	174,0	0,50	145,0	*Ghi chú:* - Các đoàn thể gồm: Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh (đương chức). - Chủ tịch, Phó chủ tịch công đoàn ngành giáo dục thành phố thuộc tỉnh, quận, huyện, thị xã áp dụng phụ cấp chức					
6	Phó trưởng ban Mặt trận và các đoàn thể	0,40	116,0	0,30	87,0						

STT	Chức danh	Đô thị loại đặc biệt Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II		Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh		Huyện, thị xã và các quận còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
7	Chủ tịch Công đoàn ngành	0,65	188,5	0,55	159,5	vụ bằng phụ cấp chức vụ Chủ tịch, Phó chủ tịch công đoàn cùng cấp.					
8	Phó Chủ tịch Công đoàn ngành	0,40	116,0	0,30	87,0						
9	Trưởng đoàn thể khối	0,40	116,0	0,30	87,0						
10	Phó đoàn thể khối	0,25	72,5	0,20	58,0						

Bảng 6

BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

I- ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Bộ máy tổ chức các cấp	Chức danh	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Phó Giám đốc	1,30	377,0
	Trưởng khoa, Trưởng ban, Viện trưởng, Chánh văn phòng	1,00	290,0
	Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng ban, Phó Viện trưởng, Phó Chánh văn phòng	0,80	232,0
	Trưởng phòng và tương đương	0,60	174,0
	Phó trưởng phòng và tương đương	0,40	116,0
Phân viện khu vực I, II, III và Phân viện Báo chí – tuyên truyền	Giám đốc	1,10	319,0
	Phó Giám đốc	0,90	261,0
	Trưởng khoa	0,70	203,0
	Phó Trưởng khoa	0,50	145,0
	Trưởng phòng	0,60	174,0
	Phó trưởng phòng	0,40	116,0

Bộ máy tổ chức các cấp	Chức danh	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
Trường chính trị tỉnh, thành phố	Giám đốc:		
	+ Loại I	1,00	290,0
	+ Loại II	0,90	261,0
	Phó Giám đốc:		
	+ Loại I	0,80	232,0
	+ Loại II	0,70	203,0
	Trưởng phòng và tương đương:		
	+ Loại I	0,60	174,0
	+ Loại II	0,50	145,0
	Phó trưởng phòng và tương đương:		
	+ Loại I	0,40	116,0
	+ Loại II	0,30	87,0
Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	Giám đốc:		
	+ Loại I	0,50	145,0
	+ Loại II	0,40	116,0
	+ Loại III	0,30	87,0
	Phó Giám đốc:		
	+ Loại I	0,30	87,0
	+ Loại II	0,25	72,5
	+ Loại III	0,20	58,0
Cơ quan báo chí (Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản)	Phó Tổng biên tập	1,30	377,0
	Ủy viên ban biên tập	1,05	304,5
	Trưởng ban	1,00	290,0
	Phó Trưởng ban	0,80	232,0
	Trưởng phòng và tương đương	0,60	174,0
	Phó trưởng phòng và tương đương	0,40	116,0

Bộ máy tổ chức các cấp	Chức danh	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 1-10-2004
Báo địa phương (tỉnh, thành phố)	Tổng biên tập: + Loại I + Loại II	 1,00 0,90	 290,0 261,0
	Phó Tổng biên tập: + Loại I + Loại II	 0,80 0,70	 232,0 203,0
	Trưởng phòng: + Loại I + Loại II	 0,60 0,50	 174,0 145,0
	Phó trưởng phòng: + Loại I + Loại II	 0,40 0,30	 116,0 87,0
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	Giám đốc	1,30	377,0
	Phó Giám đốc	1,10	319,0
	Trưởng ban và tương đương	0,90	261,0
	Phó Trưởng ban và tương đương	0,70	203,0
	Trưởng phòng và tương đương	0,50	145,0
	Phó Trưởng phòng và tương đương	0,40	116,0

II- ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ

Mặt trận và các đoàn thể Trung ương vận dụng mức phụ cấp chức vụ quy định đối với các đơn vị sự nghiệp tương ứng

của Đảng, Nhà nước để thực hiện đối với các đơn vị sự nghiệp của tổ chức mình sau khi có thỏa thuận của Ban Tổ chức Trung ương.

Ghi chú:

1. Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tổng biên tập Báo Nhân dân, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản xếp mức lương chức vụ theo quy định tại Bảng 1 của Quyết định này.

2. Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Loại I: Đô thị loại đặc biệt, thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Loại II: Đô thị loại I, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại.

3. Cấp huyện:

- Loại I: Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II.

- Loại II: Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc thành phố Hà Nội và quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

- Loại III: Huyện, thị xã và các quận còn lại.

Bảng 7

BẢNG MỨC LƯƠNG CHUẨN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO HỘI CỰU CHIẾN BINH TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14-12-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Mức lương chuẩn		Mức lương thực hiện 1-10-2004
		Ngạch, bậc	Hệ số	
1	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.	Bậc 2 Chuyên viên cao cấp	6,56	1.902,4
2	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.	Bậc 1 Chuyên viên cao cấp	6,20	1.798,0
3	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bậc 4 Chuyên viên chính	5,42	1.571,8
4	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố còn lại.	Bậc 3 Chuyên viên chính	5,08	1.473,2
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bậc 2 Chuyên viên chính	4,74	1.374,6
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố còn lại.	Bậc 1 Chuyên viên chính	4,40	1.276,0

STT	Chức danh	Mức lương chuẩn		Mức lương thực hiện 1-10-2004
		Ngạch, bậc	Hệ số	
7	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Đô thị loại III, quận thuộc thành phố Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.	Bậc 5 Chuyên viên	3,66	1.061,4
8	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện, thị xã và các quận còn lại; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II; Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh Đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội, quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.	Bậc 4 Chuyên viên	3,33	956,7
9	Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh, huyện, thị xã và các quận, còn lại.	Bậc 3 Chuyên viên	3,00	870,0

Ghi chú:

1. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đang hưởng lương hưu, được hưởng bằng 90% mức lương chuẩn và phụ cấp chức vụ lãnh đạo (1,50).

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và tương đương thuộc cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam đang hưởng lương hưu

được hưởng bằng 90% mức lương chuẩn và phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chủ tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trưởng ban, phó trưởng ban và tương đương thuộc Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đang hưởng lương hưu được hưởng bằng 90% mức lương chuẩn và phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chủ tịch, phó chủ tịch hội cựu chiến binh quận thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trưởng ban, phó trưởng ban và tương đương thuộc hội cựu chiến binh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang hưởng lương hưu được hưởng bằng 90% mức lương chuẩn và phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chủ tịch, phó chủ tịch hội cựu chiến binh quận, huyện, thị xã còn lại.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 163-TB/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2004
Tại cuộc làm việc với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ

Tại phiên họp ngày 24-11-2004, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng trong ngành Thanh tra và ý kiến của các ban, ngành có liên quan, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Trong thời gian qua, Thanh tra Chính phủ và toàn ngành thanh tra đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, bám sát các nghị quyết của Đảng, chỉ thị của Chính phủ, nỗ lực hoàn thành khối lượng lớn công việc, chất lượng, hiệu quả thanh tra được nâng cao hơn trước; đã góp phần vào việc giữ vững kỷ cương pháp luật, chống tham nhũng, xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phục vụ sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

- Hằng năm, toàn ngành Thanh tra đã tiến hành hàng trăm cuộc thanh tra theo chương trình, kế hoạch, tập trung vào thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, chống thất thoát, lãng phí. Qua thanh tra, đã kiến nghị thu hồi cho ngân sách

nhà nước và cho chủ đầu tư hàng nghìn tỉ đồng; đồng thời kiến nghị bổ sung, sửa đổi nhiều chính sách, pháp luật để khắc phục sơ hở, phòng ngừa vi phạm.

- Trong những năm gần đây, trước tình hình khiếu nại, tố cáo tăng lên và có những diễn biến phức tạp, toàn ngành Thanh tra đã tập trung lực lượng nghiên cứu, tham mưu với Đảng, Nhà nước đề ra các giải pháp khắc phục; phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm giải quyết tình trạng khiếu nại tồn đọng. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo bước đầu có chuyển biến tích cực, một số vụ khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài đã được giải quyết.

- Hệ thống tổ chức, cán bộ ngành Thanh tra những năm qua đã được Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ, các cấp ủy đảng và lãnh đạo các cấp, các ngành quan tâm củng cố, kiện toàn, tăng cường. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên ngành Thanh tra có ý thức bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

2. Bên cạnh những cố gắng, tiến bộ, công tác thanh tra còn có những mặt thiếu sót như đã nêu trong báo cáo của Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ. Cần nhấn mạnh là hiệu lực và hiệu quả của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng còn hạn chế, tổ chức và cán bộ Thanh tra Chính phủ và toàn ngành Thanh tra chưa đáp ứng trước yêu cầu và nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Cụ thể là:

- Công tác nghiên cứu, tham mưu chiến lược về thanh tra chưa được quan tâm đúng mức. Hoạt động thanh tra trong

thời gian qua chủ yếu mới tập trung vào việc thanh tra, kiểm tra các vụ việc đã xảy ra và những việc do Chính phủ và Thủ tướng giao. Trong khi đó, nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của công tác thanh tra là kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện pháp luật, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, của bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp và giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của công chức nhà nước lại chưa được chú ý đúng mức. Do vậy, hoạt động thanh tra chưa thể hiện đầy đủ tính chủ động, tính phòng ngừa; hiệu quả thanh tra phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp còn hạn chế. Do phải tập trung nhiều vào thanh tra vụ việc, nên tổ chức thanh tra các cấp, Thanh tra Chính phủ chưa chú ý đúng mức đến thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh tra. Đây là nguyên nhân quan trọng làm cho hiệu quả hoạt động thanh tra chưa ngang tầm với nhiệm vụ đòi hỏi.

- Chất lượng của nhiều cuộc thanh tra chưa cao (nhất là các cuộc thanh tra do thanh tra bộ, ngành thực hiện); kết luận thanh tra còn chung chung, có việc chưa chỉ rõ những sai phạm của đối tượng thanh tra để làm cơ sở cho việc xử lý. Việc khắc phục sai phạm và xử lý sau thanh tra chưa được coi trọng. Còn làm lộ thông tin để báo chí đưa tin về kết quả một số cuộc thanh tra khi chưa có kết luận chính thức của Tổng Thanh tra và Thủ tướng Chính phủ.

- Tuy được giao nhiệm vụ là cơ quan có trách nhiệm trong đấu tranh chống tham nhũng, nhưng ngành Thanh tra chưa đóng góp được nhiều vào công tác này. Hoạt động thanh tra chưa gắn chặt với công tác phòng ngừa, đấu tranh chống

tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Chưa chủ động phát hiện những vụ tham nhũng lớn gây thất thoát số lượng lớn tiền, tài sản nhà nước.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo tuy có chuyển biến, song sự chuyển biến chưa thật vững chắc và còn diễn biến phức tạp. Ngành Thanh tra có trách nhiệm trước tình hình này. Trong thời gian qua, các cơ quan thanh tra chưa quan tâm đúng mức đến việc kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, các ngành trong giải quyết khiếu nại, tố cáo; chưa làm thật tốt công tác tổng kết, rút kinh nghiệm và hướng dẫn nghiệp vụ tiếp dân.

- Lực lượng cán bộ thanh tra, nhất là thanh tra tỉnh, thanh tra huyện còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trình độ, năng lực của không ít cán bộ, thanh tra viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ của ngành còn bị động, chắp vá. Công tác quản lý, giáo dục đảng viên chưa chặt chẽ, chưa ngăn ngừa và phát hiện kịp thời những sai phạm của cán bộ. Một số cán bộ thanh tra thiếu tu dưỡng, rèn luyện, còn vi phạm phẩm chất đạo đức, vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ. Điều đáng quan tâm là ở ngay cơ quan Thanh tra Chính phủ cũng có trường hợp cán bộ phạm tội phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Đoàn kết nội bộ tuy đã có tiến bộ, song chưa thật vững chắc, vẫn còn yếu tố phức tạp; vẫn còn đơn, thư tố cáo nặc danh, mạo danh, gây nghi ngờ, thiếu tin tưởng, phân tâm trong cơ quan... Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ cần nghiêm túc phân tích, đánh giá đúng bản chất tình hình trên đây, từ đó có phương hướng khắc phục để kiện toàn cơ quan Thanh tra Chính phủ thật sự vững mạnh.

- Cơ chế hoạt động thanh tra còn có những vấn đề chưa được làm rõ, như chưa phân định rõ phạm vi trách nhiệm giữa công tác thanh tra với công tác giám sát, công tác kiểm toán, hoặc giữa Thanh tra Nhà nước với thanh tra chuyên ngành; chưa xác định rõ những biện pháp bảo đảm hiệu lực kết luận của thanh tra... Những vấn đề này đã hạn chế hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành, cần sớm được nghiên cứu để quy định cho phù hợp.

- Cấp ủy, tổ chức đảng ở một số bộ, ngành và địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo công tác thanh tra; nhất là chưa thường xuyên chỉ đạo sự phối hợp giữa công tác kiểm tra của Đảng, công tác điều tra, giám sát với công tác thanh tra, chưa quan tâm đúng mức đến việc củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo thanh tra các cấp.

3. Ban Bí thư cơ bản đồng tình với đề xuất của Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ về định hướng xây dựng ngành Thanh tra trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của thanh tra, đồng thời nhấn mạnh một số trọng tâm sau:

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng. Trọng tâm trước mắt là xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thanh tra và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo mới được Quốc hội thông qua; tiến hành tổng kết thật sâu sắc việc thực hiện Luật khiếu nại, tố cáo, tìm giải pháp để giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành tổng kết việc thực hiện

Pháp lệnh chống tham nhũng, đề xuất những giải pháp chống tham nhũng và xây dựng Luật chống tham nhũng để trình Quốc hội trong năm 2005.

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới về tổ chức và hoạt động của thanh tra theo hướng: phân biệt rõ phạm vi, đối tượng thanh tra của các cơ quan thanh tra nhà nước, tập trung làm nhiều hơn nữa và tốt hơn nữa công tác thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp và cơ quan hành chính cấp dưới trực tiếp; khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng thì tiến hành thanh tra làm rõ để xử lý. Xem xét việc hoàn thiện cơ chế hoạt động thanh tra và giao thêm quyền cho cơ quan thanh tra.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức thanh tra theo cấp hành chính theo quy định của Luật thanh tra. Củng cố tổ chức, bộ máy thanh tra hành chính các cấp và thanh tra ngành, lĩnh vực. Nghiên cứu các giải pháp bảo đảm cho hoạt động thanh tra thực hiện được đúng nguyên tắc: "Tuân thủ pháp luật, bảo đảm khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, chính xác, kịp thời".

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tạo sự chuyển biến cơ bản công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, vừa bảo đảm quyền dân chủ của công dân, vừa giữ nghiêm kỷ cương, phép nước.

- Tăng cường sự phối hợp giữa công tác Thanh tra Chính phủ với các cơ quan bảo vệ pháp luật và kiểm tra đảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát,

kiểm tra và bảo vệ pháp luật, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

- Xây dựng ngành Thanh tra trong sạch, vững mạnh, trước hết tập trung xây dựng cơ quan Thanh tra Chính phủ thật sự đoàn kết, vững mạnh, làm gương sáng cho toàn ngành Thanh tra; bổ sung đủ cán bộ cho thanh tra các cấp; có kế hoạch cụ thể đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ, nâng cao trình độ về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ thanh tra; tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, quản lý các đoàn thanh tra theo quy chế và thực hiện tốt những điều kỷ luật đối với cán bộ thanh tra.

Phải quan tâm đầy đủ đến công tác xây dựng Đảng trong ngành Thanh tra. Cần tổ chức tốt việc tổng kết năm 2004 trên cơ sở gắn việc kiểm điểm hoạt động của chi bộ, đảng bộ, kiểm điểm trách nhiệm đảng viên với việc đánh giá kết quả công việc; động viên cán bộ thanh tra giữ gìn phẩm chất, lối sống, xây dựng quy hoạch cán bộ, thực hiện nghiêm túc chế độ luân chuyển cán bộ, thực hiện tốt việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm đối với cán bộ có chức vụ.

- Chính phủ cần tăng cường đầu tư về phương tiện làm việc để ngành Thanh tra đảm đương được nhiệm vụ.

- Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương và các cơ quan bảo vệ pháp luật nghiên cứu, xây dựng đề án về tổ chức phân công phối hợp công tác trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

- Về việc bảo đảm đủ biên chế cán bộ của ngành Thanh tra và kiện toàn lãnh đạo Thanh tra Chính phủ, bổ sung cơ

chế, chính sách đối với ngành thanh tra, kinh phí cho hoạt động thanh tra, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương cùng các ban, ngành chức năng xem xét, giải quyết theo quy định; trước mắt cần sớm kiện toàn đội ngũ lãnh đạo Thanh tra Chính phủ để đảm đương nhiệm vụ.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 35-KL/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2004

Về Đề cương chi tiết Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010

Tại phiên họp ngày 11-12-2004, sau khi nghe Tiểu ban Báo cáo kinh tế - xã hội Đại hội X báo cáo về Đề cương chi tiết Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Thực hiện quyết định của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 10 khóa IX, từ tháng 8-2004 đến nay, Tiểu ban Báo cáo kinh tế - xã hội đã tích cực, chủ động tổ chức nghiên cứu nghiêm túc một số vấn đề cốt lõi liên quan đến nhận định đánh giá tình hình, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội cho thời gian tới, làm cơ sở để hình thành nên những nội dung quan trọng của Đề cương Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 trình Đại hội X của Đảng.

Bộ Chính trị đánh giá cao sự cố gắng, tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc của Tiểu ban Kinh tế - xã hội.

2. Bộ Chính trị về cơ bản nhất trí với dự thảo Đề cương Báo cáo kinh tế - xã hội, đồng thời lưu ý một số điểm sau:

a) Về yêu cầu, phạm vi và kết cấu:

- Để bảo đảm tính nhất quán và tránh sự trùng lặp không cần thiết của các văn kiện trình ra Đại hội, do Báo cáo chính trị đã đánh giá khái quát, toàn diện tình hình và đề ra đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách lớn cho tất cả các lĩnh vực trong nhiệm kỳ Đại hội X, nên Báo cáo kinh tế - xã hội cần tập trung chủ yếu đề cập sâu về các vấn đề kinh tế - xã hội, không nhất thiết đề cập đầy đủ các lĩnh vực khác như quốc phòng, an ninh, xây dựng nhà nước...

- Phần kiểm điểm, đánh giá 5 năm qua cần bám sát vào những chủ trương, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 đã được Đại hội IX của Đảng thông qua để kiểm điểm, đánh giá.

- Phần phương hướng, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tới phải nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn tiếp theo.

- Tán thành đề cương Báo cáo kinh tế - xã hội không chia thành nhiều phần theo cách viết truyền thống, mà viết theo từng nhiệm vụ theo hướng nêu gọn, rõ, thiết thực để tránh trùng lặp; nhưng cần xác định những trọng điểm ưu tiên và những điểm đột phá trong các nhiệm vụ của 5 năm tới.

b) Về đánh giá thành tựu và yếu kém trong 5 năm qua:

- Đề nghị phân tích và làm rõ hơn bối cảnh của 5 năm qua để thấy hết những khó khăn, thách thức và từ đó khẳng định những *thành tựu đã đạt được trong 5 năm qua là rất quan trọng* như trong Đề cương Báo cáo đã trình bày.

Tuy nhiên, cần phân tích để thấy rằng những mặt yếu kém, thiếu sót, khuyết điểm còn rất lớn, những thành tựu đã đạt được trong 5 năm qua *còn dưới mức khả năng phát triển của đất nước*.

- Về nguyên nhân của những thành tựu: cùng với những nguyên nhân đã nêu cần đề cập đến những cố gắng trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

- *Về nguyên nhân của những mặt yếu kém,* Bộ Chính trị đồng ý với ba nguyên nhân chủ quan nêu trong Đề cương. Nhưng trong nguyên nhân thứ nhất (chậm đổi mới tư duy kinh tế, chậm xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gây cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội) cần phân tích rõ hơn, cụ thể hơn để từ đó đề ra giải pháp khắc phục.

c) Về quan điểm phát triển trong thời kỳ tới:

- Do các quan điểm chung đã đề cập trong Báo cáo chính trị, do đó cân nhắc không nhất thiết trình bày đầy đủ các quan điểm trong Báo cáo kinh tế - xã hội để tránh trùng lặp.

- Cần phân tích làm rõ quan điểm xây dựng nền kinh tế "độc lập tự chủ" theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, để đề ra các định hướng và giải pháp thích hợp.

d) Về mục tiêu và nhiệm vụ phát triển 5 năm 2006 - 2010:

Bộ Chính trị nhất trí nội dung *Mục tiêu tổng quát* về phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới mà Tiểu ban đã nêu trong Tờ trình. Song cần nghiên cứu, cân nhắc để thể hiện nội dung: xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập quốc tế theo đúng quan điểm mà Đảng đã đề ra.

- Cần cố gắng có diễn giải cụ thể hơn một số vấn đề mới và quan trọng (như nền tảng nước công nghiệp hóa, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu lao động trong quá trình công nghiệp hóa...).

Về các *nhiệm vụ chủ yếu* và các *chỉ tiêu định hướng* phát triển kinh tế - xã hội, cần bổ sung nêu rõ hơn các nhiệm vụ trong lĩnh vực xã hội và các giải pháp của từng lĩnh vực.

e) Về một số định hướng và chính sách phát triển:

- Về phát triển công nghiệp:

Phát triển công nghiệp là chủ trương quan trọng trong đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nêu trong Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010). Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu và toàn diện, việc phát triển công nghiệp phải coi trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm. Theo tinh thần đó, cần định hướng rõ về chủ trương phát triển một số ngành công nghiệp cơ bản, một số ngành công nghiệp mũi nhọn trong 5 năm tới. Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp và thu hút nước ngoài đầu tư vào một số dự án quan trọng như khai thác quặng và luyện cán thép, bôxít, lọc hóa dầu, cơ khí chế tạo, phân bón, sản xuất bột giấy...

- Về phát triển nông nghiệp và nông thôn:

Báo cáo cần đề ra các mục tiêu, giải pháp nhằm tiếp tục tập trung giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn, coi trọng hơn nữa nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện để phát triển sản xuất, cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, xây dựng nông thôn mới từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Quan tâm làm tốt công tác quy hoạch nông thôn, phát triển và ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp; thực hiện việc tổ chức sản xuất đa dạng, trong đó coi trọng cả kinh tế hợp tác, kinh tế hộ và kinh tế trang trại, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn và phát triển mạnh các làng nghề nông thôn. Thực hiện đô thị hóa nông thôn theo một quy hoạch tổng thể, quan tâm giải quyết việc làm, chăm lo đời sống nông dân và bảo đảm môi trường sinh thái.

- Về phát triển khu vực dịch vụ:

Coi phát triển dịch vụ là khâu đột phá, tạo chuyển biến rõ rệt để nâng cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và góp phần nâng cao chất lượng phát triển. Vừa phát triển các ngành dịch vụ truyền thống, đồng thời phải chú trọng mở rộng các loại hình dịch vụ mới, nhất là những dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và chủ động mở cửa hội nhập về dịch vụ.

- Làm rõ hơn định hướng đổi mới cơ chế cung ứng các dịch vụ công theo hướng: xóa bỏ cung cấp dịch vụ quân bình

theo giá thấp, không đủ bù đắp chi phí; Nhà nước tập trung nguồn lực, dành ngân sách tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật để nâng cao phúc lợi chung cho toàn xã hội và bảo đảm cung ứng cho người nghèo, vùng nghèo và các đối tượng chính sách các dịch vụ cơ bản về y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội...; thực hiện cơ chế cung ứng dịch vụ không vụ lợi, bảo đảm cho các đơn vị cung ứng dịch vụ bù đắp được chi phí, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động của mình.

Tuy nhiên, đây là lĩnh vực nhạy cảm liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân và là yếu tố quan trọng góp phần ổn định xã hội, vì vậy, việc chuyển đổi cần thực hiện một cách tích cực, nhưng phải theo một lộ trình hợp lý.

- Về phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng:

Trong Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) đã nêu rõ phương hướng phát triển các vùng trong cả nước. Mấy năm qua, Bộ Chính trị đã có nghị quyết về một số vùng quan trọng. Do đó trong Báo cáo kinh tế - xã hội lần này không cần đề cập những nội dung cụ thể về phát triển các vùng, mà chỉ nên nêu một số chủ trương chung về phát triển vùng, coi trọng đẩy mạnh phát triển cả các vùng kinh tế động lực và các vùng khó khăn, không thuận lợi; thông qua việc ban hành các chính sách phù hợp với đặc điểm riêng từng vùng, lưu ý đúng mức đến những vùng có liên quan nhiều đến an ninh, quốc phòng (Tây Nguyên, Tây Nam Bộ...); đề ra các mục tiêu, giải pháp nhằm *phát triển nhanh kinh tế biển* để đưa nước ta sớm trở thành quốc gia

mạnh về kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.

- Về chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế:

Về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế, Bộ Chính trị đã có kết luận, trong Báo cáo này cần viết thống nhất như trong Đề cương Báo cáo chính trị.

- Về đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước gắn với đẩy mạnh phòng và chống tham nhũng:

Cần xem đây là một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời kỳ 5 năm tới gắn chặt với xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đổi mới hệ thống chính trị.

Vấn đề này sẽ chủ yếu được tập trung nêu trong Báo cáo chính trị; Báo cáo kinh tế - xã hội chỉ nêu những cơ chế, chính sách phòng, chống tham nhũng gắn với yêu cầu làm trong sạch bộ máy nhà nước.

Ngoài ra, tại các trang 61, 62, 63, 64, 65 trong Đề cương chi tiết có một số nội dung cần xem xét, cân nhắc kỹ khi thể hiện. Có một số khái niệm nêu trong đề cương không nên dùng như: "xã hội dân sự", "lấy thế trận toàn dân để bao vây, cô lập các thế lực tham nhũng", "coi tham nhũng là giặc nội xâm", "lãnh đạo công tác báo chí, chủ động đưa báo chí vào cuộc để phát hiện các hành vi tham nhũng". Cân nhắc kỹ hơn chủ trương, xác định lại khái niệm cán bộ công chức theo tinh thần công chức không bao gồm những hoạt động trong bộ máy đảng, các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể...

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Chính trị, đề nghị Tiểu ban tiếp tục chỉnh sửa bổ sung, hoàn chỉnh bản Đề cương chi tiết và Tờ trình về Báo cáo kinh tế - xã hội, trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 sắp tới. Trong Tờ trình cần lưu ý nêu rõ những vấn đề mới về nhận thức, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau... để Trung ương thảo luận và quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 36-KL/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2004

Về việc nhận xét, đánh giá cán bộ phục vụ cho việc chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X

Xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương về vấn đề nhận xét, đánh giá cán bộ phục vụ cho việc chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X (Tờ trình số 385-TTr/BTCTW, ngày 11-10-2004), Bộ Chính trị kết luận như sau:

Sau gần 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới từ Đại hội VI của Đảng (1986) đất nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, bên cạnh những cơ hội lớn cho sự phát triển, chúng ta cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức gay gắt. Điều đó đòi hỏi phải nâng cao chất lượng và tính chiến đấu của Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Nhìn chung, trong việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương, các kỳ Đại hội đều xác định yêu cầu phải bảo đảm tiêu chuẩn các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương

phải có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, trung thành với Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; có đạo đức và lối sống trong sáng; chống chủ nghĩa cá nhân, không tham nhũng, tiêu cực, cục bộ bản vị, cơ hội. Trong bố trí Ban Chấp hành Trung ương có tính đến cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương, nhưng dứt khoát phải bảo đảm tiêu chuẩn.

Kinh nghiệm các kỳ Đại hội của Đảng cho thấy chất lượng và tính chiến đấu của Ban Chấp hành Trung ương có vai trò quyết định trong việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, cho sự tồn vong của chế độ, bảo đảm sự phát triển đi lên của đất nước. Bộ Chính trị thấy rằng, trong khi đại đa số các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện rõ năng lực và tính chiến đấu của mình, thì cũng có một số đồng chí đóng góp vào sự lãnh đạo chung của Ban Chấp hành Trung ương còn ít, kết quả và hiệu quả lãnh đạo và chỉ đạo công việc được giao còn hạn chế, có đồng chí uy tín bị giảm sút. Điều đó đòi hỏi phải có sự nhận xét, đánh giá nghiêm túc và công bằng đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Để chuẩn bị cho Đại hội X, việc nhận xét, đánh giá đúng cán bộ là vấn đề có tính chất quyết định trong việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương, bảo đảm chất lượng từng đồng chí Ủy viên và toàn thể Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Việc nhận xét, đánh giá các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và các đồng chí có triển vọng, dự kiến cơ

cấu vào Ban Chấp hành Trung ương là rất quan trọng nhằm lựa chọn bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X các đồng chí có đủ đức và tài, có năng lực lãnh đạo tốt, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Vì vậy, Bộ Chính trị chủ trương tiến hành nhận xét, đánh giá cán bộ, chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X như sau:

1. Nguyên tắc nhận xét, đánh giá

Phải bảo đảm thực hiện dân chủ, minh bạch, tính khách quan, toàn diện, tính lịch sử cụ thể trong nhận xét, đánh giá cán bộ; làm rõ ưu điểm, khuyết điểm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực và hiệu quả công tác, chiều hướng phát triển, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu trong nhận xét, đánh giá cán bộ.

2. Đối tượng nhận xét, đánh giá

Trước mắt, tiến hành nhận xét, đánh giá đồng chí hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Đối với các đồng chí chưa phải là đối tượng trên, nhưng có triển vọng cơ cấu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X sẽ tiến hành nhận xét, đánh giá khi có ý kiến giới thiệu của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

3. Căn cứ để nhận xét, đánh giá

a) Tiêu chuẩn chung của cán bộ được quy định trong Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cụ thể là:

- "Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chuẩn đó có quan hệ mật thiết với nhau. Coi trọng cả đức và tài, đức là gốc"[1)].

Để phục vụ cho việc lựa chọn cán bộ bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X cần nhận xét, đánh giá thêm tiêu chuẩn: năng lực tư duy mang tầm chiến lược, tư tưởng đổi mới, khả năng tham gia vào việc hoạch định đường lối, chính sách, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương.

b) Kết quả hoạt động trong thực tế của mỗi cán bộ đối chiếu với tiêu chuẩn trên, nhất là trên các mặt sau:

- Kết quả và hiệu quả công tác, năng lực thực tiễn của cán bộ; trên cương vị của mình đã tổ chức thực hiện tốt, đóng góp thúc đẩy lĩnh vực công tác được giao, không để trì trệ, yếu kém.

---

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 79-80.

- Không có biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, tham vọng địa vị, tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; bản thân không lợi dụng và không để gia đình lợi dụng chức quyền của mình để mưu cầu lợi ích riêng; không để cho cán bộ trong cơ quan tiêu cực, vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước, gây bức xúc trong dư luận.

- Giữ được đoàn kết nội bộ; tác phong làm việc tập thể, dân chủ.

Cần đề phòng việc đưa vào Ban Chấp hành Trung ương những đồng chí có tư tưởng cục bộ, địa phương, nể nang, né tránh, không mạnh dạn phê bình và tự phê bình hoặc chuyên quyền, độc đoán, trù dập người thẳng thắn phê bình, đấu tranh; đồng thời, chú ý đến tinh thần xung phong, gương mẫu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, thái độ quyết đoán; tác phong, lối sống lành mạnh, gắn bó với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm; có ý thức tổ chức, kỷ luật; đối với cán bộ trong lực lượng vũ trang phải nhấn mạnh việc nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh cấp trên, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân.

Khi đánh giá cũng xem xét hoàn cảnh cụ thể của cán bộ, trình độ đào tạo, sức khỏe, độ tuổi... để bảo đảm điều kiện tham gia Ban Chấp hành Trung ương.

Để chủ động chuẩn bị công tác nhân sự Đại hội X, việc nhận xét, đánh giá cán bộ phải tiến hành sớm. Đây là đánh giá bước đầu. Sau này, khi có danh sách giới thiệu chính thức của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X trình ra Đại hội X thì sẽ có bổ sung, hoàn chỉnh thêm.

4. Nội dung và quy trình nhận xét, đánh giá

a) Bản thân cán bộ tự nhận xét, đánh giá. Mỗi đồng chí trong đối tượng nêu tại mục (2) có bản báo cáo kiểm điểm, tự nhận xét, đánh giá.

Nội dung tự nhận xét, đánh giá bao gồm tiêu chuẩn chung của cán bộ (điểm a) và các tiêu chuẩn nhấn mạnh (điểm b) phần căn cứ nhận xét, đánh giá nêu trên.

b) Cấp ủy đảng nơi cán bộ công tác nhận xét, đánh giá.

- Nội dung nhận xét, đánh giá cũng bao gồm tiêu chuẩn chung của cán bộ (điểm a) và các tiêu chuẩn nhấn mạnh (điểm b) như trên.

- Cơ quan nhận xét, đánh giá là cấp ủy đảng cơ sở và ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương nơi cán bộ công tác.

c) Tập thể cấp ủy cơ sở đảng nơi cán bộ cư trú nhận xét, đánh giá.

d) Bộ Chính trị nhận xét, đánh giá đối với cán bộ thuộc các đối tượng nêu trên.

Để bảo đảm nguyên tắc dân chủ, thận trọng trong đánh giá cán bộ thì dự thảo kết luận nhận xét, đánh giá cán bộ sẽ được gửi cho người được đánh giá để tham gia ý kiến, sau đó tập thể Bộ Chính trị kết luận. Cá nhân người được đánh giá có quyền được bảo lưu ý kiến của mình. Trường hợp thật cần thiết, người tham gia đánh giá cán bộ cũng có thể bảo lưu ý kiến riêng khác với ý kiến đánh giá của tập thể.

5. Biện pháp thực hiện và phân công chuẩn bị nhận xét, đánh giá

- Để đánh giá cán bộ được chính xác, Bộ Chính trị phân

công các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp phụ trách từng lĩnh vực công tác chủ trì việc nhận xét, đánh giá đối với cán bộ thuộc khối công việc mà mình được phân công phụ trách.

- Các đồng chí khác trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư được phân công nhận xét, đánh giá đối với các đồng chí công tác tại địa phương, các ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

- Đồng thời, để việc đánh giá bảo đảm tính dân chủ, tập thể, Bộ Chính trị phân công 2 - 3 đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách việc chuẩn bị nhận xét, đánh giá cán bộ theo từng khối địa phương và lĩnh vực, để trình tập thể Bộ Chính trị. Khi đánh giá cũng tham khảo ý kiến của đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư được phân công phụ trách lĩnh vực, cơ quan đó.

- Các ban của Trung ương Đảng (Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2)) giúp Bộ Chính trị chuẩn bị nhận xét, đánh giá.

Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị phân công cụ thể như sau:

a) *Tổng hợp chung việc nhận xét, đánh giá trình Bộ Chính trị*: các đồng chí Nông Đức Mạnh, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Văn An, Phan Diễn, Trần Đình Hoan, Nguyễn Văn Chi.

b) *Phân công phụ trách các khối, địa phương, lĩnh vực:*

1- Đồng chí **Phan Diễn** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Trần Đình Hoan, Nguyễn Thị Kim Hồng, Vũ Quốc Hùng chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: trưởng, phó các ban

và cơ quan Trung ương Đảng; bí thư các tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố phía Bắc (từ Hà Tĩnh trở ra).

2- Đồng chí **Trương Tấn Sang** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Nguyễn Văn Chi, Nguyễn Đức Hạt, Trần Hòa chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: bí thư tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố miền Trung (từ Quảng Bình trở vào) và Tây Nguyên.

3- Đồng chí **Nguyễn Tấn Dũng** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Thị Kim Hồng, Trần Văn Truyền, Nguyễn Tấn Quyên chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: bí thư tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố miền Nam (từ Ninh Thuận, Lâm Đồng trở vào).

4- Đồng chí **Trần Đức Lương** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Phạm Văn Thọ, Trần Văn Truyền chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Chủ tịch nước, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

5- Đồng chí **Phan Văn Khải** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Vũ Khoan, Đỗ Quang Trung, Nguyễn Đức Hạt, Nguyễn Thị Doan, Phạm Văn Thọ, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: bộ trưởng và tương đương của các bộ, ngành, cơ quan trực thuộc Chính phủ.

6- Đồng chí **Nguyễn Văn An** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Trương Quang Được, Nguyễn Văn Yểu, Trần Hòa, Đảng đoàn Quốc hội chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá:

Ủy viên Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

7- Đồng chí **Phạm Văn Trà** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Lê Văn Dũng, Phùng Quang Thanh, Phạm Văn Thọ, Trần Văn Truyền, Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội.

8- Đồng chí **Lê Hồng Anh** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Nguyễn Thị Doan chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong ngành công an.

9- Đồng chí **Nguyễn Khoa Điềm** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Vũ Quốc Hùng chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam.

10- Đồng chí **Trần Đình Hoan** chủ trì có sự tham gia của các đồng chí Tòng Thị Phóng, Nguyễn Thị Kim Hồng chuẩn bị việc nhận xét, đánh giá: Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương.

*

* *

Ban Tổ chức Trung ương giúp Bộ Chính trị triển khai thực hiện và tổng hợp chung kết quả nhận xét, đánh giá và

có hướng dẫn cần thiết những việc cụ thể để thực hiện chủ trương này đối với các đối tượng được giới thiệu bổ sung sau này cơ cấu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu trữ tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 165-TB/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2004
Về tổ chức Bộ đội Biên phòng

Tại phiên họp ngày 28-10-2004, sau khi nghe Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW, ngày 8-8-1995 của Bộ Chính trị khóa VII về xây dựng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới và Đề án tổ chức Bộ đội Biên phòng, Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

1. Thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VII về xây dựng Bộ đội Biên phòng, tám năm qua, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy Quân sự Trung ương, sự chỉ đạo, quản lý thường xuyên của Bộ Quốc phòng, lực lượng biên phòng đã được củng cố, nâng cao hơn về chất lượng chính trị, trình độ và sức mạnh chiến đấu. Bộ đội Biên phòng đã có nhiều cố gắng, vượt qua khó khăn, gian khổ, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, phát huy vai trò lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia; bám sát địa bàn, gắn bó mật thiết với nhân dân, tham gia có hiệu quả vào việc củng cố hệ thống chính trị cơ sở, hướng dẫn

nhân dân các dân tộc ở các vùng biên giới sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xóa mù chữ, xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Bộ Chính trị biểu dương những thành tích mà Bộ đội Biên phòng đã đạt được trong thời gian qua. Những thành tích ấy đã góp phần quan trọng bảo vệ an ninh biên giới quốc gia, củng cố lòng tin của nhân dân các dân tộc ở biên giới đối với Đảng, Nhà nước, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

Tuy nhiên, các cấp và một số ngành có liên quan chưa quán triệt sâu sắc Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, nên chưa có sự thống nhất cao về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng; chậm ban hành các quy định cụ thể về quan hệ phối hợp, hiệp đồng giữa lực lượng biên phòng với các lực lượng có liên quan ở khu vực biên giới, đã hạn chế đến chất lượng và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng.

2. Trong thời gian tới, tình hình an ninh biên giới quốc gia trên bộ, trên biển còn diễn biến phức tạp. Nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia còn rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải tăng cường xây dựng Bộ đội Biên phòng vững mạnh về mọi mặt theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, để làm tròn trách nhiệm giữ gìn an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia trong mọi tình huống, mọi hoàn cảnh.

a) Việc kiện toàn tổ chức lực lượng Bộ đội Biên phòng phải quán triệt các quan điểm sau đây:

- Bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chủ tịch nước, Chính phủ, Đảng ủy

Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, các tỉnh ủy, thành ủy đối với việc xây dựng lực lượng Bộ đội Biên phòng và công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

- Bảo đảm cho Bộ đội Biên phòng thực hiện tốt ba chức năng quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng, đối ngoại ở khu vực biên giới; trong thời bình là quản lý, bảo vệ chủ quyền, giữ gìn an ninh trật tự biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác thân thiện với các nước láng giềng; khi có chiến tranh hoặc xung đột biên giới, thực hiện tốt nhiệm vụ tác chiến phòng thủ được phân công trong thế trận phòng thủ chung trên địa bàn.

- Hệ thống tổ chức Bộ đội Biên phòng phải nằm trong tổng thể tổ chức Quân đội, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ huy thống nhất, thông suốt, nhanh chóng và có hiệu lực trong công tác biên phòng và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Đồng thời, có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, các ngành có liên quan và nhân dân tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền biên phòng toàn dân vững mạnh.

b) Trên cơ sở các quan điểm trên, Bộ Chính trị cơ bản tán thành Đề án của Đảng ủy Quân sự Trung ương về tổ chức Bộ đội Biên phòng. Bộ Chính trị nhấn mạnh một số vấn đề sau:

- Giữ ổn định lâu dài hệ thống tổ chức và chức năng, nhiệm vụ Bộ đội Biên phòng như Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VII đã xác định. Bộ đội Biên phòng là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng, được chỉ huy, bảo đảm thống nhất theo ngành dọc từ Trung ương đến đơn vị cơ sở với ba cấp cơ bản: Bộ Tư lệnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành và đồn biên phòng; không đặt vấn đề hợp

nhất Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố vào bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố. Thường xuyên phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các quân khu, quân binh chủng, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, công an và các lực lượng khác trên địa bàn. Khi có chiến tranh thực hiện theo quy chế Bộ Quốc phòng đã ban hành.

- Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động lấn chiếm biên giới, vi phạm chủ quyền và chống các hoạt động xâm nhập, vượt biên phá hoại an ninh trật tự của địch và các loại tội phạm, nhất là buôn lậu, vận chuyển ma túy, vũ khí, chất nổ... qua biên giới.

Quân số Bộ đội Biên phòng được xác định theo yêu cầu nhiệm vụ, không đặt vấn đề giảm quân số; khi cần có thể tăng thêm quân số để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bộ đội Biên phòng cần chú trọng làm tốt hơn nữa nhiệm vụ lo cho dân, hướng dẫn nhân dân sản xuất, góp phần cùng với địa phương giúp đỡ đồng bào các dân tộc ở biên giới khắc phục khó khăn trong cuộc sống, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng thế trận biên phòng toàn dân và củng cố cơ sở chính trị ở vùng biên giới vững mạnh.

- Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát xuất, nhập cảnh tại các cửa khẩu biên giới như hiện nay. Chính phủ cần sớm ban hành quy chế phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ ở cửa khẩu quốc tế, xác định rõ vai trò đơn vị chủ trì để bảo đảm quản lý, điều hành thống nhất.

- Do chức năng nhiệm vụ, khả năng hoạt động, phạm vi đảm nhiệm của Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển có khác nhau, nên chưa đặt vấn đề sáp nhập Cảnh sát biển vào Bộ đội Biên phòng. Bộ Quốc phòng phân công rõ phạm vi trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ các vùng biển cho hai lực lượng này.

- Quan tâm tăng cường đầu tư xây dựng, cải thiện điều kiện vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại cho các đơn vị. Chăm lo đào tạo cán bộ biên phòng, nhất là cán bộ dân tộc ít người trên địa bàn, để cán bộ biên phòng có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chỉ huy, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác biên phòng trong tình hình mới.

- Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản hệ thống đồn, trạm, nhà trường, các tuyến đường tuần tra và vành đai biên giới, công trình phòng thủ bảo vệ biên giới và điều chỉnh dân cư ra biên giới; ưu tiên đoạn xung yếu để đưa dân ra sinh sống và làm ăn được ở khu vực biên giới; chỉ đạo nghiên cứu xây dựng đề án quản lý hành chính đối với các khu vực trên biển thuộc chủ quyền quốc gia. Điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp với đặc điểm riêng của Bộ đội Biên phòng; ban hành quy chế phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, quản lý biên giới và đối ngoại biên phòng.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng ủy Quân sự Trung ương tiếp thu, bổ sung hoàn chỉnh Đề án tổ chức Bộ đội Biên phòng; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện tốt Kết luận này của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 47-CT/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2004

Về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc tổ chức đón Tết Nguyên đán và những ngày lễ lớn trong năm 2005

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước được nhân dân đồng tình. Hiện nay, khi chúng ta phải tập trung vốn đầu tư ngày càng lớn để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì tiết kiệm, chống lãng phí càng trở nên bức thiết, đã thành đòi hỏi nghiêm khắc của xã hội.

Năm 2005 là năm toàn Đảng, toàn dân ta phải nỗ lực phấn đấu thực hiện trọn vẹn Nghị quyết Đại hội IX, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, cũng là năm Đảng ta sẽ tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp, chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ X, nước ta sẽ kỷ niệm nhiều ngày lễ lớn. Đây sẽ là một năm có nhiều sự kiện trọng đại, cũng là năm có nhiều nhiệm vụ nặng nề. Vì vậy, trong năm tới, mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước phải rất tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả, phải kiên quyết

chống mọi biểu hiện hình thức, xa hoa, lãng phí. Tinh thần trên đây phải được quán triệt và thể hiện nghiêm ngay từ đầu năm mới, nhất là vào dịp mừng năm mới, đón Tết Nguyên đán, để làm đà cho việc thực hiện tốt trong cả năm 2005.

Ngày 24-12-2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị về việc tổ chức đón tết Ất Dậu năm 2005 với tinh thần vui tươi, an toàn, lành mạnh, nhưng triệt để tiết kiệm, chống mọi xa hoa, lãng phí. Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghiêm Chỉ thị nói trên của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là mấy điểm sau đây:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức chúc tết tại cơ quan, đơn vị với tinh thần vui tươi nhưng tiết kiệm, không mang hoa, quà đến nhà riêng các đồng chí lãnh đạo để chúc tết; dành thời gian nghỉ tết chủ yếu cho gia đình và thăm hỏi họ hàng, người thân.

2. Nghiêm cấm lợi dụng lễ, tết để tổ chức liên hoan, ăn uống lãng phí; sử dụng tiền, tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc có nguồn gốc từ ngân sách, từ công quỹ, từ các nguồn tài trợ để thưởng, biếu, tặng cho các tổ chức hoặc cá nhân dưới mọi hình thức không đúng chế độ quy định của Nhà nước. Những đơn vị được trích quỹ thưởng theo chế độ cho đơn vị, cá nhân có công phối hợp, giúp đỡ trong công tác thì phải công khai danh sách thưởng và mức thưởng cho toàn thể cơ quan, đơn vị biết. Không được sử dụng xe công để phục vụ các hoạt động cá nhân, đi chơi tốn kém trong dịp lễ tết.

3. Tổ chức chu đáo việc thăm hỏi, tặng quà thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, các gia đình thuộc diện chính sách, Bà mẹ Việt Nam Anh

hùng, cán bộ và chiến sĩ các đơn vị lực lượng vũ trang, các đơn vị phải trực làm nhiệm vụ, vận động các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống tương thân, tương ái giúp đỡ các gia đình nghèo, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ để mọi người, mọi nhà đều được đón tết vui vẻ.

4. Các cấp ủy đảng, các đồng chí đứng đầu cấp ủy và các đồng chí thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này và cần nêu gương đi đầu trong việc thực hiện Chỉ thị.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 129-QĐ/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2004

Về bổ sung thành viên Hội đồng xuất bản toàn tập văn kiện Đảng

- Căn cứ Quyết định số 101-QĐ/TW, ngày 12-10-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII thành lập Hội đồng xuất bản toàn tập văn kiện Đảng;

- Để tiến hành xuất bản toàn tập văn kiện Đảng từ những tổ chức tiền thân tới nay,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Bổ sung đồng chí Trịnh Thúc Huỳnh, Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia làm thành viên Hội đồng xuất bản toàn tập văn kiện Đảng.

2. Hội đồng xuất bản toàn tập văn kiện Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Văn phòng Trung ương Đảng và đồng chí Trịnh Thúc Huỳnh thi hành quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI PHIÊN KHAI MẠC ĐẠI HỘI VI
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Ngày 22 tháng 9 năm 2004

"Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam" *

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa quý vị đại biểu,
Thưa các vị khách quý,

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu, những đại diện ưu tú của giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, đại diện của 54 dân tộc anh em, của các tôn giáo, các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân và đại diện người Việt Nam ở nước ngoài hôm nay đã hội tụ tại Hội trường Ba Đình lịch sử để dự một ngày hội lớn - Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh và chào mừng các đoàn đại biểu Mặt trận các nước anh em, đại diện của các tổ chức quốc tế,

---

* Đầu đề do báo *Nhân dân* đặt (*B.T*).

các đoàn ngoại giao đến dự Đại hội này, thể hiện tình đoàn kết quốc tế, sự đồng tình ủng hộ và sự hợp tác quý báu của nhân dân thế giới đối với nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tôi mong được Mặt trận các nước anh em và bè bạn, các tổ chức quốc tế, chính phủ cũng như phi chính phủ, tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ và tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam góp phần to lớn hơn nữa vào việc mở rộng và phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước và các dân tộc, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội.

Trong niềm vui của ngày Đại hội, toàn dân ta bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người sáng lập và lãnh đạo Mặt trận Dân tộc thống nhất, người đã kế thừa và phát huy truyền thống đại đoàn kết, nguồn sức mạnh vô địch của toàn dân tộc ta trong suốt quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước. Chân lý mà Người tổng kết:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công"

mãi mãi soi sáng mỗi bước đường phát triển của dân tộc ta.

Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là đại hội đầu tiên của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thế kỷ XXI.

Tại Đại hội này, chúng ta tưởng nhớ với lòng biết ơn sâu sắc các thế hệ cha anh, các nhà lãnh đạo cách mạng tiền bối, các bậc hiền tài yêu nước, thương dân đã cộng tác mật thiết với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiếp thu và thể hiện xuất sắc tư

tưởng đại đoàn kết của Người, trọn đời cống hiến cho sự nghiệp vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất trong suốt thế kỷ XX để đưa nước ta từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với các vị, các đồng chí đã từng tham gia công tác Mặt trận qua các thời kỳ lịch sử, các thương binh, các bậc lão thành cách mạng, các gia đình có công với nước, các nhân sĩ, trí thức, cán bộ hưu trí, các chức sắc tôn giáo, đồng bào yêu nước sống xa Tổ quốc, những người tiêu biểu thuộc các dân tộc anh em đã hy sinh, cống hiến sức lực, tài năng và của cải, góp phần làm nên những thắng lợi huy hoàng cho dân tộc trong suốt 74 năm qua.

Thưa các vị đại biểu,
Thưa các vị khách quý,

Tám mươi năm về trước, khi nước ta còn trong đêm dài nô lệ, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc, mang lại tự do, hạnh phúc cho đồng bào.

Lý tưởng mà Người đề ra đó đã có sức hút kỳ diệu đối với cả một dân tộc bị mất nước đang khát khao độc lập, tự do.

Để tập hợp rộng rãi và nhân lên gấp bội tinh thần yêu nước của các giai cấp, tầng lớp, mọi dân tộc, mọi tôn giáo, mọi

người Việt Nam yêu nước, Người chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Chúng ta vui mừng thấy rằng 74 năm qua, trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của mình, qua các thời kỳ khác nhau, Mặt trận Dân tộc thống nhất đã không ngừng lớn mạnh, phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước, tập hợp nhân dân dưới ngọn cờ đại nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng, thực sự trở thành một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Thưa các vị đại biểu,
Thưa các vị khách quý,

Trong bối cảnh thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp, công cuộc đổi mới mà nhân dân tiến hành trong gần 20 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn và rất quan trọng: Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được những chấn động về chính trị và kinh tế từ bên ngoài tác động vào, phá được thế bị bao vây, cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; ổn định tình hình chính trị - xã hội, giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh. Với tư tưởng chiến lược lớn "phát huy sức mạnh toàn dân tộc" do Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu lên, cả nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đang ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng

đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ những thành công cũng như những sai lầm, khuyết điểm, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1991) đã nêu ra những bài học lớn, nổi lên là bài học về vai trò và sứ mệnh lịch sử của nhân dân. Đó là:

Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến tổn thất không lường được đối với vận mệnh đất nước.

Cương lĩnh đề ra nhiệm vụ phải không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đoàn kết là một truyền thống quý báu và là một bài học lớn của cách mạng nước ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một luôn coi đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải lấy mục tiêu giữ

vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Phải bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể và lợi ích xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Với quan điểm chỉ đạo nêu trên, chúng tôi hoan nghênh và tán thành phương hướng, nhiệm vụ chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như những chủ trương và giải pháp lớn nêu trong Báo cáo chính trị và Chương trình hành động do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình bày tại Đại hội.

Trong nhiệm kỳ qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có nhiều hoạt động tích cực với hình thức phong phú, đa dạng, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể không ngừng vững mạnh, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động tình nghĩa, nhân đạo, từ thiện và mong rằng những thành tựu đó tiếp tục được phát huy trong nhiệm kỳ tới.

Thưa các vị đại biểu,

Thưa các vị khách quý,

Những người cộng sản Việt Nam nhận thức sâu sắc lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Nước ta là nước dân chủ

Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*,

...

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*.

...

Chính quyền từ xã đến Chính phủ, Trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*"[1)].

Thực hiện di huấn của Bác Hồ, trong tình hình hiện nay, càng phải nâng cao hơn nữa vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong đời sống chính trị và xã hội của đất nước, để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, nơi phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước; tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia phát triển tình hữu nghị,

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.232.

sự hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã quy định.

Công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm tới đặt ra những yêu cầu rất cao cho toàn Đảng, toàn dân ta. Xuất phát từ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tình hình hiện nay, trên cơ sở Chương trình hành động chung, tôi đề nghị trong những năm trước mắt, Mặt trận cần tập trung làm tốt một số việc sau đây:

1. Tiếp tục củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân; thực hiện đại đoàn kết từ cơ sở, từ cộng đồng dân cư.

2. Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trên cơ sở các chủ trương của Đảng, Mặt trận cần biến những chủ trương đó thành chương trình, hành động cụ thể, vì lợi ích chung của Tổ quốc, của dân tộc. Mặt trận cần chủ động dám nghĩ, dám đề xuất, dám làm, tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh trong nội bộ nhân dân, khắc phục cho được hiện tượng thụ động, né tránh, ngại va chạm. Các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần thiết thực, cụ thể và hướng mạnh về cơ sở, khu dân cư, đến từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; vận động và giúp nhân dân nhanh chóng xóa đói, giảm nghèo,

hoàn thành việc xóa nhà ở dột nát cho người nghèo để họ vươn lên làm giàu chính đáng, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở từng cộng đồng dân cư; tránh phô trương hình thức, lãng phí, khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu.

3. Xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở các thôn, xóm, làng, ấp, bản, tổ dân phố, hoạt động trên cơ sở hương ước, quy ước phù hợp với pháp luật. Phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống, nhất là tình làng nghĩa xóm, đồng thời uốn nắn kịp thời những biểu hiện cục bộ, lệch lạc.

4. Cùng Nhà nước sớm luật hóa những chính sách đối với các giai cấp, các tầng lớp xã hội mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX đã đề ra, nhất là những chính sách đối với các dân tộc, tôn giáo, trí thức và người Việt Nam ở nước ngoài.

5. Để góp phần vào cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cuộc cải cách hành chính, Mặt trận cần phối hợp cùng Đảng và Nhà nước vận động nhân dân làm tốt hơn nữa chức năng giám sát đối với công tác và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử ở cả nơi cư trú lẫn nơi làm việc, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả hơn nữa tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ, thiếu trách nhiệm và các biểu hiện tiêu cực khác của đội ngũ cán bộ, công chức.

Thưa các vị đại biểu,
Thưa các vị khách quý,

Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, với trách nhiệm vừa là thành viên vừa là người

lãnh đạo Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam hết sức coi trọng việc đổi mới sự lãnh đạo của mình đối với công tác Mặt trận.

Đảng kiên trì thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, giáo dục đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân, thực hiện khẩu hiệu "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau", phấn đấu để các tổ chức đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, thực sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng thực hiện tốt vai trò là một tổ chức thành viên, đồng thời tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, kết hợp thực hiện chế độ tập trung dân chủ trong Đảng và chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đối với những chủ trương, chính sách lớn, Đảng yêu cầu đại diện các cấp ủy đảng trình bày trước hội nghị Mặt trận cấp mình để mọi thành viên cùng bàn bạc đóng góp ý kiến trên tinh thần dân chủ và xây dựng.

Để phát huy cao độ lợi thế và sức mạnh của từng tổ chức, Đảng chủ trương tiếp tục cụ thể hóa việc phân công trách nhiệm giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị trên lĩnh vực kinh tế - xã hội cho phù hợp với thời kỳ mới; phân công để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đảm nhiệm một số mặt công việc có liên quan đến đời sống nhân dân.

Thưa các vị đại biểu,
Thưa các vị khách quý,

Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam họp đúng thời điểm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bằng những

việc làm cụ thể kỷ niệm 35 năm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhà kiến trúc vĩ đại của Mặt trận Dân tộc thống nhất, linh hồn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh và *Di chúc* của Người đã đoàn kết triệu người như một trong Mặt trận Dân tộc thống nhất và dẫn dắt dân tộc ta làm nên những kỳ tích trong thế kỷ XX và những thành tựu to lớn trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Chương trình hành động của Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chính là những việc làm cụ thể nhằm góp phần cùng Đảng và Nhà nước động viên, cổ vũ nhân dân thực hiện "những ham muốn tột bậc" của Người là "đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" và "không ngừng nâng cao đời sống nhân dân". Toàn dân tộc ta phấn đấu để thực hiện hóa mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", đưa nước Việt Nam ta tiến lên sánh vai cùng các nước trên thế giới.

Xin chúc Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành công tốt đẹp, đem lại nguồn cổ vũ mới cho toàn dân tộc, niềm vui mới cho bạn bè.

Chúc các vị đại biểu, các vị khách quý sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt trong cuộc sống.

Xin trân trọng cảm ơn.

Báo *Nhân dân,* số 17950,
ngày 23-9-2004.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH TẠI BUỔI GẶP MẶT ĐẠI BIỂU CÁC THẾ HỆ BỘ ĐỘI CỤ HỒ, CÁC TƯỚNG LĨNH, ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Ngày 17 tháng 12 năm 2004

"Những tấm gương sáng để thế hệ trẻ hôm nay và mai sau học tập, noi theo"*

Hôm nay, tôi rất vui mừng và xúc động được dự buổi gặp mặt đại biểu các thế hệ "Bộ đội Cụ Hồ", các tướng lĩnh, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, do Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng tổ chức nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 15 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân.

Thay mặt các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi nhiệt liệt chào mừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người được Bác Hồ giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân; người Anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nhiệt liệt chào mừng các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, những người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam

---

* Đầu đề do báo *Nhân dân* đặt *(B.T)*.

Anh hùng, các đồng chí đại biểu cho các thế hệ "Bộ đội Cụ Hồ", các tướng lĩnh, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân về dự buổi gặp mặt đầy ý nghĩa này. Chúc các đại biểu luôn luôn mạnh khỏe, tiếp tục có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ta.

... Quân đội nhân dân Việt Nam ra đời, chiến đấu, trưởng thành, chiến thắng vẻ vang là một thành tựu vĩ đại của nhân dân ta trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng ta lãnh đạo. Nhân dân cách mạng và anh hùng đã sản sinh ra Quân đội nhân dân cách mạng và anh hùng. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng, của nhân dân ta, người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, đã có công lao to lớn trong việc tổ chức, lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện Quân đội ta, một quân đội cách mạng kiểu mới, trong đó mọi cán bộ, chiến sĩ đều từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu với những phẩm chất đặc trưng cao quý, được nhân dân hết mực tin yêu và trao tặng cho danh hiệu trìu mến "Bộ đội Cụ Hồ". "Bộ đội Cụ Hồ" là con em của nhân dân các dân tộc Việt Nam, là người chiến sĩ sống có lý tưởng, một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. "Bộ đội Cụ Hồ", với đồng chí, đồng đội thì đoàn kết yêu thương nhau như ruột thịt, đồng cam cộng khổ "giúp nhau lúc thường cũng như lúc ra trận"; với nhân dân thì nghĩa nặng tình sâu, quân với dân như cá với nước, tôn trọng dân, học tập dân, bảo vệ dân, giúp đỡ dân, cùng dân giữ nước và dựng nước; với kẻ thù thì kiên quyết tiêu diệt, đồng thời biết phân hóa, cảm hóa, làm cho chúng suy yếu tan rã; với nhiệm vụ thì trách nhiệm cao,

kỷ luật nghiêm, kiên quyết chấp hành, sáng tạo, linh hoạt để hoàn thành xuất sắc... "Bộ đội Cụ Hồ" đi dân nhớ, ở dân thương, nhân dân hết lòng chăm sóc, chở che đùm bọc. Mỗi chặng hành quân, trú quân, mỗi trận đánh, mỗi bước trưởng thành của Quân đội ta đều có công sức, của cải, mồ hôi và máu của nhân dân đóng góp. "Bộ đội Cụ Hồ" là biểu tượng cao đẹp của mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Quân đội và nhân dân, là sự thể hiện ở tầm cao và chiều sâu mới của bản sắc, tâm hồn, cốt cách văn hóa Việt Nam, của sự hòa quyện giữa dân tộc và giai cấp, truyền thống và hiện đại, trở thành một giá trị tiêu biểu cho con người Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh và là một biểu trưng độc đáo của văn hóa Quân đội cách mạng.

... Suốt 60 năm qua, hình ảnh anh "Bộ đội Cụ Hồ" vẫn luôn luôn gần gũi, thân thương và sống động trong lòng nhân dân ta và nhân dân bè bạn. Các thế hệ "Bộ đội Cụ Hồ" đã nối tiếp nhau giữ trọn mười lời thề danh dự dưới lá cờ Tổ quốc, chấp hành nghiêm 12 điều kỷ luật khi quan hệ với dân, chung sức đồng lòng thực hiện tốt cả ba chức năng của Quân đội là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất, lập nên nhiều chiến công xuất sắc, cùng toàn dân hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, giành thắng lợi to lớn trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các thế hệ "Bộ đội Cụ Hồ" đã trực tiếp làm nên lịch sử trưởng thành và chiến thắng oanh liệt của Quân đội ta, xây đắp nên truyền thống vẻ vang, xứng đáng với lời khen của Bác Hồ kính yêu: "Quân đội ta trung với nước, trung với Đảng,

hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"[1].

Truyền thống của Quân đội ta là sự nối tiếp và phát huy truyền thống đấu tranh yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc, là kết tinh phẩm chất cách mạng tốt đẹp nhất của toàn quân, với sự giúp đỡ, chở che của nhân dân cả nước, là thành quả sự hy sinh phấn đấu của các anh hùng, liệt sĩ, của các thế hệ "Bộ đội Cụ Hồ", trong đó có công lao của các đồng chí đang có mặt trong buổi gặp gỡ hôm nay. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao những cống hiến và tinh thần tận tụy, hy sinh của các đồng chí cho sự nghiệp cách mạng. Các đồng chí là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ và thanh niên cả nước hôm nay và mai sau học tập, noi theo.

... Danh hiệu "Bộ đội Cụ Hồ" là do nhân dân yêu mến tôn vinh. Phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" là do Bác Hồ và Đảng ta giáo dục, rèn luyện và không ngừng phát triển thông qua hoạt động thực tiễn trong quá trình đấu tranh cách mạng. Ai đã từng một thời là "Bộ đội Cụ Hồ" đều có được trong mình một phần phẩm chất của Bác Hồ. Phần phẩm chất đó luôn tỏa sáng và chiếm được lòng tin yêu của nhân dân, của bạn bè, đồng chí. Dù đang công tác trong Quân đội hay đã ra quân, về hưu hoặc chuyển ngành sang công tác khác, phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" vẫn luôn được giữ vững và phát huy, là niềm tự hào và động lực thúc đẩy sự phát triển của mình và của xã hội. Rất nhiều cựu chiến binh, cựu quân nhân trên trận tuyến

---

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.14, tr.435.

mới đã thể hiện bản lĩnh, tài năng sáng tạo, tình đồng chí, nghĩa đồng bào, làm nên những thành tích mới, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhân dịp này, thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức quốc phòng trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nêu cao bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", kế tục xứng đáng thế hệ đi trước, khắc phục nhiều khó khăn, chịu đựng gian khổ, đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân không ngừng lớn mạnh. Tôi mong muốn và tin tưởng chắc chắn rằng thế hệ "Bộ đội Cụ Hồ" hôm nay và tiếp theo sẽ ghi tiếp những trang chói ngời góp phần làm rạng rỡ lịch sử đất nước, dân tộc và Quân đội nhân dân Việt Nam ta.

Tôi xin gửi tới các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các gia đình liệt sĩ, các đồng chí thương bệnh binh, các đồng chí cựu chiến binh, cựu quân nhân và nhân dân các dân tộc trong cả nước lời thăm hỏi ân cần, lời chúc sức khỏe, thắng lợi và hạnh phúc.

Chúc các đồng chí đại biểu các thế hệ "Bộ đội Cụ Hồ", các tướng lĩnh, Anh hùng lực lượng vũ trang và toàn thể các đồng chí có mặt hôm nay mạnh khỏe, tiếp tục cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp cách mạng và hạnh phúc trong cuộc sống.

Báo *Nhân dân*, số 18035,
ngày 17-12-2004.

MỤC LỤC

Trang

- *Lời giới thiệu tập 63* V
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX, ngày 5 tháng 1 năm 2004 1
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 156/TLHN, ngày 5 tháng 1 năm 2004, kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX *(Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX)* 7
- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương, số 157/TLHN, ngày 5 tháng 1 năm 2004, kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng *(Trình Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX)* 88
- Giải trình của Bộ Chính trị, số 167/TLHN, ngày 12 tháng 1 năm 2004, tiếp thu ý kiến Trung ương về kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng 128
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 34-NQ/TW, ngày 3 tháng 2 năm 2004, về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng 146

- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 12 tháng 1 năm 2004 171
- Thông báo Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 12 tháng 1 năm 2004 181
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 36-CT/TW, ngày 16 tháng 2 năm 2004, về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX 191
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 34-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 2004, về Đại hội các Hội văn học, nghệ thuật Trung ương 201
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 35-CT/TW, ngày 6 tháng 2 năm 2004, về triển khai các biện pháp cấp bách ngăn chặn dịch cúm gia cầm và viêm phổi ở người do vi rút 206
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 35-NQ/TW, ngày 9 tháng 2 năm 2004, về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005 210
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 134-TB/TW, ngày 11 tháng 2 năm 2004, sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW về "Đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới" 219
- Quyết định của Ban Bí thư, số 91-QĐ/TW, ngày 16 tháng 2 năm 2004, bổ sung thẩm quyền ban hành văn bản trong một số điều của "Quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng" 223
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 135-TB/TW, ngày 16 tháng 2 năm 2004, về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ X Hội Luật gia Việt Nam 229
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 92-QĐ/TW, ngày 20 tháng 2 năm 2004, về việc bổ sung, sửa đổi Điều 7 trong Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 3-1-2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm 231

- Quy định của Ban Bí thư, số 94-QĐ/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở phường, thị trấn 233
- Quy định của Ban Bí thư, số 95-QĐ/TW, ngày 3 tháng 3 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã 242
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 37-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 2004, về tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong thời kỳ mới 251
- Quy định của Ban Bí thư, số 96-QĐ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước 257
- Quy định của Ban Bí thư, số 97-QĐ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp (trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu...) 265
- Quy định của Ban Bí thư, số 98-QĐ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan 273
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 36-NQ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 2004, về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài 281
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 28-KL/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2004, về danh mục các chương trình, dự án vay vốn ADB thời kỳ 2004 - 2006 293
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 137-TB/TW, ngày 30 tháng 3 năm 2004, về công tác chuẩn bị Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ 295
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 139-TB/TW, ngày 14 tháng 4 năm 2004, về Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V 301

- Báo cáo của Ban Chỉ đạo của Ban Bí thư, số 209-BC/BCĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2004, kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm tra số 03-KH/TW, ngày 6-6-2003 của Ban Bí thư 305
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 38-CT/TW, ngày 28 tháng 4 năm 2004, về lãnh đạo Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ V 321
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 39-CT/TW, ngày 21 tháng 5 năm 2004, về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến 326
- Quy định của Ban Bí thư, số 99-QĐ/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước liên doanh với nước ngoài 331
- Quy định của Ban Bí thư, số 100-QĐ/TW, ngày 4 tháng 6 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân (gọi chung là doanh nghiệp tư nhân) 338
- Quyết định của Ban Bí thư, số 102-QĐ/TW, ngày 8 tháng 6 năm 2004, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội các Hội Văn học nghệ thuật Trung ương (năm 2004 - 2005) 345
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 40-CT/TW, ngày 15 tháng 6 năm 2004, về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục 347
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 37-NQ/TW, ngày 1 tháng 7 năm 2004, về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010 356

- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 5 tháng 7 năm 2004 370
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 38-NQ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 2004 376
- Kết luận Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 30-KL/TW, ngày 20 tháng 7 năm 2004, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trong những năm sắp tới 385
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, ngày 10 tháng 7 năm 2004 397
- Thông báo Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 10 tháng 7 năm 2004 406
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 145-TB/TW, ngày 9 tháng 7 năm 2004, về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 45-CT/TW đối với Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2010 418
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 103-QĐ/TW, ngày 15 tháng 7 năm 2004, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp 423
- Thông báo Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 146-TB/TW, ngày 15 tháng 7 năm 2004 về thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội X của Đảng 424

- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 149-TB/TW, ngày 22 tháng 7 năm 2004, về đặc xá năm 2004 - 2005 434
- Quyết định của Ban Bí thư, số 104-QĐ/TW, ngày 26 tháng 7 năm 2004, về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Văn kiện Đại hội X của Đảng 437
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 150-TB/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2004, về việc mở lớp nghiên cứu cho cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp 440
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 151-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2004, về tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 442
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 152-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 2004, về dự thảo Nghị định của Chính phủ "Về xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng" 445
- Quyết định của Ban Bí thư số, 105-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2004, về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Kinh tế - xã hội Đại hội X của Đảng 448
- Quyết định của Ban Bí thư, số 106-QĐ/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2004, về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng Đại hội X của Đảng 452
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 39-NQ/TW, ngày 16 tháng 8 năm 2004, về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010 455
- Quy định của Bộ Chính trị, số 107-QĐ/TW, ngày 19 tháng 8 năm 2004, về tổ chức đảng trong Công an nhân dân 472

- Quy định của Ban Bí thư, số 108-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị chiến đấu 497
- Quy định của Ban Bí thư, số 109-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở cơ quan quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cơ quan quân sự huyện) 506
- Quy định của Ban Bí thư, số 110-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong cơ quan Quân đội 515
- Quy định của Ban Bí thư, số 111-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ Quân đội 523
- Quy định của Ban Bí thư, số 112-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong đơn vị quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính Quân đội 532
- Quy định của Ban Bí thư, số 113-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong học viện, nhà trường Quân đội 541
- Quy định của Ban Bí thư, số 114-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp Quân đội 550
- Quy định của Ban Bí thư, số 115-QĐ/TW, ngày 20 tháng 8 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong bệnh viện Quân đội 558
- Quyết định của Ban Bí thư, số 116-QĐ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 2004, về việc lập Tổ Biên tập của Tiểu ban Nhân sự Đại hội X của Đảng 566

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 117-QĐ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 2004, về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tây Bắc 568
- Quyết định của Ban Bí thư, số 118-QĐ/TW, ngày 25 tháng 8 năm 2004, về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Tây Bắc 571
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 42-CT/TW, ngày 25 tháng 8 năm 2004, về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản 580
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 119-QĐ/TW, ngày 1 tháng 9 năm 2004, thành lập Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 590
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 153-TB/TW, ngày 6 tháng 9 năm 2004, về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Hà Tây; phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2005 và những năm tiếp theo 593
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 154-TB/TW, ngày 7 tháng 9 năm 2004, về Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 603
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 43-CT/TW, ngày 8 tháng 9 năm 2004, về lãnh đạo Đại hội III Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (nhiệm kỳ 2005 - 2009) 607
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 155-TB/TW, ngày 9 tháng 9 năm 2004, về Đề án Khu kinh tế Dung Quất 613
- Kế hoạch của Bộ Chính trị, số 05-KH/TW, ngày 10 tháng 9 năm 2004, về kiểm tra thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai 618
- Quyết định của Ban bí thư, số 120-QĐ/TW, ngày 13 tháng 9 năm 2004, về việc bổ sung thành viên Tổ Biên tập của Tiểu ban Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng Đại hội X của Đảng 627

- Quyết định của Ban Bí thư, số 122-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004, thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư và Luật khiếu nại, tố cáo 629
- Quy định của Ban Bí thư, số 124-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị chiến đấu tập trung thuộc Công an nhân dân 631
- Quy định của Ban Bí thư, số 125-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị nghiệp vụ trinh sát, điều tra thuộc Công an nhân dân 639
- Quy định của Ban Bí thư, số 126-QĐ/TW, ngày 28 tháng 9 năm 2004, chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng thuộc Công an nhân dân 648
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 44-CT/TW, ngày 12 tháng 10 năm 2004, về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người 656
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 156-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 2004, về một số nội dung cơ bản của dự án Luật xuất bản (sửa đổi) 661
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 158-TB/TW, ngày 21 tháng 10 năm 2004, về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XV và phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2010 663
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 45-CT/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2004, về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong hai năm 2004 - 2005 674

- Kết luận của Bộ Chính trị, số 33-KL/TW, ngày 29 tháng 10 năm 2004, về việc Quốc hội, Hội đồng nhân dân thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn 681
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 41-NQ/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004, về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 686
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 159-TB/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004, về kết quả 6 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) và tiếp tục chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở 702
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 161-TB/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2004, về Đề án Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia giám sát cán bộ, đảng viên ở khu dân cư 710
- Nghị quyết của Bộ chính trị, số 42-NQ/TW, ngày 30 tháng 11 năm 2004, về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 714
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 162-TB/TW, ngày 1 tháng 12 năm 2004, về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay 729
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 46-CT/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2004, về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 736
- Quyết định của Ban Bí thư, số 128-QĐ/TW, ngày 14 tháng 12 năm 2004, về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể 751
- Thông báo kết luận của Ban Bí thư, số 163-TB/TW, ngày 15 tháng 12 năm 2004, tại cuộc làm việc với Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ 779

- Kết luận của Bộ Chính trị, số 35-KL/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2004, về Đề cương chi tiết Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 787
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 36-KL/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2004, về việc nhận xét, đánh giá cán bộ phục vụ cho việc chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X 795
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 165-TB/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2004, về tổ chức Bộ đội Biên phòng 805
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 47-CT/TW, ngày 30 tháng 12 năm 2004, về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc tổ chức đón Tết Nguyên đán và những ngày lễ lớn trong năm 2005 811
- Quyết định của Ban Bí thư, số 129-QĐ/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2004, về bổ sung thành viên Hội đồng xuất bản toàn tập văn kiện Đảng 814

PHỤ LỤC 815
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại phiên khai mạc Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày 22 tháng 9 năm 2004 817
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại buổi gặp mặt đại biểu các thế hệ Bộ đội Cụ Hồ, các tướng lĩnh, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 17 tháng 12 năm 2004 828

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung:	ThS. CHU VĂN KHÁNH
	ThS. VŨ QUANG HUY
	NGUYỄN MAI ANH
Trình bày bìa:	ThS. PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	ĐÀO BÍCH
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	QUANG HUY - MAI ANH

Mã số: 3KV(060)"2004" / CTQG- 2016

In 5.000 cuốn, khổ 15x22 cm, tại.....
Số đăng ký Xuất bản:.....
Quyết định xuất bản số:.....
In xong và nộp lưu chiểu tháng... năm 2015.
Mã số ISBN: 978-604-57-2354-8.